

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ NỘI VỤ

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

HOÀNG TUÂN

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Quản lý hành chính công

Mã số: 62 34 82 01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH CÔNG

Hà Nội - năm 2016

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

HOÀNG TUÂN

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Quản lý hành chính công

Mã số: 62 34 82 01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH CÔNG

***Người hướng dẫn khoa học:* 1. GS. TS Đinh Văn Tiến**

2. TS Lương Minh Việt

Hà Nội, năm 2016

MỤC LỤC

<i>Tiêu đề</i>	<i>Trang</i>
Phần mở đầu	2
Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài	7
Chương I. Cơ sở khoa học về quản lý nhà nước đối với cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	23
1.1. Một số vấn đề lý luận về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	23
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của doanh nghiệp nhà nước và công ty cổ phần	23
1.1.1.1. Doanh nghiệp nhà nước.....	23
1.1.1.2. Công ty cổ phần	24
1.1.2. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	25
1.1.2.1. Khái niệm và bản chất	25
1.1.2.2. Tính tất yếu khách quan của việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	26
1.1.2.3. Các phương thức cổ phần hóa trên thế giới	27
1.1.2.4. Các tác động của cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đến nền kinh tế xã hội.....	29
1.2. Quản lý nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	32
1.2.1. Quan niệm về quản lý nhà nước	32
1.2.1.1. Vai trò của Nhà nước đối với nền kinh tế từ một số học thuyết kinh tế cận, hiện đại.....	32
1.2.1.2. Quan điểm quản lý nhà nước đối với cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	35
1.2.2. Khái niệm, sự cần thiết và yêu cầu của quản lý nhà nước về cổ phần hóa DNNN	36
1.2.2.1. Khái niệm	36
1.2.2.2. Sự cần thiết	36
1.2.2.3. Yêu cầu	37
1.2.3. Nội dung của quản lý nhà nước đối với cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	39
1.2.3.1. Xây dựng chương trình mục tiêu về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	39
1.2.3.2. Tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu về CPH DNNN.....	41
1.2.3.3. Kết quả chương trình mục tiêu về CPH DNNN.....	43
1.2.4. Tiêu chí đánh giá kết quả quản lý nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	44
1.2.4.1. Tiêu chí cân đối về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong quá trình cổ phần hóa.....	44
1.2.4.2. Tiêu chí ổn định về chủ trương, đường lối, chính sách, pháp lý	44
1.2.4.3. Tiêu chí mức độ tuân thủ pháp luật và hiện thực quyền lực nhà nước	45
1.2.4.4. Tiêu chí hiệu quả và phù hợp.....	45
1.2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về cổ phần hóa doanh	46

<i>Tiêu đề</i>	<i>Trang</i>
nghiệp nhà nước	
1.2.5.1. Nhân tố khách quan.....	46
1.2.5.2. Nhân tố chủ quan.....	48
1.3. Kinh nghiệm về quản lý nhà nước đối với cổ phần hóa	49
1.3.1. Kinh nghiệm của nước ngoài	49
1.3.1.1. Kinh nghiệm của nước Anh.....	49
1.3.1.2. Kinh nghiệm cổ phần hóa tại Mexico	50
1.3.1.3. Kinh nghiệm của Trung Quốc.....	51
1.3.1.4. Kinh nghiệm của Hàn Quốc	52
1.3.2. Kinh nghiệm của một số cơ quan, địa phương trong nước	53
1.3.2.1. Kinh nghiệm tại Bộ Giao thông- Vận tải	53
1.3.2.2. Kinh nghiệm của thành phố Hồ Chí Minh	53
1.3.3. Bài học rút ra cho Việt Nam và thành phố Hà Nội	54
1.3.3.1. Đối với Việt Nam.....	54
1.3.3.2. Đối với thành phố Hà Nội.....	56
Tiểu kết chương I	58
Chương II. Thực trạng quản lý nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tại thành phố Hà Nội	60
2.1. Tổng quan về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam	60
2.1.1. Tại sao Việt Nam phải thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	60
2.1.1.1. Doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Việt Nam	60
2.1.1.2. Lý do Việt Nam phải thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ...	60
2.1.2. Chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa	61
2.1.3. Kết quả cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam	62
2.1.3.1. Kết quả	63
2.1.3.2. Những hạn chế, khó khăn.....	63
2.2. Khái quát về tình hình kinh tế- xã hội và doanh nghiệp nhà nước của thành phố Hà Nội	64
2.2.1. Tình hình kinh tế- xã hội	64
2.2.2. Tình hình doanh nghiệp nhà nước	64
2.2.2.1. Giới thiệu về doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố.....	64
2.2.2.2. Đánh giá hiệu quả hoạt động	66
2.2.2.3. Tồn tại, hạn chế	69
2.3. Thực trạng cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước của thành phố Hà Nội	70
2.3.1. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước qua các giai đoạn	70
2.3.1.1. Giai đoạn từ năm 1990-1996.....	70
2.3.1.2. Giai đoạn từ tháng 5/1996 đến tháng 6/1998.....	71
2.3.1.3. Giai đoạn chủ động từ tháng 7/1998 đến 6/2002.....	73
2.3.1.4. Giai đoạn từ tháng 7/2002 đến tháng 10/2004 (<i>thời kỳ đầu của giai đoạn đẩy mạnh</i>).....	73

<i>Tiêu đề</i>	<i>Trang</i>
2.3.1.5. Giai đoạn đẩy mạnh (<i>từ tháng 11/2004 đến nay</i>)	74
2.3.2. Đánh giá kết quả cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	75
2.3.2.1. Đánh giá chung	75
2.3.2.2. Những kết quả tích cực	82
2.3.2.3. Những hạn chế	85
2.4. Thực trạng quản lý nhà nước đối với cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	90
2.4.1. Thực trạng công tác quản lý nhà nước	90
2.4.1.1. Công tác xây dựng chương trình mục tiêu về cổ phần hóa.....	90
2.4.1.2. Về tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu về cổ phần hóa	94
2.4.2. Đánh giá kết quả tích cực của hoạt động quản lý nhà nước	100
2.4.2.1. Công tác xây dựng chương trình mục tiêu về CPH DNNN.....	100
2.4.2.2. Về tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu về CPH DNNN.....	101
2.4.3. Những khó khăn, hạn chế	104
2.4.3.1. Công tác xây dựng chương trình mục tiêu.....	104
2.4.3.2. Về tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu về CPH.....	108
2.4.4. Nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế	112
2.4.4.1. Nguyên nhân khách quan.....	112
2.4.4.2. Nguyên nhân chủ quan.....	113
Tiểu kết chương II	116
Chương III. Một số giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố Hà Nội	118
3.1. Bối cảnh kinh tế quốc tế và trong nước tác động đến cổ phần hóa ...	118
3.1.1. Bối cảnh kinh tế quốc tế	118
3.1.2. Bối cảnh trong nước	119
3.1.3. Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của Thủ đô đến năm 2020...	120
3.2. Một số quan điểm, mục tiêu, định hướng cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố Hà Nội trong những năm tới	121
3.2.1. Về quan điểm	121
3.2.1.1. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước	121
3.2.1.2. Lấy hiệu quả hoạt động làm tiêu chuẩn	122
3.2.2. Mục tiêu, định hướng	123
3.2.2.1. Mục tiêu, định hướng của Đảng và Nhà nước.....	123
3.2.2.2. Mục tiêu, định hướng của thành phố Hà Nội.....	124
3.3. Hệ thống giải pháp đẩy mạnh và hoàn thiện quản lý nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp	125
3.3.1. Nhóm giải pháp tạo lập tiền đề cần thiết cho việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	125
3.3.1.1. Công tác tư tưởng, tuyên truyền.....	125
3.3.1.2. Tăng cường cải cách hành chính	126
3.3.1.3. Bổ sung, hoàn thiện tiêu chí phân loại làm cơ sở xây dựng phương án CPH DNNN	128

Tiêu đề	Trang
3.3.1.4. Hoàn thiện kế hoạch CPH DNNN.....	129
3.3.1.5. Giải pháp về tổ chức bộ máy, nhân lực quản lý nhà nước.....	130
3.3.1.6. Giải pháp về giám sát, kiểm tra.....	133
3.3.1.7. Tổ chức hội thảo, biên soạn tài liệu	134
3.3.2. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách tài chính.....	135
3.3.2.1. Giải pháp về thể chế, cơ chế chính sách	135
3.3.2.2. Xác định, tách riêng, xử lý các khoản tồn tại về tài chính của doanh nghiệp khi cổ phần hóa	139
3.3.2.3. Giải pháp tài chính công.....	142
3.3.2.4. Cổ phần hóa DNNN gắn với phát triển thị trường chứng khoán.....	145
3.3.3. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước sau cổ phần hóa	146
3.3.3.1. Công tác đào tạo, bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ chủ chốt.....	146
3.3.3.2. Giải quyết vấn đề lao động dôi dư.....	147
3.3.3.3. Đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng lực quản trị đối với doanh nghiệp CPH.....	149
3.3.3.4. Kiện toàn, nâng cao vai trò của tổ chức Đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp sau CPH	150
3.3.3.5. Về chế độ thông tin, báo cáo.....	152
Tiểu kết chương III.....	153
Một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	155
Kết luận.....	160
Phụ lục	
Danh mục tài liệu tham khảo	

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

BĐM và PTDN TP- Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thành phố.

CPH- cổ phần hóa

CTCP- công ty cổ phần

DNNN- doanh nghiệp nhà nước

HĐND- hội đồng nhân dân

HĐQT- hội đồng quản trị

KTQD- kinh tế Quốc dân

KTTT- kinh tế thị trường

KTXH- kinh tế xã hội

LLSX- lực lượng sản xuất

NSNN – ngân sách nhà nước

QHSX- quan hệ sản xuất

QLNN- quản lý nhà nước

SXKD – sản xuất kinh doanh

TBCN – tư bản chủ nghĩa

TCDN- tài chính doanh nghiệp

TNHH- trách nhiệm hữu hạn

TTCK- thị trường chứng khoán

UBND- ủy ban nhân dân

XHCN- xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU ĐỒ

BẢNG

Bảng 2.1- Thông tin về DNNN thuộc thành phố Hà Nội

Bảng 2.2- Hiệu quả SXKD của các doanh nghiệp nhà nước.

Bảng 2.3- Hiệu quả SXKD của các doanh nghiệp nhà nước.

Bảng 2.4- Kết quả sắp xếp, đổi mới DNNN từ năm 1997 đến 30/7/2008.

Bảng 2.5- Cơ cấu vốn điều lệ của các CTCP tại thời điểm cổ phần hoá

Bảng 2.6- Kết quả sắp xếp, đổi mới DNNN của TP Hà Nội đến 30/12/2015

Bảng 2.7- Kết quả CPH DNNN thuộc thành phố Hà Nội đến 30/12/2015

Bảng 2.8- Thời gian tiến hành cổ phần hóa.

Bảng 2.9- Kế hoạch sắp xếp, CPH DNNN từ năm 2011-2015

BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1- cơ cấu doanh nghiệp theo hình thức cổ phần hoá

Biểu đồ 2.2- Cơ cấu doanh nghiệp CPH theo tỷ trọng các ngành

Biểu đồ 2.3- Cơ cấu cổ phần hoá theo vốn nhà nước

PHỤ LỤC

Phụ lục 2.1- So sánh vốn điều lệ trước và sau khi cổ phần hóa 01 năm

Phụ lục 2.2- So sánh doanh thu trước và khi CPH 01 năm

Phụ lục 2.3- So sánh lợi nhuận trước và sau khi CPH 01 năm.

Phụ lục 2.4- CTCP có số thu nộp ngân sách tăng nhanh so với trước khi CPH

Phụ lục 2.5- So sánh tổng quan DNNN thuộc Thành phố trước và sau khi cổ phần hóa

Phụ lục 2.6- Sơ đồ mô tả quá trình CPH DNNN thuộc thành phố Hà Nội

Phụ lục 2.7- Tổng hợp các cơ chế, chính sách về CPH DNNN áp dụng tại TP Hà Nội

Phụ lục 2.8- Tình hình thoái vốn nhà nước tại các CTCP thuộc UBND thành phố

Phụ lục 2.9- Tổ chức bộ máy QLNN đối với quá trình CPH DNNN

Phụ lục 3.1- Kế hoạch sắp xếp, đổi mới DNNN thuộc Thành phố điều chỉnh giai đoạn 2016-2020

Phụ lục 4.1- Tổng hợp nội dung trả lời phỏng vấn các nhà quản lý hoạt động trong lĩnh vực TCDN

Phụ lục 4.2- Tham gia các hội thảo, sinh hoạt khoa học

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Cùng với cả nước, thành phố Hà Nội đã và đang tiến hành đổi mới, tái cơ cấu các DNNN trực thuộc. Để tìm kiếm mô hình QLNN phù hợp với đặc thù địa phương cần phải tiến hành nghiên cứu chuyên sâu, bài bản đối với cơ chế QLNN về CPH để nhận diện những bất cập, khó khăn. Từ đó tìm ra mô hình quản lý hiệu quả hơn, điều này thể hiện tính cấp thiết của đề tài luận án.

1.1. Về lý luận

Cổ phần hóa DNNN là một nội dung cơ bản của công tác sắp xếp, đổi mới DNNN. Cổ phần hóa sẽ làm đa dạng hóa sở hữu đối với tài sản của DNNN, tác động đến QHSX trên cả 3 phương diện: sở hữu về tư liệu sản xuất, quyền quản lý, quyền phân phối sản phẩm. Đây là nội dung cơ bản trong kinh tế học mà nhiều học giả rất quan tâm nghiên cứu.

Do quá trình chuyển từ việc chỉ quản lý doanh nghiệp có 01 chủ sở hữu (Nhà nước) sang quản lý đối với doanh nghiệp đa sở hữu (các cổ đông) vì thế cần tăng cường nghiên cứu khoa học về vai trò quản lý của Nhà nước đối với cổ phần hóa.

Việc thay đổi hình thức sở hữu khi CPH DNNN, trong đó quyền phân phối sản phẩm sang nguyên tắc phân phối theo lao động của kinh tế học trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam đặt ra vấn đề cần nghiên cứu sâu về quá trình này.

1.2. Về thực tiễn

Quá trình cổ phần hóa DNNN đã được Đảng và Nhà nước ta triển khai từ hàng chục năm nay. Trong đó, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp quy và áp dụng các biện pháp để triển khai CPH nhưng việc thực hiện vẫn còn chậm, nhiều lúng túng và bất cập.

Mục tiêu của CPH là đổi mới DNNN, thúc đẩy kinh tế đất nước phát triển, điều đó đặt ra việc cần giải quyết vấn đề này trong thực tiễn.

Thủ đô là đầu não, là trung tâm chính trị- kinh tế- văn hóa của cả nước, việc nghiên cứu quá trình CPH DNNN của Thành phố sẽ góp phần đưa ra các giải pháp

tổng thể đẩy nhanh quá trình CPH và hoàn thiện QLNN đối với CPH DNNN trên phạm vi cả nước.

Đã có một vài đề tài trong nước đề cập đến CPH DNNN của một số Bộ, ngành Trung ương, song mới chỉ tập trung vào việc xây dựng phương pháp luận và hướng tới hoàn thiện hệ thống các văn bản, chính sách chế độ của Nhà nước. Cho đến nay, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu một cách tổng thể, toàn diện và có hệ thống đối với công tác quản lý nhà nước về cổ phần hóa DNNN thuộc thành phố Hà Nội.

Từ sự cần thiết trên đây, nghiên cứu sinh đã triển khai nghiên cứu đề tài có tên: ***“Quản lý nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội”***.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích

Mục đích nghiên cứu của luận án là làm rõ khung lý thuyết về QLNN đối với CPH DNNN; thực trạng QLNN đối với CPH DNNN trực thuộc thành phố Hà Nội hiện nay và đề xuất giải pháp để hoàn thiện QLNN đối với CPH DNNN trong tương lai.

2.2. Nhiệm vụ

Xây dựng một khung lý luận nghiên cứu về cổ phần hóa DNNN trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Phân tích thực trạng công tác quản lý nhà nước về cổ phần hóa DNNN thuộc thành phố Hà Nội, chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế đó.

Xây dựng những quan điểm, định hướng, giải pháp, góp phần đẩy mạnh CPH và hoàn thiện QLNN về CPH DNNN trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng, khách thể nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Hệ thống hóa lý luận và nội dung quản lý khoa học đối với quá trình CPH và QLNN về CPH doanh nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.

Khách thể nghiên cứu: Quá trình cổ phần hóa các DNNN do thành phố Hà Nội thành lập và quản lý.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Nội dung: nghiên cứu quá trình cổ phần hóa và quản lý nhà nước về cổ phần hóa các DNNN do thành phố Hà Nội thành lập, quản lý.

Về không gian: nghiên cứu quá trình CPH và QLNN về CPH đối với DNNN do thành phố Hà Nội thành lập và quản lý (*không nghiên cứu các DNNN Trung ương có trụ sở đóng trên địa bàn thành phố Hà Nội và các loại hình DN khác được thành lập theo mô hình công ty cổ phần*).

Về thời gian: nghiên cứu việc cổ phần hóa DNNN của thành phố từ năm 1991 trở lại đây (thời điểm cả nước bắt đầu triển khai CPH) để từ đó có bức tranh đánh giá toàn diện về quá trình CPH DNNN và kế hoạch những năm tới, gắn với quá trình đổi mới, hội nhập trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân.

Địa điểm nghiên cứu:

Thư viện Quốc gia, Ban Kinh tế Trung ương, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương, Viện Nghiên cứu Kinh tế-Xã hội Hà Nội, Học viện Hành chính Quốc gia, Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Tài chính, Học viện Ngân hàng, Đại học Ngoại thương.

Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Trung ương, Cục Tài chính doanh nghiệp (Bộ Tài chính), Cục Phát triển doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), Phòng Công nghiệp và Thương mại VN, Chi cục Tài chính doanh nghiệp (Sở Tài chính Hà Nội), Đảng ủy Khối các doanh nghiệp thành phố Hà Nội, các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND TP, Công thương, Lao động-TB và Xã hội, Thuế, Nội vụ.

Các tổng công ty nhà nước, công ty TNHH một thành viên, công ty cổ phần (từ cổ phần hóa DNNN) do UBND thành phố Hà Nội thành lập và quản lý.

Tham vấn ý kiến của các nhà khoa học, nhà quản lý công tác tại Báo Nhân dân, Học viện Hành chính Quốc gia, HV Tài chính, Đại học Kinh doanh và Công nghệ, Văn phòng Chính phủ, Cục Tài chính doanh nghiệp, Tổng Công ty Đầu tư- Kinh doanh vốn nhà nước, Viện Nghiên cứu Phát triển kinh tế- Xã hội Hà Nội, Sở Tài chính.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở nguyên lý chủ nghĩa Mác- Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước, luận án sử dụng các phương pháp chủ yếu để

nghiên cứu như: duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, phân tích tổng hợp, lô- gíc học, đối chiếu, so sánh, khảo nghiệm thực tiễn, kế thừa khoa học, phỏng vấn, trong đó:

Phương pháp tổng hợp: hệ thống hóa các số liệu, tài liệu phục vụ việc xây dựng cơ sở lý luận, góp phần phân tích thực trạng quản lý nhà nước về CPH. Xác định các chủ trương, chính sách, giải pháp để thực hiện tốt công tác QLNN đối với CPH DNNN.

Phương pháp thực nghiệm: thực hiện tổng hợp thông tin thông qua việc quan sát, khảo nghiệm thực tế từ các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhằm thu thập thông tin để đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến tiến trình CPH DNNN trực thuộc thành phố Hà Nội.

Phương pháp kế thừa khoa học: tổng hợp, phân tích các kết quả nghiên cứu khoa học trước đây để từ đó tham khảo, tìm tòi nội dung và đúc rút các phương pháp giải quyết vấn đề.

Phương pháp so sánh, phân tích: nhằm có những nhận định khách quan, ngoài việc so sánh, phân tích quá trình CPH từ khi bắt đầu đến nay; luận án còn phân tích các số liệu, so sánh quá trình CPH ở nước ta với một số nước trên thế giới.

Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia: triển khai phỏng vấn trực tiếp đối với các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà quản lý để tổng hợp ý kiến trong lĩnh vực CPH DNNN nhằm góp phần xác định rõ và đầy đủ hơn về thực trạng và nguyên nhân làm chậm tiến trình CPH DNNN thuộc Thành phố.

Ngoài ra, luận án còn sử dụng các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước, các tài liệu liên quan đến đề tài đã công bố.

5. Giả thuyết khoa học và câu hỏi nghiên cứu

5.1. Giả thuyết khoa học

Số lượng, chất lượng cổ phần hóa các DNNN tại thành phố Hà Nội chưa đáp ứng yêu cầu đề ra là do thiếu các biện pháp QLNN hiệu quả, phù hợp với đặc thù của Hà Nội. Do vậy, nếu đề xuất, thiết kế được các biện pháp quản lý nhà nước phù hợp với đặc thù địa phương thì có thể giúp nâng cao chất lượng cổ phần hóa các DNNN của thành phố Hà Nội trong thời gian tới.

5.2. Câu hỏi nghiên cứu

Thứ nhất, Khái niệm QLNN về CPH DNNN ? Tại sao phải hoàn thiện QLNN về CPH DNNN thuộc TP Hà Nội ?

Thứ hai, QLNN đối với cổ phần hóa DNNN thuộc TP Hà Nội gồm những nội dung gì ? Đã đạt được những kết quả gì, hạn chế và nguyên nhân?

Thứ ba, Các tiêu chí đánh giá kết quả QLNN về CPH DNNN ?

Thứ tư, Giải pháp (trong đó có giải pháp đặc thù) nhằm thúc đẩy việc cổ phần hóa DNNN thuộc thành phố Hà Nội trong thời gian tới ?

Thứ năm, Biện pháp hoàn thiện QLNN về cổ phần hóa DNNN thuộc thành phố Hà Nội ? Cần có những điều kiện và khuyến nghị gì để thực hiện thành công biện pháp đó ?

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Luận án đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về CPH DNNN; đưa ra khái niệm, quan niệm QLNN về CPH DNNN. Xác định các nội dung QLNN về CPH. Phân tích quá trình tất yếu phải CPH DNNN, khẳng định CTCP là mô hình doanh nghiệp có phương thức huy động, sử dụng vốn mang lại hiệu quả tối ưu.

Luận án đã làm rõ thực trạng quá trình CPH và công tác QLNN về CPH, từ đó chỉ ra những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tình trạng này.

Xây dựng hệ thống các giải pháp để thúc đẩy quá trình CPH và hoàn thiện QLNN về CPH DNNN trực thuộc thành phố Hà Nội.

Bản luận án hoàn chỉnh trong đó có hệ thống cơ sở lý luận, khoa học và những đề xuất, giải pháp có tính thực tiễn để đổi mới công tác QLNN đối với cổ phần hóa.

7. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài, kết luận, phụ lục, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án được bố trí thành 03 chương:

Chương 1: Cơ sở khoa học về quản lý nhà nước đối với cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tại thành phố Hà Nội.

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố Hà Nội.

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1. TÓM TẮT TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1.1. CÁC NGHIÊN CỨU NƯỚC NGOÀI

Cuốn “Kinh tế công cộng”- (*công trình nghiên cứu của J.Stiglitz, 1988*) [106, tr.5-33]:

Ông cho rằng, quan điểm nhìn nhận của xã hội cũng như giới học thuật về DNNN khá phân tán. Một số người ủng hộ DNNN thì cho rằng DNNN có thể hoạt động theo kế hoạch dài hạn tốt hơn DN tư nhân do Nhà nước có vị thế và thông tin tốt hơn tư nhân để lập và điều hành kế hoạch. Theo J.Stiglitz, các nhà quản trị DNNN có hai lợi thế so với quản trị DN tư nhân là họ ít chịu áp lực cạnh tranh và ít lo phá sản hơn. Ông cũng hoài nghi khả năng có thể cải cách để nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN. Như vậy, vấn đề cổ phần hóa DNNN chưa được giải quyết trong tài liệu này.

Công trình nghiên cứu “Chuyển đổi các doanh nghiệp nhà nước- quản lý sự thay đổi triệt để tổ chức trong môi trường phi điều tiết” (*của tác giả Barry Spicer, David Emanuel, Michael Powel*) [104, tr.33-86]:

Các tác giả đã nghiên cứu quá trình tổ chức, sắp xếp lại DNNN dưới khía cạnh giải pháp tái cơ cấu DNNN ở các quốc gia khác nhau, nhất là các nước có nền kinh tế chuyên đổi. Theo quan điểm của nhóm này, cổ phần hóa là giải pháp chuyển các cơ sở sản xuất của Nhà nước cho tư nhân và coi đó là nội dung tất yếu của quá trình chuyển đổi nền kinh tế kế hoạch sang kinh tế thị trường, trong đó nhấn mạnh quá trình giải thể của các DNNN và tái cơ cấu lại chúng theo các liệu pháp sốc, lấy cổ phần hóa toàn dân (nước Nga) hay tư nhân hóa sở hữu nhà nước (các nước Đông Âu làm trọng tâm).

Các tác giả đã nghiên cứu quá trình tổ chức, sắp xếp lại DNNN dưới khía cạnh giải pháp tái cơ cấu các DNNN ở các quốc gia khác nhau. Đồng thời kiến nghị 5 giải pháp có thể áp dụng nhằm thu được thành công trong cải cách các DNNN. Tuy nhiên, các nội dung liên quan đến tăng cường cổ phần hóa DNNN chưa được đề cập.

Tác phẩm “Khu vực quốc doanh: phạm vi và hạn chế của Nhà nước trong vai trò cổ đông” (*của Eslie Cohen, 1997*) [104, tr.6-34]: Thể hiện quan điểm phản đối đầu tư ồ ạt và bao cấp của Nhà nước. Ông cho rằng, về cơ bản, Nhà nước không còn khả năng đảm nhận thành công vai trò cổ đông do bị giằng xé bởi nhiều mục tiêu đối

lập cùng một lúc và tình trạng tài chính công căng thẳng có thể khiến Nhà nước bòn rút DNNN. Ông ủng hộ chủ trương thu hút vốn tư nhân vào các DNNN. Tác phẩm này chưa đề cập đến QLNN đối với cổ phần hóa DNNN.

Giám sát doanh nghiệp bởi các cổ đông chi phối (*tác giả: Luc Renneboog, GS Tài chính doanh nghiệp, ĐH Tillurg và Viện quản trị doanh nghiệp Châu Âu, 2010*) [107, tr.43-72]:

Tác giả tiến hành nghiên cứu vai trò và tính hiệu quả của việc giám sát bởi các cổ đông chi phối như là một cơ chế quản trị doanh nghiệp có sự khác nhau giữa các quốc gia hay không.

Cụ thể, ông xem xét sự tập trung kiểm soát và bản chất của nó với vai trò là một cơ chế xử lý kỷ luật hay trừng phạt các công ty hoạt động kém hiệu quả. Ông cũng quan tâm đến vai trò của thị trường góp vốn bằng tài sản, cơ cấu nội bộ của ban giám đốc và việc giám sát của các chủ nợ khi các cơ chế thay thế này có thể dùng để thay cho sự tập trung kiểm soát mạnh mẽ.

Tác phẩm này mới chỉ đề cập đến một khía cạnh của quản lý đó là vai trò của giám sát công ty cổ phần từ các cổ đông chi phối.

Những hành vi tài chính của các doanh nghiệp Nhật Bản (*của Robert J.Ballon, New York: Kadansha international, 1988*) [110, tr.126-154]:

Tác giả làm rõ vai trò của tài chính trong hoạt động của các công ty Nhật Bản, trong đó nghiên cứu về sự kinh doanh và quản lý tài chính của các công ty. Tình trạng tài chính, sự cân đối thu- chi, việc bảo toàn vốn, các dịch vụ tài chính, lợi nhuận thu được, các hình thức cho vay mượn; các hình thức hoạt động chứng khoán cổ phần; báo cáo về tình hình tài chính của các công ty. Cuốn sách chưa cho thấy vai trò của Nhà nước trong việc quản lý các công ty.

Chính sách cạnh tranh quốc tế: Duy trì thị trường mở trong nền kinh tế toàn cầu (*của Michael A. Utton, Cheltenham- Northampton: Edward Elgar, 2006*) [108, tr.13-73]:

Cuốn sách trình bày những nét cơ bản về cạnh tranh và các chính sách thương mại. Những tác động của toàn cầu hóa thị trường trong việc cổ phần hóa, chống phá giá độc quyền. Phân tích những khó khăn phát sinh do có sự hạn chế và bó buộc hợp tác, phân tích thống kê giá cả của các công ty có uy tín và liên doanh, liên kết quốc tế.

Tác giả đã nêu tác động của cổ phần hóa ra toàn thế giới, tuy nhiên chưa đề ra hướng giải quyết.

Luật doanh nghiệp của Tolley (*A. L. Chapman, R.M.Ballard, xuất bản bởi Công ty CP Xuất bản Tolley tại London, 1983*) [113, tr.6-44]:

Tác giả đã trình bày những vấn đề về luật của các công ty cổ phần, doanh nghiệp thương mại, các nguyên tắc và quy chế tài chính- kế toán. Đặc biệt là vai trò và trách nhiệm của giám đốc cũng như kế toán và thư ký.

Cuốn sách mới chỉ diễn giải các vấn đề về luật đối với công ty cổ phần, chưa đề cập đến cổ phần hóa doanh nghiệp.

Trái phiếu thương mại và đầu tư trong quản lý rủi ro, chênh lệch giá và giá trị đầu tư (*của M.Anthony Wong, phối hợp với Robert High John Wiley, 1991*) [109, tr.1-10]:

Cuốn sách trình bày về thị trường mua bán cổ phần có cam kết của Chính phủ Mỹ. Thông tin về những khế ước của ngân quỹ Mỹ, mô hình giá cả mua bán cổ phần và công nghệ máy tính được sử dụng đối với những đầu tư có giá trị.

Tác giả mới nêu về mô hình thị trường mua bán cổ phần, không đề cập đến quá trình quản lý của Nhà nước đối với các công ty cổ phần.

Nguyên tắc tài chính doanh nghiệp (*của Richard A Brealey, tại Boston: Irwin/Mc Graw- Hill, 2003*) [111, tr.2-49]:

Cuốn sách trình bày các khái niệm chung về quản lý tài chính, giá trị cơ hội về vốn, giá trị cổ phiếu, vấn đề đưa ra các quyết định đầu tư, rủi ro. Các vấn đề thực tiễn về ngân sách, thị trường, chính sách cổ phần, cơ cấu vốn.

Có viết về cổ phiếu nhưng tác giả chưa đề cập đến cổ phần hóa DNNN tại cuốn sách này.

Yếu tố cần thiết của Tài chính doanh nghiệp (*của Stephen A.Ross, Randolph W.Westerfield, Bradford D.Jordan, tại New York: McGraw- Hill/ Irwin, 2004*) [112, tr.6-24]:

Cuốn sách khái quát chung về quản lý tài chính, những kiến thức về tình hình tài chính và lưu lượng tiền mặt, tính giá trị cổ phần, chứng khoán, ngân sách tài chính và vốn doanh nghiệp; tình trạng khủng hoảng và phục hồi doanh nghiệp; quản lý tài chính nợ ngắn hạn và dài hạn.

Qua một số quan điểm của các nhà khoa học nước ngoài cho thấy, các tác giả nhất trí cần duy trì DNNN trong nền kinh tế thị trường, tuy tỏ rõ sự nghi ngờ về hiệu quả hoạt động của DNNN. Một số kiến nghị thu hút được sự chú ý là tách tổ chức quản lý DNNN ra khỏi bộ máy quản lý hành chính để hình thành các cơ quan điều tiết độc lập. Nhìn chung, các học giả kiến nghị kiểm soát chặt chẽ DNNN bằng luật đi đôi với mở rộng không gian cho giới quản lý DNNN.

Tuy nhiên, các công trình nước ngoài mới chủ yếu tập trung vào việc phân tích sự cần thiết, mục tiêu và các biện pháp chuyển đổi sở hữu DNNN nhằm phục vụ cho chủ trương tổ chức lại nền kinh tế quốc gia. Vì vậy cả về lý luận và thực tiễn đều mang tính đặc thù của mỗi nước. Qua các công trình nghiên cứu của nước ngoài có thể tìm thấy một số điểm tương đồng cũng như kinh nghiệm giữa các nước về tính tất yếu của cổ phần hóa hiện nay, nhưng không giống nhau về các vấn đề cụ thể như mục tiêu, thời hạn, trình tự, quy trình.

1.2. CÁC NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

1.2.1. NHÓM THỨ NHẤT: CÁC NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN VỀ CỔ PHẦN HÓA VÀ ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Cổ phần hóa DNNN- những vấn đề lý luận và thực tiễn (PGS.TS Lê Hồng Hạnh chủ biên, Nxb Chính trị quốc gia ấn hành- 2004) [33, tr.2-324]. Trong cuốn sách này, tác giả đã đề cập đến các khía cạnh đa dạng của DNNN như: DNNN ở các quốc gia và xu thế cải cách DNNN; Những vấn đề lý luận và thực tiễn về DNNN ở Việt Nam; Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về CPH DNNN và hoàn thiện nền tảng pháp lý cho CPH DNNN. Cuốn sách chưa đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường cổ phần hóa DNNN.

Cải cách doanh nghiệp nhà nước (Phan Đức Hiếu, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế TW, Nxb Tài chính-2003) [39, tr.1-593]. Sách tập trung nghiên cứu các mô hình đổi mới hoạt động của DNNN, gồm các nội dung chính sau:

- Sắp xếp lại, cổ phần hóa DNNN;
- Chuyển DNNN thành CTCP, Công ty TNHH một thành viên;
- Giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp nhà nước;

Cuốn sách không đề cập đến công tác quản lý nhà nước về cổ phần hóa.

Chức năng kinh tế của Nhà nước- lý luận và thực tiễn ở Việt Nam (TS. Trần Thái Dương, Nxb Công an nhân dân-2004) [24, tr.1-215]. Cuốn sách đề cập đến các khía cạnh thực hiện chức năng kinh tế của Nhà nước như sau:

- Khái quát về chức năng kinh tế của Nhà nước;
- Nội dung, phương thức thực hiện chức năng kinh tế của Nhà nước;
- Nâng cao hiệu quả thực hiện chức năng kinh tế của Nhà nước.

Cuốn sách này đề cập đến kinh tế nhà nước (trong đó có DNNN) nhưng không viết về các nội dung sắp xếp, đổi mới DNNN.

Cổ phần hóa- giải pháp quan trọng trong cải cách DNNN (của Ban Chỉ đạo Đổi mới và PTĐN TW, Nxb CTQG -2002) [1, tr.1-185]. Cuốn sách đã đề cập đến nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về quyết tâm đổi mới DNNN thông qua cổ phần hóa DNNN và đưa ra một số đánh giá quá trình cổ phần hóa ở Việt Nam.

Một số vấn đề về sở hữu ở nước ta hiện nay (PGS.TS Nguyễn Văn Thọ Nxb CTQG- 2004) [81, tr.1-322]. Cuốn sách đề cập đến lý luận và thực tiễn trong việc nhận thức vấn đề sở hữu ở Việt Nam, thực trạng sở hữu doanh nghiệp nhà nước và đất đai ở Việt Nam. Cuối cùng là quan điểm và phương hướng cơ bản định hướng cho việc giải quyết vấn đề sở hữu ở Việt Nam hiện nay.

Sở hữu là nhân tố quan trọng hàng đầu trong các nhân tố cấu thành của quan hệ sản xuất. Ở Việt Nam, cùng với việc phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, các hình thức sở hữu cũng đa dạng hơn, trong đó các hình thức sở hữu toàn dân, tập thể được coi là nền tảng. Với sự phát triển của nền kinh tế nhiều thành phần làm cho cơ cấu thành phần kinh tế và cơ cấu sở hữu có sự thay đổi đáng kể.

Nhìn chung, các cuốn sách đã nêu chức năng của kinh tế nhà nước (trong đó có DNNN), những lý luận cơ bản về cổ phần hóa DNNN; thông tin về quy trình sắp xếp đổi mới và cho rằng cổ phần hóa là giải pháp quan trọng trong cải cách DNNN. Tuy nhiên, chưa làm rõ được cổ phần hóa DNNN là thay đổi cơ cấu sở hữu tài sản nhằm mục đích đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa mọi loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế.

LATS của Nguyễn Ngọc Quang (1994) về một số vấn đề lý luận và thực tiễn về cổ phần hóa DNNN [68, tr.1-155]. Luận án làm rõ vai trò và đặc điểm ưu việt của

hình thái công ty cổ phần trong nền kinh tế thị trường; kinh nghiệm thực tiễn về cổ phần hóa DNNN ở một số nước trên thế giới.

Đóng góp khoa học của luận án:

- Trước hết là cách tiếp cận, nghiên cứu vấn đề, từ việc phân tích về mặt logic và lịch sử quá trình xã hội hóa sở hữu tư nhân để khái quát hóa lịch sử tiến hóa khách quan của hình thái CTCP.

- Nhận xét khái quát từ việc khảo cứu kinh nghiệm cổ phần hóa ở các nước.

- Đề xuất một số quan điểm về mục tiêu, hình thức, bước đi và phương pháp CPH các DNNN.

Luận án chưa làm rõ được bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam.

Các bài báo, bài viết khác liên quan đến cổ phần hóa DNNN đã nêu sự cần thiết phải tái cấu trúc DNNN; làm rõ vai trò của CPH theo hướng quan sát từ phát triển kinh tế- xã hội bền vững. Trình bày một phần về thực trạng cổ phần hóa DNNN, những ưu điểm cũng như tồn tại, hạn chế. Tuy vậy chưa làm rõ vai trò của tái cấu trúc DNNN là góp phần nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của doanh nghiệp, tạo động lực và cơ chế quản lý năng động và chưa nêu được nguyên nhân của những tồn tại trong quá trình CPH.

1.2.2. NHÓM THỨ HAI: NGHIÊN CỨU KINH NGHIỆM, KẾT QUẢ CỦA CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Kinh tế nhà nước và quá trình đổi mới DNNN (Ngô Quang Minh, Nxb CTQG -2001) [56, tr.1-298]. Cuốn sách đã giới thiệu vai trò của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN và đã làm rõ một số nội dung sau:

- Quan niệm và quá trình hình thành DNNN ở Việt Nam;

- Kinh nghiệm đổi mới DNNN ở các nước trên thế giới;

- Quá trình đổi mới và thực trạng DNNN ở nước ta;

- Mục tiêu, quan điểm và phương hướng tiếp tục đổi mới DNNN (*trong đó nhấn mạnh các giải pháp nhằm đẩy mạnh cổ phần hóa DNNN ở Việt Nam*).

Cuốn sách chưa đi sâu vào quá trình cổ phần hóa DNNN ở nước ta.

Chính sách phát triển kinh tế- kinh nghiệm và bài học của Trung Quốc (nhiều tác giả, Nxb Giao thông vận tải-2004) [62, tr.1-303]. Cuốn sách đã đề cập các vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế của Trung Quốc; các nghiên cứu đề cập đến 04

lĩnh vực chính: Phát triển khu vực kinh tế tư nhân; Cải cách DNNN; Chính sách cạnh tranh và Chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Cuốn sách chưa rút ra bài học cho phát triển kinh tế Việt Nam (trong đó có kinh tế từ khu vực doanh nghiệp).

Cổ phần hóa DNNN- kinh nghiệm thế giới (tác giả Hoàng Đức Tạo, Nguyễn Thiết Sơn, Ngô Xuân Bình do Nxb Thống kê- 1993) [76, tr.1-325]. Sách đã nghiên cứu mô hình cổ phần hóa DNNN của Trung Quốc, Đông Âu, Nga... trên cơ sở đó đưa ra nhiều kiến nghị và bài học quý giá cho quá trình cổ phần hóa DNNN ở Việt Nam. Thông tin trong cuốn sách này mang lại những tham khảo về lý thuyết, trên thực tế ít khả thi do một số nội dung đã lỗi thời (do xuất bản đã lâu).

Cổ phần hóa các DNNN ở Việt Nam (tác giả Hoàng Công Thi, Phùng Thị Doan- Viện Khoa học tài chính, Nxb Thống kê- 1994) [82, tr.1-216]. Tác giả đã đề cập đến các nghiên cứu điển hình về quá trình cổ phần hóa DNNN ở Việt Nam, trong đó nhấn mạnh các vấn đề liên quan đến vốn, tài sản, đất đai trong quá trình cổ phần hóa.

Nhìn chung các cuốn sách trên đã làm rõ những vấn đề về thực tiễn của cổ phần hóa DNNN; kinh nghiệm cổ phần hóa DNNN trên thế giới và Việt Nam; coi cổ phần hóa là giải pháp quan trọng trong cải cách DNNN. Tuy vậy, các cuốn sách chưa nêu bật được vai trò của quản lý nhà nước đối với cổ phần hóa DNNN.

Theo công trình nghiên cứu về kết quả CPH DNNN của Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương năm 2014 do Viện trưởng Nguyễn Đình Cung chủ trì cho thấy việc CPH DNNN chậm trễ có nhiều nguyên nhân, từ mặt thể chế, bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế. Đặc biệt, các năm 2007 đến 2009, thị trường bùng nổ, nhiều khoản đầu tư vào các doanh nghiệp, chi phí đầu tư với giá cao. Sau đó, kinh tế sụt giảm; từ năm 2011, thị trường xấu đi, động lực cổ phần hóa tụt giảm dần.

Báo cáo của Ban Kinh tế Trung ương năm 2015 đã nêu bật bức tranh đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả của DNNN từ giai đoạn 2001 trở lại đây, trong đó đã làm rõ những kết quả đạt được, những tồn tại, yếu kém và nguyên nhân.

Báo cáo của Ban Chỉ đạo Đổi mới doanh nghiệp Trung ương năm 2015 đã nhận định kết quả CPH DNNN giai đoạn 2011-2015 còn chậm. Lý do là các Bộ, ngành, địa phương ban hành chính sách về đổi mới tổ chức quản lý và tái cơ cấu DNNN chưa đạt tiến độ, chưa tháo gỡ kịp thời những vướng mắc phát sinh, đặc biệt là

cổ phần hóa. Nhiều DN thuộc diện sắp xếp, cổ phần hóa có quy mô lớn nên cần thời gian để chuẩn bị, xử lý các tồn tại.

Hội thảo Tái cấu trúc doanh nghiệp sau CPH và vai trò của các tổ chức tài chính [65, tr.2-6] đã rút ra một số bài học kinh nghiệm: đó là sự vận dụng lý luận chung vào Việt Nam một cách sáng tạo, là sự đổi mới từ cấu trúc bên trong của từng doanh nghiệp đến toàn bộ hệ thống DNNN cũng như môi trường mà nó vận hành và phát triển.

Các học giả chia sẻ về những khó khăn, thách thức và giải pháp khắc phục việc cổ phần hóa DNNN giai đoạn 2014- 2015 và cho rằng, việc chỉ đạo phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, nhất là một số quyết định điều hành của Chính phủ [44, tr.1-4]. Tuy nhiên các hội thảo chỉ đề cập đến đổi mới DNNN nói chung, chưa thông tin nhiều về quá trình cổ phần hóa DNNN.

Các bài báo, bài viết khác liên quan đến CPH DNNN đã nêu kinh nghiệm cổ phần hóa của các nước và các địa phương, tuy nhiên chưa làm rõ nguyên nhân chậm tiến độ cổ phần hóa DNNN phụ thuộc nhiều vào tổ chức bộ máy làm công tác cổ phần hóa và chưa khẳng định được bản chất của cổ phần hóa là tư nhân hóa.

Nhìn chung các công trình, bài viết của các học giả, nhà quản lý trong nước cho thấy, để DNNN hoạt động có hiệu quả, cơ chế quản lý tốt, khả năng cạnh tranh trên thị trường thì cần phải sắp xếp, đổi mới. Tuy nhiên, các bài viết chưa làm rõ được cổ phần hóa là biện pháp mạnh giúp tái cơ cấu DNNN, cũng như chưa thấy được tác dụng của cổ phần hóa là xã hội hóa tư liệu sản xuất trong các doanh nghiệp. Để từ đó làm rõ các thực thể kinh tế vĩ mô cũng trở nên đa dạng như nền kinh tế vi mô.

1.2.3. NHÓM THỨ BA: NGHIÊN CỨU CÁC GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (PGS. TS Phạm Ngọc Côn, Nxb CTQG, 2001) [18, tr.1-161]. Cuốn sách đã nêu tổng quan về cải cách DNNN, công ty cổ phần; tình hình cổ phần hóa DNNN trên thế giới; thực trạng cổ phần hóa DNNN ở Việt Nam và công nghệ chuyển đổi DNNN thành CTCP.

Cuốn sách mới chỉ nêu một số giải pháp ở góc độ hoàn thiện thể chế quản lý; chưa nêu những giải pháp tăng cường QLNN.

Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng trong công ty cổ phần (Phí Văn Chỉ chủ biên, Nxb CTQG- 2000) [5, tr.1-236]

Các tác giả đã diễn giải các nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng trong công ty cổ phần và đề ra một số giải pháp về công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong CTCP có vốn nhà nước như:

- Củng cố, kiện toàn tổ chức đảng trong CTCP và tạo mối quan hệ thường xuyên, chặt chẽ giữa các cơ quan đảng từ Trung ương xuống cơ sở.

- Có chính sách đặc biệt quan tâm đến đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên trong công ty nâng cao trình độ lý luận chính trị, năng lực quản lý và trình độ chuyên môn.

- Tạo mọi điều kiện để tổ chức cơ sở đảng tham gia vào công tác phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo và sử dụng cán bộ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức cơ sở đảng trong công ty cổ phần.

- Đề ra quy định phù hợp nhằm điều chỉnh về quyền và trách nhiệm của cấp ủy đối với CTCP.

Vai trò của quản lý nhà nước đối với cổ phần hóa DNNN chưa được làm rõ trong cuốn sách trên.

Luận án tiến sĩ của Nguyễn Việt Xô (2011) về “Quản lý nhà nước về cổ phần hóa theo hướng thành lập các tập đoàn kinh tế ở Việt Nam hiện nay” [102, tr.1-196]. Luận án hệ thống hóa cơ sở lý luận về cổ phần hóa theo hướng hình thành các tập đoàn kinh tế ở Việt Nam, chỉ rõ sự cần thiết phải nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước đối với quá trình cổ phần hóa theo hướng hình thành các TĐKT.

Đóng góp khoa học của luận án:

- Xây dựng một cách hệ thống các nội dung QLNN về cổ phần hóa theo hướng hình thành các tập đoàn kinh tế.

- Phân tích sâu sắc những tồn tại, bất cập, hạn chế trong cơ chế, chính sách, khuôn khổ pháp luật cho việc hình thành các TĐKT.

- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về cổ phần hóa theo hướng thành lập các TĐKT ở Việt Nam hiện nay.

Luận án chưa đề cập đến các biện pháp thúc đẩy công tác cổ phần hóa DNNN nói chung.

Luận án tiến sĩ của Nguyễn Duy Ký (2012) về đề tài: “Quản lý doanh nghiệp sau cổ phần hóa ở Bộ Giao thông-Vận tải” [49, tr.1-184]. Luận án nghiên cứu khung lý thuyết về quản lý nhà nước đối với DNNN sau cổ phần hóa, thực trạng QLNN đối với DNNN sau cổ phần hóa ở Bộ Giao thông- Vận tải hiện nay và đề xuất mô hình quản lý hiệu quả hơn cho tương lai.

Những điểm mới của luận án:

- Đề ra nội dung QLNN với tư cách cổ đông chi phối đối với các DNNN sau cổ phần hóa trên các phương diện;
- Nguyên nhân dẫn đến hạn chế về QLNN đối với DNNN sau cổ phần hóa;
- Đưa ra hai nhóm giải pháp đổi mới DNNN đối với DNNN sau cổ phần hóa gồm: nhóm giải pháp đổi mới quản lý từ phía cơ quan nhà nước và nhóm các giải pháp đổi mới bản thân doanh nghiệp sau cổ phần hóa.

Luận án đã trình bày về QLNN sau cổ phần hóa nhưng chưa đề cập nhiều về thực trạng QLNN trong quá trình cổ phần hóa DNNN.

Luận án tiến sĩ của Trần Thị Bích Hằng (2012) về “Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của DNNN kinh doanh du lịch sau cổ phần hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội” [32, tr.1-168]. Luận án đã nghiên cứu một số vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến năng lực cạnh tranh của DNNN kinh doanh du lịch trên địa bàn. Xác định quan điểm và đề xuất một số giải pháp, kiến nghị trọng tâm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của DNNN kinh doanh du lịch sau cổ phần hóa trên địa bàn Hà Nội trong thời gian tới.

Những đóng góp mới của luận án:

- Vận dụng, phát triển các lý luận về cạnh tranh, năng lực cạnh tranh áp dụng vào doanh nghiệp của ngành du lịch.
- Đánh giá về những thành công, hạn chế về năng lực cạnh tranh và nâng cao năng lực cạnh tranh của DNNN kinh doanh du lịch sau cổ phần hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội.
- Đề ra 10 giải pháp khả thi nhằm nâng cao NLCT của DNNN du lịch sau cổ phần hóa trên địa bàn Hà Nội.

Luận án chưa nêu các giải pháp khác như: nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, kiện toàn bộ máy, hoàn thiện cơ chế quản lý đối với doanh nghiệp sau cổ phần hóa.

Luận án tiến sĩ của Phí Thị Thu Trang (2008) về “Một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng cán bộ quản lý trong các DNNN cổ phần hóa ở Việt Nam thời kỳ mở cửa, hội nhập” (định hướng nghiên cứu tại khu vực Hà Nội) [87, tr.1-174]. Luận án đã hệ thống hóa và phát triển một bước những vấn đề lý luận cơ bản về cán bộ quản lý và chất lượng cán bộ quản lý trong các DNNN cổ phần hóa; đánh giá thực trạng chất lượng CBQL trong các DNNN thực hiện CPH trên địa bàn Hà Nội; tìm ra nguyên nhân của những yếu kém về chất lượng CBQL và đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng CBQL trong các DNNN thực hiện CPH ở nước ta thời kỳ mở cửa, hội nhập.

Các giải pháp khác về tăng cường cổ phần hóa DNNN chưa được trình bày ở luận án này.

LATS của Trần Đình Cường (2010) về “Hoàn thiện phương pháp xác định giá trị DNNN trong cổ phần hóa ở Việt Nam” [21, tr.1-204]. Luận án đã phân tích và đánh giá thực trạng công tác xác định giá trị doanh nghiệp trong cổ phần hóa DNNN ở Việt Nam. Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện các điều kiện cần thiết để thực hiện công tác này. Luận án chỉ đề cập đến việc xác định GTDN, trong khi để cổ phần hóa DNNN phải xử lý nhiều vấn đề khác như: phê duyệt phương án cổ phần hóa, xử lý lao động dôi dư, công tác cán bộ...

LATS của Trương Thị Thu Hà (2004)- Những giải pháp cơ bản nhằm thúc đẩy tiến trình cổ phần hóa DNNN trong ngành công nghiệp may mặc ở nước ta hiện nay [31, tr.1-162]

Luận án trình bày những lý luận về tiến trình cổ phần hóa DNNN. Phân tích thực trạng, đánh giá tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp may nhà nước thời gian qua. Tìm ra các ưu, nhược điểm trong công tác cổ phần hóa ở những doanh nghiệp này và đề xuất những giải pháp chung cho tiến trình cổ phần hóa DNNN. Trong đó:

- Luận án đã hệ thống hóa một số vấn đề lý luận cơ bản về cổ phần hóa và tiến trình cổ phần hóa DNNN.
- Phân tích, đánh giá thực trạng tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp may.

- Đề xuất một số giải pháp đặc thù của ngành may, góp phần thúc đẩy tiến trình cổ phần hóa DNNN.

Luận án chưa hệ thống được thực trạng công tác quản lý nhà nước về cổ phần hóa. Các giải pháp chỉ áp dụng cho ngành may mặc, chưa có tính phổ biến cho các ngành SXKD khác.

LATS của Lê Quý Hiên (2012) về chuyển biến quan hệ sở hữu trong cổ phần hóa DNNN ở Việt Nam [38, tr.1-163]. Luận án phân tích thực trạng chuyển biến quan hệ sở hữu đến hiệu quả SXKD của các doanh nghiệp cổ phần hóa và đề xuất các giải pháp thúc đẩy chuyển biến quan hệ sở hữu tại các doanh nghiệp cổ phần hóa hiện nay.

Luận án chưa làm rõ được bản chất của cổ phần hóa DNNN là tư nhân hóa cũng như quan điểm cổ phần hóa là một giải pháp tái cơ cấu DNNN.

LATS của Sengchanh Singsavang: “Giải pháp Cổ phần hóa ngân hàng thương mại nhà nước Lào” [71, tr.1-193]

Một số đóng góp khoa học của luận án:

- Hệ thống hóa, phân tích và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về cổ phần hóa cũng như những vấn đề đặt ra sau CPH các NHTM nhà nước ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

- Phân tích thực trạng hệ thống NHTM Lào, làm rõ tính tất yếu khách quan phải CPH NHTMNN Lào.

- Đóng góp chủ yếu của luận án là đề xuất được các định hướng về mục tiêu, nguyên tắc và quan điểm cơ bản về CPH NHTMNN Lào; đề xuất một hệ thống giải pháp và các kiến nghị nhằm đẩy nhanh hơn nữa tiến trình CPH NHTMNN Lào trong tương lai.

Vì luận án chỉ đề cập giải pháp thúc đẩy cổ phần hóa trong ngành ngân hàng nên chưa có tính đại diện cho các loại hình doanh nghiệp khác.

Nói chung các luận án trên đã nghiên cứu về lý luận của quản lý nhà nước đối với cổ phần hóa. Đề ra một số giải pháp nhằm tiếp tục đổi mới DNNN; giải pháp hoàn thiện QLNN về cổ phần hóa theo hướng thành lập các tập đoàn kinh tế.... Tuy nhiên, chưa có luận án nào làm rõ được thực trạng công tác QLNN đối với CPH các doanh nghiệp, nhất là trong điều kiện hiện nay, khi Chính phủ và các Bộ, ngành, địa phương (trong đó có thành phố Hà Nội) đang đẩy mạnh công tác cổ phần hóa DNNN.

Kỷ yếu khoa học cấp Bộ (2001) của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã nêu kết quả khảo sát những yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến CPH và những giải pháp để hình thành và phát triển tâm lý tích cực đối với quá trình CPH DNNN.

Đề tài nghiên cứu khoa học của TS. Trang Thị Tuyết tại Học viện Hành chính Quốc gia (2004) về Một số giải pháp hoàn thiện QLNN đối với doanh nghiệp ở Việt Nam [75, tr.1-203] đã làm rõ cơ sở lý luận về QLNN đối với doanh nghiệp. Đề tài trình bày chi tiết về thực trạng QLNN đối với DNNN, nêu rõ những tồn tại, khó khăn và đưa ra nhiều giải pháp hoàn thiện QLNN đối với DNNN.

Công trình của tập thể các nhà khoa học Viện Kinh tế thế giới (2013) đã nghiên cứu mối liên hệ của CPH DNNN đến sự phát triển của nền kinh tế thị trường nước ta; đồng thời làm rõ những tác động ảnh hưởng sau CPH về phát triển kinh tế và an sinh xã hội.

Công trình nghiên cứu tháng 7/2015 được Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) công bố cho biết tiến trình CPH DNNN của Việt Nam đang rơi vào chậm trễ do “chạm” đến các DN lớn, với nhiều khoản nợ thiếu rõ ràng, quản trị DN kém minh bạch. Nghiên cứu đề nghị CPH cần thay đổi về chất và cần làm rõ vai trò của cổ đông chiến lược.

Đề tài nghiên cứu khoa học của Trường Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh (2014) đã làm rõ tác động tài khóa của chính sách CPH lên ngân sách nhà nước minh chứng ở Việt Nam.

Một số hội thảo của Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam về DNNN- thành công và những bài học đắt giá [29, tr.1-8]; hội thảo của Học viện ngân hàng về Giải pháp tái cơ cấu tài chính doanh nghiệp thời kỳ hậu khủng hoảng [42, tr.1-10]; hội thảo của Học viện Tài chính về Tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước [43, tr.1-12] đã tập trung đánh giá tình hình thực hiện tái cơ cấu của các tập đoàn, tổng công ty giai đoạn 2011 - 2013, kết quả, tồn tại và nguyên nhân; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh tái cơ cấu các doanh nghiệp giai đoạn 2014 - 2015. Hội nghị đối thoại do Bộ Tài chính tổ chức ngày 23/7/2015 đã đánh giá về cơ chế chính sách chung về CPH, cơ chế thoái vốn đã cơ bản hoàn thiện theo hướng đáp ứng yêu cầu QLNN đối với CPH trong tình hình mới.

Một số hội thảo về chủ đề sắp xếp, tái cơ cấu doanh nghiệp đã thảo luận một số nội dung về sắp xếp, CPH DNNN, tuy nhiên lại không đề cập đến cổ phần hóa

DNNN như một biện pháp mạnh để tái cấu trúc DNNN; không đưa ra giải pháp cổ phần hóa để DNNN hoạt động có hiệu quả hơn và không đề cập đến vai trò của quản lý nhà nước sau cổ phần hóa DNNN [44, tr.5-8].

Các hội thảo đã nêu sự cần thiết phải tái cấu trúc DNNN, nhưng chưa làm rõ vai trò của cổ phần hóa là làm cho chủ sở hữu trong doanh nghiệp trở nên đa dạng hơn. Đề ra các giải pháp khắc phục những hạn chế để làm tốt tái cơ cấu DNNN như: đề cao trách nhiệm đảng viên trong chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu; đề cao trách nhiệm cá nhân trong việc thực hiện tái cơ cấu, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp... Các hội thảo chưa làm rõ được vai trò của Nhà nước trong tái cơ cấu DNNN.

Chưa có công trình, đề tài nào tại mục này làm rõ việc cần phải hoàn thiện thể chế, cơ chế quản lý của Nhà nước đối với các doanh nghiệp trong quá trình CPH; cũng như chưa nêu được tác dụng của CPH sẽ phát huy vai trò thực sự của các cổ đông và tăng cường sự giám sát của nhà đầu tư đối với doanh nghiệp, đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

Các bài báo, bài viết khác liên quan đến cổ phần hóa DNNN đã đề ra một số giải pháp tiếp tục sắp xếp, nâng cao hiệu quả của DNNN. Thông tin về chủ trương, kế hoạch, các cơ chế chính sách của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương và UBND thành phố Hà Nội về cổ phần hóa DNNN giai đoạn từ nay đến năm 2020... Tuy nhiên, các bài viết mới ở dạng cung cấp thông tin một chiều, chưa nêu bật được các giải pháp mang tính khoa học về quản lý nhà nước nhằm thúc đẩy quá trình cổ phần hóa.

2. NHẬN ĐỊNH VỀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU TRONG LUẬN ÁN

2.1. Nhận định về kết quả nghiên cứu tổng quan

2.1.1. Qua nghiên cứu các công trình nước ngoài, luận án, sách, bài viết trong nước, nghiên cứu sinh xin tóm tắt như sau:

2.1.1.1. Các nghiên cứu nước ngoài

2.1.1.2. Các nghiên cứu trong nước

- **Nhóm thứ nhất:** Các nghiên cứu lý luận về cổ phần hóa và đổi mới DNNN
- **Nhóm thứ hai:** Nghiên cứu kinh nghiệm, kết quả của cổ phần hóa DNNN
- **Nhóm thứ ba:** Nghiên cứu các giải pháp thúc đẩy quá trình cổ phần hóa DNNN.

Như vậy, xét về mặt lý luận, các tác giả đã khẳng định bản chất của quá trình CPH DNNN là một xu hướng tất yếu, là chuyển đổi mô hình tổ chức quản lý để doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hơn. Cổ phần hóa DNNN làm cho hiệu quả SXKD của doanh nghiệp tăng trưởng tốt hơn, giải quyết được vấn đề sở hữu đối với doanh nghiệp và tác động đến công tác quản lý trong các cơ quan nhà nước.

2.1.2. Các nghiên cứu cho rằng cổ phần hóa DNNN là một trong những nội dung quan trọng của công cuộc cải cách nền kinh tế. Cổ phần hóa để DNNN có cơ cấu hợp lý hơn, tập trung vào ngành, lĩnh vực then chốt, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội và quốc phòng, an ninh, làm nòng cốt để kinh tế nhà nước thực hiện được vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng, điều tiết nền kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô.

2.1.3. Các nghiên cứu đã chỉ rõ những hạn chế, yếu kém đang gặp phải, những vướng mắc, khó khăn không chỉ ở nội tại doanh nghiệp, mà còn từ phía quản lý của Nhà nước liên quan đến công tác sắp xếp, đổi mới DNNN. Chính vì vậy, Nhà nước cần tiếp tục đổi mới, điều chỉnh, bổ sung cơ chế quản lý đối với DNNN phù hợp với thể chế kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay. Cụ thể đã làm rõ các nội dung sau:

- Chính sách về quản lý DNNN;
- Những tồn tại, hạn chế, yếu kém của DNNN hiện nay;
- Các giải pháp đổi mới quản lý DNNN ở Việt Nam hiện nay.

Tuy nhiên, xét về mặt lý luận và thực tiễn thì các công trình, bài viết chưa giải quyết triệt để, chưa đưa ra hệ thống lý luận về cổ phần hóa một cách căn bản, bài bản theo nguồn gốc quan hệ sở hữu mà xuất phát của vấn đề này là lý luận của C.Mác về quan hệ sở hữu trong sản xuất. Vì thế, đây là yêu cầu tất yếu cũng như mục đích, kết quả cần thiết mà luận án này cần giải quyết.

Ngoài ra, còn ít những nghiên cứu, bàn luận về thực tiễn công tác cổ phần hóa DNNN thuộc UBND thành phố Hà Nội quản lý và chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu một cách có hệ thống và chuyên sâu về thực trạng công tác quản lý nhà nước đối với cổ phần hóa doanh nghiệp của thành phố Hà Nội.

2.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Từ kết quả trên, luận án cần phải nghiên cứu và khẳng định các nội dung sau:

2.2.1. Vấn đề khoa học về cổ phần hóa DNNN (hệ thống lý luận, khung lý thuyết và cải cách thực tiễn), từ đó nghiên cứu, tìm ra giả thiết khoa học về hệ thống lý luận và thực tiễn gắn với quá trình cổ phần hóa được hoàn chỉnh.

2.2.2. Đưa ra phương pháp quản lý mới phù hợp với cơ chế quản lý nhà nước để công tác cổ phần hóa đạt hiệu quả cao. Tìm ra hệ thống lý thuyết, học thuyết để làm chỗ dựa cho các nghiên cứu của luận án, từ đó giúp giải quyết vấn đề một cách khoa học.

Hệ thống lý thuyết có thể bao hàm các nội dung sau đây:

- Hệ thống lý thuyết cơ bản mà luận án cần hoàn thiện để chứng minh giả thuyết khoa học đã đặt ra;
- Hệ thống lý thuyết về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp;
- Hệ thống lý thuyết về kinh tế học gồm: kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô và quản trị doanh nghiệp.

Từ hệ thống lý thuyết, luận án tiếp tục nghiên cứu quá trình cổ phần hóa DNNN ở Việt Nam và thành phố Hà Nội. Trong đó tập trung đánh giá những thành công, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong quá trình thực hiện. Từ đó đề ra cơ chế quản lý nhà nước mới để thúc đẩy công tác cổ phần hóa DNNN của Thủ đô hiệu quả hơn.

2.2.3. Để phù hợp với yêu cầu trên, luận án có nhiệm vụ cụ thể sau đây:

- Khái quát kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với công tác đổi mới, sắp xếp DNNN ở một số nước trên thế giới và một số Bộ, ngành, địa phương trong nước.
- Hệ thống và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản về cổ phần hóa DNNN trong nền kinh tế Việt Nam.
- Thông qua việc đánh giá thực trạng tình hình cổ phần hóa DNNN thuộc thành phố Hà Nội cũng như thực trạng QLNN đối với quá trình CPH để chỉ ra những kết quả đã đạt được, những mặt tồn tại, thiếu sót, những cản trở và nguyên nhân chủ yếu; từ đó làm cơ sở để đưa ra những phương hướng và giải pháp nhằm đẩy nhanh quá trình này.
- Đề xuất một số quan điểm, mô hình, điều kiện, giải pháp quản lý nhà nước hiệu quả đối với quá trình cổ phần hóa DNNN thuộc thành phố Hà Nội.

CHƯƠNG I

CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của doanh nghiệp nhà nước và công ty cổ phần

1.1.1.1. Doanh nghiệp nhà nước

Khái niệm

Theo Tổ chức phát triển công nghiệp Liên hợp quốc, DNNN được định nghĩa như sau: “DNNN là các tổ chức kinh tế thuộc sở hữu Nhà nước hoặc do Nhà nước kiểm soát có thu nhập chủ yếu từ việc tiêu thụ hàng hóa và cung cấp dịch vụ”.

Trong khuôn khổ các thỏa thuận của Tổ chức thương mại thế giới WTO có những quy định về DNNN, cụ thể: “Các quốc gia phải cam kết rằng, nếu muốn thành lập các DNNN, cho dù đặt ở đâu hoặc muốn trao cho bất cứ doanh nghiệp nào những ưu đãi dù là hình thức hay thực tế thì các doanh nghiệp đó trong các hoạt động mua bán hàng hóa xuất- nhập khẩu phải ứng xử phù hợp với các nguyên tắc không phân biệt, đối xử được thỏa thuận này quy định đối với các biện pháp của Chính phủ áp dụng với các nhà xuất nhập khẩu tư nhân”. Quy định này nhằm ngăn chặn việc thành lập và bao cấp các DNNN.

Đặc điểm

Chủ đầu tư: là Nhà nước hoặc Nhà nước cùng với các tổ chức, cá nhân khác.

Sở hữu vốn: Nhà nước sở hữu toàn bộ vốn điều lệ 100%.

Trách nhiệm tài sản: DNNN chịu trách nhiệm trong phạm vi tài sản của doanh nghiệp. Nhà nước chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi tài sản góp vốn vào doanh nghiệp.

Tư cách pháp lý: doanh nghiệp nhà nước có tư cách pháp nhân.

Vai trò

Thứ nhất, DNNN có vai trò chi phối các lĩnh vực kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với sự ổn định và phát triển của đất nước.

Thứ hai, DNNN là động lực cho sự phát triển của các doanh nghiệp khác thông qua hiệu quả hoạt động cao trên nền của công nghệ sản xuất hiện đại và hệ thống quản lý tiên tiến.

Thứ ba, DNNN là nguồn lực vật chất chủ yếu của Nhà nước. DNNN phải tạo ra được sự đóng góp quyết định cho NSNN.

Thứ tư, DNNN là mẫu mực trong việc giải quyết các chính sách xã hội như chính sách việc làm, trợ cấp xã hội.

1.1.1.2. Công ty cổ phần

Khái niệm

CTCP là một thể chế kinh doanh, một loại hình doanh nghiệp hình thành, tồn tại và phát triển bởi sự góp vốn của nhiều cổ đông. Trong CTCP, số vốn điều lệ của công ty được chia nhỏ thành các phần bằng nhau gọi là cổ phần. Các cá nhân hay tổ chức sở hữu cổ phần được gọi là cổ đông. Cổ đông được cấp một giấy chứng nhận sở hữu cổ phần gọi là cổ phiếu, chỉ có CTCP mới được phát hành cổ phiếu. Như vậy, cổ phiếu chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu của cổ đông đối với CTCP và cổ đông là người có cổ phần thể hiện bằng cổ phiếu. CTCP là một trong loại hình công ty căn bản tồn tại trên thị trường và nhất là để niêm yết trên thị trường chứng khoán [3, tr.150]. Bộ máy CTCP được cơ cấu theo luật pháp và điều lệ công ty với nguyên tắc đảm bảo tính chuẩn mực, minh bạch và hoạt động có hiệu quả.

Đặc điểm

Vốn điều lệ của CTCP được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần; người chủ sở hữu vốn cổ phần được gọi là cổ đông; mỗi cổ đông có thể mua một hoặc nhiều cổ phần.

Công ty cổ phần có thể phát hành nhiều loại cổ phần, trong đó có cổ phần phổ thông. Ngoài ra công ty có thể phát hành cổ phần ưu đãi, bao gồm: cổ phần ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do điều lệ công ty quy định.

Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp đó là cổ phần ưu đãi biểu quyết và cổ phần của cổ đông sáng lập đăng ký kinh doanh.

Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn góp công ty.

Công ty được quyền phát hành chứng khoán các loại ra công chúng để huy động vốn.

Số lượng cổ đông của CTCP tối thiểu là ba và không hạn chế số lượng tối đa.

Hình thái CTCP trên thế giới

Dựa trên tiêu thức về sở hữu có thể chia làm 03 loại hình thái phát triển doanh nghiệp chủ yếu là: Hình thái kinh doanh một chủ, hình thái kinh doanh chung vốn và hình thái công ty cổ phần.

Có thể nói rằng hình thái CTCP là “bà đỡ” cho sự ra đời các ngành công nghiệp nặng. Tương ứng với bước chuyển biến đó là sự hình thành các tập đoàn tư bản tài chính với tư cách là sự xâm nhập bằng các cổ phần của tư bản ngân hàng vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp và đó cũng là sự báo hiệu của một thời kỳ độc quyền của tư bản tài chính với các tập đoàn công ty mang hình thái CTCP. Do những ưu điểm của nó, hình thái CTCP mới ra đời đã lần lượt chiếm lĩnh hết ngành này sang ngành khác, từ lĩnh vực này sang lĩnh vực khác.

Vai trò của công ty cổ phần, gồm: Công ty cổ phần góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn; CTCP cho phép xác nhận quyền sở hữu về tài sản của người chủ sở hữu và xác nhận rõ vốn của mỗi cổ đông thông qua số cổ phiếu mà họ nắm giữ; có khả năng phối hợp với các lực lượng kinh tế khác nhau, duy trì được mối quan hệ kinh tế giữa các thành viên; CTCP là kênh huy động vốn tối ưu thông qua phát hành cổ phiếu.

1.1.2. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

1.1.2.1. Khái niệm và bản chất

Khái niệm: CPH DNNN là quá trình chuyển đổi sở hữu từ doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ sang doanh nghiệp đa sở hữu, trong đó có sở hữu của người lao động trong doanh nghiệp và sở hữu của các tổ chức, cá nhân khác, hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Bản chất:

Xét ở bản chất pháp lý, cổ phần hoá là việc biến doanh nghiệp một chủ thành doanh nghiệp của nhiều chủ, tức là chuyển từ hình thức sở hữu đơn nhất sang sở hữu

chung thông qua việc chuyển một phần tài sản của doanh nghiệp cho những người khác. Những người này trở thành chủ sở hữu của doanh nghiệp theo tỷ lệ tài sản mà họ sở hữu trong doanh nghiệp CPH.

Xét về mặt hình thức, CPH là việc Nhà nước bán một phần hay toàn bộ giá trị vốn của mình trong doanh nghiệp cho các tổ chức hoặc tư nhân trong và ngoài nước, hoặc cho cán bộ quản lý và lao động của doanh nghiệp bằng đấu giá công khai hay thông qua thị trường chứng khoán để hình thành các CTCP.

Xét về mặt thực chất, CPH chính là phương thức xã hội hoá sở hữu, chuyển hình thái kinh doanh với một chủ sở hữu Nhà nước trong doanh nghiệp thành CTCP với nhiều chủ sở hữu để tạo ra một mô hình doanh nghiệp phù hợp với nền kinh tế thị trường và đáp ứng được yêu cầu kinh doanh hiện đại [68, tr.24-25]. Có thể khẳng định, CPH DNNN thực chất là tư nhân hóa, tuy nhiên trong điều kiện cụ thể ở nước ta cần có cách làm phù hợp.

1.1.2.2 Tính tất yếu khách quan của cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Cổ phần hóa DNNN phù hợp với quy luật phát triển, xu hướng trên thế giới

Như vậy, CTCP không phải ngẫu nhiên mà có mà là cả một quá trình phát triển chọn lọc, tìm tòi, thích ứng của các hình thái kinh tế. Nó ra đời cùng với sự ra đời của nền kinh tế hàng hoá, khi mà nhu cầu về vốn ngày càng lớn [30, tr.24]. Bên cạnh đó cạnh tranh trên thương trường ngày càng khốc liệt, đe dọa bị phá sản của các nhà đầu tư. CTCP đã đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế thị trường với những ưu điểm: có khả năng huy động vốn với quy mô lớn, dễ dàng di chuyển vốn từ ngành này sang ngành khác và giảm thiểu rủi ro cho các nhà đầu tư khi họ có thể phân tán tư bản của mình vào nhiều lĩnh vực khác nhau. Với những ưu điểm như vậy, CTCP dần được phát triển rộng khắp.

Do tính ưu việt của loại hình CTCP so với các loại hình doanh nghiệp khác

So với các loại hình doanh nghiệp khác, thì loại hình doanh nghiệp là CTCP có nhiều lợi thế hơn hẳn, được thể hiện ở những khía cạnh: Công ty cổ phần là tổ chức có tư cách pháp nhân độc lập; Các cổ đông trong CTCP chịu trách nhiệm hữu hạn; Việc chuyển nhượng các phần vốn góp được thực hiện một cách tự do; Công ty cổ phần có cấu trúc vốn và tài chính linh hoạt; Tính ổn định trong hoạt động kinh doanh và không hạn chế về thời gian; Công ty cổ phần có cơ chế quản lý tập trung cao.

Yêu cầu nâng cao hiệu quả kinh doanh của các DNNN trong nền kinh tế

Nhiều quốc gia đã xác định cần phải tiến hành cải cách DNNN nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN xứng đáng với vai trò là đầu tàu của các thành phần kinh tế khác [28, tr.1-2]. CPH được chọn là giải pháp quan trọng nhất để cải cách DNNN do yêu cầu cần nâng cao hiệu quả của các DNNN, trong đó:

- CPH sẽ thu hút được nguồn vốn trong và ngoài nước cho DNNN để tạo điều kiện mở rộng sản xuất, từ đó giảm gánh nặng tài chính cho Nhà nước;
- Nhà nước thu hồi được vốn về để tập trung phát triển vào một số lĩnh vực quan trọng hơn;
- CPH tạo điều kiện đổi mới phương thức quản lý, áp dụng các kỹ thuật tiên tiến hiện đại, nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp;
- Nâng cao vai trò làm chủ của người lao động thông qua đa dạng hoá sở hữu;
- Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, công bằng giữa các loại hình DN.

Ngân sách nhà nước của các quốc gia ngày càng hạn hẹp

Đây cũng là một nguyên nhân quan trọng thúc đẩy CPH, các khoản trợ cấp ngày càng lớn cho khu vực kinh tế quốc doanh để đảm bảo Nhà nước kiểm soát giá cả sản phẩm hoặc trang trải các chi phí về giá, vốn được duy trì thấp để ổn định sản xuất ở một số ngành làm cho thâm hụt ngân sách càng thêm nghiêm trọng. Ngoài các khoản trợ cấp trực tiếp còn có những khoản gián tiếp như ưu tiên vốn và ngoại tệ để nhập khẩu cho các DNNN với giá cả không phản ánh được tính khan hiếm của chúng.

1.1.2.3. Các phương thức cổ phần hóa trên thế giới

Trong phạm vi nghiên cứu về CPH DNNN, có ba phương pháp được các nước áp dụng nhiều nhất, trong đó Nhà nước bán một phần hay toàn bộ cổ phần trong DN.

Bán cổ phần cho những người quản lý và lao động trong doanh nghiệp

Phương pháp này thường được thực hiện đối với các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ. Ngoài tác dụng đa dạng hoá sở hữu doanh nghiệp, nó còn tạo ra sự khuyến khích lớn đối với việc tăng năng suất lao động, đồng thời cũng là cách giải quyết vấn đề lao động trong trường hợp doanh nghiệp sắp bị giải thể. Tuy nhiên, kết quả thu được còn hạn chế ở nhiều nước, nhất là ở các nước đang phát triển [18, tr.25].

Trở ngại chính đối với phương pháp này là thiếu nguồn tài chính và tín dụng bảo đảm việc chuyển giao doanh nghiệp cho cán bộ quản lý và người lao động. Các

biện pháp hỗ trợ về tài chính và tín dụng vẫn thường được Chính phủ áp dụng khi bán cổ phần như ưu tiên giảm giá cho lao động nghèo, cho những người mua vay lãi suất thấp và dài hạn.

Bán cổ phần cho công chúng

Đó là việc Nhà nước bán một phần hay toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu nhà nước trong doanh nghiệp cho công chúng. Việc bán này thường được thực hiện thông qua Sở giao dịch chứng khoán hoặc một tổ chức tài chính trung gian. Cũng có thể kết hợp việc bán cổ phần cho công chúng cùng với biện pháp khác như bán một phần nhất định cổ phần cho một số nhà đầu tư được xác định trước [18, tr.26].

Việc bán cổ phần cho công chúng đòi hỏi doanh nghiệp phải có tỷ lệ sinh lợi hấp dẫn, phải có đầy đủ các thông tin để thông báo công khai trên TTCK và có cơ chế để thu hút các nguồn đầu tư trong xã hội.

Bán cổ phần cho tư nhân

Thực hiện phương pháp này có nghĩa là Nhà nước bán một phần hay toàn bộ số cổ phần thuộc sở hữu nhà nước cho một số cá nhân hay một nhóm nhà đầu tư tư nhân thông qua đấu thầu có tính cạnh tranh, hoặc bán cho những người mua đã được định trước [18, tr.27].

Đặc điểm của phương pháp này là: tính linh hoạt trong các điều kiện cụ thể, tính đơn giản về các yêu cầu pháp lý khi chuyển nhượng, tốc độ triển khai thực hiện nhanh hơn. Do vậy phương pháp này thường được áp dụng đối với các DNNN đang hoạt động yếu kém, những doanh nghiệp cần người chủ đủ mạnh và có kinh nghiệm về kỹ thuật, tài chính, quản lý và thương mại, hay những doanh nghiệp có quy mô không đáng kể.

Việc bán cổ phần cho tư nhân cũng có những mặt hạn chế, vì một bộ phận dân cư sẽ có khả năng mua và ngày càng tập trung quyền lực kinh tế chính trị, gây ra sự phân hoá xã hội sâu sắc. Việc đặt giá khi tiến hành phương pháp này cũng vấp phải nhiều ý kiến: đặt giá cao thì có ít người tham gia đấu giá, đặt giá thấp thì có thể bị kết tội là thông đồng, "cho không" tài sản nhà nước.

Mỗi phương thức đều có những ý nghĩa nhất định, việc chọn lựa phương pháp này hay phương pháp khác cần xuất phát từ tình hình thực tế hoạt động của doanh nghiệp được CPH và mục tiêu của Nhà nước trong từng lĩnh vực, thời kỳ nhất định.

1.1.2.4. Các tác động của cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đến nền kinh tế- xã hội

Cổ phần hóa với tăng trưởng kinh tế

Kinh nghiệm thế giới cho thấy ở các nước có thành phần kinh tế công lớn thì tốc độ tăng trưởng thường không cao [76, tr.35-38]. Chính vì thế, CPH sẽ sàng lọc và đào thải những doanh nghiệp kém hiệu quả, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp và do đó, tạo ra động lực phát triển. Khi chuyển thành CTCP, doanh nghiệp đã có những người chủ thực sự, đó là các cổ đông. Quyền lợi của họ gắn liền với sự thành bại của doanh nghiệp, lợi ích sở hữu sẽ phát huy sức mạnh và trí tuệ của các cổ đông tham gia vào việc quản lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả hơn nguồn lực của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, CPH DNNN tạo ra sản phẩm là các CTCP, nó là hệ quả tất yếu của lực lượng sản xuất được xã hội hoá, là hình thức tổ chức doanh nghiệp rất phổ biến trong nền kinh tế thị trường [70, tr.10]. Sự tồn tại của CTCP với cơ chế lưu chuyển cổ phần thông qua TTCK tạo ra quá trình luân chuyển vốn từ nơi có hiệu quả thấp sang nơi có hiệu quả cao.

Cổ phần hóa với sự phát triển của thị trường chứng khoán

Sự hình thành và phát triển của các CTCP là điều kiện tiền đề để hình thành và phát triển TTCK. CPH DNNN sẽ tác động mạnh đến TTCK [37, tr. 5]. Có thể tóm tắt mối quan hệ tác động qua lại giữa TTCK với CPH DNNN trên một số khía cạnh:

Thứ nhất, sự tồn tại của thị trường chứng khoán làm tăng số lượng cổ đông tiềm tàng cho các DNNN CPH. Chứng khoán với tính thanh khoản cao sẽ phát huy tác dụng trong việc huy động vốn nhân rộng của xã hội.

Thứ hai, các công ty chứng khoán đóng vai trò lớn trong việc trợ giúp DNNN đã CPH ở khía cạnh tư vấn, bảo lãnh phát hành cổ phần và giao dịch chứng khoán. Các công ty chứng khoán còn giúp xác định chính xác hơn giá trị của DNNN CPH vì giá trị các cổ phiếu trên TTCK được quyết định bởi quy luật cung cầu.

Thứ ba, sự tham gia vào TTCK buộc các CTCP phải thực hiện chế độ kế toán minh bạch, phải công bố với các cổ đông và công chúng về tình hình SXKD, lợi nhuận và kế hoạch phát triển công ty. Những đòi hỏi này lại buộc những người quản lý công

ty phải điều hành tốt, hiệu quả hơn, đó là một trong những lực hút các DNNN bước vào quỹ đạo CPH.

Cổ phần hóa với các vấn đề xã hội

CPH DNNN tác động đến các vấn đề xã hội ở nhiều phương diện, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của nhiều đối tượng xã hội và làm phát sinh những mối quan hệ mới. Ảnh hưởng của CPH có thể tích cực song cũng có thể chứa đựng những yếu tố tiêu cực nếu không được xử lý đúng [70, tr.10], cụ thể:

Một trong những đối tượng chịu tác động trực tiếp của CPH là người lao động, mục tiêu của chính sách CPH là thay đổi cơ cấu quản lý doanh nghiệp cho hợp lý và hiệu quả hơn, bao gồm cả việc sắp xếp lại quy trình SXKD. Từ đó sẽ kéo theo sự thay đổi trong cách bố trí và sử dụng lao động. Thêm vào đó, khi công nghệ, quy trình sản xuất và cơ chế quản lý lao động mới được áp dụng sau CPH, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp thường giảm xuống. Lẽ tất nhiên, những người lao động trong biên chế nhà nước trước đây phải đối mặt với nguy cơ mất việc làm, đây thực sự là một thách thức không nhỏ trong quá trình CPH DNNN.

Tác động xã hội đáng lưu ý khác của CPH là sự tiềm ẩn trong nó khả năng phân hoá xã hội và gia tăng khoảng cách giàu nghèo. Nguy cơ phân hoá giàu nghèo với tư cách là ảnh hưởng của CPH thể hiện ở nhiều khía cạnh:

Thứ nhất, khi doanh nghiệp tiến hành CPH, một bộ phận người lao động phổ thông chưa qua đào tạo có thể bị mất việc làm. Việc mất thu nhập, không kiếm được việc làm dễ đẩy những người lao động đến cảnh đói nghèo và hành động tiêu cực.

Thứ hai, CPH có khả năng biến những người có quyền trong doanh nghiệp và trong bộ máy nhà nước thành những tỷ phú. Việc định giá không đúng tài sản của DNNN khi CPH và tiếp đó là cơ chế bán cổ phần không rõ ràng sẽ làm cho tài sản của Nhà nước rơi vào tay một nhóm người.

Thứ ba, áp lực việc làm gia tăng do lực lượng lao động dư thừa trong quá trình CPH sẽ tham ra vào đội quân thất nghiệp. Điều này làm tăng sức ép lên thị trường lao động vốn đã căng thẳng do tình trạng mất cân đối giữa cung và cầu.

CPH sẽ là một giải pháp tích cực để hạn chế tình trạng tham nhũng, nâng cao dân chủ và công bằng xã hội. Các doanh nghiệp sau CPH thì mối quan hệ giữa Nhà nước và CTCP giờ đây chỉ là quan hệ giữa cổ đông với công ty. Cơ quan đại diện sở

hữu cho phần vốn góp của Nhà nước có các quyền và nghĩa vụ như một cổ đông, quyền “ban phát” của các cơ quan này không còn như trước nữa, đồng nghĩa với việc hạn chế mầm mống của tệ tham nhũng. Mặt khác, việc quản lý CTCP được đảm nhiệm bởi guồng máy do các cổ đông lập ra. Chính cổ đông sẽ quyết định các vấn đề quan trọng của doanh nghiệp, giám sát thường xuyên, chặt chẽ hoạt động SXKD.

Tác động tích cực của CPH DNNN đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

CPH tạo ra doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu:

Chủ sở hữu trong CTCP bao gồm Nhà nước, người lao động trong doanh nghiệp, cổ đông ngoài doanh nghiệp. CTCP là tổ chức có tư cách pháp nhân, các cổ đông chỉ được hưởng phần lợi nhuận và chịu trách nhiệm tài chính phát sinh hoặc các rủi ro khác trong phạm vi phần vốn góp của mình. Tùy vào mức cổ phần của mình trong công ty, cổ đông được hưởng mức lợi nhuận hay trách nhiệm tài chính hoặc các khoản nợ khác nhau tạo ra một sự phân tán rủi ro [73, tr. 25].

Người đầu tư vốn cũng tự chủ trong việc chọn công ty mà mình đầu tư, thậm chí có thể đầu tư mua cổ phần và trở thành người đồng sở hữu ở nhiều công ty trong cùng thời điểm, vì vậy họ cảm thấy an tâm và hạn chế được độ rủi ro cho phần vốn của mình do đầu tư “bỏ trứng nhiều giỏ”. CTCP tập hợp được nhiều lực lượng khác nhau trong hoạt động chung của công ty nhưng vẫn tôn trọng sở hữu riêng đối với từng cổ đông cả về trách nhiệm và quyền lợi theo mức vốn góp của mình. Mở rộng sự tham gia của các cổ đông sẽ thu hút được lượng vốn đầu tư cho SXKD và sự phát triển công ty.

CTCP tạo điều kiện để người lao động thực sự làm chủ doanh nghiệp:

Chủ trương của nhiều quốc gia về CPH DNNN là tạo điều kiện cho người lao động trong doanh nghiệp tham gia mua cổ phần và khẳng định quyền làm chủ của mình. Cổ đông trong doanh nghiệp từ chỗ làm chủ hình thức sang làm chủ thực sự sau khi doanh nghiệp được CPH [29, tr.5].

Chỉ khi tham gia mua cổ phiếu, tham gia chọn các thành viên trong HĐQT (là cơ quan thay mặt mình để quản lý doanh nghiệp) thì lúc đó người lao động mới có quyền thực sự, không bị một sức ép nào.

Khi đã trở thành cổ đông, quyền lợi và trách nhiệm của người lao động gắn chặt với sự tồn tại và phát triển, trở thành người chủ của doanh nghiệp, từ đó người lao

động sẽ có trách nhiệm với công ty. Có như vậy thì kết quả SXKD của công ty mới thực sự hiệu quả, họ được hưởng lợi nhuận cao xứng đáng với sức lao động mà mình bỏ ra.

CTCP tạo cho doanh nghiệp cơ chế quản lý năng động, linh hoạt:

CPH DNNN là chuyên doanh nghiệp từ chỗ chịu sự quản lý trực tiếp của Nhà nước sang Nhà nước quản lý thông qua chính sách, pháp luật và hoạt động của doanh nghiệp sẽ chịu sự chi phối của cơ chế thị trường. Điều này đã tạo cho doanh nghiệp sự thay đổi trong hoạt động quản trị từ tư tưởng dựa dẫm sang ý thức tự lực, dễ thích ứng với sự thay đổi của cơ chế thị trường, đó là lời ăn, lỗ chịu [29, tr.6].

Bộ máy quản lý của doanh nghiệp được bố trí tinh giản, gọn nhẹ thực sự là đại diện cho cổ đông. Hoạt động của công ty được tiến hành theo điều lệ và quy định chặt chẽ. Nhiều CTCP đã rà soát lại và xây dựng mới quy chế tài chính, lao động, tuyển dụng; xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của ban lãnh đạo và cổ đông, tổ chức hợp lý các phòng, ban, bộ phận kinh doanh. Mọi hoạt động của doanh nghiệp như giải quyết vấn đề nhân sự, ra quyết định quản lý hay kinh doanh, xây dựng chiến lược đầu tư nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả SXKD được quy định công khai, minh bạch.

Doanh nghiệp được chủ động đầu tư đổi mới công nghệ, mua sắm máy móc thiết bị phù hợp với yêu cầu SXKD. Việc này được HĐQT bàn và quyết định khẩn trương, dứt khoát đáp ứng yêu cầu về thời gian, tiến độ mà không cần phải trông chờ vào sự phê duyệt của bất cứ cơ quan nào. Đây là thuận lợi cơ bản để DN tự chủ nắm bắt cơ hội mở rộng SXKD, không phải lệ thuộc, chờ đợi, từ đó tạo điều kiện nâng cao chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh và uy tín trên thị trường.

1.2. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

1.2.1. Quan niệm về quản lý nhà nước

1.2.1.1. Vai trò của Nhà nước đối với nền kinh tế từ một số học thuyết kinh tế cận, hiện đại

Nhìn suốt chiều dài lịch sử các học thuyết kinh tế có thể thấy rằng mỗi trường phái đều có những đặc điểm lý luận riêng, được quy định bởi phương pháp luận và bị chi phối bởi hoàn cảnh lịch sử kinh tế cụ thể. Tuy nhiên, xét trên góc độ quan niệm về

vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường, đây là tranh luận giữa một bên đề cao vai trò của thị trường và một bên đề cao vai trò của Nhà nước.

Trong tác phẩm C.Mác và Ph.Ăng- ghen toàn tập (*Nhà xuất bản Chính trị quốc gia 1994, trang 25, phần I*), C.Mác đã chỉ ra rằng CTCP ra đời là sự manh nha của một hình thức sản xuất mới, sẽ đưa đến việc lập ra chế độ độc quyền và đưa đến sự can thiệp của nhà nước tư sản. Sự xuất hiện của CTCP lần đầu tiên trong lịch sử của phương thức sản xuất TBCN đã làm cho quyền sở hữu tư bản hoàn toàn tách rời với chức năng của tư bản trong quá trình tái sản xuất thực tế. Theo C.Mác, chính bản thân những CTCP của công nhân như là một loại nhà máy hợp tác và đây chính là một lỗ thủng đầu tiên trong hình thái kinh tế TBCN. Ông cho rằng, thực chất của quá trình hình thành các CTCP là sản xuất tư nhân *không còn có sự kiểm soát của quyền sở hữu tư nhân*.

Trong tác phẩm V.I.Lê-nin toàn tập (*Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, trang 427*) cho rằng nhà nước Xô- Viết có thể chỉ cần nắm khoảng 25% cổ phần là có thể chi phối được các cổ đông tư nhân khác trong các xí nghiệp thuộc thành phần kinh tế chủ nghĩa tư bản nhà nước. Lê-nin khẳng định sự xuất hiện của CTCP là bước tiến từ sở hữu tư nhân lên sở hữu tập thể của các cổ đông.

Quản lý nhà nước theo quan điểm của các trường phái đã chỉ ra tính quy luật của sự biến đổi các quan niệm về vai trò của Nhà nước đối với kinh tế thị trường và nguyên lý cân bằng, hài hoà trong việc giải quyết mối quan hệ giữa thị trường và Nhà nước trong vận hành nền kinh tế. Trong đó, các đại biểu trường phái Tân cổ điển không phủ nhận sự tồn tại khách quan của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường, họ chỉ chống lại sự can thiệp sâu và cứng nhắc, quá mức của Nhà nước. Theo họ, nền kinh tế thị trường là một hệ thống mang tính ổn định, mà sự ổn định bên trong là thuộc tính vốn có chứ không phải là kết quả sự sắp đặt của Nhà nước. Trường phái Tân cổ điển không xem xét vai trò của Nhà nước một cách biệt lập và đặt nó trong một hệ thống lý thuyết chung. Họ đưa ra một quan niệm tổng quát về nền kinh tế thị trường để từ đó đánh giá vai trò của Nhà nước.

So sánh cách nhìn của Keynes và cách nhìn Tân cổ điển có thể thấy sự khác nhau căn bản trong quan niệm về vai trò của Nhà nước. Nếu Tân cổ điển cho rằng Nhà nước không nên điều tiết trực tiếp mà chỉ dừng lại ở chức năng tạo môi trường thì Keynes khẳng định, muốn thoát khỏi khủng hoảng, thất nghiệp và suy thoái, Nhà nước

phải trực tiếp điều tiết kinh tế. Cách thức điều tiết là thông qua những chương trình công cộng và dùng những chương trình này để can thiệp tích cực với hướng kích thích và duy trì tốc độ gia tăng ổn định của tổng cầu. Khi tổng cầu tăng sẽ kích thích sức sản xuất, doanh nghiệp hoạt động mở rộng sẽ thu nhận thêm nhân công, thất nghiệp được giải quyết và sản lượng quốc gia tăng. Chính phủ có thể can thiệp vào nền kinh tế qua công cụ chính sách tài khóa, bao gồm thuế, chi tiêu ngân sách và Nhà nước có thể kích thích cầu đầu tư bằng cách tăng số cung về tiền tệ, hay là chấp nhận lạm phát có kiểm soát. Từ cách lập luận của ông có thể nhận định rằng, nền kinh tế thị trường không có khả năng tự điều tiết tuyệt đối và vô hạn. Do vậy để thúc đẩy tăng trưởng đều đặn, Nhà nước phải trực tiếp can thiệp và điều tiết [44, tr.2-3].

Theo quan điểm của chủ nghĩa tự do mới xuất hiện từ những năm 1930 và phát triển cho tới nay.

Phái Trọng tiền đã cổ vũ nhiệt tình cho một nền kinh tế thị trường tự do không có sự can thiệp của Chính phủ. Họ cho rằng trong nền kinh tế thị trường hiện đại, không thể bác bỏ Nhà nước, nhưng họ đòi hỏi phải điều tiết, điều chỉnh nền kinh tế theo những quy tắc có tính chuẩn mực. Vì theo kinh nghiệm, khi ban hành các quyết định quản lý, Chính phủ thường thiên về lợi ích của mình hơn là lợi ích của dân chúng. Chính vì vậy cần xác lập một hệ thống nguyên tắc của chính sách và những nguyên tắc này phải mang tính khách quan, độc lập với ý muốn chủ quan tùy tiện của Chính phủ. Trong hệ thống chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách cơ bản và quan trọng là chính sách đối với khu vực doanh nghiệp.

Phái Trọng cung cho rằng việc Nhà nước sử dụng sai chính sách quản lý đối với doanh nghiệp sẽ làm toàn bộ nền sản xuất bất ổn định và đề cao một chính sách kinh tế giảm bớt sự can thiệp trực tiếp của Nhà nước đối với khu vực doanh nghiệp.

Phái Kinh tế vĩ mô mong đợi hợp lý cũng cho rằng đa số chính sách của Nhà nước ít có tính hiệu quả, hoặc chỉ đạt hiệu quả ở mức rất thấp. Chính sách kinh tế của Nhà nước chỉ có hiệu quả nhất định đối với mức sản lượng và việc làm khi sự điều chỉnh này gây ra sự bất ngờ đối với dân chúng, khiến cho dân chúng hiểu sai tình hình kinh tế.

Chủ nghĩa tự do mới ở Đức cho rằng nền kinh tế thị trường vận hành trên nguyên tắc cạnh tranh có hiệu quả, phát huy cao độ tính chủ động và sáng kiến của các cá nhân. Do đó, Chính phủ chỉ can thiệp vào nơi nào cạnh tranh không có hiệu quả,

nơi cần phải bảo vệ và thúc đẩy cạnh tranh có hiệu quả. Nền kinh tế thị trường đòi hỏi Nhà nước phải mạnh; song chỉ can thiệp với mức độ, tốc độ cần thiết và phải dựa trên hai nguyên tắc hỗ trợ và tương hợp. Nguyên tắc tương hợp làm cơ sở để Nhà nước hoạch định các chính sách kinh tế phù hợp với sự vận động của các quy luật trong nền kinh tế thị trường, đồng thời phải đảm bảo được các mục tiêu kinh tế- xã hội của mình [44, tr.4-5].

Qua những quan điểm cho thấy vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường và quan điểm lý thuyết của mỗi trường phái là khác nhau. Qua quan niệm về vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường có thể thấy, không một cách tiếp cận nào mang tính vạn năng, có thể giải đáp được tất cả các tình huống của nền kinh tế. Do vậy, tác động thúc đẩy hay kìm hãm sự phát triển kinh tế thị trường của mỗi cách tiếp cận đều có những giới hạn nhất định.

1.2.1.2. Quan điểm quản lý nhà nước đối với cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Qua một số quan điểm về sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế nói chung cho thấy Nhà nước can thiệp vào nền kinh tế thông qua quy định pháp luật, hoạch định chính sách và các công cụ QLNN khác. Đồng thời, Nhà nước phải tạo môi trường thuận lợi, thúc đẩy, đảm bảo cho các nhân tố của thị trường ổn định, nhằm mục tiêu ổn định và phát triển kinh tế-xã hội [90, tr.6]. Dựa vào các quan điểm trên, luận án xin đưa ra quan điểm QLNN đối với CPH DNNN như sau:

Thứ nhất, Nhà nước phát huy vai trò thúc đẩy hoạt động CPH DNNN có hiệu quả, góp phần cải thiện phát triển kinh tế-xã hội. Việc thúc đẩy của Nhà nước qua các cơ chế, chính sách giúp quá trình CPH thu hút nguồn lực về tài chính, kỹ thuật, công nghệ, nhân lực ở trong và ngoài nước; phát huy mọi tiềm năng của nền kinh tế, khai thác những lợi thế về kinh tế trong từng vùng, từng khu vực, địa bàn, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội.

Thứ hai, Nhà nước tạo điều kiện và môi trường thuận lợi về mọi mặt nhằm thúc đẩy quá trình CPH DNNN; có chính sách CPH thích hợp trong từng giai đoạn phát triển, tạo môi trường kinh tế, môi trường pháp lý thuận lợi cho CPH.

Thứ ba, Nhà nước tác động vào quá trình CPH trong một mức độ cần thiết theo những nguyên tắc phù hợp với sự vận động của các quy luật trong nền kinh tế thị trường. Nhà nước tác động kịp thời, đúng thời điểm bằng những công cụ và phương

pháp QLNN phù hợp, nhằm tăng cường CPH DNNN. Việc CPH khá nhạy cảm, thông qua việc xác định giá trị doanh nghiệp, xử lý tồn tại tài chính, bán cổ phần lần đầu... cần có sự tác động của Nhà nước, tránh dẫn đến tổn thất, mất mát trong quá trình cổ phần hóa, gây ảnh hưởng đến nền kinh tế.

1.2.2. Khái niệm, sự cần thiết và yêu cầu của quản lý nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

1.2.2.1. Khái niệm

QLNN về cổ phần hóa DNNN có liên quan đến QLNN về kinh tế trong lĩnh vực TCDN, do vậy cần tìm hiểu khái niệm QLNN về kinh tế. Theo đó, *QLNN về kinh tế là sự quản lý của nhà nước thông qua cơ chế quản lý kinh tế nhằm đảm bảo tốc độ tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế quốc dân. Theo nghĩa rộng, QLNN về kinh tế được thực hiện thông qua cả ba loại cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp của Nhà nước. Theo nghĩa hẹp, QLNN về kinh tế được hiểu là hoạt động quản lý có tính chất nhà nước nhằm điều hành nền kinh tế được thực hiện bởi cơ quan hành pháp, theo nghĩa này QLNN về kinh tế được hiểu là quản lý hành chính kinh tế* [90, tr.6].

Vận dụng khái niệm QLNN về kinh tế thì QLNN về CPH DNNN có thể hiểu là: *Sự tác động có tổ chức, có định hướng và mang tính quyền lực nhà nước của các cơ quan quản lý nhà nước đến hoạt động cổ phần hóa DNNN bằng những phương pháp và công cụ quản lý nhằm thúc đẩy quá trình CPH có hiệu quả, đạt được mục tiêu sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu DNNN, góp phần phát triển kinh tế-xã hội bền vững.*

Việc đẩy mạnh hoạt động QLNN đối với CPH DNNN nhằm tuyên truyền, hướng dẫn các doanh nghiệp về quy trình, các bước đi để tiến hành cổ phần hóa và định hướng hoạt động sau khi cổ phần. Hoạt động QLNN về CPH DNNN sẽ giúp khai thác được các tiềm năng, thế mạnh của doanh nghiệp nhằm phát triển kinh tế, triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu nhiệm vụ, góp phần xây dựng đất nước ngày càng phát triển toàn diện.

1.2.2.2. Sự cần thiết

Nhà nước cần tiến hành quản lý quá trình CPH DNNN vì các lý do sau đây:

Một là, đối tượng CPH là tài sản của Nhà nước. DNNN là tài sản của Nhà nước, điều này đã được xác định ngay từ đầu rằng, DNNN được CPH là các doanh nghiệp có

100% vốn nhà nước. Do vậy, lẽ thông thường là ở chỗ, người có tài sản không thể đứng ngoài cuộc khi tài sản của mình được chuyển đổi sở hữu.

Hai là, tài sản CPH được quản lý theo chế độ đa cấp. Chế độ đa cấp trong QLNN về tài sản trong các DNNN thể hiện ở chỗ, DNNN được giao cho ban lãnh đạo của DNNN. Ban này có danh nghĩa pháp lý là đại diện cho chủ sở hữu của DNNN. Họ chịu trách nhiệm về sự toàn vẹn giá trị của tài sản được CPH và hiệu quả sinh lời của tài sản đó. Điều đó có nghĩa là, nếu Nhà nước không quản lý quá trình CPH thì tài sản quốc gia có thể bị thất thoát do một số người trong ban lãnh đạo tiến hành không vô tư hoặc yếu kém về nghiệp vụ CPH.

Ba là, việc CPH DNNN không đơn thuần là vấn đề kinh tế - tài chính, mà còn là vấn đề chính trị - xã hội. Vì tính chất phức tạp của việc CPH, nên chính quyền các cấp phải quản lý quá trình này, nếu không việc CPH sẽ trở thành quá trình kinh tế, tài chính thuần túy, các mục tiêu chính trị- xã hội sẽ không đạt được, bởi ban lãnh đạo DNNN không phải lúc nào cũng đảm bảo tính khách quan, trung thực trong thực thi nhiệm vụ chính trị- xã hội của việc CPH.

1.2.2.3. Yêu cầu

Quá trình này được coi là tốt khi đạt được các yêu cầu chủ yếu sau đây:

Hình thức được chọn thích hợp với đối tượng cần xử lý

Thực chất của yêu cầu này là hình thức chuyển nhượng tài sản thuộc Nhà nước sang các cổ đông có mục đích, ý nghĩa, tác dụng của nó. Việc tùy tiện trong CPH theo kiểu làm cho xong việc sẽ gây hậu quả nhiều mặt có khi không lường hết được.

Tính hợp lý của việc CPH cần được thể hiện và kiểm tra qua luận chứng khoa học đối với CPH từng DNNN.

Thực thi nhanh chóng, kịp thời, ngay sau khi có chủ trương

Nhanh chóng, kịp thời ngay sau khi có chủ trương có thể hiểu là khi đã có kế hoạch của cấp trên thì phải làm ngay. Yêu cầu này xuất phát từ chỗ, càng để lâu các DNNN không được CPH sẽ càng gây hậu quả, chẳng hạn:

- Doanh nghiệp cần CPH mà không thực hiện sẽ làm cho người lao động không yên tâm, dao động, các DNNN này sẽ gây phản cảm cho tổ chức và cá nhân về kinh tế nhà nước.

- Các DNNN thuộc diện CPH mà không thực hiện ngay sẽ làm mất cơ hội phát huy ảnh hưởng tốt đẹp của giải pháp này.

Ngoài ra, khi có chủ trương mà không thực thi thì những kẻ xấu sẽ có cơ hội trong việc tìm cách rút ruột các nguồn tài sản nhà nước.

Việc cổ phần hóa phải được tiến hành công khai, minh bạch

Công khai với ai ? Công khai với các đối tượng có khả năng tham gia mua cổ phần như những tổ chức, cá nhân- đối tượng sẽ trở thành cổ đông.

Vì sao cần công khai? Để tránh mọi sự tư túi, thông đồng, “quân xanh, quân đỏ” giữa người đại diện sở hữu nhà nước với tổ chức, cá nhân có khả năng mua cổ phần được phát hành lần đầu.

Công khai cái gì ? Giá trị thật của tài sản được CPH; quyền lợi của các cổ đông; trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông đối với Nhà nước và ngược lại; thời hạn tiến hành việc CPH.

Vì sao cần công khai ? Để tạo sự bình đẳng về thông tin cho mọi tổ chức và cá nhân; để tránh sự mờ ám trong việc lựa chọn cổ đông chiến lược và công khai thông tin cho các cổ đông khác; để tạo điều kiện cho người lao động giám sát lẫn nhau và giám sát việc làm của cơ quan nhà nước.

Việc cổ phần hóa phải được ghi nhận bằng văn bản pháp lý thống nhất

Tính thống nhất của văn bản thể hiện ở nội dung các điều khoản, vị trí pháp lý của chủ thể, hình thức, thể thức của văn bản.

Tính thống nhất bảo đảm cho việc soạn thảo văn bản được dễ dàng, các bên đương sự có niềm tin tối đa vào Nhà nước, chống được sự gian dối có thể xảy ra sau này hoặc sự phủ nhận tùy tiện của các cơ quan nhà nước kế nhiệm, khi quá trình CPH đã qua đi nhiều năm tháng.

Nhà nước phải có trách nhiệm với quyền lợi của người lao động và cổ đông

Nếu trong thương mại có việc bảo hành của nhà cung ứng, thì trong CPH càng cần sự bảo hành của Nhà nước. Vấn đề này cần được đặt ra vì mấy lẽ sau đây:

Khi CPH DNNN sẽ có khả năng xảy ra tình trạng tranh chấp, chen lấn, ăn chặn của một số cá nhân, một số người am hiểu nghiệp vụ quản lý có thể có những mảnh khoe lừa bịp khi tìm cách thanh lý tài sản nhà nước với giá thấp hoặc nâng, hạ giá cổ phiếu. Khi đó, những thành viên vốn chỉ quen lao động chân tay sẽ bị lừa để chiếm

đoạt tài sản chung, quyền lợi chung về phía họ. Hiện tượng này đã xảy ra phổ biến ở các nước thuộc Liên- Xô cũ, khi xoá bỏ chế độ Xô- Viết, chuyển đổi sở hữu các DNNN bằng con đường cổ phần hoá.

Khi chuyển giao tài sản của Nhà nước cho các cổ đông cũng có thể xảy ra tình trạng khủng hoảng về quản lý, do những người lao động chưa quen làm chủ thật sự tài sản của mình. Có nhiều hình thức làm chủ mới, như sinh hoạt cổ đông, hội đồng quản trị, vận dụng cổ phiếu, thu nhập cổ tức... mà người lao động chân tay chưa nắm được, gây nên sự ách tắc trong vận hành doanh nghiệp sau CPH.

1.2.3. Nội dung của quản lý nhà nước đối với cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

1.2.3.1. Xây dựng chương trình mục tiêu về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Xác định mục tiêu, phạm vi CPH DNNN

Mục tiêu, chiến lược phát triển của Nhà nước có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với CPH DNNN, phản ánh xu hướng, triển vọng mà các cơ quan QLNN về CPH dự tính trong từng giai đoạn; phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, dựa vào hệ thống chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án để xây dựng các định hướng.

Mục tiêu của CPH DNNN là định vị lại vai trò và thu hẹp phạm vi kinh doanh, hoạt động của DNNN. Giúp các doanh nghiệp sau CPH thực hiện nghiêm pháp luật, kỷ cương hành chính, hoạt động theo cơ chế thị trường và cạnh tranh bình đẳng như DN thuộc các thành phần kinh tế khác trong mỗi Quốc gia.

CPH DNNN nhằm đẩy mạnh quá trình đa dạng hóa sở hữu DNNN, giảm dần tỷ lệ sở hữu Nhà nước tại những DNNN thuộc những ngành, lĩnh vực Nhà nước không cần nắm giữ 100% vốn.

Phạm vi CPH DNNN bao gồm các tập đoàn, tổng công ty, DNNN hoạt động theo mô hình công ty mẹ- công ty con, DNNN độc lập.

Cơ chế, chính sách, quy định pháp luật

Bao gồm các quy định của pháp luật, tạo khung pháp lý, điều tiết, hướng dẫn các DNNN thực hiện CPH theo đúng quy định. Nền tảng luật pháp cho QLNN về CPH

là các quy định pháp luật chuyên ngành tài chính doanh nghiệp và quy định có liên quan.

Quy định pháp luật tác động trực tiếp đến quá trình CPH DNNN gồm các nội dung: đối tượng cổ phần hóa, nguyên tắc, điều kiện, phương thức CPH, xử lý tồn tại tài chính, xác định giá trị doanh nghiệp, phương án cổ phần hóa, xử lý lao động dôi dư, việc phát hành cổ phiếu lần đầu.... Các quy định pháp luật về CPH đầy đủ, thống nhất, đồng bộ và phù hợp với thực tiễn sẽ góp phần tạo ra kết quả quan trọng trong QLNN về CPH. Tuy nhiên, nhiều quy định pháp luật về CPH còn thiếu tính đồng bộ giữa luật và các văn bản hướng dẫn thực hiện cần phải điều chỉnh, bổ sung nhiều lần, đã làm giảm tính ổn định của các quy định pháp luật... từ đó gây cản trở cho quá trình QLNN về CPH DNNN.

Nội dung này đòi hỏi Nhà nước cần thực hiện vai trò, chủ trương quản lý đối với việc áp dụng CPH theo những văn bản được thể chế hoá bằng pháp luật thống nhất, đồng bộ, nhất quán và rõ ràng. Có như vậy mới đảm bảo quá trình CPH doanh nghiệp đi đúng quỹ đạo của chiến lược phát triển kinh tế- xã hội đã xác định.

Nhà nước cần xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách, biện pháp cụ thể nhằm khuyến khích, hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp sau cổ phần hóa phù hợp với định hướng, mục tiêu phát triển trong từng giai đoạn và phù hợp với đặc điểm của từng loại doanh nghiệp trong từng ngành, lĩnh vực và ở từng địa bàn, lãnh thổ; ban hành các chính sách hỗ trợ người lao động sau khi CPH, đảm bảo cho họ có cuộc sống ổn định.

Xây dựng kế hoạch, tiến độ CPH DNNN

Dựa trên kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và kế hoạch phát triển, đổi mới DNNN trong từng thời kỳ, Nhà nước sẽ xây dựng kế hoạch CPH gắn chặt với quy hoạch phát triển của toàn bộ nền kinh tế quốc dân nói chung, từng ngành, lĩnh vực, từng địa phương nói riêng. Trên cơ sở kế hoạch đó, các cơ quan QLNN sẽ tiếp tục lập ra các bản kế hoạch chi tiết nhằm thực hiện mục tiêu đề ra.

1.2.3.2. Tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Bộ máy, nhân lực để cổ phần hóa

Quá trình CPH DNNN là hoạt động được tiến hành thường xuyên, kịp thời, nhằm đảm bảo tuân thủ luật pháp của doanh nghiệp. Để hoạt động này có hiệu quả,

Nhà nước cần có những điều kiện nhất định về tổ chức bộ máy, nhân lực có trình độ đáp ứng được yêu cầu chuyên môn, cách thức, kế hoạch tổ chức thực hiện, phân công trách nhiệm cũng như các mục tiêu rõ ràng.

Nhờ đó, các sai phạm, thiếu sót trong CPH sớm được phát hiện, phân tích và có thông tin phản hồi nhanh chóng, giúp xử lý nghiêm các vi phạm, đảm bảo nâng cao hiệu lực QLNN và điều chỉnh, bổ sung kịp thời những quy định, cơ chế, chính sách để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho quá trình CPH DNNN. Đây cũng là hoạt động đòi hỏi sự phối, kết hợp chặt chẽ của nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xã hội và cũng đang đặt ra nhiều thách thức cho công tác QLNN đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế.

Kiểm tra, giám sát sự tuân thủ pháp luật trong quá trình cổ phần hóa

Mục đích kiểm tra, giám sát quá trình CPH DNNN nhằm góp phần bảo đảm việc CPH đúng mục đích, thúc đẩy hoạt động của doanh nghiệp phát triển; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động và các cổ đông; bảo đảm việc chấp hành pháp luật của doanh nghiệp trong diện CPH, góp phần nâng cao hiệu quả và hiệu lực QLNN về CPH DNNN.

Nội dung bao gồm:

- Kiểm tra việc chấp hành các quy định của Nhà nước trong quá trình CPH như xây dựng kế hoạch, quán triệt, tuyên truyền; phân loại công nợ, xử lý tồn tại tài chính, thuê tư vấn kiểm toán xác định GTDN, lập phương án cổ phần hóa, xác định lỗ, lãi (*đặc biệt lỗ phải giảm trừ vào phần vốn nhà nước khi cổ phần hóa*); phương án giá sản phẩm phát hành cổ phiếu lần đầu, việc chọn cổ đông chiến lược, xác định các ưu đãi về cổ phiếu cho người lao động (*trong đó có lao động nghèo*) trong doanh nghiệp.

- Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng yêu cầu QLNN về CPH trong từng giai đoạn.

- Kiến nghị, yêu cầu DNNN có biện pháp xử lý các tồn tại để bảo đảm lành mạnh hóa tình hình tài chính trong quá trình CPH. Phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền những vi phạm pháp luật trong quá trình CPH.

- Hoạt động kiểm tra, giám sát còn bao gồm việc giám sát sự tuân thủ pháp luật của ban lãnh đạo doanh nghiệp khi thực hiện CPH, đây là một nội dung cơ bản của

công tác QLNN đối với doanh nghiệp. Hoạt động này sẽ diễn ra trong suốt quá trình kể từ lúc doanh nghiệp bắt đầu tiến hành CPH đến khi được cơ quan quản lý cấp giấy phép kinh doanh mới và hoạt động theo hình thức CTCP.

Xử lý các vấn đề liên quan đến thực thi chính sách CPH

Thứ nhất, tâm lý lẩn tránh CPH vẫn còn tồn tại trong không ít cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ quản lý và người lao động trong các DNNN cần CPH. Nếu triển khai CPH còn chờ vào tinh thần tự nguyện của doanh nghiệp và cơ quan quản lý thì họ tìm ra rất nhiều lý do để chậm trễ CPH càng lâu càng tốt.

Thứ hai, vướng mắc nhất hiện nay của CPH là khâu định giá DNNN. Thực tế cho thấy, CPH là hoạt động mang tính trao đổi mua bán, trong đó bên bán là Nhà nước do các cấp được ủy quyền khác nhau đại diện và bên mua là các chủ thể đa dạng như cá nhân, pháp nhân, tổ chức xã hội, người trong nước và người nước ngoài... Trong quan hệ mua bán đó, lợi ích của các bên không phải tuyệt đối thống nhất với nhau. Nhà nước muốn bán được giá, nếu bán rẻ thì cán bộ định giá sẽ bị gán cho tội làm thất thoát vốn nhà nước, trong khi người mua muốn mua rẻ để có lợi sau này. Do đó tất yếu giá phải được hai bên chấp nhận qua thỏa thuận và ngày nay đa số dân chúng đều cho rằng cơ chế tạo ra giá thỏa đáng ấy chính là giá thị trường trên cơ sở cung - cầu và cạnh tranh.

Thứ ba, vướng mắc thứ ba là cơ chế chính sách đối với người lao động trong các DNNN cần CPH. Người lao động trong các DNNN gồm hai loại: (1) Cán bộ quản lý do Nhà nước bổ nhiệm; (2) Người lao động ký hợp đồng. Vì cán bộ quản lý DNNN ít nhiều vẫn là một dạng công chức (do Nhà nước bổ nhiệm) nên hầu như còn sự mặc nhận rằng nếu không chuyển được sang CTCP thì Nhà nước phải bố trí công tác ở đâu đó. Do đó nhiều doanh nghiệp trùng trùng không CPH được vì chưa có phương án bố trí cán bộ.

Thứ tư, vấn đề phát sinh lớn là môi trường pháp lý chung cho các doanh nghiệp hoạt động đến cơ sở pháp lý cho CPH còn nhiều bất cập, không đồng bộ, cản trở lẫn nhau. Nhiều chính sách mới của Nhà nước có mâu thuẫn với các văn bản pháp lý đã có sẵn hoặc chưa có hướng dẫn cụ thể.

Thứ năm, vướng mắc trong chính công tác chỉ đạo, mặc dù các Chính phủ rất quan tâm chỉ đạo về CPH, nhưng quá trình triển khai trong thực tế lại không tương xứng với sự quan tâm, sát sao đó.

Nguồn tài chính công

Các khoản thu từ CPH DNNN (*như tiền bán cổ phần, cổ tức thuộc vốn nhà nước, thanh lý tài sản loại ra khỏi giá trị doanh nghiệp*), chi phí hoạt động của bộ máy quản lý; xử lý lao động dôi dư, tồn tại tài chính, thu từ thoái vốn nhà nước là các hoạt động mang tính chất công mà Nhà nước cần tiến hành để đảm bảo sự cân đối của nền kinh tế. Nhà nước có quyền thu đối với doanh nghiệp vì Nhà nước là chủ thể quản lý, là “người” đứng ra bảo vệ những quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, là “người” hỗ trợ khi doanh nghiệp gặp khó khăn trong quá trình hoạt động... và ngược lại, doanh nghiệp sau khi CPH sẽ có hướng phát triển khả quan và hiệu quả hơn.

1.2.3.3. Kết quả chương trình mục tiêu về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Việc đánh giá công tác QLNN về CPH DNNN gồm các nội dung sau:

- Công tác tư tưởng, tuyên truyền, xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách đối với quá trình CPH DNNN.

- Những kết quả mang tính định lượng như: việc rà soát, phân loại, xây dựng kế hoạch, số lượng các DNNN được CPH.

- Tác động của cổ phần hoá đối với hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá như:

Cổ phần hoá tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, giúp cơ cấu lại doanh nghiệp, huy động thêm vốn, tạo cho doanh nghiệp có chế quản lý năng động hiệu quả;

Chuyển một phần sở hữu nhà nước sang sở hữu hỗn hợp;

Tạo điều kiện để người lao động trở thành người chủ thực sự trong doanh nghiệp;

Thay đổi phương thức quản lý trong doanh nghiệp thực hiện CPH;

- Việc kiểm tra, giám sát quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước;

- Công tác quản lý tài chính công;

- Hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước đối với quá trình CPH DNNN.

1.2.4. Tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Đánh giá hiệu quả là một trong những nội dung quan trọng đối với QLNN về CPH; mục đích để xác định kết quả thực hiện QLNN về quá trình này. Do vậy, công tác đánh giá cần xem xét trong mối liên hệ về kết quả đạt được giữa các mục tiêu, chức năng và nội dung QLNN về CPH DNNN. Đồng thời qua đánh giá, xem xét những tác động để rút ra bài học trong quá trình thực hiện.

Từ mối liên hệ trên và vận dụng các tiêu chí đánh giá QLNN của Ngân hàng phát triển Châu Á về Cải thiện hành chính công trong một thế giới cạnh tranh (*Nxb Chính trị Quốc gia 2011*), luận án tổng hợp các tiêu chí đánh giá hiệu quả QLNN về CPH DNNN bao gồm:

1.2.4.1. Tiêu chí cân đối về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong quá trình cổ phần hóa

Tiêu chí này đòi hỏi sự cân đối về quyền và nghĩa vụ giữa các DNNN trong diện CPH và người lao động, các cổ đông trong quá trình CPH.

Việc đảm bảo công bằng, lợi ích cho doanh nghiệp, người lao động, các cổ đông và lợi ích chung của nền kinh tế là yếu tố quan trọng thúc đẩy triển khai CPH DNNN, thể hiện qua việc ban hành các văn bản pháp luật hướng dẫn cách thức, phương pháp, trình tự tiến hành CPH; quyền hạn và nghĩa vụ của doanh nghiệp, người lao động và các cổ đông, giúp họ có sự lựa chọn phù hợp trong quá trình mua cổ phiếu và giúp doanh nghiệp hạn chế, phân tán rủi ro.

1.2.4.2. Tiêu chí ổn định về chủ trương, đường lối, chính sách, pháp lý

Tiêu chí này được biểu hiện qua sự ổn định về định hướng, pháp lý và đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp, người lao động, các cổ đông và lợi ích chung cho phát triển kinh tế-xã hội. Nhà nước ban hành pháp luật liên quan đến CPH phải cụ thể, rõ ràng, ít điều chỉnh, bổ sung và phải đầy đủ nội dung cần thiết để đảm bảo cho các DNNN triển khai dễ dàng theo quy định.

Việc xây dựng, ban hành các quy định pháp luật, tạo khung pháp lý cần ổn định lâu dài, ít điều chỉnh, bổ sung, đảm bảo công khai, minh bạch thông tin pháp luật cho các DN thực hiện tốt các quy định trong quá trình CPH, góp phần gia tăng tính bền vững của QLNN về CPH.

1.2.4.3. Tiêu chí mức độ tuân thủ pháp luật và hiện thực quyền lực nhà nước

QLNN về CPH DNNN chỉ mức độ tuân thủ pháp luật, chấp hành mọi chỉ đạo từ các cơ quan quản lý về tài chính doanh nghiệp. Đồng thời, biểu hiện mức độ hiện thực quyền lực nhà nước và uy tín của các cơ quan đối với doanh nghiệp trong QLNN về CPH.

Đánh giá mức độ tuân thủ các quy định pháp luật: xem xét mức độ tuân thủ về đối tượng, nguyên tắc, điều kiện và quy trình CPH, phân loại các khoản tồn tại tài chính, lập số liệu kiểm kê hàng tồn kho, đối chiếu công nợ, xác định giá trị doanh nghiệp, tư vấn phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng...

Đánh giá mức độ hiện thực quyền lực nhà nước: mức độ thực hiện việc tổ chức xây dựng và triển khai định hướng phát triển CPH DNNN; mức độ ban hành pháp luật đầy đủ, đồng bộ, kịp thời để tạo điều kiện pháp lý cho CPH; mức độ điều tiết, can thiệp của Nhà nước, can thiệp quá mức hay thiếu sự điều tiết phù hợp; việc kiểm tra, giám sát trong quá trình CPH DNNN.

Nói chung, để QLNN về CPH đạt được kết quả cuối cùng, cần có sự ổn định từ tuân thủ, chấp hành pháp luật, tôn trọng các quy định về đối tượng, nguyên tắc, điều kiện CPH. Tuân thủ các quy định đảm bảo định giá tài sản, xử lý các khoản tồn tại tài chính, xác định các khoản nợ theo quy định của Nhà nước. Qua hướng dẫn của các cơ quan nhà nước sẽ tác động đến nhận thức của các DNNN về lợi ích của việc CPH; giúp các DN CPH gia tăng thu nhập, mở rộng được thị phần SXKD. Với nhận thức đó, các DNNN thuộc diện CPH sẽ chủ động mở rộng hoạt động SXKD theo quy định của pháp luật, thúc đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu DNNN, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN về CPH DNNN.

1.2.4.4. Tiêu chí hiệu quả và phù hợp

Hiệu quả là chỉ tiêu phản ánh trình độ khai thác các yếu tố đầu vào để tạo ra kết quả hoạt động tối đa với chi phí tối thiểu, hoặc là chỉ tiêu phản ánh năng suất hoạt động, hiệu suất sử dụng các chi phí đầu vào. Do vậy, có thể hiểu hiệu quả QLNN về CPH DNNN phản ánh kết quả hoạt động với mức tối đa và chi phí ở mức tối thiểu. Hiệu quả QLNN được đánh giá bằng mức độ đạt được của nội dung so với các mục tiêu đặt ra.

Tiêu chí hiệu quả ở đây cần định lượng đối với các DNNN khi CPH thông qua các chỉ tiêu: doanh thu; lợi nhuận sau thuế và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ

sở hữu; nợ phải trả quá hạn, khả năng thanh toán nợ đến hạn; chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về thuế và các khoản thu nộp ngân sách khác, quy định về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính; tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công cộng. Các tiêu chí nêu trên được xác định và tính toán từ số liệu trong các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo thống kê định kỳ theo quy định của Nhà nước.

Đối với hoạt động giám sát, ngoài việc xử lý nghiêm, cần tiến hành phân tích, đánh giá, tìm ra những hạn chế trong công tác ban hành pháp luật và điều hành của Nhà nước để hiệu chỉnh kịp thời, tạo điều kiện cho quá trình CPH được ổn định.

Tiêu chí phù hợp bao gồm: sự phù hợp của các mục tiêu định hướng; các quy định của pháp luật có nội dung bên trong phù hợp nhau, sự phù hợp giữa luật với các văn bản hướng dẫn thực hiện quá trình cổ phần hóa, sự phù hợp giữa các quy định với thực tế; phù hợp về nội dung, phương thức, hình thức giám sát quá trình CPH DNNN.

Các tiêu chí đánh giá kết quả QLNN về CPH DNNN trên có mối liên hệ mật thiết và tác động qua lại lẫn nhau. Quy định pháp luật về CPH chỉ có hiệu lực thi hành khi ban hành phải phù hợp với nội dung và mục đích đã đề ra, nhằm đưa quy định pháp luật đi vào thực tiễn đời sống xã hội; mức độ tuân thủ các quy định pháp luật của DNNN và mức độ hiện thực quyền lực nhà nước, trên cơ sở đảm bảo tiêu chí phù hợp trong QLNN về CPH, giúp đạt được nội dung so với các mục tiêu QLNN về CPH đã đặt ra theo tiêu chí hiệu quả và qua đó đáp ứng được các yêu cầu, sự ổn định về định hướng, pháp lý và đảm bảo sự công bằng, hài hòa lợi ích cho các DN, người lao động, các cổ đông và lợi ích chung cho phát triển kinh tế-xã hội theo hướng bền vững.

1.2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

1.2.5.1. Nhân tố khách quan

Sự phát triển kinh tế-xã hội và cơ chế chính sách

Sự phát triển kinh tế-xã hội tạo thêm nhu cầu mới cho các DNNN thuộc diện CPH mở rộng hình thức huy động vốn ngoài việc vay ngân hàng như: phát hành cổ phiếu, hợp tác liên doanh, liên kết, vay các quỹ đầu tư. Qua đó, Nhà nước ban hành quy định pháp luật và hướng dẫn thực hiện các hình thức huy động vốn phù hợp với

tình hình phát triển kinh tế-xã hội. Mặt khác, sự phát triển kinh tế-xã hội bền vững sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho QLNN về CPH DNNN phát huy hiệu quả.

Cơ chế chính sách do cơ quan QLNN ban hành nhằm quy định các nội dung cụ thể để cổ phần hóa DNNN. Việc chính sách ban hành có phù hợp với thực tế tại từng thời điểm hay không sẽ có ảnh hưởng tới tiến độ CPH DNNN.

Các văn bản, chính sách do Nhà nước ban hành có ảnh hưởng quan trọng đến tiến trình CPH. Các văn bản, chính sách đồng bộ, thống nhất và hợp lý sẽ có tác động thúc đẩy quá trình CPH DNNN.

Trình độ phát triển của thị trường và quy mô khu vực kinh tế tư nhân

Đối với việc CPH doanh nghiệp, yếu tố thị trường có tác động không nhỏ, vì CTCP phát hành cổ phiếu, đây là một loại hàng hoá đặc biệt, vì vậy giá bán cổ phiếu phải hợp lý thì mới được người lao động và thị trường chấp thuận, giá này vừa phải đảm bảo quyền lợi của Nhà nước, vừa đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và người lao động. Khi thị trường tài chính phát triển, tự do hóa các giao dịch vốn sẽ tạo ra nhiều sản phẩm tài chính và các hình thức huy động vốn, từ đó tác động tích cực đến việc nâng cao hiệu quả CPH và sẽ góp phần gia tăng hiệu quả QLNN trong quá trình CPH DNNN.

Khó khăn và cản trở lớn trong quá trình CPH ở nhiều nước là do khu vực tư nhân nhìn chung vẫn còn ở quy mô nhỏ. Điều này phản ánh trình độ chậm phát triển của kinh tế thị trường, trong đó hình thái doanh nghiệp một chủ tự mình đứng ra kinh doanh là phổ biến, hình thái CTCP còn xa lạ với nhiều người. Điều này gây ra sự ngỡ ngàng, lúng túng cho cả người đầu tư lẫn người sử dụng vốn đầu tư dưới hình thức mua và phát hành cổ phiếu. Do đó làm cho việc tiến hành CPH tại các nước phải thực hiện trong một thời gian dài song song với sự hình thành và phát triển hình thái CTCP cũng như xác lập môi trường pháp lý tương ứng.

Nhân tố thay đổi trong bản chất hoạt động kinh doanh

Sau CPH, tính chủ động trong quản lý cũng như mức độ tự quyết của các nhà quản lý doanh nghiệp đã giúp CTCP đạt được mục tiêu lợi nhuận và hiệu quả đã tăng lên đáng kể. Mọi quan hệ chặt chẽ giữa trách nhiệm của nhà quản lý và công nhân viên đã làm cho nó dễ dàng hơn trong sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất và nguồn lực của doanh nghiệp. Đây là lý do phần lớn các CTCP thành lập từ CPH nhận thức được rằng họ phải sử dụng năng lực sản xuất một cách hiệu quả hơn so với trước khi CPH.

Sau CPH, các doanh nghiệp bằng những chính sách đãi ngộ, đào tạo đã nâng tầm kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, văn hóa ứng xử và đạo đức nghề nghiệp cho nguồn nhân lực hiện có, không những giúp tăng thu nhập, khuyến khích vật chất như chế độ tiền thưởng mà còn quan tâm, chú trọng đến công tác bồi dưỡng, đào tạo, đào tạo lại, tổ chức tham quan, học tập trong nước và thế giới để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, sắp xếp lại tổ chức cho hợp lý, gọn nhẹ và hiệu quả.

Các doanh nghiệp cũng chú trọng đến việc xây dựng hệ thống nội quy, quy chế, thỏa ước lao động tập thể, quy ước văn hóa công sở, các quy chế nội bộ khác đảm bảo yêu cầu đồng bộ nhằm cụ thể hóa các quy định về quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, phát huy vai trò, trách nhiệm, tinh thần hăng say lao động của cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

1.2.5.2. Nhân tố chủ quan

Lựa chọn công cụ QLNN và hỗ trợ của Nhà nước về CPH DNNN

Lựa chọn công cụ QLNN về CPH phù hợp, sử dụng công cụ pháp luật để điều chỉnh kịp thời, hợp lý trong việc mở rộng hay thu hẹp các hình thức cổ phần hóa nhằm duy trì sự ổn định thường xuyên và lâu dài của quá trình CPH DNNN. Sử dụng công cụ kế hoạch để tác động đến định hướng, nhằm đạt được các mục tiêu QLNN về CPH. Sử dụng công cụ chính sách nhằm điều tiết kịp thời, khuyến khích hay hạn chế việc mở rộng các hình thức, phương thức CPH.

Bên cạnh đó, Nhà nước sử dụng công cụ tài sản quốc gia, chính sách hỗ trợ về mặt bằng đất đai, đầu tư hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, cung cấp thông tin, chính sách trợ giúp phát triển các doanh nghiệp sau CPH, hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước tạo điều kiện cho các DNNN trong diện CPH phát triển SXKD, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN.

Nguồn tài chính công và quản trị doanh nghiệp

Nhà nước cần một nguồn tài chính cần thiết để giải quyết hàng loạt vấn đề liên quan đến quá trình CPH như các khoản trợ cấp cho người lao động dôi dư do quá trình CPH, chi phí đào tạo lại nghề mới và thời gian tìm việc, các chi phí cho chính sách xã hội và bảo hiểm, chi phí để thực hiện công việc tư vấn, môi giới đầu tư, chi phí phát hành và các dịch vụ về buôn bán cổ phiếu... Những khoản phí tổn này là không thể bỏ qua được và thường khá lớn. Đây là chưa kể đến chính sách bán cổ phiếu giá thấp và tín dụng cho một số đối tượng nhất định để khuyến khích và thực hiện mục tiêu xã hội

sẽ làm cho chi phí tăng lên nhiều hơn nữa. Thêm vào đó, nạn tham nhũng và hối lộ sẽ lợi dụng cơ hội này để tâu tán tài sản của Nhà nước nếu thiếu sự quản lý chặt chẽ.

Việc ra các quyết định quan trọng trong quản trị có sự thay đổi sau CPH. Trước khi CPH, các quyết định quan trọng nhiều khi đến từ cơ quan quản lý cấp trên (*nhân sự, giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD...*) Sau CPH, các nội dung này đã được giao cho các cổ đông và HĐQT, ban giám đốc. Vì thế những quyết định quản trị sẽ sát thực hơn với doanh nghiệp, đem lại lợi ích nhiều hơn cho người lao động và các cổ đông. Bên cạnh đó, việc bổ nhiệm chủ tịch HĐQT và giám đốc không còn phụ thuộc vào cơ quan QLNN mà hoàn toàn do cổ đông quyết định. Điều này giúp cho cán bộ được bổ nhiệm vào cuộc một cách nhanh chóng và hiệu quả nhất, không phải chờ đợi quá lâu từ cấp trên.

Những nhân tố trên đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình CPH, từ đó dẫn đến tiến trình CPH diễn ra nhanh hoặc chậm và sẽ ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến quá trình tái cơ cấu, đổi mới DNNN của các quốc gia.

1.3. KINH NGHIỆM VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CỔ PHẦN HÓA

1.3.1. Kinh nghiệm của nước ngoài

1.3.1.1. Kinh nghiệm của nước Anh

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Chính phủ Anh đã ra sức vận dụng học thuyết Keynes nhằm tăng cường vai trò can thiệp trực tiếp của mình vào sự ổn định và phát triển của nền kinh tế thị trường. Vào giữa năm 1979, trước khi bắt đầu cổ phần hóa, ở Anh có 51 công ty công cộng với số lao động khoảng 2 triệu. Trong quá trình CPH, Nhà nước đã bán 16 công ty, quá trình CPH ở Anh trải qua 3 giai đoạn:

Trong các năm 1979-1984: tập trung CPH các xí nghiệp quốc doanh vừa và nhỏ trong các công ty quốc doanh lớn thuộc các ngành có cạnh tranh trên thị trường để tạo nguồn thu bù đắp các khoản vay nợ của khu vực kinh tế nhà nước.

Từ năm 1985-1988: tập trung bán cổ phần cho công chúng đối với các công ty công cộng kinh doanh có tính chất độc quyền nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của chúng.

Từ năm 1988 đến nay: bán đấu giá rộng rãi các doanh nghiệp kinh tế công cộng, chuyển chúng sang hoạt động cạnh tranh theo cơ chế thị trường.

Cổ phần hóa ở Anh được thực hiện thông qua các hình thức khác nhau: Chính phủ tổ chức bán đấu giá cổ phiếu của DNNN cho những ai muốn mua thông qua Sở giao dịch chứng khoán; bán một phần vốn cố định của DNNN cho một nhóm cá nhân hoặc công ty tư nhân có khả năng tài chính để cải tổ hoạt động của doanh nghiệp; bán cổ phiếu cho cán bộ quản lý và công nhân trong doanh nghiệp.

CPH DNNN ở Anh không chỉ có tác dụng thu hẹp hợp lý sở hữu nhà nước, mà còn hình thành cơ chế điều chỉnh và kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp khi cơ cấu lại quan hệ sở hữu Nhà nước- tư nhân trong nền kinh tế thị trường.

Kinh nghiệm của Anh cho thấy, vai trò của DNNN trong nền kinh tế nước Anh đã có sự thay đổi. Những năm 40, 50 của thế kỷ trước là kỷ nguyên DNNN nắm quyền chi phối. Nhưng theo thời gian, hiệu quả của mô hình này cần được nhìn nhận lại và cải cách là quan trọng. Bất kỳ cải cách nào cũng gặp phản đối, trong đó có CPH DNNN. Điều quan trọng là Chính phủ phải vượt qua thách thức này bằng cách nỗ lực thực hiện với việc lựa chọn dự án thí điểm điển hình, thiết thực để có kết quả tốt nhằm phát triển và nhân rộng. Kết quả sau 30 năm cải cách DNNN trở lại đây đã đem lại sức mạnh cho nền kinh tế Anh, giúp nước Anh thu hút được thêm nhiều vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài [76, tr.48-51].

1.3.1.2. Kinh nghiệm cổ phần hóa tại Mexico

Ngay từ những năm 80 của Thế kỷ XX, cùng với sự thay đổi chế độ ngoại thương lập ra các vùng mậu dịch tự do và các hiệp ước không thuế quan để khuyến khích cạnh tranh buộc các doanh nghiệp phải làm ăn có hiệu quả, Chính phủ Mexico đã mở ra điều kiện thuận lợi để khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư, tạo ra những động lực mới cho sự tăng trưởng. Đi liền với chính sách tự do hóa thương mại, Chính phủ Mexico đã đặt chương trình CPH như là biện pháp khắc phục lại quan điểm hướng nội và quá trình tư nhân hóa ồ ạt là ví dụ. Từ năm 1982-1990, Mexico đã CPH và tư nhân hóa 750 trong tổng số 1155 xí nghiệp nhà nước, khoảng 17 tỷ USD thu được từ bán 12 ngân hàng và Công ty điện thoại Telmex. Giai đoạn này, Mexico cũng xét tới việc lôi kéo khu vực tư nhân vào xây dựng hạ tầng cơ sở, đặc biệt là các đường cao tốc.

Với khu vực được coi là “sân sau” của Chủ nghĩa tư bản Mỹ, nền kinh tế Mexico từ lâu đã là một vùng kinh tế thị trường mở cửa và chịu sự chi phối lớn của các công ty nước ngoài, đặc biệt là các công ty xuyên quốc gia và đa quốc gia. Đặc

điểm này đã quy định CPH ở Mexico chủ yếu được thực hiện bằng việc Nhà nước bán trực tiếp cổ phần cho các công ty nước ngoài. Điều này có thể hình dung với 10,4 tỷ USD đầu tư trực tiếp của tư bản nước ngoài thì có tới 3,5 tỷ USD là đầu tư qua việc mua cổ phần của các công ty quốc doanh được CPH.

Một kinh nghiệm nữa ở Mexico là Chính phủ tiến hành cổ phần hóa các xí nghiệp quốc doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Khi đã đạt quy mô nhất định mới chuyển sang lĩnh vực độc quyền của Nhà nước như hàng không, thông tin liên lạc, viễn thông và thường ở mức Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối [76, tr.51].

1.3.1.3. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Từ những năm 1980, chương trình thí điểm CPH được đề ra trong "*Quy định về đi sâu cải cách, tăng cường sức sống doanh nghiệp của Trung ương*". Tuy nhiên, chương trình này chỉ thực sự phát triển mở rộng từ sau năm 1992 khi Quốc vụ viện và Nhà nước Trung Quốc phê chuẩn văn kiện "*Các biện pháp thí điểm cổ phần xí nghiệp*" và "*Ý kiến quy phạm công ty hữu hạn cổ phần*" [62, tr.49].

Các biện pháp CPH được Chính phủ quy định bao gồm:

- Bán một phần giá trị doanh nghiệp cho các cá nhân, tổ chức ngoài doanh nghiệp thông qua bán cổ phiếu và cải biến DNNN thành CTCP, trong đó Nhà nước nắm cổ phần khống chế; đây là loại doanh nghiệp nhà nước cổ phần.

- Bán phần lớn giá trị tài sản của DNNN thông qua bán cổ phiếu cho mọi đối tượng, trong đó Nhà nước là một cổ đông song không nắm cổ phần khống chế; đây là loại công ty cổ phần thuần túy.

- Bán toàn bộ DNNN cho tư nhân để hình thành các công ty tư nhân hoặc các CTCP, đây có thể coi là biện pháp tư nhân hoá hoàn toàn.

- Giữ nguyên vốn Nhà nước và gọi thêm vốn của các cổ đông khác để chuyển thành CTCP.

- Nhà nước góp vốn với tư nhân để hình thành công ty cổ phần mới.

Theo con số thống kê cuối năm 1992, Trung Quốc có khoảng 3.700 xí nghiệp cổ phần hoá, trong đó 750 xí nghiệp nguyên là quốc doanh được chuyển đổi. Đến cuối năm 1993 số xí nghiệp CPH trong cả nước trong năm lên tới 2.540 xí nghiệp, trong đó có 218 doanh nghiệp niêm yết trên TTCK.

Văn kiện Đại hội Đảng cộng sản Trung Quốc lần thứ 14 coi việc xây dựng chế độ doanh nghiệp là nhiệm vụ trung tâm trong kế hoạch 5 năm lần thứ 9 (1993-1997). Nhiều biện pháp mới liên quan đến CPH được áp dụng như thành lập Công ty quản lý doanh nghiệp Trung ương và biến các công ty cổ phần hoá thành công ty con của Công ty quản lý; tách hoạt động quan trọng ra khỏi DNNN và chuyển doanh nghiệp thành CTCP; đẩy mạnh thu hút vốn nước ngoài vào các xí nghiệp CPH.

Tính đến cuối năm 2006, Trung Quốc đã CPH và thành lập mới được khoảng 19.200 CTCP với tổng vốn đăng ký khoảng 1.600 tỷ NDT, trong đó cổ phần nhà nước chiếm 43% [102, tr.48].

Có thể nói, mục đích căn bản của việc thực hiện chế độ cổ phần ở Trung Quốc là thay đổi chế độ sở hữu tài sản mà ở đó trước đây, Nhà nước luôn giữ vai trò độc quyền, để hình thành nên kết cấu đa dạng về quyền sở hữu tài sản trong nội bộ doanh nghiệp, tối ưu hóa kết cấu quản trị doanh nghiệp. Đây là lợi ích căn bản và lâu dài nhất của việc cổ phần hóa các DNNN ở Trung Quốc. Thành quả nổi bật nhất là đến nay chế độ cổ phần đã được thực hiện rộng rãi “là hình thức thực hiện chủ yếu của chế độ công hữu” [100, tr.33].

1.3.1.4. Kinh nghiệm của Hàn Quốc

Những nỗ lực tư nhân hoá tại Hàn Quốc chỉ bắt đầu vào năm 1969 khi Hãng hàng không Korean Air được Chính phủ nhượng bán cho một tập đoàn tư nhân và sau đó vào năm 1982, Nhà nước bán thêm Công ty Dầu khí Quốc gia, cùng lúc với việc chuyển Cục Viễn thông Quốc gia thành CTCP, trong đó một số cổ phần được bán cho các nhà đầu tư tư nhân. Vào năm 1982-1983, tất cả 07 ngân hàng thương mại quốc gia đều được "phi quốc doanh hoá", 43 công ty tài chính và quỹ tín dụng tư nhân ra đời cùng với 10 công ty tài chính ngắn hạn khác.

Kinh nghiệm của Hàn Quốc trong quá trình phi quốc doanh hoá khác với các nước khác là Chính phủ không quan tâm nhiều vào việc thâm thủng hay thua lỗ của các xí nghiệp quốc doanh. Nói rõ hơn, không phải chờ đến lúc các xí nghiệp quốc doanh đứng bên bờ phá sản mới tiến hành phi quốc doanh hoá. Thay vào đó, việc tư nhân hóa (từng phần hay toàn phần) được coi như một đòn bẩy thúc đẩy các xí nghiệp làm ăn có hiệu quả hơn, đạt đến những chỉ tiêu cao hơn nhờ sự cạnh tranh lành mạnh.

Một kinh nghiệm nữa của Hàn Quốc về các doanh nghiệp tư nhân là Chính phủ đã chia sẻ đầy đủ trách nhiệm với sự phát triển đất nước. Quan trọng hơn, thông điệp

này đã được đa số nhân dân và giới kinh doanh đồng tình. Báo chí đã đóng vai trò vô cùng ý nghĩa trong nhiệm vụ này. Các Bộ, ngành chuyên môn của Chính phủ và giới tư nhân có những hội nghị định kỳ, bàn bạc với nhau những chỉ tiêu phát triển, kể cả mục tiêu đạt đến chất lượng và giá cả. Điều này đã giúp đất nước Hàn Quốc trả lời có hiệu quả với sự chuyển biến của quốc tế và quốc nội là nhanh chóng rút ra được những sai lầm của quá khứ [4, tr.4].

1.3.2. Kinh nghiệm của một số cơ quan, địa phương trong nước

1.3.2.1. Kinh nghiệm tại Bộ Giao thông- Vận tải

Thời gian qua, Bộ Giao thông- Vận tải được đánh giá là đơn vị tiên phong trong triển khai tái cơ cấu, CPH các DNNN và đạt một số kết quả đáng ghi nhận.

Đến tháng 01/2011, Bộ GTVT có 94 DN 100% vốn nhà nước. Các DN thuộc Bộ GTVT giai đoạn này gặp nhiều khó khăn trong SXKD, hệ số nợ phải trả/vốn điều lệ cao, vượt so với quy định (có DN lên đến 10 lần), lãi suất tín dụng cao. Một số DN đã đầu tư, mở rộng quá nhanh, trong khi quản trị DN còn nhiều yếu kém, dẫn đến hiệu quả SXKD thấp, nhiều DN đứng bên bờ vực phá sản.

Để giải quyết tình trạng trên, trong ba năm tiếp theo, Bộ đã thực hiện CPH 54 DN, trong đó có 11 DN quy mô lớn như Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (IPO tháng 11/2014) và 10 tổng công ty 90 do Bộ quyết định thành lập. Giai đoạn 2011-2015, Bộ cổ phần hóa được 137 DN, trong đó: năm 2011, CPH 7 DN; năm 2012, CPH 3 DN; năm 2013, CPH 44 DN; năm 2014, CPH 15 DN và năm 2015 CPH 68 DN.

Bộ GT-VT đã chỉ đạo các DN xây dựng phương án CPH theo hướng Nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối, đồng thời, kêu gọi các nhà đầu tư có năng lực tham gia làm cổ đông chiến lược.

Một trong những khó khăn là sự thiếu kinh nghiệm thực hiện tái cơ cấu, CPH các tổng công ty nhà nước. Ngoài ra, trong quá trình CPH, các DN thuộc Bộ GTVT vẫn tiếp tục phải đối mặt với nhiều thách thức như: giá cả nguyên, nhiên vật liệu có nhiều biến động; các ngân hàng thắt chặt tín dụng nên việc vay vốn gặp khó khăn, ảnh hưởng đến việc làm, đời sống người lao động của các doanh nghiệp [126, tr.4].

1.3.2.2. Kinh nghiệm của thành phố Hồ Chí Minh

Năm 1999 có 42 DNNN, năm 2000 có 23 và năm 2001 có 32 doanh nghiệp thuộc thành phố Hồ Chí Minh được CPH. Sau CPH, số lượng lao động tăng 10% với

thu nhập tăng 20 %. Điều này khuyến khích người lao động yên tâm làm việc, cống hiến hết khả năng của mình vào công việc.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về việc "Tái cấu trúc DNNN, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015", Thành phố đã ban hành quyết định về kế hoạch tái cơ cấu doanh nghiệp 100% vốn nhà nước giai đoạn 2012-2015. Theo đó, 14 trong số 17 tổng công ty, công ty thực hiện xây dựng đề án tái cơ cấu DN. Thành phố đã phê duyệt đề án tái cơ cấu của 13 trong số 14 DN. Đến nay, phần lớn các tổng công ty, công ty đang tập trung đầu tư ngành nghề kinh doanh chính để xây dựng chiến lược phát triển đến năm 2015, tầm nhìn 2020.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các DN đẩy nhanh tiến độ CPH sớm hơn quy định, UBND thành phố đã tích cực kiểm tra, đôn đốc các công ty tư vấn bảo đảm tiến độ tư vấn CPH DN theo nội dung hợp đồng ký kết. Phân công Ban Đổi mới quản lý DN cùng các Sở, ngành phối hợp thành lập ban chỉ đạo CPH trong các doanh nghiệp cùng với việc xác định GTDN.

Định kỳ hàng tháng, UBND thành phố tổ chức giao ban, nghe báo cáo tiến độ, nhất là những vướng mắc, khó khăn để chỉ đạo kịp thời và xem xét giải quyết ngay những trường hợp cần thiết, đề xuất chọn các DN có đủ điều kiện có thể điều chỉnh theo hướng CPH sớm hơn kế hoạch. Cục Thuế ưu tiên sớm kiểm tra, quyết toán thuế cho các DN thực hiện CPH giai đoạn 2016-2018.

1.3.3. Bài học rút ra cho Việt Nam và thành phố Hà Nội

1.3.3.1. Đối với Việt Nam

Qua việc nghiên cứu quá trình CPH các DNNN trên thế giới và tham khảo nội dung Hội thảo Kinh nghiệm cải cách DNNN ở Indonesia và bài học với Việt Nam [62, tr.6], có thể rút ra một số vấn đề có tính chất chung cho quá trình tiến hành CPH các DNNN ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, cụ thể:

Cổ phần hóa DNNN là hoạt động mang tính phổ biến

Các quốc gia khác nhau theo đuổi việc CPH DNNN để đạt các mục tiêu chính trị và kinh tế giống nhau.

Cổ phần hóa cần được nghiên cứu một cách toàn diện, nó không chỉ là mục đích tự thân mà là một bộ phận quan trọng của chương trình cải cách rộng lớn nhằm khuyến khích cạnh tranh, phát triển thị trường vốn.

Cổ phần hóa DNNN đã được thực hiện ở các nước phát triển và đang phát triển, được tiến hành đồng bộ với cải cách hệ thống luật pháp và bộ máy quản lý.

Sự triển khai có tính chất toàn cầu quá trình này tạo ra một tương quan hợp lý giữa sở hữu nhà nước và sở hữu tư nhân, giữa sự điều tiết của Nhà nước và thị trường. Vì vậy, tiến hành CPH DNNN ở Việt Nam là đòi hỏi khi chuyển sang nền kinh tế thị trường cần có sự điều tiết, định hướng của Nhà nước.

CPH DNNN mang tính đặc thù, tùy theo điều kiện cụ thể của từng Quốc gia

Không có một phương thức luôn đúng để quản lý cổ phần nhà nước trong các CTCP ở các nước. Đến nay, kinh nghiệm quản lý thành công hay không đều tồn tại ở các nước trong quá trình CPH DNNN.

Đây là sự phản ánh các sắc thái khác nhau về mục tiêu, cách thức tổ chức, bước đi và các biện pháp cụ thể do những đặc điểm về kinh tế, chính trị, xã hội cũng như quan niệm về xây dựng và phát triển kinh tế của mỗi Chính phủ quy định. Nước ta cũng không thể không chú ý đến tính đặc thù để vận dụng vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Chính phủ nên áp dụng hình thức CPH chủ yếu đối với các doanh nghiệp vừa và lớn, có khả năng phát triển; áp dụng tỷ lệ bán cổ phần đa dạng.

CPH mang tầm chiến lược góp phần tái cơ cấu DNNN

Khi DNNN đã được cổ phần hóa, các Chính phủ xây dựng các công cụ thay thế để phục vụ lợi ích quốc gia và lợi ích xã hội như chế định hợp đồng, quyền của cổ đông thiểu số và cổ phiếu vàng, điều tiết ngành.

Hầu hết các nước đều coi CPH là một bộ phận của quá trình cải tổ toàn bộ nền kinh tế. Do đó, đòi hỏi phải được suy xét và hành động mang tính chiến lược cao. Vì vậy, các nước đều lập ra một cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện quá trình này theo những quan điểm chiến lược đề ra. Với quy mô và tính chất quan trọng của chương trình CPH, Nhà nước ta có thể xem xét vấn đề này ở tầm chiến lược trong quá trình đổi mới toàn diện để phát triển nhanh nền kinh tế, đồng thời cũng cần thiết thành lập một cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm thực hiện chương trình này.

Nhà nước xây dựng và quán triệt một quan niệm, một mục tiêu đúng đắn về CPH phù hợp với mục tiêu chuyển DNNN thành CTCP là để thu hút vốn từ bên ngoài vào, chứ không bán toàn bộ tài sản nhà nước.

Cổ phần hoá muốn phát triển và mở rộng phải có sự gắn kết với thị trường chứng khoán. Không có sự phân biệt giữa cổ phiếu nhà nước và cổ phiếu của các cá nhân, pháp nhân gọi chung là cổ phiếu, tạo một sân chơi bình đẳng cho các nhà đầu tư.

CPH DNNN gồm nhiều giai đoạn

CPH DNNN là công việc khó khăn, bí quyết thành công là vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Thực tiễn và nhiều công trình nghiên cứu ở các nước đều chỉ ra rằng việc thực hiện CPH bao gồm nhiều giai đoạn khác nhau. Tuy không có sự phân biệt rõ ràng giữa các giai đoạn nhưng nó có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn: khuyến khích tính thận trọng với các giải pháp phù hợp dựa trên những điều kiện thực tế. Việt Nam, trong hoàn cảnh thiếu một số điều kiện để thực hiện CPH thì việc quán triệt quan điểm, quá trình trong CPH các DNNN là cần thiết để chống những tư tưởng và biểu hiện nóng vội, chủ quan duy ý chí, muốn hoàn thành trong một thời gian ngắn.

Việt Nam có thể chú trọng đến giải pháp kích cầu và tạo cơ sở ban đầu cho việc hình thành thị trường vốn trong nước. Bên cạnh việc mở rộng đối tượng bán để các tổ chức, cá nhân có thể tham gia chương trình CPH, Chính phủ cần có biện pháp hỗ trợ vốn ban đầu cho người lao động trong doanh nghiệp, có các chính sách lãi suất, chính sách tài chính đúng, mở rộng thị trường mua, kể cả việc bán cổ phiếu cho người nước ngoài và chuyển nợ thành vốn đầu tư.

Môi trường pháp lý của việc thực hiện CPH

Để thực hiện công việc này ở các nước phải tạo ra một môi trường pháp lý cần thiết. Đó là các bộ luật quan trọng có ý nghĩa như là những điều kiện để xác lập và ổn định kinh tế vĩ mô, tạo ra những khuôn khổ pháp lý cho sự chuyển đổi và hoạt động của các doanh nghiệp được CPH. Đối với Việt Nam cần đặt ra vấn đề này, trên thực tế, Nhà nước đã và đang ban hành nhiều bộ luật nhằm xác lập và hoàn thiện môi trường pháp lý cho các doanh nghiệp hoạt động cũng như thực hiện kế hoạch CPH.

Chủ sở hữu nhà nước có thể thực hiện quyền cổ đông của mình dưới nhiều hình thức khác nhau. Các doanh nghiệp sau CPH phải hoạt động trong môi trường cạnh tranh có sự điều tiết của Nhà nước mới tận dụng được các lợi thế của CTCP.

1.3.3.2. Đối với thành phố Hà Nội

Thứ nhất, việc sắp xếp, đổi mới DNNN cần được thực hiện đồng bộ từ khâu tuyên truyền, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định, chỉ đạo, định hướng của Chính phủ, Thành ủy, UBND thành phố đến khâu tổ chức thực hiện.

Thứ hai, phải bám sát thực tiễn, nắm bắt, đề xuất kịp thời các cơ chế, chính sách để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình CPH DNNN. Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành và điều kiện thực tế triển khai, Thành phố cần đề xuất cụ thể một số cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện CPH các DNNN của Thành phố.

Thứ ba, muốn CPH thành công, phải có sự phối hợp giữa các Bộ, ngành ở Trung ương và chính quyền, các Sở, ban, ngành ở địa phương để giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các DN trong quá trình CPH.

Thứ tư, lãnh đạo Thành phố và các Sở, ngành cần thường xuyên vào cuộc, chỉ đạo quyết liệt, ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác CPH DNNN, thể hiện quyết tâm chính trị cao, quyết liệt, tập trung, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm và các bước đi thích hợp trong quá trình CPH doanh nghiệp.

Thứ năm, xác định rõ vai trò, trách nhiệm cá nhân, xét mức độ hoàn thành các nhiệm vụ trong công tác CPH DNNN, coi đây là một căn cứ để đánh giá và bình xét thi đua khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan (*gồm cả cơ quan quản lý và DN trong diện CPH*). Cần có sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong giải quyết các vấn đề trong và sau CPH./.

TIÊU KẾT CHƯƠNG I

Chương I đã hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về cổ phần hóa và quản lý nhà nước đối với quá trình cổ phần hóa DNNN; nêu khái niệm cổ phần hóa DNNN, từ đó làm rõ bản chất của CPH.

Phần đầu đã nêu tính tất yếu khách quan của việc cổ phần hóa DNNN, việc CPH DNNN là phù hợp với quy luật phát triển, xu hướng trên thế giới và do có sự thay đổi về vai trò của Nhà nước trong nền KTTT. Ngoài ra còn xuất phát từ yêu cầu nâng cao hiệu quả kinh doanh của các DN trong nền kinh tế.

CPH DNNN là một trong những hướng quan trọng của quá trình cải cách DNNN. Điều đó đặt ra vấn đề phải phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất và từng bước xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất. Để giải phóng LLSX, tất yếu phải phát triển mạnh mẽ nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang nền kinh tế thị trường có sự định hướng của Nhà nước, muốn vậy cần phải đổi mới mạnh mẽ các DNNN. Theo hướng đó, sau nhiều năm tìm tòi và thử nghiệm trong thực tế, Đảng ta đã lựa chọn cổ phần hóa như một phương thức có hiệu quả để đổi mới các DNNN.

Từ khái niệm DNNN, CTCP và CPH DNNN, tác giả đã trình bày bản chất, tính tất yếu khách quan, các phương thức thực hiện và tác động của CPH DNNN.

Tác giả đã cố gắng làm rõ quan niệm về QLNN, trình bày vai trò của Nhà nước đối với nền kinh tế nói chung và quan điểm QLNN đối với CPH DNNN. Nêu khái niệm, sự cần thiết và những yêu cầu của QLNN về cổ phần hóa DNNN.

Đáng chú ý, các nội dung của QLNN đối với cổ phần hóa DNNN được xác định gồm: xây dựng chương trình mục tiêu về CPH DNNN; tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu và kết quả chương trình mục tiêu về CPH DNNN.

Các tiêu chí đánh giá kết quả QLNN về cổ phần hóa DNNN là tiêu chí cân đối về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong quá trình cổ phần hóa; tiêu chí ổn định về chủ trương, đường lối, chính sách, pháp lý; tiêu chí mức độ tuân thủ pháp luật và hiện thực quyền lực nhà nước; tiêu chí hiệu quả và phù hợp.

Tác giả đã nêu các nhân tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng tới quá trình CPH và sưu tầm một số kinh nghiệm cổ phần hóa ở các nước trên thế giới và Bộ,

ngành, địa phương trong nước để rút ra bài học, vận dụng vào điều kiện cụ thể của quá trình QLNN đối với CPH DNNN thuộc thành phố Hà Nội quản lý.

Từ các nội dung của Chương I sẽ làm cơ sở cho nghiên cứu sinh đi sâu phân tích thực trạng QLNN đối với CPH DNNN thuộc thành phố Hà Nội ở Chương II.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. TỔNG QUAN VỀ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM

2.1.1. Tại sao Việt Nam phải thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

2.1.1.1. Doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Việt Nam

Tại Điều 1 của Luật doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 20/04/1995 đã quy định: “*Doanh nghiệp nhà nước là tổ chức kinh tế do Nhà nước đầu tư vốn, thành lập và tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động công ích, nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội do Nhà nước giao. DNNN có tư cách pháp nhân, có các quyền và nghĩa vụ dân sự, tự chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động, kinh doanh trong phạm vi số vốn doanh nghiệp quản lý*”. Theo quy định của Luật này thì các DNNN thuộc đối tượng áp dụng hình thức CPH là doanh nghiệp có 100% vốn của Nhà nước.

Ngày 26/11/2003, Quốc hội đã thông qua Luật DNNN để thay thế cho Luật DNNN năm 1995. Theo đó: “*DNNN là tổ chức kinh tế do Nhà nước sở hữu toàn bộ vốn điều lệ hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối, được tổ chức dưới hình thức công ty nhà nước, công ty cổ phần, công ty TNHH*” (Điều 1, Chương I). Khái niệm này vẫn thể hiện quan điểm Nhà nước đề cao sở hữu nhà nước đối với các DNNN (*Nhà nước có vốn góp chi phối 51% trở lên vẫn là DNNN*).

Chỉ đến khi Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 26/11/2014, DNNN được quy định là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (khoản 8, Điều 4). Như vậy, đến thời gian này Nhà nước không còn quan điểm đề cao sở hữu đối với DNNN như trước đây.

2.1.1.2. Lý do Việt Nam phải thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Quá trình CPH DNNN ở Việt Nam xuất phát từ các lý do sau đây:

- Cổ phần hóa góp phần thực hiện chủ trương đa dạng hóa các hình thức sở hữu. Số lượng các DNNN ở Việt Nam trước đây quá lớn, hoạt động trì trệ, kỹ thuật lạc hậu,

vì vậy việc CPH sẽ giúp các doanh nghiệp phát triển từ hình thức đơn sở hữu sang đa sở hữu.

- Cổ phần hóa nhằm xã hội hóa lực lượng sản xuất, thu hút thêm nguồn lực sản xuất. Khi CPH, người lao động sẽ trở thành cổ đông, gắn bó và trở thành người chủ thực sự của doanh nghiệp. Ngoài ra với phương thức quản lý thay đổi, doanh nghiệp sẽ tự chủ hơn trong SXKD.

- Cổ phần hóa làm hình thành và thúc đẩy thị trường chứng khoán, thu hút được nguồn vốn nhàn rỗi trong xã hội, đưa nền kinh tế hội nhập với khu vực và trên thế giới. Với việc huy động nguồn lực, các CTCP có điều kiện mở rộng SXKD, đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Cổ phần hóa DNNN tác động đến đổi mới quản lý kinh tế cả ở tầm vĩ mô và vi mô. Việc chuyển từ DNNN sang CTCP không những chỉ là sự thay đổi về sở hữu mà còn là sự thay đổi căn bản trong công tác quản lý ở phạm vi doanh nghiệp và cả quy mô nền KTQD.

- Cổ phần hóa là giải pháp quan trọng để tái cơ cấu nền kinh tế.

Như vậy, với hoạt động có nhiều hạn chế của DNNN thì CPH với những ưu việt của mình đã chứng tỏ là một chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta.

2.1.2. Chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa

Báo cáo của Ban Kinh tế Trung ương năm 2015 cho thấy, công tác sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của DNNN đã được Đảng, Nhà nước quan tâm chỉ đạo thực hiện thể hiện bằng Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX ngày 22/8/2001 về *“Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của DNNN”*. Đây là một quá trình lâu dài, vừa khó khăn, vừa nhạy cảm, vì ngoài tính chất kinh tế thì đây còn là việc biến đổi sâu sắc về quan điểm, nhận thức của xã hội và nhân dân.

Sau 10 năm thực hiện, tại Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) đã ban hành Kết luận số 10-KL/TW ngày 18/10/2011 tập trung vào 3 đột phá chiến lược, trong đó *“Tái cấu trúc DNNN mà trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước”* đã thống nhất chủ trương thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, theo đó giai đoạn 2011-2015 sẽ tập trung vào 3 trụ cột chính là: tái cơ cấu đầu tư công, tái cơ cấu hệ thống ngân hàng và các tổ chức tài chính, tái cơ cấu DNNN trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

Hội nghị Trung ương 6 (khóa XI) đã ban hành Kết luận số 50-KL/TW ngày 29/10/2012 về Đề án “*Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN*”; Bộ Chính trị cũng ban hành Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/03/2014 về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

Ngày 29/9/2014, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 103-KL/TW về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, trong đó đã xác định đẩy mạnh CPH DNNN theo nguyên tắc thị trường.

Triển khai các văn bản, nghị quyết của Trung ương, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 10/2011/QH13 về Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2011-2015, trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ tái cơ cấu nền kinh tế trong lĩnh vực đầu tư công và DNNN. Quốc hội đã ban hành Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước vào SXKD tại doanh nghiệp số 69/2014/QH-13 ngày 26/11/2014 và Luật Doanh nghiệp sửa đổi.

Chính phủ và các Bộ, ngành đã có các chương trình hành động, kế hoạch đồng bộ triển khai các kết luận, nghị quyết của Trung ương và Quốc hội, tập trung hoàn thiện cơ bản hệ thống văn bản pháp luật phục vụ tái cơ cấu, tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động (*trong đó có CPH*) của DNNN.

2.1.3. Kết quả cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam

2.1.3.1. Kết quả

Theo báo cáo của Ban Kinh tế Trung ương, Ban chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thì đến hết 2015 cả nước đã thực hiện sắp xếp được hơn 7.000 DNNN, trong đó CPH là 4.303 doanh nghiệp (*gồm 3.886 doanh nghiệp và 415 bộ phận DN*).

Trong đó, số DNNN được cổ phần hóa trong 5 năm trở lại đây là 478 doanh nghiệp, trong đó: năm 2011 cổ phần hóa được 12 DN; năm 2012: 13 DN; năm 2013: 74 DN; năm 2014: 143 DN và năm 2015: 236 DN.

Tiến trình CPH DNNN ở Việt Nam trong những năm qua có thể tóm tắt bằng một số kết quả sau:

CPH DNNN nhận được sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên và quyết liệt của Đảng và Nhà nước. Chính phủ đã ban hành các chính sách, biện pháp cụ thể tạo hàng lang pháp lý thông thoáng đẩy nhanh tiến độ CPH.

DNNN được sắp xếp lại một bước quan trọng, cơ bản tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt mà Nhà nước cần nắm giữ, góp phần để kinh tế nhà nước

thực hiện vai trò chủ đạo, ổn định và phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo an sinh và nhu cầu quốc phòng- an ninh.

Cổ phần hóa đã bám sát tinh thần chỉ đạo tại các nghị quyết của Đảng, tiếp tục được xác định là khâu trọng tâm, là giải pháp chủ yếu, triệt để, hiệu quả trong tái cơ cấu DNNN.

Thông qua cơ chế bán cổ phần ưu đãi, người lao động được tạo điều kiện để sở hữu cổ phần và trở thành cổ đông- những người chủ của công ty. Nhiều doanh nghiệp sau CPH thu hút thêm lao động có kỹ thuật. Lao động dôi dư được hỗ trợ, đào tạo nghề mới theo yêu cầu.

Hầu hết các doanh nghiệp sau CPH có tốc độ tăng trưởng khá, hoạt động hiệu quả hơn. Các DN đã chủ động đầu tư, đổi mới công nghệ, mở rộng SXKD, nâng cao sức cạnh tranh, phần lớn kinh doanh có lãi.

Nhìn về tổng quan, kể từ sau CPH, các doanh nghiệp tiền thân là DNNN luôn từng bước lớn mạnh. Bộ máy không cứng nhắc như trước, thay vào đó là sự linh hoạt, nhạy bén với phương thức quản trị mới.

2.1.3.2. Những hạn chế, khó khăn

Quá trình CPH DNNN còn chậm so với yêu cầu, trong đó theo kế hoạch giai đoạn 2011-2015 cả nước cần CPH khoảng 531 doanh nghiệp (riêng năm 2014-2015 là 432 doanh nghiệp). Nhưng số lượng DNNN từ năm 2011 đến hết năm 2015 là 478/531 doanh nghiệp (đạt 90% kế hoạch). Riêng năm 2015 hoàn thành 236/289 doanh nghiệp CPH (đạt 81% kế hoạch).

Nhiều DNNN đã CPH nhưng không bán được cổ phần là những doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần chi phối, do đó Nhà nước phải tiếp tục nắm giữ tỷ lệ vốn không bán được này, dẫn đến tỷ lệ vốn nhà nước trong CTCP cao nên không đạt được mục tiêu đổi mới quản trị và thu hút vốn từ bên ngoài.

Sau CPH, hoạt động quản trị doanh nghiệp cho thấy vẫn còn nhiều hạn chế cần khắc phục: một số doanh nghiệp chưa có sự đổi mới thực chất về quản trị doanh nghiệp, năng lực cạnh tranh còn yếu. Tính chủ động và thích nghi với môi trường kinh doanh mới còn chậm, thiếu năng động, khó cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trong sự cạnh tranh gay gắt của cơ chế thị trường. Vấn đề xử lý lao động dôi dư gặp khó khăn do nguồn vốn còn hạn hẹp, lao động giỏi hay nhảy việc. Hoạt động CPH của

một số doanh nghiệp chưa đi vào thực chất, cổ phiếu chủ yếu bán trong nội bộ (Công ty GAS, Sabeco, Viet Nam Arline... chỉ bán từ 3-5% lượng cổ phiếu ra bên ngoài, Nhà nước vẫn nắm giữ cổ phần chi phối).

2.2. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH TẾ- XÃ HỘI VÀ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.2.1. Tình hình kinh tế- xã hội

Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế của cả nước; trong suốt những năm qua, mặc dù tình hình kinh tế thế giới nói chung, kinh tế trong nước nói riêng có những thăng trầm, nhưng dưới sự chỉ đạo xuyên suốt của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố, sự phối hợp của các cấp, các ngành, cùng sự đồng lòng của các tổ chức, doanh nghiệp và người dân, các chỉ tiêu kinh tế- xã hội của Thành phố đều hoàn thành và vượt kế hoạch đề ra, Thành phố đã luôn phát triển bền vững.

Thành tựu của Thủ đô trong những năm gần đây theo Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XVI tháng 10/2015 có thể đánh giá ngắn gọn như sau:

Kinh tế duy trì tăng trưởng;

Thực hiện có kết quả kiềm chế lạm phát, an sinh xã hội tiếp tục được đảm bảo;

Đầu tư xã hội và phát triển doanh nghiệp luôn có hướng tăng trưởng;

Công tác quy hoạch, quản lý, xây dựng đô thị và nông thôn mới đạt được những kết quả quan trọng.

Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục- đào tạo, khoa học công nghệ và y tế tiếp tục phát triển;

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương được duy trì thường xuyên, hoạt động đối ngoại được chú trọng;

Cải cách hành chính, công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí được tập trung chỉ đạo.

2.2.2. Tình hình doanh nghiệp nhà nước

2.2.2.1. Giới thiệu về doanh nghiệp nhà nước thuộc Thành phố

Các DNNN thuộc Hà Nội được hình thành từ năm 1954, khi chưa tiến hành sắp xếp, đổi mới, DNNN thuộc thành phố đã có nhiều nỗ lực, cố gắng để khẳng định vai trò, vị trí của mình. Ở Việt Nam nói chung và thành phố Hà Nội nói riêng, DNNN

trước đây thường được gọi là xí nghiệp quốc doanh, đã phát triển với quy mô và số lượng khá lớn trong thời kỳ kế hoạch hoá tập trung và được xác định là thành phần kinh tế chủ đạo; đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố nền tảng kinh tế, xã hội của Thành phố, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà, xây dựng cơ sở vật chất cho CNXH.

DNNN của Thành phố từng chi phối những ngành, lĩnh vực then chốt của kinh tế Hà Nội, góp phần để kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, chiếm tỷ trọng lớn trong xuất khẩu, thu nộp ngân sách, hợp tác đầu tư với nước ngoài, đảm bảo được các dịch vụ công ích, phục vụ tốt an ninh và quốc phòng của Thủ đô.

Để làm rõ hơn tình trạng của các DNNN trực thuộc UBND thành phố, luận án cung cấp thông tin chọn mẫu về 124 DNNN trong 03 năm 2009, 2010 và 2011 như sau:

(đv. tính: triệu đồng)

<i>TT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2009</i>	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2011</i>
1	Số lượng doanh nghiệp	124	124	124
1.1	<i>Các tổng công ty nhà nước, trong đó</i>			
	+ Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước là công ty mẹ của tổng công ty	5	5	5
	+ Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước là thành viên của các tổng công ty	14	14	14
	+ CTCP trên 50% vốn nhà nước là thành viên của các tổng công ty	22	22	22
1.2	<i>Các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố</i>	50	50	50
1.3	<i>Các CTCP Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ do UBND thành phố, các doanh nghiệp độc lập làm đại diện chủ sở hữu</i>	33	33	33
2	Tổng vốn chủ sở hữu	14 316 397	15 683 680	17 566 166
3	Tổng vốn nhà nước	12 525 268	14 159 768	15 524 289
4	Tổng giá trị tài sản	31 586 887	37 692 447	42 411 039

Bảng 2.1- Thông tin về DNNN thuộc thành phố Hà Nội

Nguồn: [62, tr.2-3] và tổng hợp của tác giả.

Theo biểu số liệu trên thì:

- Số doanh nghiệp thuộc các tổng công ty và các công ty thành viên là: 41 doanh nghiệp, bao gồm: 19 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước (*trong đó có 5 công ty mẹ*); 22 công ty cổ phần do Nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ, là thành viên của các tổng công ty.

- Số doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do UBND thành phố làm chủ sở hữu: 50 doanh nghiệp.

- Số doanh nghiệp là các CTCP mà Nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ do UBND thành phố, các doanh nghiệp 100% trực thuộc Thành phố làm đại diện phần vốn nhà nước: 33 doanh nghiệp.

- Tổng vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp năm 2011 bằng 122,7% so với năm 2009; tổng vốn nhà nước năm 2011 bằng 124% so với năm 2009.

- Tổng giá trị tài sản của các doanh nghiệp năm 2011 bằng 134% so với năm 2009.

Nhìn chung, quy mô của các doanh nghiệp hàng năm đều có sự tăng trưởng, năm sau cao hơn năm trước.

2.2.2.2. Đánh giá hiệu quả hoạt động

Về hiệu quả sản xuất kinh doanh

Theo số liệu chọn mẫu trong giai đoạn 03 năm từ 2009 đến 2011 thì hiệu quả SXKD của các doanh nghiệp được thể hiện như sau:

Đv tính: triệu đồng

<i>TT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2009</i>	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2011</i>
1	Tổng doanh thu, trong đó:	26 717 315	31 021 674	35 342 232
	Doanh thu từ ngành nghề kinh doanh chính	25 454 343	29 159 694	33 431 064
2	Tổng lợi nhuận sau thuế, trong đó:	1 092 710	1 613 308	1 798 286
	+ Số doanh nghiệp có lãi hoặc hoà vốn	115	113	116
	+ Số doanh nghiệp thua lỗ	9	11	8
3	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (%)	7,63%	10,29%	10,24%
4	Số phải nộp ngân sách phát sinh trong năm	1 206 246	1 836 306	2 039 312
5	Tỷ lệ bảo toàn vốn Nhà nước	1,09	1,13	1,10

<i>TT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2009</i>	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2011</i>
6	Tổng giá trị đầu tư trong năm	3 916 412	4 632 190	4 419 111
7	Tổng số lao động	66 015	69 215	69 241
8	Thu nhập bình quân người lao động	3,28	3,86	4,61
9	Diện tích đất đang quản lý, sử dụng	57 013 312	57 157 209	80 067 307

Bảng 2.2- Hiệu quả SXKD của các doanh nghiệp nhà nước.

Nguồn: tài liệu [62, tr.4] và tổng hợp của tác giả.

Đa số các doanh nghiệp đều đạt mức tăng trưởng doanh thu năm sau cao hơn năm trước. Tổng doanh thu năm 2011 bằng 113,9% so với năm 2010, doanh thu bình quân đạt 285.018 triệu đồng/doanh nghiệp.

Tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính năm 2011 chiếm 94,59% tổng doanh thu.

Mặc dù tình hình SXKD của các doanh nghiệp có khó khăn do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới, các DNNN thuộc Thành phố vẫn không ngừng đẩy mạnh sản xuất, tiêu thụ hàng hoá và đạt được tốc độ tăng trưởng khá. Tỷ lệ doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính trên tổng doanh thu đạt ở mức cao cho thấy các doanh nghiệp đều hoạt động kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, mặc dù tình trạng đầu tư, kinh doanh ngoài ngành vẫn có nhưng không đáng kể.

Bên cạnh những doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả, có lãi, vẫn còn một số doanh nghiệp hoạt động SXKD kém, thua lỗ lớn dẫn đến mất vốn chủ sở hữu.

Đối với các đơn vị SXKD thua lỗ, nguyên nhân chủ yếu từ các yếu tố như: do chịu tác động của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới, giá trị xuất khẩu giảm mạnh, thị trường xuất khẩu bị thu hẹp,... dẫn đến đầu tư giảm sút, giá nguyên liệu đầu vào tăng mạnh, thêm vào đó các chi phí đầu vào như vận chuyển, tiền lương..., cũng tăng vượt tầm kiểm soát; lãi suất ngân hàng tăng đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả SXKD của các doanh nghiệp có quy mô vốn nhỏ, kinh doanh chủ yếu bằng vốn vay ngân hàng và doanh nghiệp đang có các khoản vay đầu tư lớn từ các tổ chức tín dụng.

Ví dụ về các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ năm 2011 (*đv tính: tr. đồng*)

<i>TT</i>	<i>Tên doanh nghiệp</i>	<i>Cơ quan cấp trên trực tiếp</i>	<i>Số lỗ năm 2011</i>
1	CTCP Gốm Chu Đậu	TCT Thương mại Hà Nội	- 400
2	CT Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Hà Tây	UBND Thành phố Hà Nội	- 763
3	CT Kỹ thuật điện thông	UBND Thành phố Hà Nội	- 900
4	CTCP Du lịch Thương mại Thủ Đô	TCT Du lịch Hà Nội	- 1 419
5	CT TNHH 1TV Thương mại và Đầu tư	TCT Thương mại Hà Nội	- 2 442
6	CT TNHH 1TV Mai Động	UBND Thành phố Hà Nội	- 2 694
7	CT SX CN & Xây lắp HN	UBND Thành phố Hà Nội	- 11 909
8	CT TNHH 1 TV Haprosimex (CT mẹ)	UBND Thành phố Hà Nội	- 24 075

Bảng 2.3- Hiệu quả SXKD của các doanh nghiệp nhà nước.

Nguồn: [62, tr.5] và tổng hợp của tác giả.

Hàng năm, các doanh nghiệp của thành phố Hà Nội cũng góp phần đáng kể vào thu ngân sách nhà nước, tổng số tiền nộp ngân sách phát sinh trong năm 2011 đạt 2.039.312 triệu đồng, bình quân 16.446 triệu đồng/doanh nghiệp.

Về công tác đào tạo, lao động và tiền lương

Nhận thức được vai trò quan trọng của công tác đào tạo và đổi mới nguồn nhân lực để giành lợi thế cạnh tranh trên thị trường, các doanh nghiệp đã áp dụng nguyên tắc đặt con người làm trọng tâm, người lao động trong các doanh nghiệp đều có cơ hội phát triển, mỗi cá nhân đều có giá trị riêng, lợi ích của người lao động được gắn liền với lợi ích chung của doanh nghiệp.

Nguyên tắc trên đã được thực hiện thông qua việc tổ chức các lớp, khóa học ngắn hạn nhằm bồi dưỡng kiến thức và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ công nhân viên. Hoạt động đào tạo công nhân kỹ thuật lành nghề được các doanh nghiệp triển khai bằng cách mở các trường, lớp đào tạo, bồi dưỡng tay nghề, kỹ năng lao động. Từ đó đã góp phần đáng kể trong việc đào tạo đội ngũ công nhân có tay nghề cao, đáp ứng được yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế. Ngoài ra, các doanh nghiệp còn tổ chức khóa đào tạo ngắn hạn, các buổi hội thảo chuyên đề cho đội ngũ lao động để bồi dưỡng và nâng cao trình độ quản lý, đáp ứng được yêu cầu hoạt động SXKD của đơn vị mình.

Bên cạnh đó, tiền lương thù lao cho người lao động cũng được các doanh nghiệp quan tâm cải thiện. Trong năm 2011, theo số liệu của 121 doanh nghiệp có báo cáo về quyết toán tiền lương, các doanh nghiệp đã giải quyết công ăn việc làm cho 69.241 lao động, bình quân 572 lao động/doanh nghiệp.

Thu nhập bình quân của người lao động ngày càng được cải thiện, số liệu theo các năm 2009 đến 2011 lần lượt là 3,26; 3,82 và 4,61 triệu đồng, đời sống của người lao động từng bước được nâng cao.

2.2.2.3. Tồn tại, hạn chế

Tuy nhiên, xem xét một cách toàn diện thì những thành tựu của DNNN thuộc Thành phố vẫn chưa thể khắc phục được những hạn chế trong hoạt động SXKD. Sự phát triển không bình thường về lượng cùng với những bất cập trong cơ chế quản lý đã dẫn tới một số hạn chế sau đây:

Thứ nhất: Quy mô doanh nghiệp phần lớn nhỏ bé, cơ cấu phân tán, biểu hiện ở số lượng lao động và mức độ tích lũy vốn. Theo báo cáo của UBND thành phố năm 2013 có trên 2/3 số DNNN có số lượng lao động dưới 200 người, chỉ có 4% số doanh nghiệp có lao động trên 200 người. Số lượng lao động trong khu vực DNNN chiếm một tỷ trọng khá nhỏ trong tổng số lao động xã hội của Thành phố (khoảng 5-6%). Do quy mô nhỏ nên khả năng đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ bị hạn chế.

Thứ hai: Trình độ kỹ thuật, công nghệ nhìn chung lạc hậu, trừ một số rất ít (18%) số DNNN được đầu tư mới, phần lớn các DNNN được thành lập khá lâu, có trình độ kỹ thuật thấp. Theo báo cáo của UBND thành phố thì trình độ công nghệ trong các DNNN của thành phố kém các nước như Singapore từ 1-2 thế hệ. Có doanh nghiệp còn sử dụng thiết bị kỹ thuật từ cách đây hàng chục năm. Mặt khác, đại bộ phận DNNN được xây dựng bằng kỹ thuật của nhiều nước khác nhau nên tính đồng bộ của doanh nghiệp thấp. Vì vậy, các DNNN thuộc Thành phố khó có khả năng cạnh tranh cả trong nước và quốc tế.

Những hạn chế này dẫn đến tình trạng hàng hoá của DNNN có giá cao hơn hàng hoá cùng loại, cùng chất lượng của các doanh nghiệp khác, của hàng nhập tới 20-30%.

Thứ ba: Việc phân bố còn bất hợp lý về ngành, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp sản xuất chiếm tỷ trọng lớn hơn nhiều lĩnh vực thương mại, dịch vụ. Vì thế, khi chuyển sang kinh tế thị trường, các DNNN thuộc Thành phố không còn

được bao cấp mọi mặt như trước nữa, đã thế lại bị các thành phần kinh tế khác cạnh tranh quyết liệt, nên nhiều doanh nghiệp không trụ nổi, buộc phải giải thể, phá sản, đặc biệt trong 10 năm trở lại đây khi Thành phố đẩy mạnh quá trình sắp xếp, đổi mới DNNN.

Thứ tư: hiệu quả SXKD của các DNNN chưa cao, chưa tương xứng với vị trí và sự đầu tư của ngân sách. Cơ chế QLNN đối với DNNN cũng như quản lý trong bản thân doanh nghiệp còn thiếu hiệu quả.

Thứ năm, như là hệ quả của những điểm yếu trên, DNNN của Thành phố ít có khả năng cạnh tranh trên thị trường. Trong bối cảnh đất nước ta đang chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tham gia nhiều hơn vào các khu vực mậu dịch tự do hoặc các hiệp định thương mại song phương, đa phương thì tính cạnh tranh thấp của DNNN là một thách thức đối với nền kinh tế của Hà Nội nói riêng và cả nước nói chung [91, tr.1-2].

Những hạn chế của DNNN đặt ra yêu cầu phải tiếp tục tăng cường tái cơ cấu, sắp xếp, đổi mới (*trong đó có CPH*) DNNN thuộc Thành phố.

2.3. THỰC TRẠNG CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.3.1. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước qua các giai đoạn

2.3.1.1. Giai đoạn từ năm 1990-1996

Trong thời kỳ này, Chính phủ chỉ đạo thí điểm chuyển 07 DNNN trên cả nước thành CTCP. Hơn 30 doanh nghiệp khác đăng ký với Bộ Tài chính để thực hiện CPH. Bộ Tài chính đã quyết định danh sách DNNN trong số các doanh nghiệp này để các Bộ chỉ đạo thí điểm chuyển thành CPH.

Qua một thời gian tiến hành làm thử, 07 DNNN được Chính phủ chọn đều xin rút. Các DNNN do các Bộ chỉ đạo thí điểm cũng lần lượt xin rút hoặc không đủ điều kiện. Sau hơn 5 năm thực hiện thí điểm, cả nước chỉ có 5 doanh nghiệp được chuyển thành CTCP và thành phố Hà Nội không có DNNN được cổ phần hóa trong giai đoạn này [91, tr.3].

Có thể nói rằng, chủ trương CPH DNNN ở nước ta được đặt ra khá sớm trong các văn bản có tính chỉ đạo của Đảng và Chính phủ. Song thực tế triển khai đã vấp phải nhiều lực cản, chính vì thế nó diễn ra rất ịch.

Những hạn chế trên là kết quả của nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, có thể nêu một vài lý do chủ yếu sau:

Vấn đề nhận thức: trong nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung bao cấp, sự phát triển của lực lượng sản xuất dựa gần như tuyệt đối vào chế độ sở hữu nhà nước. Gánh nặng quá lớn của ngân sách Trung ương nói chung, Hà Nội nói riêng trong một thời gian dài buộc các DNNN phải đối mặt với thực tế rằng Nhà nước không thể tiếp tục là "bầu sữa" cho họ. Việc không còn dựa dẫm vào Nhà nước được nữa đã gây ra cho các doanh nghiệp tâm lý chán nản, muốn duy trì hình thức DNNN được ngày nào hay ngày ấy.

Về quan điểm: Nhà nước còn lúng túng, chưa hoạch định được chủ trương nhất quán, chưa có sự nhất trí cao về việc bắt buộc lựa chọn giải pháp CPH DNNN. Đây là nhân tố quyết định hàng đầu để đẩy nhanh quá trình CPH.

Cấp có thẩm quyền quyết định khi ấy vẫn chưa có quyết tâm đủ tầm, đủ độ để thực thi. Trong đó trở ngại lớn nhất là chính sách xử lý lợi ích của các bên liên quan: Nhà nước và người lao động; giám đốc và bộ máy quản lý DNNN cũng như lợi ích hợp pháp của các cổ đông sẽ tham gia CTCP thông qua mua - sở hữu - chuyển nhượng cổ phiếu. Một trở ngại nữa là việc xác định giá trị doanh nghiệp vẫn còn rất chậm, có những doanh nghiệp 2 năm vẫn chưa định giá nổi.

Ngoài ra, việc chưa có thị trường thứ cấp để lưu thông các cổ phiếu là một nguyên nhân đáng kể cản trở tiến trình CPH.

Trong các nguyên nhân kể trên, vấn đề nhận thức quan điểm quyết tâm thực thi giải pháp chiến lược của các nhà hoạch định chính sách vẫn là nguyên nhân cơ bản của tình hình triển khai CPH trong giai đoạn này.

2.3.1.2. Giai đoạn từ tháng 5/1996 đến tháng 6/1998

Tính đến tháng 6/1998 đã có 07 DNNN thuộc Thành phố chuyển thành CTCP. Thành phố đã đăng ký hơn 20 doanh nghiệp thực hiện CPH, chiếm 4% tổng số DNNN thuộc thành phố Hà Nội.

Trong số các DNNN được CPH có 1 doanh nghiệp ngành vận tải, 2 doanh nghiệp ngành xây dựng, 2 doanh nghiệp thuộc ngành dịch vụ và 2 doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp. Có 1 doanh nghiệp mà Nhà nước không giữ lại cổ phần và bán toàn bộ cho công nhân viên lao động; 2 DN thì Nhà nước nắm giữ 51% số cổ phần,

tính bình quân Nhà nước giữ lại 34% vốn điều lệ. Có 4 DN ngoài phần mà Nhà nước nắm giữ đã bán hết cho công nhân viên chức, không bán ra ngoài [91, tr.4-5].

Một số chỉ tiêu của các doanh nghiệp sau CPH giai đoạn này như sau (*so với năm trước khi CPH*): vốn bình quân tăng 45 % /năm; doanh thu tăng bình quân 56,9 % /năm; lợi nhuận tăng bình quân 70.2 % /năm; nộp ngân sách nhà nước tăng bình quân 98 % /năm; việc làm tăng bình quân 46,8 % /năm; thu nhập người lao động tăng bình quân 20 % /năm; tỷ suất lợi nhuận so với doanh thu tăng 14,1 %; tỷ suất lợi nhuận so với vốn tăng 7,6%.

Các doanh nghiệp sau khi CPH đều phát triển tương đối ổn định với những chỉ tiêu tăng trưởng hàng năm cao. Đây thực sự là tín hiệu tốt khích lệ cán bộ, công nhân viên trong các DNNN khác chuẩn bị chuyển sang CTCP tiếp tục ủng hộ chủ trương CPH của Đảng và Chính phủ.

Nhưng có một điều có thể nhận thấy là tiến trình CPH của Thành phố giai đoạn này vẫn diễn ra chậm. Thời điểm này đã chứng kiến một khoảng thời gian kỷ lục cho việc tiến hành CPH một công ty: gần 2 năm đối với trường hợp Công ty Tràng Tiền (lúc đó thuộc Sở Thương mại).

Nguyên nhân có thể liệt kê như sau:

- Đầu tiên vẫn phải kể đến vấn đề quan điểm, nhận thức của một số lãnh đạo DNNN với trình độ có hạn, không chèo chống được với nền kinh tế thị trường, muốn cố gắng kéo dài sự tồn tại của hình thức DNNN, họ sợ khi chuyển sang CTCP, làm ăn thua lỗ sẽ bị mất chức.

- Tình trạng tài chính yếu kém cũng là một nguyên nhân không nhỏ: nợ tồn, nợ đọng, công nợ khó đòi tồn tại ở nhiều doanh nghiệp làm ăn thua lỗ đến 2-3 năm liền. Nếu chọn doanh nghiệp làm ăn có lãi thì ảnh hưởng đến chỉ tiêu thu NSNN và giảm sút nguồn thu của các ngành liên quan. Còn chọn doanh nghiệp làm ăn thua lỗ để CPH thì những “*xương xẩu*” này không ai muốn triển khai thực hiện.

- Vấn đề thủ tục cũng ảnh hưởng lớn đến tiến trình CPH, thủ tục phức tạp nhiều khâu, nhiều tầng nấc làm nản lòng người triển khai, thêm vào đó là sự những nhieu quan liêu của một bộ phận cán bộ, công chức nhà nước. Mặt khác, lúc này phần lớn cán bộ, nhân viên của các DNNN có thu nhập còn thấp, ít có khả năng mua cổ phần, trong khi đó môi trường kinh tế, môi trường pháp lý chưa cung cấp thông tin thường xuyên, không đảm bảo cho người mua cổ phiếu an tâm với sự lựa chọn của mình.

2.3.1.3. Giai đoạn chủ động từ tháng 7/1998 đến 6/2002

Cùng với sự ra đời của Nghị định 44/CP, tiến độ CPH được đẩy nhanh rõ rệt. Trong các năm 1998-2001, bình quân mỗi năm Hà Nội hoàn thành CH 19 doanh nghiệp, đưa tổng số doanh nghiệp và bộ phận doanh nghiệp được CPH tại thời điểm 31/12/2002 lên con số 84 [91, tr.5].

Kết quả thu thập tại một số DNNN đã CPH từ 01 năm trở lên cho thấy hầu hết đều hoạt động tốt, các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, thu nhập và việc làm của người lao động đều tăng trưởng. Người lao động trong công ty, sau khi trở thành người chủ thực sự, đã có những thay đổi rõ rệt, đời sống vật chất được cải thiện, tính chủ động sáng tạo trong lao động, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, tiết kiệm trong SXKD cũng được nâng cao. Về phía Thành phố, không chỉ được tăng thu ngân sách từ sự nâng cao hiệu quả SXKD của các doanh nghiệp CPH mà còn huy động được gần 250 tỷ đồng vốn nhân rồi trong và ngoài nước để đổi mới, phát triển doanh nghiệp cũng như giải quyết chính sách cho người lao động.

Mặc dù những kết quả đạt được là khả quan, nhưng nếu so với mục tiêu đặt ra thì tiến độ như vậy vẫn còn chậm (*chỉ đạt 80% kế hoạch*) UBND thành phố đã đề ra.

Nguyên nhân dẫn đến sự chậm trễ trên:

Vấn chính là những bất cập trong cơ chế thực hiện CPH, bao gồm cả những quy định không còn phù hợp với yêu cầu thực tế khách quan, như sự chưa rõ ràng trong tiêu chí phân loại và lựa chọn doanh nghiệp; sự hạn chế về quyền mua cổ phần của các nhà đầu tư; những bất cập trong xử lý tồn tại tài chính, lao động dôi dư cho doanh nghiệp trước khi CPH cũng như cơ chế xác định GTDN; sự chông chéo của các cơ quan QLNN trong quá trình tổ chức và thực hiện CPH. Vấn đề đặt ra là phải sớm thiết lập một hệ thống cơ chế mới mạnh mẽ hơn, rõ ràng hơn để có thể thúc đẩy tốc độ CPH trong thời gian tiếp theo.

2.3.1.4. Giai đoạn từ tháng 7/2002 đến tháng 10/2004 (thời kỳ đầu của giai đoạn đẩy mạnh)

Tuy cả năm 2002 chỉ có 02 doanh nghiệp được CPH nhưng con số này năm 2003 đã tăng vọt lên 45 DNNN được CPH (đạt 150% kế hoạch), đây cũng là năm đạt kế hoạch cao nhất từ trước đến thời điểm này. Ngoài ra còn có trên 30 doanh nghiệp đã và đang thực hiện các bước trong quá trình CPH.

Năm 2004, Thành phố tiếp tục hoàn thành CPH 31 doanh nghiệp và bộ phận doanh nghiệp, trên 20 doanh nghiệp đã xác định GTDN, đạt 110% kế hoạch đặt ra. Hết quý 3 năm 2004 có thêm 12 doanh nghiệp thực hiện xong quá trình chuyển đổi [92, tr.4].

Nghị định 64/CP và các văn bản hướng dẫn liên quan đã tạo ra hành lang pháp lý quan trọng cho việc sắp xếp, CPH DNNN của Thành phố trong giai đoạn này. Chính nhờ vậy, trong thời gian 2 năm, việc CPH đã đạt được kết quả khả quan cả về lượng và chất. Các doanh nghiệp sau khi CPH đều phát triển tốt, không chỉ bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu cho ngân sách mà còn duy trì việc trả cổ tức cho các cổ đông ở mức bình quân từ 10- 15% năm.

2.3.1.5. Giai đoạn đẩy mạnh (từ tháng 11/2004 đến nay)

Đây là giai đoạn đánh dấu số lượng các doanh nghiệp CPH đạt cao so với những giai đoạn trước đó, kết quả này rất đáng khen ngợi. Điều đó thể hiện sự quyết tâm và bước đi đúng hướng của Đảng bộ và Chính quyền thành phố trong quá trình cải cách DNNN, trong đó có CPH.

Tuy nhiên, tiến trình CPH trong giai đoạn này còn bộc lộ nhiều tồn tại, đặc biệt là khi đối chiếu với tinh thần của Nghị quyết Trung ương 9.

Với tiến độ CPH vượt kế hoạch đề ra, cũng như so với lộ trình sắp xếp dài hạn thì vẫn còn chậm. Mức độ triển khai giữa DNNN của các khối (công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp, thương mại, văn xã) không đồng đều, chưa đúng lộ trình theo kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ và UBND thành phố phê duyệt.

Hiệu quả CPH trong cả giai đoạn chưa cao, phương án sắp xếp DNNN mới chỉ tập trung thu gọn đầu mối nên vẫn có tình trạng chông chéo về ngành nghề kinh doanh, cơ quan quản lý trên cùng một địa bàn. Nhiều DNNN theo Quyết định số 58/TTg thuộc diện CPH nhưng vẫn đưa vào danh mục Nhà nước giữ 100% vốn. Còn duy trì một số DNNN hoạt động mờ nhạt, quy mô vốn thiếu, mức thu nộp ngân sách thấp, trình độ công nghệ chưa cao.

Trong giai đoạn này, các doanh nghiệp CPH có quy mô nhỏ, số doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước nắm 51% vốn điều lệ còn nhiều (*chiếm 46,6% tổng số doanh nghiệp CPH*), chủ yếu bán cổ phần hiện có, chưa mở rộng việc huy động thêm vốn, số lượng cổ phiếu bán ra bên ngoài còn thấp (*bình quân chỉ có 10 % vốn điều lệ*) [98, tr.6-7] nên hạn chế khả năng tham gia góp vốn của nhà đầu tư tiềm năng, có trình độ

quản lý, đồng thời không tạo thêm nguồn hàng mới cho thị trường chứng khoán để thúc đẩy thị trường vốn tại Việt Nam. Có nhiều doanh nghiệp không đủ điều kiện tồn tại, nợ và tài sản tồn đọng nhiều, thua lỗ mất hết vốn nhà nước, nhưng vẫn được đưa vào diện thực hiện CPH, dẫn tới thời gian CPH bị kéo dài do doanh nghiệp phải xử lý những vấn đề về tài chính, thậm chí có trường hợp chưa xử lý đã không còn vốn để CPH, phải chuyển sang hình thức giải thể, phá sản.

2.3.2. Đánh giá kết quả cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố Hà Nội

2.3.2.1. Đánh giá chung

Về số lượng

Nhờ sự quyết tâm cao, nhiều năm thành phố Hà Nội được đánh giá là địa phương dẫn đầu cả nước về công tác cổ phần hóa DNNN (các năm 1998, 1999, 2003, 2004, 2014 và 2015).

Để có góc nhìn toàn cảnh về quá trình CPH DNNN, theo báo cáo của UBND thành phố, số lượng các DNNN đã thực hiện sắp xếp như sau:

Từ năm 1997 đến hết 30/7/2008 (trước thời điểm hợp nhất với tỉnh Hà Tây), thành phố Hà Nội đã hoàn thành sắp xếp, đổi mới 337 doanh nghiệp, gồm:

TT	Hình thức sắp xếp	Tổng số	Trong đó:											Năm 2007-30/7/2008
			Năm 1997	Năm 1998	Năm 1999	Năm 2000	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Năm 2006		
1	Cổ phần hoá	189	6	24	32	14	10	2	45	31	22	3		
2	Sáp nhập	64		6	5	4	4	7	6	16	10		6	
3	Giao doanh nghiệp	2						1			1			
4	Chuyển đơn vị sự nghiệp	1								1				
5	Giải thể	2						1		1				
6	Phá sản	2								2				
7	Chuyển về Trung ương	29				26		1		1	1			
8	Tổng công ty mẹ- con	5								4	1			
9	Chuyển CT mẹ - CT con	3								1	2			

TT	Hình thức sắp xếp	Tổng số	Trong đó:										
			Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm	Năm
10	Chuyển CT TNHH 1 Viên	40							1	6	28	5	
	Tổng cộng	337	6	30	37	44	14	12	52	63	65	8	6

Bảng 2.4- Kết quả sắp xếp, đổi mới DNNN từ năm 1997 đến 30/7/2008.

Nguồn: Báo cáo của UBND thành phố [95, tr.3] và tổng hợp của tác giả.

Tổng vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của các CTCP tại thời điểm CPH như

sau:

Chỉ tiêu	Số lượng CTCP	VĐL (triệu đồng)				Cơ cấu VĐL (%)		
		Tổng số	Trong đó			Nhà nước	Lao động	khác
			Nhà nước	Lao động	khác			
Nhà nước giữ trên 50% VĐL	45	1.042.380	656.268	189.254	196.858	62,96	18,16	18,89
Nhà nước giữ dưới 50% VĐL	80	819.569	272.048	337.233	210.288	33,19	41,15	25,66
Nhà nước không giữ cổ phần	64	282.726		197.867	84.859		69,99	30,01
<i>Tổng cộng</i>	<i>189</i>	<i>2.144.675</i>	<i>928.315</i>	<i>724.354</i>	<i>492.006</i>	<i>43,28</i>	<i>33,77</i>	<i>22,94</i>

Bảng 2.5- Cơ cấu vốn điều lệ của các CTCP tại thời điểm cổ phần hoá

Nguồn: Báo cáo của UBND thành phố [95, tr.4] và tổng hợp của tác giả.

Số lao động được mua cổ phần ưu đãi giảm giá khi CPH là 36.772 người, với số tiền Nhà nước ưu đãi giảm giá là: 248,6 tỷ đồng. Số tiền Nhà nước cho người lao động nghèo thanh toán chậm khi mua cổ phần là: 27,3 tỷ đồng.

Số lao động được Nhà nước giải quyết chính sách dôi dư khi CPH là 7.611 người, với tổng số tiền được Nhà nước hỗ trợ là: 217,3 tỷ đồng.

Đối với những lao động không đáp ứng yêu cầu tay nghề được Nhà nước hỗ trợ kinh phí để đào tạo lại với số tiền 7.048 tỷ đồng, đảm bảo việc làm cho người lao động khi chuyển sang công ty cổ phần [95, tr.7].

Thực hiện Nghị quyết số 15/2008/QH12 ngày 29/5/2008 của Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính của thành phố Hà Nội và một số tỉnh có liên quan, từ ngày 01/8/2008 tỉnh Hà Tây đã hợp nhất với thành phố Hà Nội. Theo số liệu đến thời điểm 30/12/2015, thành phố Hà Nội đã thực hiện sắp xếp, cổ phần hoá được 496

doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp thuộc thành phố Hà Nội cũ và tỉnh Hà Tây cũ), cụ thể theo biểu sau:

<i>STT</i>	<i>Hình thức sắp xếp</i>	<i>Số lượng</i>
1	Cổ phần hóa	316
	+ Nhà nước nắm dưới 50% vốn điều lệ	240
	+ Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên	76
2	Chuyển công ty TNHH 1TV	63
3	Giao doanh nghiệp	13
4	Bán doanh nghiệp	5
5	Giải thể doanh nghiệp	6
6	Phá sản doanh nghiệp	5
7	Hình thức khác (sáp nhập, hợp nhất ...)	88
	<i>Tổng số</i>	496

Bảng 2.6- Kết quả sắp xếp, đổi mới DNNN của TP Hà Nội đến 30/12/2015.

Nguồn: Báo cáo của Sở Tài chính [72, tr.4]

Kết quả tổng hợp riêng về CPH DNNN thuộc Thành phố như sau:

TT	Năm	Số lượng doanh nghiệp	Trong đó	
			<i>DN 100% vốn nhà nước</i>	<i>Bộ phận DNNN</i>
1	1997	7	7	
2	1998	23	22	1
3	1999	32	29	3
4	2000	14	11	3
5	2001	10	10	
6	2002	2	2	
7	2003	45	44	1
8	2004	31	30	1
9	2005	22	22	
10	2006	3	3	
11	2007	7	7	
12	2008	6	6	
13	2009	16	14	2

TT	Năm	Số lượng doanh nghiệp	Trong đó	
			<i>DN 100% vốn nhà nước</i>	<i>Bộ phận DNNN</i>
14	2010	14	12	2
15	2011	11	11	
16	2012	9	9	
17	2013	13	12	1
18	2014	26	24	2
19	2015	25	19	6
	<i>Cộng</i>	316	294	22

Bảng 2.7- Kết quả CPH DNNN thuộc thành phố Hà Nội đến 30/12/2015

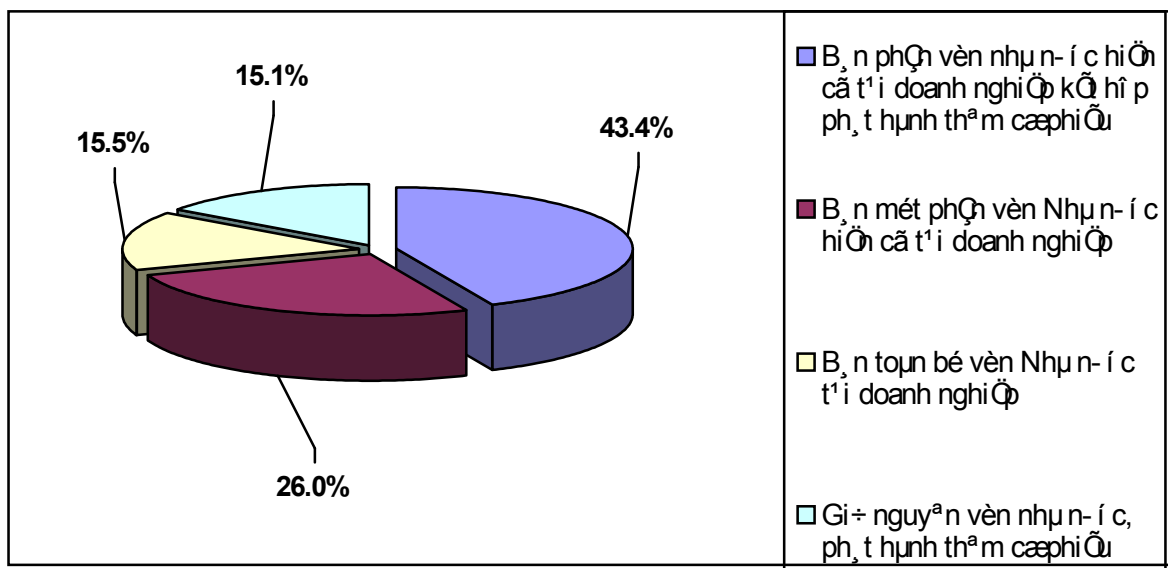
Nguồn: Báo cáo của Sở Tài chính [72, tr.4] và tổng hợp của tác giả.

Về cơ cấu:

Theo hình thức cổ phần hoá:

Theo báo cáo của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thành phố năm 2015, hình thức cổ phần hoá phổ biến là: bán phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp kết hợp phát hành thêm cổ phiếu (chiếm 43,4 %); tiếp theo đó là bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp (26%); còn lại là bán toàn bộ vốn nhà nước tại doanh nghiệp (15,5%); giữ nguyên vốn nhà nước, phát hành thêm cổ phiếu (15,1%).

Biểu đồ 2.1. Cơ cấu doanh nghiệp theo hình thức cổ phần hoá

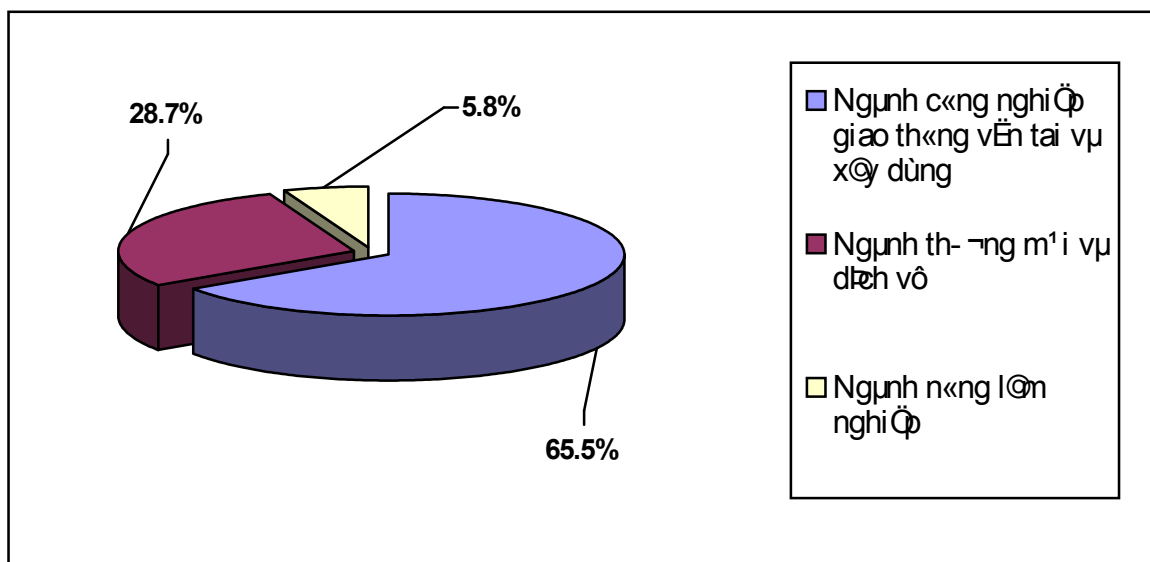


Nguồn: Báo cáo của Sở Tài chính [72, tr.5] và tổng hợp của tác giả.

Theo tỷ trọng các ngành trong kinh tế Thủ đô

Trong số các DNNN đã cổ phần hoá, ngành công nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng đi đầu trong công tác cổ phần hoá chiếm 65,5%; thương mại dịch vụ, văn xã chiếm 28,7% và ngành nông, lâm nghiệp là 5,8%.

Biểu đồ 2.2. Cơ cấu doanh nghiệp CPH theo tỷ trọng các ngành

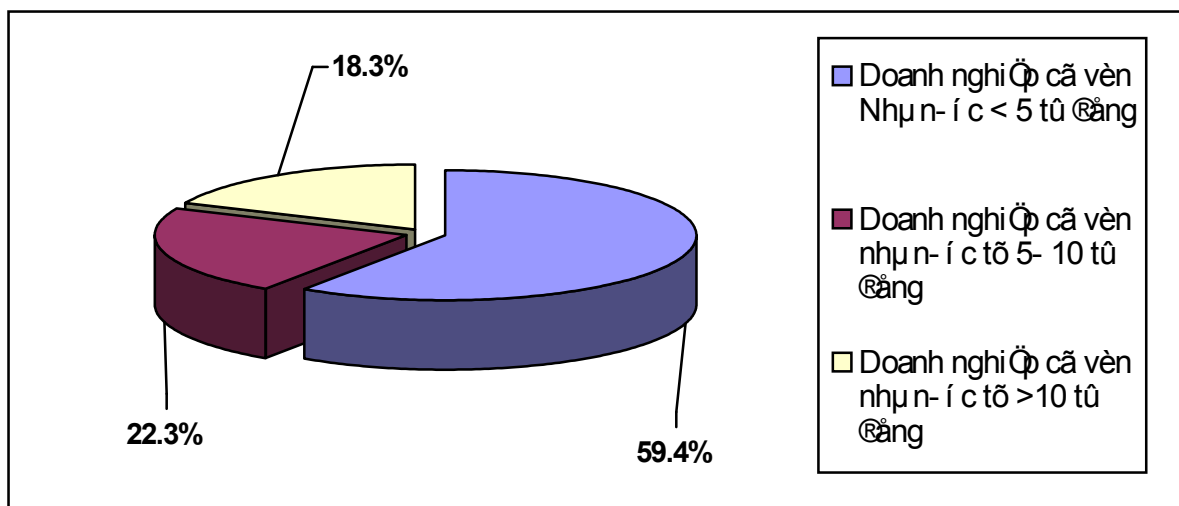


Nguồn: Báo cáo của Sở Tài chính [72, tr.5] và tổng hợp của tác giả.

Theo cơ cấu vốn nhà nước

Trong các doanh nghiệp có vốn nhà nước dưới 5 tỷ đồng CPH chiếm 59,4%, tập trung chủ yếu ở các ngành thi công xây lắp, công nghiệp sản xuất, hàng tiêu dùng, thương mại dịch vụ; các doanh nghiệp có vốn nhà nước từ 5- 10 tỷ đồng chiếm 22,3%; còn lại là các doanh nghiệp có vốn nhà nước trên 10 tỷ chỉ có 18,3%.

Biểu đồ 2.3. Cơ cấu cổ phần hoá theo vốn nhà nước



Nguồn: Báo cáo của Sở Tài chính [72, tr.6] và tổng hợp của tác giả.

Như vậy ta thấy rằng, các doanh nghiệp đã CPH của Thành phố chủ yếu có quy mô vừa và nhỏ.

Nhìn lại số liệu trên có thể nhận thấy Thành phố đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận như:

Nhiều doanh nghiệp thuộc loại nhỏ, hiệu quả kinh doanh thấp, sức cạnh tranh hạn chế đã được đưa bớt ra khỏi hệ thống các DNNN khi CPH; như vậy có thêm điều kiện để củng cố các DNNN khác.

Trong các doanh nghiệp đã CPH, 30% số doanh nghiệp được hoàn toàn độc lập tự chủ trong kinh doanh mà không còn sự chi phối trực tiếp nào của Nhà nước (*Nhà nước không nắm giữ một cổ phần nào, toàn bộ thuộc về các cổ đông*).

Đặc biệt, những năm gần đây đã xuất hiện điểm sáng mới cần được nhấn mạnh là trong số doanh nghiệp CPH đã có nhiều doanh nghiệp làm ăn khá khá, quy mô vốn lớn, hấp dẫn các nhà đầu tư.

Báo cáo từ UBND thành phố cho thấy 87,53 % số doanh nghiệp khẳng định kết quả hoạt động kinh doanh tốt hơn nhiều so với trước khi cổ phần hoá.

Về chất lượng:

Sau hơn 20 năm thực hiện CPH, sau nhiều lần rút kinh nghiệm, khắc phục những bất cập, quá trình CPH DNNN của thành phố Hà Nội đã có nhiều biến đổi về chất sau:

Một là, chuyển từ CPH DNNN trong một số lĩnh vực sang CPH ở hầu hết các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, kể cả các nông, lâm trường.

Hai là: chuyển biến từ việc chỉ CPH các DNNN quy mô nhỏ về vốn và lao động, sang cả những doanh nghiệp làm ăn có lãi với quy mô lớn trong các ngành trọng yếu của nền kinh tế Hà Nội (như công nghiệp, xây dựng, giao thông). Các doanh nghiệp được CPH trong giai đoạn mở rộng có GTDN lớn nhất chỉ có 20 tỷ đồng, nhưng đến nay nhiều công ty đã CPH có GTDN lớn hơn.

Ba là: việc chuyển từ CPH theo hướng từ cơ bản khép kín, nội bộ sang hình thức đấu giá công khai, bán cổ phần ra bên ngoài để thu hút nhà đầu tư. Đây được coi là sự chuyển biến “*có chất*” nhất thể hiện sự thay đổi căn bản quan điểm và chủ trương về CPH, góp phần tạo ra sức bật mạnh mẽ để đẩy nhanh, mạnh tiến trình cải

cách hệ thống DNNN một cách công khai, minh bạch và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế cùng tham gia.

Trước đây cổ phần hoá “khép kín” rất phổ biến, ví dụ thành phố Hà Nội năm 1998 có 23 DNNN, năm 2000 có 14 DNNN [91, tr.6] được CPH thì chủ yếu cổ phiếu phát hành là để bán với nhau trong nội bộ. Hệ quả là CPH đã không trở thành kênh thu hút nguồn vốn đầu tư của xã hội, thậm chí gây thất thoát tài sản nhà nước do định giá thấp.

Đến nay, Thành phố đã quán triệt quy định của Chính phủ về chính sách xoá bỏ CPH khép kín. Đây được coi là bước chuyển biến, làm cho tiến trình CPH được thúc đẩy mạnh mẽ hơn, công khai minh bạch, tạo điều kiện cho tất cả các thành phần trong và ngoài nước tham gia.

Bón là: Cổ phần hoá là một xu hướng tất yếu, là giải pháp mang tính đột phá nhằm chuyển đổi DNNN từ đơn sở hữu sang đa sở hữu. Những chuyển biến nói trên đã nâng cao rõ rệt hiệu quả SXKD của các doanh nghiệp CPH trên tất cả các chỉ tiêu chủ yếu về vốn, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, số lượng và thu nhập của người lao động, cổ tức.

2.3.2.2. Những kết quả tích cực

Về hiệu quả sản xuất kinh doanh:

Đa số doanh nghiệp CPH cho rằng tình hình tài chính sau CPH tốt hơn so với trước khi chuyển đổi. Kết quả điều tra cho thấy 87,53% số doanh nghiệp khẳng định kết quả hoạt động tài chính của CTCP tốt hơn hoặc tốt hơn trước rất nhiều so với trước khi CPH [98, tr.2]. Điều đó được thể hiện qua các số liệu sau:

Về vốn điều lệ:

Theo số liệu tổng hợp từ 251 công ty cổ phần, thì vốn điều lệ trước khi CPH là 1.990.101 triệu đồng, sau khi CPH 01 năm là 2.545.092 triệu đồng. Trong đó chỉ có 06 doanh nghiệp có vốn điều lệ giảm so với thời điểm trước cổ phần; 83 doanh nghiệp bằng thời điểm trước cổ phần và có tới 161 doanh nghiệp có vốn điều lệ tăng so với thời điểm trước khi CPH.

Một số CTCP có vốn điều lệ tăng cao như: CTCP Du lịch thương mại 30/4 tăng từ 138 triệu đồng lên 1.200 triệu đồng (869,6%); CTCP Chế biến lâm sản Hoài Đức tăng từ 107- 1.500 triệu đồng (1.401,9%); CTCP SXKD Bao bì và hàng xuất khẩu Hà

Nội tăng từ 102- 2.000 triệu đồng (1.960,8%) và CTCP Cơ giới nông nghiệp Hoài Đức tăng từ 43- 1.900 triệu đồng (tăng 4.418,6%).

Các doanh nghiệp sau khi CPH hầu hết hoạt động có hiệu quả hơn, do đó thu hút thêm được một lượng lớn vốn cho đầu tư phát triển SXKD. Tính đến ngày 30/12/2015, tổng số vốn điều lệ của các công ty đã cổ phần hoá là 5.414,6 tỷ đồng, bình quân mỗi doanh nghiệp là 26,3 tỷ đồng, so với vốn nhà nước huy động thêm được 2.345,8 tỷ đồng.

Về doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách:

Kết quả từ 189 CTCP sau thời điểm CPH 01 năm là 12.605.444 triệu đồng (*tăng 138,5% so với thời điểm trước CPH*), trong đó chỉ có 43 công ty có doanh thu giảm, 02 công ty doanh thu bằng thời điểm trước CPH và có tới 144 công ty có doanh thu tăng. Điển hình CTCP Xây dựng giao thông đô thị có doanh thu tăng từ 1.731 lên 28.667 triệu đồng (tăng 1.656%) hay CTCP Đóng tàu có doanh thu tăng từ 1.099 lên 83.354 triệu đồng (7.584,5%).

Theo số liệu báo cáo từ 183 công ty cổ phần, kết quả sản xuất kinh doanh sau 01 năm CPH như sau:

- Tổng doanh thu đạt 12.953.884 triệu đồng, tăng 48,84% so với thời điểm cổ phần hóa
- Nộp ngân sách đạt 667.200 triệu đồng, tăng 72,94%;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 436.527 triệu đồng, tăng 119,64%; trong số này có CTCP Vật liệu và Xây dựng nhà Hà Nội số 28 từ lỗ -1.478 triệu thành lãi 517 triệu; hay CTCP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22 từ lỗ -1.012 triệu thành có lãi 985 triệu đồng [98, tr.3].

Về lao động, thu nhập:

- Tổng số lao động bình quân là 35.116 người, giảm 20,5% (*thực tế khi hoàn thành CPH thì số lao động bình quân giảm 40,64%, sau khi hoạt động theo hình thức CTCP, doanh nghiệp có tuyển dụng một số lao động mới có trình độ chuyên môn và được đào tạo bài bản hơn*) [98, tr.4].

- Thu nhập bình quân của người lao động đều tăng so với thời điểm CPH.

Khi so sánh năm đầu CPH với năm cuối của mô hình DNNN đã thấy nhiều biến chuyển rõ rệt, kể cả các doanh nghiệp những năm trước vừa bị làm ăn thua lỗ. Điều

này cho thấy ở thời điểm năm đầu CPH, việc chuyển sang mô hình mới chưa có tác động đột biến tức thời tới các yếu tố liên quan trực tiếp đến doanh thu như tăng sức sản xuất, khả năng tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp, nhưng đã có tác động mạnh đến các chỉ tiêu, thể hiện hiệu quả hoạt động là lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận.

Trên đà phát triển của năm đầu tiên, trong các năm tiếp theo tốc độ tăng trưởng của các chỉ tiêu kinh doanh tiếp tục được duy trì trong suốt quá trình hoạt động dưới mô hình CTCP.

Sau CPH, đại bộ phận người lao động trong doanh nghiệp trở thành cổ đông, hội đồng quản trị và bộ máy điều hành đều được lựa chọn, hầu hết thành viên là những người sở hữu số lượng cổ phần lớn, có quyền lợi gắn chặt với doanh nghiệp, làm cho phương thức quản lý thay đổi sâu sắc. Để nâng cao hiệu quả hoạt động và có cổ tức chia cho các cổ đông, các doanh nghiệp đã áp dụng nhiều biện pháp như: rà soát, bố trí lại hợp lý lực lượng lao động, tiết kiệm các loại chi phí (trực tiếp, gián tiếp); tăng doanh thu, điều chỉnh chính sách lương, thưởng phù hợp theo hướng phân phối theo năng suất lao động và hiệu quả công việc... do đó năng suất lao động và chất lượng sản phẩm tăng lên rõ rệt.

*(So sánh vốn điều lệ, doanh thu, lợi nhuận, tổng nộp ngân sách tại các DN trước và sau CPH theo các Phụ lục 2.1, 2.2, 2.3, 2.4
nguồn: Báo cáo của UBND thành phố).*

Cổ phần hóa tạo ra loại hình doanh nghiệp đa sở hữu

Sau CPH, do phát hành thêm cổ phiếu để thực hiện các phương án SXKD mới nên vốn hoạt động của các doanh nghiệp đều tăng. Quá trình CPH đã thu hút được 442,4 tỷ đồng từ cán bộ công nhân viên và các nhà đầu tư, chiếm 66,2% vốn điều lệ (số liệu đến năm 2015 của BDM và PTDN TP) [98, tr.5].

Do mục tiêu của CPH là tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, trong đó có sự tham gia đồng đẳng của người lao động nên sẽ tăng cường được sự giám sát của các nhà đầu tư đối với nguồn vốn của doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, thay đổi cung cách quản trị nhằm đảm bảo giải quyết hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, các nhà đầu tư và người lao động.

Việc thực hiện CPH DNNN đã cho phép các doanh nghiệp thu hút được một lượng lớn nguồn vốn nhàn rỗi trong xã hội vào đầu tư phát triển sản xuất qua thị trường chứng khoán. Với 316 DNNN được CPH tính đến 30/12/2015 đã có 4.841 tỷ

đồng cổ phiếu được bán, Thành phố nhờ đó đã có 2.869 tỷ đồng (*chiếm 53% tổng số vốn nhà nước đã cổ phần hoá*) để tái đầu tư phát triển kinh [72, tr.8].

Mặt khác, quy mô vốn điều lệ của doanh nghiệp sau CPH tăng đã cho thấy CPH thực sự đã mở ra cánh cửa để các doanh nghiệp tiếp cận với một “kênh” dẫn vốn mới đáp ứng cho nhu cầu phát triển. Việc tham gia của công chúng đầu tư trong các phiên đấu giá trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội cho thấy không chỉ người lao động đang làm việc tại các công ty được đấu giá mà cả người dân đã khá quan tâm đến việc đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu. Tính đến hết tháng 12/2015, Sở Giao dịch chứng khoán đã đấu giá 385 phiên cho các DNNN CPH hoặc CTCP bán bớt phần vốn nhà nước. Tổng giá trị cổ phần trúng giá đạt 3.239,2 tỷ đồng, với 4.751 nhà đầu tư trúng giá trên 7.675 tổng số lượt nhà đầu tư đăng ký đấu giá [98, tr.8].

(So sánh tổng quan DNNN thuộc Thành phố trước và sau khi thực hiện CPH theo phụ lục 2.5- Nguồn: tổng hợp của tác giả).

CPH DNNN đem lại hiệu quả về mặt xã hội

Trong một cuộc khảo sát 60 doanh nghiệp đã CPH hơn 01 năm của Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế- xã hội Hà Nội năm 2015 cho thấy năng suất lao động tăng bình quân 18.3%; lương bình quân doanh nghiệp tăng 11.4%. Điều đó khẳng định hiệu quả của việc chuyển đổi các DNNN thành CTCP đã có tác động mạnh đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Công tác giải quyết lao động dôi dư cũng đạt được những thành công nhất định. Từ khi Nghị định 41/2002/NĐ-CP ra đời, vấn đề lao động dôi dư được giải quyết thoả đáng hơn, một mặt tạo tâm lý tích cực hơn cho người lao động bị mất việc làm, mặt khác thúc đẩy các doanh nghiệp nhanh chóng thực hiện công tác sắp xếp. Tính đến hết năm 2015, Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư đã thực hiện chi hỗ trợ cho 380 DN để giải quyết cho 14.480 lao động dôi dư với số tiền là 770 tỷ đồng [72, tr.6].

2.3.2.3. Những hạn chế

Cổ phần hoá đã có một sự thành công bước đầu nhưng vẫn còn chậm

Kết quả chung so với kế hoạch CPH được Thủ tướng phê duyệt mới đạt 80%. Số lượng doanh nghiệp được CPH một số năm tuy đạt con số khả quan nhưng so với yêu cầu của kế hoạch là chưa đạt.

Bên cạnh một số Sở, ngành và tổng công ty đã coi trọng công tác CPH thì một số đơn vị vẫn còn chần chừ chờ đợi, chỉ nói về khó khăn vướng mắc mà ít tổ chức học tập, nghiên cứu kinh nghiệm ở những nơi đã làm tốt để giải thích, thuyết phục và chỉ đạo các DNNN thuộc diện cổ phần hoá thực hiện.

Thời gian tiến hành cổ phần hoá còn dài

Theo kết quả thu thập của Chi cục Tài chính doanh nghiệp Hà Nội tại 234 doanh nghiệp đã cổ phần hoá cho thấy thời gian cổ phần hoá một doanh nghiệp đã giảm được từ 512 ngày (năm 2001) xuống còn 236 ngày (năm 2015).

Thời gian tiến hành cổ phần hoá được chia thành các giai đoạn sau:

<i>STT</i>	<i>Nội dung công việc</i>	<i>Số ngày thực hiện</i>
1	Thành lập Ban chỉ đạo đổi mới doanh nghiệp – bắt đầu định giá	17 ngày
2	Bắt đầu định giá - quyết định giá trị doanh nghiệp	36 ngày
3	Quyết định giá trị doanh nghiệp, phê duyệt phương án cổ phần hoá	60 ngày
4	Phê duyệt phương án cổ phần hoá - bắt đầu bán cổ phần	24 ngày
5	Bắt đầu bán cổ phần – hoàn thành bán cổ phần	48 ngày
6	Hoàn thành bán cổ phần - đại hội cổ đông	25 ngày
7	Đại hội cổ đông - đăng ký kinh doanh	26 ngày
	<i>Tổng cộng</i>	236 ngày

Bảng 2.8- Thời gian tiến hành cổ phần hóa.

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ các báo cáo của UBND TP Hà Nội.

Tuy nhiên so với quy định mới nhất về CPH là quá trình cổ phần hoá chỉ được tối đa 06 tháng tức là 180 ngày thì thời gian trên còn dài.

(Sơ đồ mô tả quá trình CPH DNNN thuộc thành phố Hà Nội theo Phụ lục 2.6 - Nguồn: tổng hợp từ báo cáo của UBND thành phố).

Nhà nước vẫn còn chiếm giữ nhiều cổ phần chi phối

Chuyển sang CTCP, doanh nghiệp trở thành đa sở hữu về vốn; theo số liệu tổng hợp tại 189 CTCP thời điểm CPH thì có 23,8% doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ vốn trên 50%; 42% doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn và chỉ có 34,2% CTCP Nhà nước không nắm giữ vốn [98, tr.4].

Điều này cho thấy mặc dù đã CPH nhưng tại nhiều doanh nghiệp, Nhà nước vẫn là cổ đông lớn nhất, đồng thời nhiều CTCP được thành lập theo cách này đang

được Nhà nước nắm cổ phần chi phối. Điều đáng nói là tỷ lệ vốn điều lệ mà Nhà nước còn nắm ở CTCP không giảm mà ngày càng tăng. Nếu thời kỳ đầu (1992-1998) tỷ lệ cổ phần mà Nhà nước nắm trong các CTCP là 28% thì đến thời kỳ 2010-2013 tỷ lệ này lên tới 46,8%. Hiện nay bình quân là 41,5%. Chính tỷ lệ này đang kìm hãm sự phát triển của nhiều doanh nghiệp sau CPH [98, tr.5].

Qua thực tế hoạt động đầu giá cổ phần cho thấy, nhà đầu tư không chỉ quan tâm đến kết quả kinh doanh hay tiềm năng phát triển doanh nghiệp mà còn chú ý tới khả năng thay đổi phương thức quản trị. Họ tỏ ra không mấy mặn mà với các doanh nghiệp mà phần vốn nhà nước chiếm giữ lớn.

Doanh nghiệp cổ phần bị phân biệt đối xử

Có một số chính sách ưu đãi khuyến khích tạo điều kiện phát triển cho các DNNN sau khi CPH trở thành CTCP. Tỷ lệ 87% doanh nghiệp có kết quả hoạt động tốt hơn trước CPH là do một phần quan trọng của các chính sách đó [98, tr.3]. Tuy nhiên, trên thực tế CTCP lại đang chịu nhiều phân biệt đối xử. Sự phân biệt bất bình đẳng thể hiện rõ nhất trong các lĩnh vực liên quan đến ngân hàng, tài chính, chính sách đất đai và thuế...

Theo phản ánh của các doanh nghiệp cho thấy, sau CPH diện tích đất đai, nhà xưởng không thay đổi nhiều. Thậm chí các doanh nghiệp vẫn tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của Thành phố thông qua việc cho thuê đất, giao đất với giá thấp. Tuy nhiên, do sự thiếu rõ ràng về quyền sử dụng đất, chưa giải quyết dứt điểm các nghĩa vụ đất đai khi chuyển sang mô hình CTCP đã khiến doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc bố trí kế hoạch hoạt động kinh doanh. Nhiều doanh nghiệp khi muốn tiến hành đầu tư xây dựng nhà xưởng hay góp vốn liên doanh bằng tài sản có trên đất đã gặp phải khó khăn vì chính sách đất đai đối với CTCP chưa rõ ràng. Do đó dẫn đến tình trạng như: các đơn vị thành viên tổng công ty đã CPH nhưng không có quyền sử dụng đất, không được đứng tên thuê đất, giao đất, do đất thuộc quyền sử dụng và đứng tên tổng công ty. Nên khi cần lại phải nhờ tổng công ty đứng ra vay hộ ngân hàng nên mất chủ động và tốn kém.

Ngoài ra, các doanh nghiệp CPH còn gặp phải vấn đề nữa đó là tiếp cận tín dụng khó khăn. Sau CPH, tỷ trọng vốn vay từ nguồn tín dụng thương mại nhà nước giảm đi đáng kể. Bên cạnh đó, các điều kiện về tín dụng, thế chấp, cầm cố tài sản và lòng tin

khi cho vay của ngân hàng có sự thay đổi đáng kể đối với doanh nghiệp trước và sau khi CPH. Đây là những trở ngại phát sinh gây hạn chế đối với các CTCP.

Lòng tin của các cơ quan nhà nước đối với doanh nghiệp cổ phần cũng có những thay đổi, cụ thể: để được hoàn thuế thì DNNN thực hiện theo nguyên tắc hoàn trước kiểm sau, trong khi CTCP bắt buộc phải kiểm trước mới được hoàn trả sau. Ngoài ra, CTCP còn “bị thiệt” vì những hỗ trợ tài chính thông qua vay vốn ưu đãi và các biện pháp tài chính như khoan nợ, giãn nợ, xoá nợ, chuyển vốn vay thành vốn nhà nước đầu tư... không còn được áp dụng sau CPH.

Bất cập trong xác định giá trị doanh nghiệp

Hiện nay, vướng mắc lớn nhất làm chậm quá trình CPH DNNN thuộc Thành phố là vấn đề xác định GTDN. Theo tổng hợp của Sở Tài chính, thời gian từ khi thành lập Ban chỉ đạo đến khi tiến hành việc xác định GTDN chiếm 32% và từ khi định giá cho đến khi công bố GTDN chiếm 30,6% tổng thời gian CPH. Như vậy, ta thấy rằng các doanh nghiệp rất lúng túng trong việc này [72, tr.5].

Nếu GTDN được xác định hợp lý sẽ đảm bảo lợi ích của nhà đầu tư và lợi ích của Nhà nước. Tuy nhiên, việc xác định GTDN hiện nay vẫn còn mang tính chất chủ quan hành chính, thiếu sự hỗ trợ của cơ quan tư vấn chuyên môn. Bên cạnh đó vấn đề xử lý tồn tại tài chính cũng gây không ít khó khăn cho việc xác định GTDN. Mặc dù đã có nhiều văn bản hướng dẫn xử lý về tài chính khi chuyển DNNN thành CTCP nhưng đến nay vấn đề này chưa được giải quyết triệt để.

Trong khâu xác định GTDN, khó khăn lớn nhất là tính giá trị quyền sử dụng đất. Một số doanh nghiệp Thủ đô có vị trí đắc địa do đặc thù về chênh lệch địa tô, có giá trị tạo lập đền bù, san lấp hoặc đã được Nhà nước đầu tư nhiều trong quá trình kiến tạo, sử dụng trước đây khi còn là DNNN; giá trị đầu tư do Thành phố bỏ ra rất lớn để xây dựng cơ sở hạ tầng. Đất để làm mặt bằng cơ sở SXKD, dịch vụ tại Thành phố là tài nguyên rất khan hiếm không còn nguồn, do vậy địa tô chênh lệch trên thực tế là rất cao; đây cũng là nguồn thu lớn của Thành phố được xã hội chấp nhận. Nếu Thành phố buông lỏng quản lý, điều tiết, giá trị địa tô này sẽ tạo ra kẽ hở gây thất thoát tài sản nhà nước. Khi CPH DNNN nếu không tính đến giá trị này sẽ là tiền đề để các CTCP bán, nhượng đất đai, nhà xưởng để thu lãi phát sinh từ việc bán nhượng đất chứ không phải do hoạt động SXKD thực sự của doanh nghiệp, từ đó ảnh hưởng đến mục tiêu của CPH.

Bên cạnh đó việc xác định giá trị thương hiệu cũng gặp nhiều lúng túng. Vì đây là tài sản vô hình khó xác định do các doanh nghiệp kinh doanh các sản phẩm khác nhau, có lợi thế và uy tín trên thị trường khác nhau, khó có thể có một văn bản chung để xác định giá trị thương hiệu. Vì vậy, thời gian xác định GTDN bị kéo dài, làm chậm tiến trình CPH và xảy ra nhiều trường hợp xác định không hợp lý, gây thất thoát tài sản cho Nhà nước hoặc gây thiệt hại đến DN.

Một số bất cập về hoàn nhập các khoản dự phòng vào vốn nhà nước, xác định giá trị tài sản cố định thời điểm xác định GTDN, định giá các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm bàn giao DNNN thành CTCP còn lúng túng, bất cập.

Xác định các khoản nợ cũng gặp nhiều khó khăn vì các khoản nợ tồn đọng đây đưa khó đòi đã qua nhiều năm tài sản không cần dùng, vật tư hàng hoá tồn kho lâu ngày, trải qua nhiều đời giám đốc không còn chứng từ, không sổ sách nên không xác định được.

Theo điều tra của Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế- xã hội Hà Nội có 97,9% số doanh nghiệp CPH áp dụng phương pháp tài sản khi định giá. Trong khi đó phương pháp định giá hiện đại và mang tính thị trường như phương pháp tính theo dòng chiết khấu lại không được sử dụng hoặc sử dụng không đáng kể. Phương pháp định giá tài sản dù đã qua một số lần sửa đổi, bổ sung nhưng về bản chất vẫn là đánh giá trên sổ sách và tham khảo giá thị trường. Mặt được chủ yếu khi chọn phương pháp này là do bộ máy làm CPH có nhiều kinh nghiệm trong thực hiện và có tâm lý ngại áp dụng phương pháp mới.

Nhiều công ty chưa có sự đổi mới

Theo một khảo sát năm 2015 của Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế- xã hội cho thấy nhiều doanh nghiệp sau CPH vẫn sử dụng gần như toàn bộ bộ máy quản lý cũ. Cụ thể tại thời điểm CPH, khoảng 70% vị trí quản lý không thay đổi, sau khi CPH 81,5% giám đốc doanh nghiệp được giữ nguyên chức vụ, khoảng 78% chức danh phó giám đốc và kế toán trưởng không thay đổi và hầu như chưa có doanh nghiệp nào sau CPH sử dụng cơ chế thuê giám đốc điều hành.

Nhận định của các chuyên gia cho rằng tình trạng này sẽ làm giảm sức sáng tạo, tư duy và cung cách điều hành doanh nghiệp, gây ảnh hưởng tiêu cực trong kinh doanh. Theo kết quả điều tra chỉ có 25% số doanh nghiệp CPH thực hiện chuyển đổi

cơ cấu thị trường và sản phẩm. Chưa đầy 28% doanh nghiệp tiến hành đổi mới triệt để kỹ thuật công nghệ và quy trình sản xuất của mình.

Nhận thức của các cổ đông về quyền lợi và nghĩa vụ đối với doanh nghiệp chưa đúng đắn

Theo một số cuộc điều tra cho thấy vẫn còn một bộ phận không nhỏ các cổ đông chưa nhận thức được đúng đắn các quyền, lợi ích và nghĩa vụ của mình đối với doanh nghiệp nên diễn ra hai thái cực hoặc là cổ đông không nắm rõ các quy định pháp lý về quyền hạn của cổ đông, hội đồng quản trị, ban kiểm soát, giám đốc cũng như thủ tục, trình tự tổ chức đại hội cổ đông, đặc biệt là đại hội cổ đông bất thường... dẫn đến cổ đông lạm quyền và can thiệp quá sâu vào công tác quản lý, điều hành công ty. Hoặc là cổ đông quá e dè, không sử dụng hết các quyền hạn chính đáng của mình đối với việc quản lý và điều hành công ty, dẫn đến hậu quả là ĐHCĐ trở thành hình thức, bản thân các cổ đông từ vị trí là “nhà đầu tư” trở thành “người gửi tiết kiệm”. Nhiều cổ đông là người lao động trong doanh nghiệp không thấy được vai trò chủ sở hữu thực sự của mình để tích cực tham gia bàn bạc, thảo luận và biểu quyết các vấn đề quan trọng của công ty như quyết định định hướng chiến lược, mục tiêu, nhiệm vụ, sử dụng lợi nhuận, bầu hội HDQT tại ĐHCĐ.

Vấn đề lao động và tiền lương trong doanh nghiệp sau cổ phần hóa

Về nguyên tắc khi chuyển sang CTCP thì công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp chưa chủ động nghiên cứu, chưa biết tận dụng ưu thế của mô hình mới để xây dựng định mức lao động, tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và chủ động trả lương cho người lao động, mà chủ yếu vẫn áp dụng theo hệ thống thang lương, bảng lương, các khoản phụ cấp lương do Nhà nước quy định đối với DNNN. Vì vậy cũng kế thừa luôn những nhược điểm cố hữu của chế độ tiền lương trong khu vực DNNN, đó là: tiền lương, thu nhập của người lao động chưa thực sự gắn với năng suất lao động, hiệu quả SXKD; chưa tạo được động lực cho người quản lý và lao động trong doanh nghiệp...

Nhiều CTCP gặp vướng mắc trong vấn đề đóng BHXH cho người lao động và cán bộ quản lý. Đối với cơ quan BHXH, họ chỉ nhận đóng bảo hiểm theo thang, bảng lương mà doanh nghiệp đã đăng ký. Trong khi như đã đề cập, không nhiều CTCP tự xây dựng thang bảng lương cho mình để làm căn cứ trả lương, nên việc đóng bảo hiểm

gặp khó khăn, vì BHXH chưa linh hoạt, mà đòi hỏi phải có “*xếp hạng*” như các DNNN [6, tr.14]

2.4. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

2.4.1. Thực trạng công tác quản lý nhà nước

2.4.1.1. Công tác xây dựng chương trình mục tiêu về cổ phần hóa

Về xác định mục tiêu, phạm vi CPH DNNN

Ngay từ những năm đầu khi chưa có Quyết định số 58/2002/QĐ-TTg ngày 26/4/2002 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí, danh mục phân loại DNNN và tổng công ty nhà nước thì việc rà soát, phân loại, xây dựng kế hoạch CPH DNNN thuộc thành phố Hà Nội chủ yếu căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động của các DNNN thuộc Thành phố và đề nghị của các Sở, ngành là cơ quan cấp trên trực tiếp (chủ quản) của doanh nghiệp để xem xét, quyết định việc CPH.

Sau khi có Quyết định 58, ngày 29/05/2002 Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Chỉ thị số 23/2002/CT-UB yêu cầu Giám đốc các Sở, ngành và Chủ tịch UBND quận, huyện thuộc Thành phố căn cứ các tiêu chí phân loại, tiến hành xây dựng phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới (*trong đó có CPH*) DNNN thuộc Thành phố.

Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thành phố đã trực tiếp cùng các Sở, ngành, quận, huyện rà soát lại từng đề án, tổng hợp và điều chỉnh, hoàn thiện phương án CPH, báo cáo UBND thành phố để xin ý kiến của Ban Thường vụ Thành uỷ trước khi trình Thủ tướng Chính phủ. Kết quả là ngày 7/5/2003, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 86/QĐ-TTg phê duyệt phương án tổng thể CPH DNNN trực thuộc Thành phố. Tiếp theo, ngày 18/06/2003 Thành uỷ đã có Chỉ thị số 20-CT/TU về việc lãnh đạo thực hiện đẩy nhanh tiến độ CPH DNNN thuộc Thành phố theo phương án đã được phê duyệt.

Do yêu cầu mới của Đảng, Chính phủ về công tác sắp xếp, đổi mới DNNN và sự ra đời của Quyết định số 155/2004/QĐ-TTg ngày 24/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí, danh mục phân loại công ty nhà nước và công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc tổng công ty nhà nước thay thế Quyết định 58/QĐ-TTg; Quyết định số 38/2007/QĐ-TTg ngày 20/03/2007 thay thế Quyết định số 155 và Quyết định số 14/2011/QĐ-TTg ngày 04/03/2011 thay thế Quyết định số 38.

Để các tiêu chí phù hợp hơn trong giai đoạn hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/06/2014 về việc ban hành tiêu chí, danh mục phân loại DNNN (*thay thế Quyết định số 14*). Theo đó, từ ngày 06/08/2014, tiêu chí, danh mục phân loại DNNN như sau:

Nhóm 1: Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đối với các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực: trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; sản xuất, cung ứng vật liệu nổ, hóa chất độc; truyền tải hệ thống điện quốc gia, thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân; quản lý khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; cảng hàng không; dịch vụ bưu chính công ích; xổ số kiến thiết; xuất bản; in đúc, tiền; quản lý khai thác công trình thủy lợi; trồng rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ; tín dụng phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

Nhóm 2: Những doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ 75% tổng số cổ phần trở lên gồm: doanh nghiệp quản lý, khai thác, bảo trì cảng hàng không, sân bay (*trừ các cảng hàng không, sân bay có vai trò, vị trí quan trọng đối với quốc phòng, an ninh*); DN quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ, đường thủy nội địa; bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; DN cung cấp cơ sở hạ tầng viễn thông; khai thác khoáng sản quy mô lớn và khai thác dầu mỏ, khí tự nhiên.

Nhóm 3: Những doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ từ 65% đến dưới 75% tổng số cổ phần, gồm: các doanh nghiệp chế biến dầu mỏ và khí tự nhiên; DN tài chính, ngân hàng (*không bao gồm bảo hiểm, chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty tài chính, cho thuê tài chính*), vận chuyển hàng không; DN có vai trò đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế, bình ổn thị trường, hoạt động trong các lĩnh vực như: bán buôn thuốc phòng bệnh, chữa bệnh; bán buôn lương thực và bán buôn xăng dầu... Đặc biệt, trong nhóm này DN sản xuất thuốc lá điều sẽ được xếp vào nhóm những DN Nhà nước nắm giữ từ 65% đến dưới 75% tổng số cổ phần thay vì nhóm những DN Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ như trước đây.

Nhóm 4: Những doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 65% số cổ phần, gồm: thoát nước, cấp nước đô thị; vệ sinh môi trường; chiếu sáng đô thị; địa chất, khí tượng, thủy văn; sản xuất, lưu giữ giống gốc cây trồng, vật nuôi, vắc xin sinh phẩm y tế; sản xuất hóa chất cơ bản, thuốc bảo vệ thực vật; trồng và chế biến cao su; vận tải đường biển quốc tế, đường sắt.

Với tư cách là cơ quan thường trực BDM và PTDN TP, Sở Tài chính đã tham mưu tập trung chỉ đạo rà soát lại các doanh nghiệp trực thuộc, đề xuất với Thành phố phương án sắp xếp lại DNNN, đề nghị các sở, ngành liên quan căn cứ văn bản, chính sách, tiêu chí về sắp xếp, đổi mới DNNN để triển khai phân loại, trình Thành phố quyết định [97, tr.3].

Công tác xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách đối với quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Thông qua hệ thống các văn bản chỉ tiết và mang tính chỉ đạo, định hướng, thành phố Hà Nội đã thiết lập một cơ chế mạnh mẽ, thông thoáng hơn cho tiến trình CPH với hệ thống các giải pháp đồng bộ nhằm các mục tiêu:

- Tạo lập cơ sở phân loại và xác định rõ những doanh nghiệp nào thuộc đối tượng triển khai CPH cũng như các điều kiện cần thiết để thực hiện.

- Hỗ trợ doanh nghiệp xử lý những vấn đề tồn tại về tài chính và giải quyết lao động dôi dư như: cho phép các doanh nghiệp được thực hiện bán nợ hoặc chuyển nợ thành vốn góp cổ phần, sử dụng thu nhập trước thuế để bù đắp lỗ lũy kế, hỗ trợ tài chính giúp doanh nghiệp cơ cấu lại, lành mạnh hoá tình hình tài chính trước khi CPH và thanh toán trợ cấp cho người lao động bị mất việc, thôi việc theo mức thoả đáng.

- Nâng cao tính công khai minh bạch và chuyên nghiệp trong các hoạt động định giá và bán cổ phần, cho phép áp dụng nhiều phương pháp xác định GTDN và từng bước chuyển giao hoạt động định giá, bán cổ phần cho các định chế trung gian, tạo điều kiện để các nhà đầu tư tiềm năng tham gia góp vốn, khắc phục tình trạng CPH “nội bộ” trong giai đoạn trước đó.

- Điều chỉnh, bổ sung các chính sách ưu đãi để giúp doanh nghiệp ổn định và phát triển sau khi CPH như: chính sách ưu đãi về thuế, chính sách ưu tiên tiếp tục cho thuê hoặc cho mua những tài sản đang sử dụng, chính sách tạo sự gắn kết giữa nhà sản xuất và nhà cung cấp nguyên liệu với các doanh nghiệp chế biến.

Thực hiện phân cấp triệt để quyền và xác định rõ ràng trách nhiệm của thủ trưởng các Sở, ngành, tổng công ty, DNNN trong việc triển khai CPH.

(Tổng hợp các cơ chế, chính sách về CPH DNNN áp dụng tại thành phố Hà Nội theo phụ lục 2.7- Nguồn: Tổng hợp của tác giả).

Công tác xây dựng kế hoạch CPH DNNN:

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, thành phố Hà Nội đã tiến hành phân loại, rà soát đã trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại các văn bản sau:

- Quyết định số 86/2003/QĐ-TTg ngày 07/5/2003 phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới DNNN (trong đó có CPH DNNN) thuộc UBND thành phố giai đoạn 2003-2005;

- Quyết định số 94/2005/QĐ-TTg ngày 5/5/2005 phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới công ty nhà nước thuộc UBND thành phố hai năm 2005-2006;

- Quyết định số 479/QĐ-TTg ngày 25/4/2007 phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới công ty nhà nước thuộc UBND thành phố giai đoạn 2007-2010;

- Văn bản số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Thủ tướng CP phê duyệt kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND TP giai đoạn 2012-2015.

Chi tiết kế hoạch CPH DNNN trong từng giai đoạn như sau:

- Kế hoạch CPH DNNN giai đoạn 2002-2010: năm 2002: 2 DN; năm 2003: 20 DN; năm 2004: 47 DN; năm 2005: 34 DN; năm 2006: 20 DN; năm 2007: 23 DN; năm 2008: 20 DN; năm 2009: 07 DN; năm 2010: 12 DN. *Nguồn: Báo cáo của UBND thành phố [98, tr.3].*

Nhìn vào số liệu trên cho thấy kế hoạch CPH năm 2003 gấp 10 lần 2002, các năm 2004, 2005 đều có kế hoạch CPH cao do Chính phủ mở rộng tiêu chí CPH tại Quyết định số 86 và 94. Nhưng số lượng cần CPH các năm 2006-2008 lại giảm đi, thậm chí năm 2009 còn có 07 doanh nghiệp, như vậy kế hoạch về CPH DNNN chưa ổn định.

- Kế hoạch sắp xếp DNNN thuộc Thành phố giai đoạn 2011-2015 như sau: CPH 56 doanh nghiệp; giữ nguyên công ty TNHH 1TV: 10; bán doanh nghiệp: 02; phá sản: 03; chuyển đơn vị sự nghiệp: 01 DN; sáp nhập: 02 doanh nghiệp và 02 đơn vị sự nghiệp. Sau năm 2015, Thành phố tiếp tục thực hiện cổ phần hoá các tổng công ty, công ty mẹ- con và các công ty TNHH một thành viên: 8 doanh nghiệp, cụ thể:

TT	Hình thức sắp xếp	Năm thực hiện					Tổng cộng
		2011	2012	2013	2014	2015	
1	Cổ phần hoá, trong đó:	1	5	17	20	13	56

TT	Hình thức sắp xếp	Năm thực hiện					Tổng cộng
		2011	2012	2013	2014	2015	
	- Doanh nghiệp nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ	0	3	5	9	7	24
	- Doanh nghiệp nhà nước nắm dưới 50% nắm giữ vốn điều lệ	1	2	12	11	6	34
2	Các hình thức khác	1	7	2	0	0	10
	Tổng cộng	2	12	19	20	13	66

Bảng 2.9- Kế hoạch sắp xếp, CPH DNNN từ năm 2011-2015.

Nguồn: Báo cáo của UBND thành phố [98, tr.5-6].

2.4.1.2. Về tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu về cổ phần hóa

Công tác tư tưởng, tuyên truyền

Đảng, Nhà nước và Chính phủ đã chủ động tăng cường, đổi mới, đa dạng hóa công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về cổ phần hóa; thực hiện thường xuyên làm chuyển biến từ nhận thức, thói quen làm công ăn lương trong thời kỳ bao cấp của DNNN chuyển sang CTCP. Qua đó, làm cho các doanh nghiệp trong diện CPH nhận thức đầy đủ về pháp luật, quyền lợi, nghĩa vụ của mình, tránh những đòi hỏi không đúng quy định của pháp luật.

Lãnh đạo các doanh nghiệp trong diện CPH thường xuyên nắm chắc tình hình nhận thức và tư tưởng của người lao động để giải thích kịp thời về chính sách đối với người lao động trong DN thuộc diện sắp xếp lại, trong đó có CPH. Đây là vấn đề tâm lý mà người lao động thường quan tâm nhất, cụ thể như vấn đề quyền lợi khi nghỉ việc theo chế độ lao động dôi dư; chế độ chính sách của Nhà nước sau khi đến tuổi nghỉ hưu.

Các tổ chức đoàn thể chính trị- xã hội trong các doanh nghiệp đã giữ vững vai trò trung tâm, là cầu nối giữa Đảng với quần chúng, công nhân viên chức và người lao động; là cơ quan trực tiếp làm công tác tuyên truyền vận động quần chúng thực hiện tốt đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về CPH; tham gia góp ý kiến xây dựng Đảng, xây dựng doanh nghiệp; giáo dục nâng cao trách nhiệm của hội viên, đoàn viên, công nhân viên lao động.

Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước

UBND thành phố đã phân công lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo về CPH DNNN; thành lập BDM và PTDN ở 3 cấp (*Thành phố; các Sở, ngành, quận, huyện có doanh nghiệp trực thuộc; các DNNN trong diện CPH*). Từ năm 2000 trở đi, BDM và PTDN chỉ kiện toàn ở cấp Thành phố với cơ chế hoạt động tích cực, xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn của các thành viên, bộ máy điều hành tinh giản, quy chế hoạt động hợp lý.

Ban đã thường xuyên làm việc với các Sở, ngành, tổng công ty để xác định rõ danh mục các doanh nghiệp đưa vào kế hoạch CPH hàng năm; phân bổ chỉ tiêu CPH cho các Sở, ngành, tổng công ty nhằm thực hiện tốt chỉ tiêu của Chính phủ và Thành phố giao. Hàng tháng, BDM và PTDN thành phố họp xét duyệt phương án CPH; hàng tuần họp Tổ công tác để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai. Phân công chuyên viên thuộc các cơ quan thành viên của Ban chia thành 3 nhóm gồm: nhóm xác định GTDN, nhóm thẩm định phương án SXKD và xây dựng điều lệ; nhóm xử lý lao động để vừa chủ động tiến hành công việc, vừa phối hợp chặt chẽ, tạo nên sự đồng bộ giữa các khâu công việc.

Đặc biệt, để đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa năm 2014-2015, Ban đã trình Thành phố quyết định thành lập Bộ phận Thường trực chuyên trách công tác CPH, đồng thời tổ chức hội nghị của Thành phố để giao tiến độ, thời gian thực hiện cho toàn bộ các doanh nghiệp thực hiện CPH. Bộ phận này do 01 đồng chí Phó Giám đốc Sở Tài chính làm Trưởng bộ phận, thành viên có sự tham gia của các Sở, ngành. Định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban kiểm điểm công tác đã thực hiện. Từ đó, công tác CPH DNNN được đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo chất lượng.

*(mô tả về Tổ chức bộ máy QLNN đối với quá trình CPH DNNN- Phụ lục 2.9
Nguồn: tổng hợp từ các quy định của Trung ương và Thành phố).*

Việc kiểm tra, giám sát quá trình cổ phần hóa DNNN

Việc giám sát của cấp ủy đảng:

Để quá trình CPH DNNN thuộc Thành phố đạt hiệu quả cao về kinh tế- xã hội cần phải đề ra được hệ thống các giải pháp và biện pháp đồng bộ, trong đó gắn chặt và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy đảng đối với tiến trình CPH.

Thực tế, Thành ủy Hà Nội đã chỉ đạo quyết liệt Đảng ủy các tổng công ty nhà nước để quán triệt tới các DNNN trong diện CPH trực thuộc tổng công ty hoặc chỉ đạo

Đảng ủy Khối các doanh nghiệp thành phố quán triệt tới các DNNN độc lập 100% vốn nhà nước trong diện CPH triển khai theo kế hoạch.

Để công tác này đạt chất lượng và hiệu quả cao, các cấp ủy đảng của Thành phố đã coi đây là nhiệm vụ thường xuyên. Căn cứ vào phương án tổng thể và lộ trình CPH hàng năm để xây dựng chương trình hành động và kế hoạch kiểm tra, giám sát tiến trình CPH; gắn chặt kiểm tra, giám sát sự lãnh đạo của cấp trên đối với tổ chức đảng cấp dưới của các tổng công ty, doanh nghiệp bằng những nội dung và công việc cụ thể cũng như những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn, có sự phối, kết hợp của các tổ chức khác trong CTCP như công đoàn, đoàn TNCS.

Theo báo cáo của các quận, huyện, thị ủy và đảng ủy trực thuộc Thành ủy, đến nay có 479 tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp đã sắp xếp, cổ phần hóa; trong đó có 294 tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp cổ phần ; 42 tổ chức cơ sở đảng trong các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; 107 tổ chức cơ sở đảng trong 5 tổng công ty; 24 tổ chức cơ sở đảng trong 4 công ty nhà nước hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con; ngoài ra còn 12 tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp giao cho tập thể người lao động và bán doanh nghiệp.

Việc kiểm tra, giám sát quá trình CPH DNNN:

Hiện nay, mặc dù Nhà nước không có văn bản pháp lý nào về giám sát hoạt động tài chính trong quá trình CPH DNNN, nhưng theo Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg ngày 6/10/2006 của Thủ tướng về Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của DNNN, có các hình thức giám sát sau:

- Giám sát từ bên trong DN, đây là giám sát nội bộ do DN tự tổ chức thực hiện.
- Giám sát từ bên ngoài là giám sát do chủ sở hữu và cơ quan QLNN tổ chức thực hiện. Việc giám sát từ bên ngoài được thực hiện dưới hai hình thức:

Giám sát gián tiếp là việc theo dõi và kiểm tra hoạt động của DN thông qua các báo cáo tài chính và báo cáo khác theo quy định của pháp luật và của chủ sở hữu;

Giám sát trực tiếp là việc kiểm tra, nắm tình hình trực tiếp tại DN; việc này được thực hiện theo các quy định hiện hành về công tác kiểm tra đối với DN.

Các chủ thể giám sát có thể sử dụng các công ty tư vấn tài chính kế toán, thuế, công ty kiểm toán độc lập, công ty đánh giá tài sản để thực hiện việc giám sát và đánh giá doanh nghiệp.

Đối với CTCP mà Nhà nước nắm giữ vốn với tư cách là cổ đông thì việc quản lý, giám sát được thực hiện như sau:

Đối với các CTCP được cổ phần hóa từ các DNNN trực thuộc các tổng công ty của Thành phố: để thực hiện quản lý phần vốn góp tại các công ty thành viên, công ty mẹ cử người đại diện vốn hoặc tổ quản lý vốn tại các công ty thành viên. Người đại diện vốn hoặc tổ người đại diện vốn có trách nhiệm:

Theo dõi giám sát tình hình hoạt động và kết quả hoạt động SXKD của CTCP theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp;

Đôn đốc thu hồi cổ tức và các khoản thu từ cổ phần hóa tại CTCP;

Thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước hoặc theo yêu cầu của công ty mẹ về tình hình kết quả SXKD, các vấn đề tài chính của công ty con;

Hướng dẫn CTCP đi đúng mục tiêu, định hướng của Nhà nước. Báo cáo, đề xuất giải pháp khắc phục khi doanh nghiệp đi không đúng mục tiêu, định hướng của nhà nước và tổ chức thực hiện khi giải pháp được thông qua.

Để đảm bảo thống nhất việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện quản lý phần vốn nhà nước ở các công ty đúng quy định, UBND thành phố đã chỉ đạo các tổng công ty ban hành quy định quản lý vốn nhà nước đầu tư và người đại diện quản lý phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Đối với các đơn vị trực thuộc công ty mẹ: Việc quản lý và chỉ đạo điều hành hoạt động thông qua các quy chế, quy định được tổng công ty ban hành và thường xuyên bổ sung như: quy định chức năng nhiệm vụ các phòng, ban thuộc tổng công ty; quy chế tổ chức hoạt động và phân cấp quản lý SXKD của đơn vị trực thuộc; quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng; quy chế quản lý sử dụng thiết bị, quy chế dân chủ.

Đối với các CTCP được CPH từ các DNNN độc lập trực thuộc UBND thành phố:

Một số CTCP mà Nhà nước nắm giữ vốn đã được chuyển giao quyền đại diện sở hữu vốn nhà nước về TCT Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Các CTCP mà Nhà nước nắm giữ phần vốn khác được UBND thành phố giao cho một số cá nhân là lãnh đạo của CTCP.

Tại các CTCP mà Nhà nước có nắm giữ vốn, đa số cán bộ được cử đại diện quản lý phần vốn nhà nước đều là những người có trình độ, có năng lực quản lý điều hành doanh nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm, đảm đương

vai trò, vị trí được phân công, góp phần bảo toàn, phát triển vốn nhà nước và sự ổn định, phát triển của doanh nghiệp.

Người đại diện phân vốn nhà nước tại CTCP với vai trò đại diện cho cổ đông nhà nước có nhiệm vụ thực hiện cơ chế quản lý, điều hành, định hướng, phối hợp trong CTCP trên cơ sở quyền hạn và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông góp vốn và phù hợp các quy định của pháp luật. Không lạm dụng vị thế vai trò của đại diện chủ sở hữu cũng như cổ đông giữ quyền chi phối gây thiệt hại cho doanh nghiệp.

Quản lý tài chính công và việc thoái vốn nhà nước tại CTCP:

Kinh phí hoạt động của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp TP:

Kinh phí hoạt động của Ban do ngân sách Thành phố đảm bảo và được bố trí trong kinh phí chi thường xuyên của Sở Tài chính. Kinh phí này được dùng vào các việc sau:

- Xây dựng các văn bản có nội dung liên quan đến hoạt động sắp xếp, đổi mới DNNN;
- Chi phí cho các cuộc họp, hội nghị giao ban của Ban theo chế độ, quy định của Nhà nước;
- Chi phí cho các thành viên của Ban khi đi khảo sát, kiểm tra thực trạng doanh nghiệp và thực hiện kế hoạch việc sắp xếp, đổi mới (trong đó có CPH) DNNN trực thuộc Thành phố đã được Thủ tướng phê duyệt;
- Chi phí phục vụ các hội nghị của Ban về triển khai kế hoạch CPH DNNN trên địa bàn Thành phố;
- Chi phí làm ngoài giờ của Tổ giúp việc, các thành viên của Ban;
- Chi phí tham gia các lớp tập huấn, đào tạo nghiệp vụ có liên quan do các cơ quan ngoài ngành triển khai của Tổ giúp việc, thành viên của Ban.

Xử lý tồn tại tài chính trong quá trình CPH:

Việc xử lý tồn tại tài chính trong quá trình CPH phải đảm bảo chặt chẽ, công khai, minh bạch, không làm thất thoát vốn, tài sản của Nhà nước. Nhà nước đã quy định những tổ chức, cá nhân có liên quan khi thực hiện xử lý tài chính và xác định GTDN không chấp hành đúng chế độ quy định, gây ra tổn thất hoặc thất thoát tài sản nhà nước phải chịu trách nhiệm hành chính, bồi thường vật chất hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình ban hành các văn bản về triển khai CPH, UBND thành phố đã chỉ đạo BDM và PTDN TP, các Sở, ngành và doanh nghiệp trong diện CPH phải xử lý dứt điểm tồn tại về tài chính theo nguyên tắc sau khi được xử lý tài chính và thực hiện xác định GTDN mà không còn vốn nhà nước hoặc GTDN thấp hơn các khoản nợ phải trả, thì cơ quan có thẩm quyền chỉ đạo doanh nghiệp phối hợp với Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng (Bộ Tài chính) cùng các chủ nợ xây dựng phương án tái cơ cấu để chuyển thành CTCP. Trường hợp phương án tái cơ cấu không khả thi, không có hiệu quả thì áp dụng hình thức sắp xếp khác (như giải thể, phá sản).

Kết quả xác định GTDN, giá trị phần vốn nhà nước là cơ sở để xác định vốn điều lệ, xây dựng phương án CPH và tổ chức bán cổ phần lần đầu, tổ chức ĐHCĐ, tiếp tục xử lý những vấn đề tài chính còn tồn tại đến thời điểm chuyển thành CTCP, quyết toán tài chính quá trình CPH và bàn giao cho CTCP.

Những vấn đề về tài chính phát sinh (nếu có) sau khi chuyển thành CTCP, nhưng có liên quan đến quá trình CPH thì cơ quan có thẩm quyền phải có trách nhiệm tiếp tục xử lý.

Công tác thoái vốn nhà nước tại CTCP có vốn nhà nước:

UBND thành phố đã phê duyệt kế hoạch thoái vốn theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại đối với 88 CTCP có vốn nhà nước nắm giữ. Tính đến nay, Thành phố đã có văn bản chấp thuận chủ trương, phê duyệt giá khởi điểm và thực hiện thoái vốn nhà nước tại 66 doanh nghiệp; trong đó hoàn thành thoái vốn nhà nước tại 37 doanh nghiệp với tổng giá trị theo sổ sách là 685,85 tỷ đồng và giá trị bán là 1.426,97 tỷ đồng, chênh lệch tăng là 741,12 tỷ đồng.

(Tình hình thoái vốn nhà nước tại các CTCP theo phụ lục 2.8

Nguồn: Báo cáo của UBND thành phố).

Việc thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước

Những năm trước đây, thực hiện Nghị định số 132/2005/NĐ-CP ngày 20/10/2005 của Chính phủ về thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với công ty nhà nước, Nghị định số 86/2006/NĐ-CP ngày 21/8/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132, Thành phố có giao đại diện chủ sở hữu tại các CTCP mà Nhà nước nắm giữ vốn cho cán bộ của Sở, ngành chủ quản và cán bộ của Sở Tài chính (Chi cục Tài chính doanh nghiệp). Các cán bộ này được Thành phố ra quyết định nắm giữ một tỷ lệ vốn nhà nước nhất định tại CTCP

và tham gia giữ những chức danh kiêm nhiệm như chủ tịch (hoặc ủy viên) HĐQT, trưởng ban kiểm soát (hoặc ủy viên). Tuy nhiên hiện nay, Thành phố đang tạm thời giao phần vốn nhà nước nắm giữ tại CTCP cho cán bộ chủ chốt công tác tại DNNN thực hiện CPH.

2.4.2. Đánh giá kết quả tích cực của hoạt động quản lý nhà nước

2.4.2.1. Công tác xây dựng chương trình mục tiêu về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Về xác định mục tiêu, phạm vi CPH DNNN:

Thành phố đã sớm lựa chọn, xác định những ngành nghề, sản phẩm mũi nhọn chủ lực để bố trí lại cơ cấu DNNN. Nhờ đó có định hướng đúng trong việc xây dựng phương án tổng thể sắp xếp, cổ phần hóa DNNN. Trong đó, Thành phố chỉ chủ trương nắm giữ 100% vốn đối với các doanh nghiệp hoạt động trong một số ngành quan trọng, kinh doanh có hiệu quả, quy mô lớn, hoạt động công ích, an sinh xã hội và các doanh nghiệp này đều phải chuyển sang mô hình công ty TNHH nhà nước một thành viên hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nghề mà Nhà nước không cần nắm giữ 100% vốn thì được Thành phố lên kế hoạch CPH hoặc giao cho tập thể người lao động trong doanh nghiệp. Tiền thu bán phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp này được sử dụng để đầu tư bổ sung vốn cho các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước mà Thành phố cần ưu tiên phát triển.

Về cơ chế chính sách:

Hệ thống văn bản, chính sách của Đảng và Nhà nước về CPH DNNN được ban hành và điều chỉnh khá đồng bộ, kịp thời, làm cơ sở pháp lý để Thành phố cụ thể hóa các cơ chế chính sách.

Trong những năm gần đây, các cơ quan quản lý ở Hà Nội đã nắm bắt được bản chất, đặc điểm của quá trình CPH DNNN và những vấn đề phát sinh trong thực tế đề xuất việc hoàn thiện môi trường pháp luật, chính sách; chủ động tham mưu với Thành ủy, HĐND, UBND thành phố những giải pháp đẩy nhanh việc CPH DNNN. Tạo môi trường thông thoáng, tổ chức thực hiện các thủ tục nhanh gọn, linh hoạt, đảm bảo các doanh nghiệp trong diện CPH triển khai hoàn tất nhanh công việc.

Thành ủy, HĐND, UBND thành phố đã thường xuyên quan tâm, chỉ đạo quyết liệt việc CPH DNNN. Công tác CPH tại Thành phố đã bám sát tinh thần chỉ đạo của Trung ương và Chính phủ. Trong quá trình thực hiện, Thành phố đã nghiên cứu vận dụng và thực hiện với quyết tâm phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ được Chính phủ giao như cụ thể hoá các văn bản chính sách về CPH, phân công rõ trách nhiệm cho từng Sở, ngành, tổng công ty và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện; sớm nghiên cứu áp dụng các biện pháp để tăng cường tính công khai, minh bạch trong xác định GTDN cũng như bán đấu giá cổ phần lần đầu.

Về xây dựng kế hoạch CPH DNNN: Thành phố đã 04 lần xây dựng được kế hoạch tổng thể về sắp xếp, đổi mới DNNN và được Chính phủ phê duyệt. Đây là cơ sở quan trọng cho việc định hướng, đề ra các biện pháp QLNN. Kết quả là trong một số năm, tiến độ CPH DNNN được đẩy nhanh đáng kể.

2.4.2.2. Về tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Công tác tư tưởng, tuyên truyền:

Trong những năm qua, công tác tư tưởng, tuyên truyền về CPH DNNN luôn được Đảng, Nhà nước và các cấp, các ngành của Thành phố quan tâm chỉ đạo thực hiện thường xuyên, quyết liệt, góp phần tạo sự nhất trí cao về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của việc thực hiện tái cơ cấu, cổ phần hóa DNNN. Công tác tư tưởng, tuyên truyền đã góp phần giải quyết các mâu thuẫn, xung đột về lợi ích giữa các nhóm đối tượng trong doanh nghiệp. Góp phần định hướng dư luận, tránh phát sinh các ý kiến trái chiều, thiếu khách quan, đi ngược lại chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Đồng thời việc tuyên truyền đã giúp cấp ủy, lãnh đạo doanh nghiệp chỉ đạo xây dựng, kiện toàn bộ máy tổ chức, quản lý nhân sự theo hướng tinh gọn, nâng cao năng lực quản trị và điều hành doanh nghiệp. Thực hiện kiên quyết việc tái cơ cấu ngành nghề kinh doanh, phát huy giá trị cốt lõi của doanh nghiệp; xây dựng môi trường làm việc với tinh thần đoàn kết gắn bó, bình đẳng, dân chủ, tạo điều kiện cho người lao động phát huy tối đa năng lực cá nhân, bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng và thu nhập, việc làm cho người lao động sau CPH.

Về tổ chức bộ máy:

Với mô hình và bộ máy, nhân sự triển khai CPH DNNN được chỉ đạo xuyên suốt, trong những năm qua, Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thành phố tập

trung quyết tâm cao trong chỉ đạo triển khai thực hiện sắp xếp, cổ phần hoá doanh nghiệp, nắm bắt và kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc phát sinh. Hoạt động của Ban luôn chủ động, sáng tạo, đạt hiệu quả cao; duy trì họp và chế độ giao ban định kỳ về kiểm điểm tiến độ sắp xếp, cổ phần hoá với các Sở, ngành, tổng công ty có số lượng doanh nghiệp phải sắp xếp lớn.

Nhờ vậy, nhiều năm thành phố Hà Nội được đánh giá là địa phương dẫn đầu cả nước về công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước (các năm: 1998, 1999, 2003, 2004, 2014 và năm 2015).

Việc giám sát, kiểm tra quá trình CPH DNNN:

Việc giám sát, kiểm tra quá trình CPH DNNN đã được triển khai tích cực, từ giám sát kiểm kê, đối chiếu công nợ, xác định GTDN, lập phương án CPH, phát hành cổ phiếu. Trong đó chú ý giám sát về tài chính và đánh giá hiệu quả của các CTCP có vốn nhà nước thông qua người đại diện phần vốn nhà nước. Với vai trò là cổ đông, kết quả giám sát có những tác dụng nhất định, tạo cơ sở đánh giá được hiệu quả SXKD cũng như năng lực điều hành của đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp nhìn nhận được những tồn tại, yếu kém để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do Thành phố giao.

Để xác định rõ và đầy đủ các nội dung, nhiệm vụ cơ bản của QLNN đối với các doanh nghiệp sau CPH, các hoạt động theo dõi, giám sát đã được tăng cường thông qua thực hiện chế độ báo cáo thống kê tình hình kết quả hoạt động SXKD hàng năm của doanh nghiệp.

Thành phố cũng có chủ trương củng cố và duy trì các tổ chức đảng, công đoàn, đoàn thanh niên tại các doanh nghiệp sau khi CPH nhằm theo dõi, giám sát và bảo vệ lợi ích hợp pháp của người lao động. Thông qua đó cũng tạo thêm luồng thông tin quan trọng, nắm bắt hoạt động của các doanh nghiệp sau CPH để có những giải pháp chủ động tích cực đối phó, giải quyết, xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh.

Tổ chức đảng trong các CTCP nhìn chung được duy trì, củng cố, phương thức lãnh đạo được đổi mới theo hướng tăng cường chức năng kiểm tra việc tuân thủ pháp luật trong SXKD, phát huy vai trò lãnh đạo của các đoàn thể trong thực thi nhiệm vụ, giúp giải quyết kịp thời những mâu thuẫn nảy sinh trong nội bộ doanh nghiệp.

Nguồn tài chính công và việc thoái vốn nhà nước tại CTCP:

Theo tinh thần của các văn bản quy phạm, hướng dẫn và chỉ đạo của Trung ương, Thành phố đã phê duyệt phương án tài chính với kinh phí trên 550 tỷ đồng để hỗ trợ xử lý những vấn đề tồn tại tài chính và chế độ cho lao động dôi dư khi thực hiện việc sắp xếp và chuyển đổi sở hữu.

Việc thực hiện thoái vốn tại các doanh nghiệp đều đảm bảo đúng quy trình, quy định hiện hành, kết quả thu được có thặng dư và hiệu quả, tức là không có doanh nghiệp thực hiện thoái vốn dưới mệnh giá.

Việc thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước

Trên cơ sở Kết luận số 50-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với DNNN và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp (hậu CPH) thay thế Nghị định 132/2005/NĐ-CP. Tuy mới thực hiện được 3 năm nhưng cũng đã đạt được một số kết quả:

- Đã phân định rõ hơn nội dung quản lý nhà nước và nội dung quản lý của chủ sở hữu nhà nước đối với DNNN;

- Cơ chế phân công, phân cấp tổ chức thực hiện chức năng chủ sở hữu nhà nước dần được hoàn thiện;

- Việc thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ sở hữu (Vụ, Cục ở các Bộ và Sở Tài chính ở thành phố Hà Nội) thực hiện chức năng quản lý, giám sát DNNN và vốn nhà nước đầu tư vào CTCP được nâng lên;

- Cơ chế thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ sở hữu được tăng cường, Thành phố đã ban hành quy định về quản lý tài chính, giám sát, chế độ báo cáo, công tác cán bộ để quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Việc phân cấp cho Thành phố trong việc tham gia vào bổ nhiệm nhân sự chủ chốt tại CTCP có vốn nhà nước đã nâng cao ý thức đối với doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

2.4.3. Những khó khăn, hạn chế

2.4.3.1. Công tác xây dựng chương trình mục tiêu

Về xác định mục tiêu, tiêu chí phân loại DNNN thuộc diện CPH:

Tiêu chí phân loại theo Quyết định 37/2014/QĐ-TTg được quy định khá rõ, tuy nhiên trước yêu cầu hội nhập kinh tế sâu rộng và yêu cầu xã hội hóa đầu tư trong một số lĩnh vực kinh tế- xã hội thì khi áp dụng trên thực tế cũng gặp một số bất cập như:

các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt hay bảo đảm hàng hải có thể cổ phần hóa, không cần để Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ để thu hút nguồn vốn từ các tổ chức, doanh nghiệp lớn. DNNN hoạt động trong lĩnh vực bảo trì đường bộ, đường sắt khi cổ phần cũng không cần thiết để Nhà nước nắm giữ từ 75% cổ phần; DNNN trồng và chế biến cao su cũng không cần phải để Nhà nước nắm giữ từ 65% đến dưới 75% số cổ phần. Hay lĩnh vực vệ sinh môi trường, chiếu sáng, vận tải đường sắt rất cần thu hút vốn từ xã hội cũng không cần phải để Nhà nước nắm giữ trên 50% cổ phần khi thực hiện CPH.

Về cơ chế, chính sách:

Hệ thống văn bản chính sách do Nhà nước ban hành về CPH DNNN đang dần hoàn thiện, nhưng Thành phố vẫn chưa linh hoạt trong việc áp dụng cho phù hợp với tình hình địa phương. Một số chính sách chế độ của Trung ương chưa được Hà Nội chi tiết hoá dẫn đến chậm triển khai trong thực tế. Khâu tổ chức thực hiện pháp luật và cơ chế chính sách về CPH DNNN của thành phố Hà Nội chưa tốt.

Một số vướng mắc về chính sách CPH DNNN hiện nay như sau:

- Quy định bổ sung tại điểm 3, khoản 3, Điều 22, Nghị định 189/2013/NĐ-CP về lựa chọn tổ chức tư vấn định giá thực hiện tư vấn xác định GTDN theo nguyên tắc “*đối với các gói thầu, tư vấn định giá có giá trị không quá 03 tỷ đồng thì cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án CPH có thể lựa chọn hình thức chỉ định thầu để lựa chọn tổ chức tư vấn định giá trong danh sách do Bộ Tài chính công bố*”.

Quy định nêu trên được hiểu là hợp đồng tư vấn xác định GTDN có thể ký kết với giá trị đến 3 tỷ đồng, trong khi quy định về tổng mức chi phí tối đa được xác định theo GTDN trên sổ kế toán tại Thông tư số 196/2011/TT-BTC không quá 500 triệu đồng đối với doanh nghiệp có giá trị trên 100 tỷ đồng.

- Theo quy định tại điểm 1, Điều 18, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ thì việc xác định vốn đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp khác tính vào GTDN CPH (*trường hợp doanh nghiệp CPH kế thừa*), được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp đầu tư và giá trị vốn chủ sở hữu tại các doanh nghiệp khác theo báo cáo tài chính của doanh nghiệp đã kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của doanh nghiệp đó. Trường hợp giá trị vốn đầu tư dài hạn của doanh nghiệp CPH tại các doanh nghiệp khác được xác định thấp

hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì xác định giá trị vốn đầu tư dài hạn theo giá trị ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp CPH.

Tuy nhiên khi thực hiện có nhiều ý kiến cho rằng việc xác định vốn đầu tư dài hạn vào DN khác căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán nêu trên sẽ không phản ánh đúng giá trị thực tế, vì trong quá trình hoạt động, giá trị thực của khoản vốn góp có thể thay đổi do doanh nghiệp kinh doanh có thể lãi hoặc lỗ và cần phải đánh giá lại giá trị thực tế của DN để xác định giá trị của khoản đầu tư góp vốn.

- Cũng tại Điều 15 của Nghị định 59 quy định, doanh nghiệp CPH phải tiến hành đối chiếu toàn bộ các khoản công nợ đến thời điểm xác định GTDN và có biện pháp xử lý dứt điểm các khoản công nợ không có khả năng thu hồi theo đúng chế độ Nhà nước đã quy định. Tuy nhiên, theo phản ánh của một số doanh nghiệp thì việc đối chiếu toàn bộ công nợ là rất khó khăn, các DN hiện nay chỉ đối chiếu được khoảng 60-70%, do vậy quy định đối chiếu toàn bộ công nợ sẽ làm chậm tiến độ CPH của doanh nghiệp.

- Sau hai năm triển khai thực hiện Nghị định 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với DNNN và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, UBND thành phố đã tập trung thực hiện được các quyền quan trọng, liên quan việc sắp xếp, đổi mới và tái cơ cấu DNNN. Tuy nhiên, các quyền, nghĩa vụ liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp (*nghĩa vụ chiến lược, kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư phát triển; phê duyệt chủ trương quyết toán...*) cũng như quyền, nghĩa vụ liên quan đến giám sát, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật, thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của DNNN... mới được thực hiện bước đầu, chưa đi sâu và đều khắp ở tất cả DN.

- Có trường hợp theo quy định tại Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý tiền thu từ cổ phần hoá doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, khi Ban Chỉ đạo cổ phần hoá doanh nghiệp đã chỉ đạo doanh nghiệp thông báo tới các nhà đầu tư tham dự đấu giá đăng ký mua cổ phần theo phương thức thoả thuận số cổ phần không bán hết theo giá đấu thành công (do chỉ có một nhà đầu tư trúng đấu giá nên giá đấu thành công cao nhất bằng giá đấu thành công thấp nhất); nhưng hết thời hạn theo thông báo lại không có nhà đầu tư nào đăng ký mua cổ phần. Ngoài ra, với mức giá bán cổ phần cao, người

lao động trong doanh nghiệp không có khả năng mua cổ phần ưu đãi, vì vậy không đăng ký mua. Trong trường hợp này DN chưa thể hoàn thành công tác CPH do không bán được cổ phần.

Về xây dựng kế hoạch cổ phần hóa DNNN

Mặc dù Thành phố đã tích cực rà soát, xây dựng một kế hoạch tổng thể về sắp xếp, đổi mới DNNN (trong đó có CPH doanh nghiệp), nhưng kế hoạch này vẫn chưa đủ, chưa có “tầm nhìn xa”, nhanh bị lạc hậu. Thực tế là trong quá trình triển khai CPH, Thành phố phải trình Chính phủ phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp DNNN đến 04 lần; như vậy khó tạo tâm lý an tâm đối với các doanh nghiệp khi thực hiện CPH. Chất lượng của công tác xây dựng kế hoạch chưa cao, mới chỉ chú ý về số lượng, thiên về thành tích. Việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch CPH của Thành phố thời gian qua chưa nghiêm túc, dây dưa, kéo dài, gây tâm lý hoang mang, không an tâm đối với người lao động trong doanh nghiệp.

Nhìn chung, kế hoạch CPH nêu trên đã bám sát chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên ở đây cần phải làm rõ, khi xây dựng kế hoạch thành phố Hà Nội đã đề xuất xin giữ lại tới 19 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước với lý do đây là các doanh nghiệp hoạt động trong một số lĩnh vực nhạy cảm như: quản lý kinh doanh nhà; quản lý môi trường, đô thị và dịch vụ; văn hóa xã hội. Thành phố cho rằng doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực nêu trên đã thể hiện vai trò chủ đạo của DNNN, gắn với chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của Thủ đô, là nhân tố tham gia giữ vững ổn định kinh tế, chính trị xã hội, tạo công ăn việc làm, thu hút lao động trong tiến trình đô thị hoá, hiện đại hoá góp phần vào việc giữ gìn an sinh xã hội trên địa bàn. Tuy nhiên theo tiêu chí ban hành kèm theo Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg thì các doanh nghiệp trong lĩnh vực này thuộc đối tượng thực hiện cổ phần hóa và thực tế tại văn bản số 2252/TTg-ĐMDN thì chỉ có 10 doanh nghiệp được giữ lại là DNNN theo đề xuất của Hà Nội.

Danh sách 09 doanh nghiệp Thành phố đề nghị giữ lại 100% vốn nhà nước không được Thủ tướng chấp thuận và phải CPH gồm:

1. CT TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội (Công ty mẹ).
2. CT TNHH MTV Chiếu sáng và Thiết bị đô thị
3. CT TNHH MTV Công viên cây xanh

4. CT TNHH MTV Công viên Thống nhất
5. CT TNHH MTV Môi trường đô thị
6. CT TNHH MTV Thoát nước Hà Nội
7. CT TNHH MTV Vườn thú Hà Nội
8. CT TNHH MTV XNK Du lịch và Đầu tư Hồ Gươm
9. CT TNHH MTV Điện ảnh Hà Nội

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ báo cáo của UBND thành phố.

Điều này chứng tỏ trong quá trình xây dựng kế hoạch CPH giai đoạn 2011-2015, Thành phố vẫn chưa bám sát chỉ đạo của Chính phủ, trong tư duy của một số cán bộ quản lý vẫn còn muốn giữ lại các DNNN mà theo tiêu chí cần phải CPH, chuyển thành đa sở hữu. Thực tế, trong chủ trương của Đảng và Nhà nước, các loại hình doanh nghiệp như trên đang được khuyến khích tăng cường xã hội hóa đầu tư.

2.4.3.2. Về tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu cổ phần hóa

Về công tác tư tưởng, tuyên truyền:

Công tác tuyên truyền ở một số nơi còn hạn chế, dẫn đến một bộ phận cán bộ, công nhân viên lao động trong doanh nghiệp chưa hiểu thấu đáo thực chất và lợi ích của quá trình chuyển DNNN thành công ty cổ phần; chưa phân biệt rõ sự khác biệt giữa cổ phần hóa DNNN với quá trình tư nhân hóa. Do đó, có không ít cán bộ, kể cả một số cán bộ lãnh đạo còn có tư tưởng chần chừ, do dự khi thực hiện CPH doanh nghiệp.

Hạn chế của công tác tuyên truyền là một trong các nguyên nhân làm chậm tiến trình CPH. Do chưa được nhận thức đúng đắn nên nhiều cán bộ nhân viên trong doanh nghiệp “sợ” CPH. Vì họ lo rằng sẽ mất việc làm, mất thu nhập khi doanh nghiệp chuyển thành CTCP, nhất là với những người không có trình độ và bằng cấp.

Nhận thức của một số cán bộ lãnh đạo tổng công ty hoặc công ty nhà nước hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con vẫn chưa theo kịp đòi hỏi thực tế, quan hệ giữa công ty mẹ với các công ty con theo kiểu hành chính vẫn còn và chưa được chuyển toàn bộ sang quan hệ kinh tế.

Về tổ chức bộ máy, nhân sự triển khai CPH:

Tổ chức bộ máy QLNN hiện nay của Trung ương và thành phố Hà Nội đối với CPH DNNN cũng bắt cập. Các ủy viên Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Trung

ương và Thành phố đều hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm nên thời gian dành cho công tác sắp xếp, đổi mới DNNN còn hạn chế. Đối với thành phố Hà Nội, việc phân công nhiệm vụ giữa các Sở, ngành còn chông chéo. Một bộ phận cán bộ, công chức của Thành phố làm công tác CPH DNNN có tư tưởng gây phiền hà cho doanh nghiệp.

Nhiều lãnh đạo doanh nghiệp chưa quan tâm đầy đủ, một số hạn chế về năng lực và các cơ quan quản lý cũng thiếu tập trung hướng dẫn để xây dựng phương án SXKD đảm bảo mục tiêu tiếp tục phát triển doanh nghiệp và tính khả thi, vì vậy hạn chế hiệu quả CPH.

Công tác đào tạo nguồn nhân lực chưa được Thành phố quan tâm đúng mức. Chủ yếu là tự các DN thực hiện hoặc tuyển chọn nguồn nhân lực sẵn có trong khi lợi thế của Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học của cả nước nên thu hút được đông đảo lực lượng lao động có tay nghề cao, được đào tạo bài bản.

Cơ quan nhà nước vẫn can thiệp vào quản trị CTCP, thực trạng hiện nay cho thấy vẫn có sự can thiệp hành chính của các cơ quan nhà nước trong quản trị công ty CPH. Đối với các CTCP có Nhà nước tham gia góp vốn vẫn có sự chỉ đạo khi bầu HĐQT, ban kiểm soát, giám đốc điều hành, cũng như can thiệp vào quyền tự chủ kinh doanh của công ty.

Đối với một số CTCP, do vẫn còn quan niệm là DNNN nên tự mình coi UBND thành phố là cơ quan cấp trên, đòi hỏi phải đối xử như khi còn là DNNN trong các hoạt động kinh doanh như: vay vốn, tìm kiếm hợp đồng, tiếp cận thông tin, đào tạo. Nhiều công ty sau khi CPH vẫn ghi tên cơ quan chủ quản cũ trong các giấy tờ giao dịch của mình khi tiếp xúc với khách hàng và đối tác.

Tuy hiện nay ở thành phố Hà Nội không còn tồn tại chế độ chủ quản đối với doanh nghiệp, nhưng vai trò chủ sở hữu nhà nước trong CTCP mà Nhà nước còn nắm giữ cổ phần thì vẫn được thực hiện thông qua vai trò là cổ đông, cho nên vẫn còn hiện tượng áp đặt các mệnh lệnh hành chính, nhất là trong trường hợp sở hữu nhà nước nắm cổ phần chi phối.

Ngoài ra, việc Chính phủ yêu cầu Hà Nội bàn giao quyền đại diện quản lý phần vốn nhà nước khi thực hiện CPH về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) sẽ tác động đến nguồn lực của Thành phố, ảnh hưởng đến các quyết sách của chính quyền đối với những yêu cầu về đảm bảo cải tạo cảnh quan môi trường, đảm bảo trật tự, an sinh xã hội mà không phải doanh nghiệp nào cũng có thể đảm nhận.

Về kiểm tra, giám sát:

Sự quản lý, giám sát đối với các doanh nghiệp CPH còn nhiều yếu kém, dẫn đến tình trạng sau CPH nhiều doanh nghiệp lúng túng khi chuyển sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, vẫn muốn có một cơ quan QLNN trực tiếp như khi còn là DNNN. Bên cạnh đó, các cơ quan QLNN trước đây cũng không thực hiện đầy đủ chức năng quản lý đối với doanh nghiệp, nên một số doanh nghiệp trong thời gian đầu chuyển sang CTCP đã gặp khó khăn, đặc biệt là các DN có tỷ lệ vốn nhà nước chiếm dưới 50%.

Công tác theo dõi, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp sau CPH cũng khá lỏng lẻo, cơ quan quản lý cấp phép trực tiếp là Sở Kế hoạch và Đầu tư có khi không nắm được những thay đổi lớn trong hoạt động của các doanh nghiệp. Hệ thống văn bản quy định những nội dung mà các doanh nghiệp cần chưa hoàn chỉnh, gây khó khăn không nhỏ cho công tác báo cáo của doanh nghiệp như tiêu chí rườm rà, một số chỉ tiêu khó báo cáo. Một số tiêu chí ban hành không giải thích về phương pháp tính toán và cách ghi biểu dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau, số liệu không “tương thích”, không giống nhau.

Do thiếu và chậm hướng dẫn hoạt động cụ thể ngay từ đầu, nên vai trò của tổ chức đảng và đoàn thể tại các CTCP còn lúng túng trong tổ chức hoạt động. Ở những DNNN nắm giữ cổ phần chi phối và những doanh nghiệp mà hội đồng quản trị, giám đốc còn có ý thức đảng tốt thì ở đó hoạt động của tổ chức đảng và các tổ chức quần chúng còn phát huy tác dụng, còn không thì ngược lại. Nhìn chung, hoạt động theo dõi, giám sát tuân thủ các quy định trong Luật lao động chưa thường xuyên, các tổ chức như đảng, đoàn thanh niên, công đoàn đã có nhưng không đáng kể [22, tr. 6].

Do tổ chức công đoàn tại các doanh nghiệp sau khi thực hiện CPH chưa hoạt động mạnh nên chế độ tiền lương, tiền thưởng, bảo vệ lợi ích của người lao động trong các doanh nghiệp nhìn chung chưa được quan tâm. Vì không tổ chức giám sát, theo dõi từ nội bộ nên tình trạng khá phổ biến là chủ doanh nghiệp không thực hiện đúng quy định về tiền lương, có tình hiểu sai về tiền lương tối thiểu, coi doanh nghiệp như là của một bộ phận cá nhân [70, tr. 10].

Việc thu thập thông tin liên quan đến quá trình CPH DNNN còn hạn chế: Thành phố có Cổng giao tiếp điện tử, nhưng Cổng này hoạt động chưa có hiệu quả, thông tin về các chính sách chế độ thường cập nhật chậm. Một kết quả điều tra gần đây

cho thấy, thông tin về CPH mà các DNNN nhận được phần lớn là trên mạng nhiều hơn là từ các cơ quan quản lý. Nguyên nhân là do khâu tuyên truyền của bộ máy QLNN, đây là một hạn chế.

Công tác quản lý thông tin đối với DN sau khi CPH từ các nguồn: báo, đài, từ doanh nghiệp cũng hết sức khác nhau về số liệu, tình hình SXKD. Nguyên do là trước khi CPH thì cơ quan QLNN có thể yêu cầu doanh nghiệp phải cung cấp thông tin, nhưng sau khi chuyển đổi thì việc này bị buông lỏng. Điều này ảnh hưởng không tốt đến công tác lập kế hoạch phát triển dài hạn của các cơ quan QLNN đối với DN.

Về nguồn tài chính công và việc thoái vốn nhà nước

Thực tế quá trình CPH DNNN của Thành phố những năm qua cho thấy, việc xử lý tồn tại tài chính của doanh nghiệp là bước mất khá nhiều thời gian, ảnh hưởng đến tiến độ CPH. Công tác kiểm kê, trích lập dự phòng, xử lý công nợ, hàng tồn kho trong hoạt động SXKD là trách nhiệm của DNNN. Tuy nhiên, vấn đề này thường chưa được các doanh nghiệp thực hiện tốt, nên nhiều tồn tại bị "treo" lâu, không được giải quyết. Như vậy, nếu doanh nghiệp không xử lý thì rõ ràng những khoản nợ đó vẫn tồn tại và khi doanh nghiệp chuyển sang hoạt động theo hình thức CTCP, mang tính đa sở hữu thì các cổ đông mới sẽ không nhận, đơn giản vì nếu nhận thì cổ đông sẽ phải hứng chịu những rủi ro.

Việc xác định rõ trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân liên quan đến tồn tại về tài sản, công nợ... cũng như việc xử lý các tồn tại về tài chính, quyết toán thuế,... tại các doanh nghiệp có khó khăn do nhiều năm trước đây không giải quyết thường xuyên, dứt điểm và các doanh nghiệp chưa tuân thủ quy định về kế toán thống kê, quy định về quản lý TCDN.

Vì vậy, việc xử lý những vấn đề về tài chính phát sinh trong CPH còn lúng túng, chưa triệt để, làm kéo dài thời gian CPH. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật chưa đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ như quy định xử lý tài chính và xác định lại giá trị của DN, trong khi thực tế giá trị của DN lại thấp hơn các khoản phải trả.

Việc xác định GTDN đối với những doanh nghiệp được giao quản lý sử dụng nhiều nhà xưởng, đất đai cũng gặp khó khăn. Doanh nghiệp luôn muốn được giao quản lý nhiều nhà xưởng đất đai, song phương án sử dụng không hiệu quả, muốn định giá thấp, giá bán cổ phần thấp, quy mô vốn điều lệ nhỏ và số lượng cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài ít. Những đòi hỏi như vậy là vô lý, song bộ máy triển khai CPH và các cơ

quan quản lý của Thành phố chưa giải thích cặn kẽ khiến người lao động không yên tâm, thậm chí dễ xảy ra khiếu kiện, thắc mắc.

Ngoài ra, phương pháp xác định giá khởi điểm cổ phần chào bán lần đầu của doanh nghiệp CPH hiện vẫn chưa phù hợp, giá khởi điểm thường quá cao so với giá trị DN, tạo cho DN và cơ quan quản lý có tâm lý e ngại, chần chừ, sợ trách nhiệm làm thất thoát tài sản nhà nước khi triển khai CPH (*không dám định giá thấp*).

Theo tiêu chí phân loại mới thì nhiều DNNN đã cổ phần hóa của thành phố mà Nhà nước nắm giữ cổ phần cần phải thực hiện thoái vốn, nhưng tiến độ thực hiện vẫn còn chậm. Theo kế hoạch, thành phố phải thực hiện thoái vốn tại 88 CTCP có vốn nhà nước chiếm giữ, nhưng qua 05 năm mới thực hiện được 39 doanh nghiệp. Có nghĩa là còn tới 48 CTCP cần phải thoái vốn nhà nước. Nguyên nhân do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới ảnh hưởng đến kinh tế trong nước trong đó có thị trường tài chính, TTCK làm nhu cầu sụt giảm, sức mua thấp trong khi số lượng cổ phần của các DNNN phải CPH và thoái vốn nhiều dẫn đến cung vượt cầu. Do đó, kế hoạch bán cổ phần ra công chúng của các CTCP chưa đạt được kế hoạch đề ra. Các doanh nghiệp được giao nắm giữ phần vốn này tại các CTCP vẫn còn tư tưởng “tiếc” khi phải bán phần vốn nhà nước do CTCP làm ăn có lãi. Mặt khác, một số cá nhân tại CTCP được giao nắm giữ vốn e ngại khi thực hiện thoái vốn sẽ không được giữ chức danh lãnh đạo trong công ty nữa mà phải “nhường” hoặc thỏa hiệp với các tổ chức, cá nhân mua lại phần vốn nhà nước này.

Mặt khác, trong một số trường hợp thực tế việc CPH DNNN theo phương án chuyển đổi Nhà nước giữ cổ phần chi phối (từ 51-75%) nhưng khi thực hiện thì không bán được cổ phần, do đó, vốn nhà nước tại các công ty này vẫn chiếm tỷ lệ rất cao, từ 78-96%. Trong khi đó, việc thoái vốn tại các DNNN và chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập diễn ra chậm và chưa đầy đủ theo phương án được phê duyệt.

Việc thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước:

Các doanh nghiệp của Thành phố nằm trong kế hoạch CPH thời gian tới nhìn chung có quy mô vốn lớn, nắm giữ nhiều nguồn lực đất đai của Thành phố. Hoạt động SXKD của doanh nghiệp gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của Thủ đô và vùng phụ cận; là nhân tố giữ vững ổn định kinh tế, chính trị, xã hội; tạo công ăn việc làm, thu hút lao động trong tiến trình đô thị hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên Chính phủ và Bộ Tài chính đang yêu cầu chuyển giao số tiền thu từ cổ phần hóa DNNN

thuộc Thành phố về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp Trung ương. Đồng thời chuyển giao luôn đại diện Chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Việc này sẽ tác động đến nguồn lực, lợi thế kinh tế của Thủ đô, ảnh hưởng đến nguồn ngân sách của Thành phố dùng để hỗ trợ lao động thất nghiệp, dôi dư và các chi phí khác phát sinh trong quá trình CPH.

2.4.4. Nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế

Những nguyên nhân được chỉ ra sau đây có thể coi là hệ quả của tiến trình CPH DNNN ở Việt Nam nói chung và thành phố Hà Nội nói riêng.

2.4.4.1. Nguyên nhân khách quan

Việc tái cơ cấu, CPH DNNN được tiến hành trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước có nhiều khó khăn, phức tạp. Các năm 2001-2004 phải khắc phục hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á 1997-1998 để lại. Từ năm 2008 đến nay lại phải ứng phó với khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu; tăng trưởng trong nước và Thủ đô có giai đoạn phát triển chưa bền vững, lạm phát có lúc cao, thị trường tài chính, bất động sản phục hồi chậm, thị trường chứng khoán suy thoái, giá trị vốn hóa thấp. Việc IPO và tìm cổ đông chiến lược của các doanh nghiệp cổ phần hóa còn gặp khó khăn.

Kinh nghiệm về CPH, tái cơ cấu các doanh nghiệp có quy mô lớn của Thành phố chưa nhiều, một số doanh nghiệp có tình hình tài chính phức tạp, việc định giá doanh nghiệp, xử lý tồn tại tài chính khó khăn; việc lựa chọn cổ đông chiến lược cần có nhiều thời gian để chuẩn bị, xử lý.

Số lượng các DNNN cần phải CPH lớn, các đề án mà Hà Nội phải xây dựng thường khó và phức tạp. Trong khi đó việc thực hiện được tiến hành theo hướng thận trọng, vừa tổng kết, vừa rút kinh nghiệm nên ảnh hưởng tới tiến độ sắp xếp, CPH DNNN.

2.4.2.2. Nguyên nhân chủ quan

Công tác tuyên truyền:

Công tác tuyên truyền trong nội bộ doanh nghiệp về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về CPH DNNN thực tế chưa sâu rộng, chưa tạo sự đồng thuận cao. Vẫn còn tư tưởng trông chờ vào Nhà nước, chậm đổi mới, chưa nắm bắt kịp thời nhu cầu phát triển thị trường, chưa thích ứng với xu thế hội nhập; năng lực quản trị của

doanh nghiệp, hệ thống quản trị nội bộ chưa đáp ứng yêu cầu quản lý. Bên cạnh đó, tâm lý ngại thay đổi của một bộ phận lãnh đạo doanh nghiệp sắp nghỉ hưu làm cản trở quá trình tái cơ cấu, CPH DNNN.

Chưa có sự thống nhất cao trong nhận thức về vai trò, vị trí của kinh tế nhà nước, về yêu cầu và giải pháp sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả DNNN. Nhiều vấn đề chưa rõ, còn ý kiến khác nhau nhưng chưa được tổng kết thực tiễn để kết luận; chưa có sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động.

Thể chế, cơ chế, chính sách:

Việc tổ chức thực hiện và thể chế hóa chủ trương của Đảng có mặt còn chậm, chưa phù hợp và cụ thể. Thành phố Hà Nội chưa tập trung ban hành cơ chế theo đúng kế hoạch đề ra.

Thành phố Hà Nội có giai đoạn chưa thật sát sao, quyết liệt trong chỉ đạo và triển khai thực hiện phương án sắp xếp, CPH DNNN. Với Hà Nội, chủ trương giao phần vốn nhà nước về cho Tổng Công ty Đầu tư kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) làm đại diện sẽ làm ảnh hưởng đến nguồn lực, cũng như nguồn đóng góp của ngân sách địa phương. Cũng như mất đi công cụ và nguồn tài chính để thực hiện một số chính sách phát triển kinh tế và xã hội tại địa phương.

Tuy đã có chủ trương nhưng thực tế vẫn chưa có biện pháp, chế tài mạnh xử lý nghiêm khắc nhằm răn đe đối với các cá nhân, tập thể lãnh đạo của Bộ, ngành, địa phương và các doanh nghiệp không mặn mà với CPH và tạo áp lực buộc các DNNN đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu, CPH DNNN.

Việc thu hút nhà đầu tư tham gia vào tiến trình CPH gặp khó khăn do thiếu công khai, minh bạch thông tin, quảng bá thông tin CPH DNNN cho các nhà đầu tư, nhất là nhà đầu tư nước ngoài còn hạn chế.

Việc Nhà nước vẫn còn nắm giữ cổ phần chi phối ở các doanh nghiệp thuộc ngành nghề, lĩnh vực không cần nắm giữ đã không thay đổi được mô hình quản trị, công khai, minh bạch thông tin để tạo cơ chế chủ động cho doanh nghiệp. Đây cũng là nguyên nhân hạn chế thay đổi quản trị trong doanh nghiệp sau CPH.

Tài chính công:

Việc phối hợp giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tái cơ cấu, cổ phần hóa DNNN của các cơ quan chức năng còn chậm và chưa triệt để,

kéo dài thời gian, đặc biệt là xử lý những vấn đề tài chính đất đai. Một số DNNN chưa quyết liệt và tích cực công khai phương án sắp xếp, CPH do lo ngại ảnh hưởng đến lợi ích cá nhân như chức vụ, lương bổng, không còn được hưởng những ưu đãi của Nhà nước.

Việc định giá DNNN để tiến hành CPH còn nhiều bất cập, nhất là giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền được thuê đất ở những vị trí đặc địa (đặc biệt là với những đường phố lớn, trung tâm của thành phố Hà Nội). Việc định giá thương hiệu, lợi thế kinh doanh, xác định giá bán cổ phiếu lần đầu do năng lực của các tổ chức tư vấn còn hạn chế. Quá trình xác định GTDN chủ yếu dựa trên so sánh, chưa có tiêu chuẩn xác định giá trị tiềm năng như thương hiệu, khả năng phát triển trong tương lai.

Nguồn tài chính công phục vụ sắp xếp, CPH DNNN, nhất là xử lý công nợ rất hạn hẹp. Việc khoan nợ, giãn nợ gặp nhiều vướng mắc nên tiến độ xử lý tài chính trong quá trình CPH gặp khó khăn, kéo dài.

Tổ chức bộ máy: Bộ máy làm công tác CPH DNNN hiện đều là kiêm nhiệm nên thời gian dành cho công tác CPH còn hạn chế. Phân công giữa các ban, ngành chức năng còn chồng chéo. Đội ngũ công chức làm công tác CPH còn có tư tưởng “xin-cho”, ỷ lại khi thực thi công vụ.

TIÊU KẾT CHƯƠNG II

Từ việc giới thiệu tổng quan về DNNN ở Việt Nam, trong đó khẳng định chủ trương CPH DNNN đã được Đảng, Nhà nước triển khai từ nhiều năm về trước. Tác giả đã tóm lược kết quả và nêu một số hạn chế, khó khăn trong quá trình CPH DNNN ở Việt Nam.

Tác giả khái quát về tình hình KTXH thuộc Thành phố, đánh giá hiệu quả SXKD và chỉ ra những hạn chế của DNNN.

Thực trạng quá trình CPH DNNN của Thành phố được chia làm 6 giai đoạn kéo dài từ năm 1991 đến nay, Chương này đã đánh giá về số lượng, cơ cấu và chất lượng của CPH. Trong đó khẳng định những ảnh hưởng tích cực của CPH DNNN, xác định CPH là một xu hướng tất yếu, là giải pháp mang tính đột phá nhằm chuyển đổi DNNN từ đơn sở hữu sang đa sở hữu. Những chuyển biến nói trên đã nâng cao rõ rệt hiệu quả SXKD của doanh nghiệp CPH trên tất cả các chỉ tiêu chủ yếu về vốn, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, số lượng và thu nhập của người lao động, cổ tức và giải quyết lao động dôi dư.

Bên cạnh những ưu điểm, tác giả cũng nêu những tồn tại, hạn chế trong quá trình CPH DNNN thuộc Thành phố như tốc độ CPH còn chậm; thời gian tiến hành CPH còn dài; Nhà nước vẫn còn chiếm giữ nhiều cổ phần chi phối; CPH đã có sự thành công bước đầu nhưng vẫn còn chậm; doanh nghiệp cổ phần bị phân biệt đối xử; nhận thức của các cổ đông về quyền lợi và nghĩa vụ đối với doanh nghiệp chưa đúng đắn.

Nghiên cứu sinh đã phân tích thực trạng QLNN đối với CPH, từ công tác xây dựng chương trình mục tiêu về CPH, trong đó đã làm rõ mục tiêu, phạm vi CPH DNNN; công tác xây dựng kế hoạch CPH DNNN. Tiếp theo là việc tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu về cổ phần hóa, gồm: công tác tư tưởng, tuyên truyền; tổ chức bộ máy quản lý nhà nước; việc kiểm tra, giám sát; quản lý tài chính công và việc thoái vốn nhà nước tại CTCP; việc thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước.

Đánh giá về mặt tích cực trong QLNN về CPH, tác giả nhận định nhờ có chủ trương đúng, công tác sắp xếp, cổ phần hóa DNNN đã đạt nhiều kết quả tích cực. Các cơ quan quản lý ở Hà Nội đã nắm bắt được bản chất, đặc điểm của quá trình CPH DNNN và những vấn đề phát sinh trong thực tế để đề xuất việc hoàn thiện môi trường

pháp luật, chính sách; chủ động tham mưu với Thành ủy, HĐND, UBND thành phố những giải pháp đẩy nhanh việc CPH DNNN. Cơ chế thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ sở hữu được tăng cường, Thành phố đã ban hành quy định về quản lý tài chính, giám sát, chế độ báo cáo, công tác cán bộ để quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực thì công tác vận động, tuyên truyền cho CPH vẫn bị xem nhẹ và mặc dù Thành phố đã tích cực rà soát, xây dựng một kế hoạch tổng thể về sắp xếp, đổi mới DNNN nhưng kế hoạch này vẫn nhanh bị lạc hậu.

Hệ thống văn bản chính sách do Nhà nước ban hành về CPH DNNN đã dần hoàn thiện, nhưng Thành phố vẫn chưa linh hoạt trong áp dụng cho phù hợp với tình hình địa phương. Sự quản lý, giám sát đối với các doanh nghiệp CPH còn nhiều yếu kém. Việc xác định rõ trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân liên quan đến tồn tại về tài sản, công nợ cũng như xử lý các tồn tại về tài chính, quyết toán thuế tại các doanh nghiệp có khó khăn. Bộ máy QLNN hiện nay của Thành phố về thực hiện CPH DNNN cũng bất cập.

Tác giả đã chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế trên gồm nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan.

Từ các hạn chế và nguyên nhân trên, tác giả cho thấy rằng nếu Thành phố thực hiện tốt việc đổi mới, cơ cấu lại, bao gồm cả việc chuyển đổi sở hữu để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đang có tại khu vực DNNN sẽ tạo điều kiện nâng cao tính cạnh tranh của doanh nghiệp và nâng cao mức tăng trưởng GDP của Thủ đô nói riêng và cả nước nói chung. Đây cũng là cơ sở để đưa ra các giải pháp thúc đẩy quá trình CPH và hoàn thiện QLNN đối với CPH DNNN trực thuộc Thành phố sẽ được trình bày trong Chương III.

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.1. BỐI CẢNH KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC TÁC ĐỘNG ĐẾN CỔ PHẦN HÓA

3.1.1. Bối cảnh kinh tế quốc tế

Sau cuộc khủng hoảng tài chính dẫn đến sự suy thoái kinh tế toàn cầu trong năm 2008- 2009, nền kinh tế thế giới đang trên đà hồi phục và phát triển, kinh tế nhiều nước tiếp tục đi vào ổn định. Tuy vậy, cho đến nay tình hình kinh tế thế giới vẫn diễn ra hết sức phức tạp với những dấu hiệu tốt, xấu đan xen liên tục. Xu hướng phục hồi tại các nền kinh tế lớn đã được khẳng định nhưng không đồng đều và chưa có tính bền vững, tốc độ phục hồi của các nền kinh tế rất khác nhau. Kinh tế Mỹ và Châu Âu dù đang khởi sắc nhưng với tốc độ chậm hơn dự báo trước đó, trong khi đó Châu Á vẫn tiếp tục là động lực và đang phục hồi nhanh chóng vượt trội. Có thể nói, quá trình hồi phục của kinh tế thế giới đã được khẳng định, dù cần nhiều thời gian để khắc phục và vượt qua những khó khăn, thách thức và tiềm ẩn nhiều rủi ro, cản trở với bốn thách thức lớn:

- Nguy cơ suy thoái kép tiếp tục tăng lên do việc xuất hiện dấu hiệu giảm phát của các nền kinh tế lớn như Mỹ, Nhật, khu vực đồng Euro và Nga.

- Tình hình tài khoá của nhiều quốc gia, đặc biệt là các quốc gia phát triển đang ở trong tình trạng thâm hụt nghiêm trọng và hầu như không được cải thiện mặc dù kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi. Nợ công và thâm hụt ngân sách do tác động của các gói giải cứu nền kinh tế gây bất ổn cho kinh tế vĩ mô của nhiều nước.

- Tỷ lệ thất nghiệp cao vẫn đang đe dọa nhiều nền kinh tế trên thế giới, đặc biệt là các nước phát triển; sức ép lạm phát ở các quốc gia này ngày càng gia tăng... và tác động xã hội của cuộc khủng hoảng vẫn còn tồn tại ở nhiều nơi.

- Tác động của Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương TPP (*trong đó Việt Nam mới gia nhập là thành viên ngày 05/10/2015*).

Bối cảnh chính trị, kinh tế quốc tế đã chỉ ra rằng các doanh nghiệp sẽ phải hoạt động dựa trên các nguyên tắc thị trường. Các doanh nghiệp của Việt Nam sẽ không

được phân biệt đối xử với các doanh nghiệp của các nước khác. Thách thức cũng đến với doanh nghiệp của Việt Nam là phải hoạt động minh bạch và không được hưởng bất kỳ sự bao cấp nào từ Nhà nước.

Bối cảnh cũng tạo động lực cho Việt Nam để đẩy mạnh sắp xếp, cải cách DNNN, đặc biệt là việc CPH. Bên cạnh đó, Chính phủ đang đứng trước nhiệm vụ điều chỉnh chính sách đối với doanh nghiệp theo hướng các cam kết TPP, điều có thể giúp cải thiện hiệu suất của các doanh nghiệp cũng như của cả nền kinh tế trong dài hạn.

3.1.2. Bối cảnh trong nước

Ở trong nước, kinh tế vĩ mô diễn biến theo hướng tích cực. Tuy nhiên, tổng cầu của nền kinh tế tăng chậm, hoạt động SXKD của các doanh nghiệp còn khó khăn, tồn kho hàng hóa vẫn ở mức cao, sức hấp thụ vốn của nền kinh tế còn yếu. Tình hình Biển Đông có nhiều diễn biến phức tạp, ảnh hưởng phần nào đến sự phát triển kinh tế- xã hội và đời sống dân cư cả nước.

Trước tình hình đó, Đảng, Quốc hội và Chính phủ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các cấp và địa phương thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm từng bước đáp ứng tốt mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội của từng giai đoạn.

Ngày 29/10/2012, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Kết luận số 50-KL/TW về Đề án "Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước". Trong đó, Đảng ta đã quán triệt tiếp tục thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 3, Nghị quyết Trung ương 9 (khóa IX), Nghị quyết Đại hội XI và các nghị quyết, kết luận của Trung ương về sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN phù hợp với bối cảnh nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế của nước ta ngày càng đi vào chiều sâu.

Trong thời gian gần đây, Chính phủ đã tiếp tục chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh tái cơ cấu DNNN; hoàn thiện thể chế, tạo thuận lợi cho việc CPH, xác định GTDN. Đồng thời, Thủ tướng yêu cầu đề cao trách nhiệm của các Bộ ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước, nhất là người đứng đầu để đẩy nhanh tiến độ tái cơ cấu, cổ phần hóa, thoái vốn đầu tư ngoài ngành theo phương án được phê duyệt và khuyến khích sự tham gia của nhà đầu tư chiến lược.

Mặt khác, Luật Doanh nghiệp mới được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014, theo đó DNNN là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, thay vì từ 51% trở lên như trước đây. Quy định này sẽ tạo động lực lớn cho tiến trình cải cách DNNN ở Việt Nam do

nó sẽ tạo ra các khuôn khổ pháp lý mới để các doanh nghiệp này tự chủ hơn trước. Cụ thể, sau khi CPH, doanh nghiệp đó sẽ không còn là DNNN nữa và nó sẽ hoạt động như một doanh nghiệp tư nhân, hay cổ phần. Vì thế, sẽ có nhiều thay đổi về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp. Như vậy, các cổ đông chiến lược sẽ sẵn sàng tham gia nhiều hơn, từ đó thúc đẩy quá trình CPH.

Ngoài ra, chủ trương nắm giữ ít cổ phần tại các DNNN thực hiện CPH, việc này sẽ thu hút các nhà đầu tư, nhất là nhà đầu tư nước ngoài, không phân biệt bất cứ thành phần nào. Từ đó, chúng ta có cơ hội để có một diện mạo doanh nghiệp minh bạch, hiệu quả hơn, bắt đầu từ sự minh bạch hóa về tài chính, tìm kiếm đối tác, chuẩn bị IPO của mỗi doanh nghiệp.

Từ các thông tin, bối cảnh như trên sẽ tạo nhiều cơ hội để thúc đẩy quá trình CPH DNNN của thành phố Hà Nội.

3.1.3. Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của Thủ đô đến năm 2020

Ngày 6/01/2012, Tổng Bí thư đã ký ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011- 2020. Trong đó đã khẳng định Thủ đô Hà Nội có bề dày lịch sử và truyền thống cách mạng vẻ vang, là địa danh tiêu biểu cho truyền thống "*Văn hiến-Anh hùng-Hoà bình- Hữu nghị*" của dân tộc Việt Nam. Từ ngày có Đảng đến nay, Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân Thủ đô đã luôn phát huy truyền thống đoàn kết, gương mẫu, đi đầu, có những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đã quán triệt, vận dụng, tổ chức thực hiện nghiêm túc, sáng tạo các chủ trương, nghị quyết của Đảng và Nhà nước, đạt được nhiều thành tựu nổi bật

Tuy nhiên, tình hình chung của Hà Nội vẫn còn một số hạn chế, điều đó đặt ra yêu cầu về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Hà Nội giai đoạn 2011-2020, trong đó có việc cần huy động tối đa sức mạnh tổng hợp cả về vật chất và tinh thần để xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội xứng đáng với vai trò là Trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, Trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế, một động lực phát triển của vùng đồng bằng Sông Hồng và cả nước.

Để triển khai, Đảng bộ, chính quyền Thành phố đã có nhiều giải pháp, trong đó có việc đẩy mạnh sắp xếp, CPH DNNN. Thực tế cho thấy DNNN của Thành phố đóng vai trò rất quan trọng, nhưng cần phải thu hẹp, sắp xếp, CPH để hoạt động hiệu quả hơn, Nhà nước chỉ nắm giữ những doanh nghiệp trọng điểm, đặc thù.

Theo đánh giá của Chính phủ, mặc dù có nhiều cố gắng nhưng Hà Nội còn nhiều khó khăn, phát sinh không ít vướng mắc, bất cập trong tiến trình tái cơ cấu DNNN. Với lượng doanh nghiệp CPH lớn, thời gian qua Thành phố đã đúc kết nhiều bài học, kinh nghiệm để từng bước khắc phục.

Mới đây, UBND thành phố đã ban hành kế hoạch về sắp xếp, CPH các DNNN năm 2016-2017, trong đó đã cụ thể hóa kế hoạch và các giải pháp đẩy mạnh CPH, thoái vốn tại các DNNN. Thành phố giao nhiệm vụ cho Sở Tài chính (Thường trực BDM và PTDN thành phố) phối hợp với các Sở, ngành triển khai quyết liệt kế hoạch CPH, có chế tài nghiêm khắc đối với lãnh đạo các DNNN dây dưa, cố tình trì hoãn CPH.

Điều này đặt ra yêu cầu cần điều chỉnh về cơ chế chính sách và quy định; xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết hơn cho từng doanh nghiệp, để phân đầu đạt mục tiêu hoàn thành CPH DNNN vào năm 2019.

3.2. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRONG NHỮNG NĂM TỚI

3.2.1. Về quan điểm

3.2.1.1. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước

Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với việc sắp xếp, CPH DNNN; đổi mới và nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong DNNN; tuân thủ sự lãnh đạo của Đảng, thắt chặt kỷ luật và phát huy vai trò nòng cốt của tổ chức đảng trong các CTCP. Trong các văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng ta đã khẳng định: nền kinh tế nước ta là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN có sự quản lý của Nhà nước. Việc tăng cường QLNN đối với quá trình CPH DNNN là yêu cầu cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Sự quản lý, điều tiết của Nhà nước thể hiện ở những quy định pháp luật, các chính sách chế độ, tạo hành lang pháp lý cho việc đẩy mạnh CPH. Hệ thống văn bản ban hành phải đảm bảo thống nhất giữa chính sách của Trung ương và chính sách của thành phố Hà Nội.

Đảm bảo sự thống nhất trong chỉ đạo và thực hiện CPH, quá trình CPH DNNN phải được các cấp lãnh đạo thực hiện theo sự chỉ đạo chung, thống nhất, tránh tình trạng không công bằng giữa các doanh nghiệp nhà nước cũng như gây ra các tổn thất, lãng phí cho Nhà nước và doanh nghiệp.

Xác định cơ chế pháp lý hấp dẫn đối với người lao động, thực tế cho thấy người lao động là một trong những nhân tố quyết định sự thành công của quá trình CPH ở nước ta. Do đó cần một cơ chế hấp dẫn đối với người lao động để họ không lo ngại về việc làm, thu nhập và quyền lợi.

Ngoài những yếu tố luật pháp, QLNN còn sử dụng những biện pháp quản lý vĩ mô, gián tiếp, các công cụ định hướng xây dựng kế hoạch. Việc tăng cường quản lý vừa đảm bảo giám sát chặt chẽ mọi hoạt động tuân thủ theo pháp luật, vừa tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các doanh nghiệp thực hiện CPH. Đảm bảo sự nhất quán, thống nhất quản lý giữa các cơ quan QLNN trong một kế hoạch tổng thể, phù hợp với yêu cầu của tình hình mới.

Để đẩy nhanh quá trình CPH DNNN cần phải xóa bỏ quan điểm bán cổ phần lần đầu với giá cao để tránh vốn nhà nước không thất thoát. Vấn đề ở đây không phải là thu hồi đầy đủ vốn đầu tư đã bỏ ra hoặc phải có lãi trong việc CPH DNNN, mà việc CPH là để thực hiện các mục tiêu đã đề ra, do đó không nên lấy lý do thị trường chứng khoán đang sụt giảm để làm chậm quá trình CPH.

3.2.1.2. Lấy hiệu quả hoạt động làm tiêu chuẩn

CPH DNNN phải đảm bảo tính hiệu quả, đó là tính chính xác trong việc xác định giá trị doanh nghiệp, không làm thất thoát tài sản, gây ảnh hưởng xấu đến kết quả kinh doanh và làm giảm thu nhập của người lao động.

Việc xác định rõ đối tượng và hình thức CPH phải đảm bảo thực hiện mục tiêu CPH mà không làm ảnh hưởng đến chiến lược phát triển chung của đất nước, trong đó có các doanh nghiệp. Vấn đề là quyết định loại hình DNNN nào phải tiến hành CPH, trong một doanh nghiệp thì cần CPH toàn bộ hay bộ phận. Khi lựa chọn hình thức CPH phải tính đến một số yếu tố:

Thứ nhất, việc CPH DNNN cần xem xét đến chiến lược phát triển kinh tế chung của đất nước, của doanh nghiệp về các mặt quy mô, thị trường, sản phẩm và mối quan hệ giữa các doanh nghiệp thực hiện CPH với các chiến lược phát triển đó.

Thứ hai, dự đoán tình hình SXKD của doanh nghiệp sau CPH có khả năng tiến triển tốt hơn hay không.

Thứ ba, phải tính đến khả năng thực thi của phương pháp CPH để tránh những tổn thất không đáng có.

Phải lành mạnh hóa tình hình tài chính của DNNN trước khi tiến hành CPH, trong đó cần xử lý dứt điểm những vướng mắc tài chính còn tồn đọng trong doanh nghiệp trước khi triển khai xác định GTDN.

Hiệu quả của việc CPH DNNN cần được thể hiện qua một số tiêu chí:

- Hiệu quả kinh tế thể hiện qua việc tạo đà và phát triển năng lực cạnh tranh;
- Hiệu quả xã hội là giải quyết việc làm, đảm bảo thu nhập, nâng cao mức sống và trình độ cho người lao động. Tạo thêm công ăn việc làm cho đội ngũ lao động trẻ, có trình độ sau khi đã xử lý lao động dôi dư do tác động của quá trình CPH DNNN.
- Hiệu quả tài chính là tăng nguồn thu cho ngân sách thành phố, bổ sung nguồn vốn và phát triển GDP.

3.2.2. Về mục tiêu, định hướng

3.2.2.1. Mục tiêu, định hướng của Đảng và Nhà nước

Hoàn thành sắp xếp, CPH DNNN hiện có để tập trung vào ngành, lĩnh vực then chốt, địa bàn quan trọng, những ngành và lĩnh vực mang lại lợi ích quốc gia. Hoàn thành tái cơ cấu, CPH các tập đoàn, tổng công ty nhà nước lớn, thực hiện chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế- xã hội. Thực hiện CPH trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối trong các ngành công nghiệp nền tảng, độc quyền tự nhiên, địa bàn quan trọng, dịch vụ công thiết yếu. Nhà nước không nắm giữ cổ phần chi phối khi CPH các DNNN trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ công, thương mại, đầu tư; các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, áp dụng khoa học kỹ thuật, chủ động hội nhập, hoạt động SXKD hiệu quả, có khả năng cạnh tranh trong khu vực và quốc tế.

Đẩy mạnh CPH DNNN, thoái vốn đầu tư ngoài ngành nghề kinh doanh chính, bán hết vốn nhà nước tại các doanh nghiệp hoạt động trong ngành và lĩnh vực nhà nước không cần nắm giữ. Đây là khâu quan trọng trong tái cơ cấu DNNN, thay đổi cơ cấu sở hữu và nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, tập trung nguồn lực để đầu tư phát triển và thực hiện chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế- xã hội.

Sớm thành lập cơ quan ngang Bộ để thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp. Áp dụng khung quản trị hiện đại và hoàn thiện khung pháp lý đồng bộ để tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát của chủ sở hữu nhà nước và nâng cao hiệu quả QLNN đối với DNNN; thu hút cán bộ giỏi và đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong SXKD của DNNN.

Tổ chức và hoạt động của DNNN sau CPH phải tuân theo những quy luật khách quan của kinh tế thị trường, tuân thủ các hiệp định thương mại trên nguyên tắc bình đẳng với các loại hình doanh nghiệp khác.

Mục tiêu đến năm 2020, cải cách DNNN cơ bản hoàn thành, hình thành hệ thống doanh nghiệp hiện đại có sức cạnh tranh quốc tế, tập trung phát triển để đến năm 2020 có một số doanh nghiệp đạt tầm khu vực; nâng cao hiệu quả phân bổ, sử dụng vốn nhà nước. Xây dựng đội ngũ doanh nhân có tâm, có tầm; hoàn thiện hệ thống quản lý, giám sát, chống tham nhũng. Các doanh nghiệp sau CPH tập trung vào các ngành, lĩnh vực then chốt, quan trọng mang lại lợi ích quốc gia. Các DNNN sau CPH đổi mới công nghệ, áp dụng khoa học kỹ thuật, chủ động hội nhập, có hoạt động SXKD hiệu quả, có khả năng cạnh tranh trong khu vực và quốc tế.

3.2.2.2. Mục tiêu, định hướng của thành phố Hà Nội

Trong giai đoạn 2016-2020, Thành phố phấn đấu hoàn thành kế hoạch cổ phần hoá các DNNN trực thuộc, trong đó sẽ tập trung hướng dẫn doanh nghiệp trong diện sắp xếp, CPH thực hiện các bước theo quy trình, đảm bảo chất lượng công việc và thời gian đúng tiến độ theo quy định.

Thành phố cũng yêu cầu các doanh nghiệp tổ chức sắp xếp và tái cấu trúc phù hợp với năng lực quản lý, giám sát, nâng cao năng lực quản trị DNNN theo hướng phù hợp với các nguyên tắc, thông lệ quốc tế; Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả tổ chức thực hiện đề án tái cơ cấu DN nhằm đảm bảo tiến độ, hiệu quả.

Ngoài ra, UBND thành phố cũng tiếp tục rà soát, bổ sung danh sách các doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa theo tiêu chí, danh mục phân loại DNNN. Yêu cầu các tổng công ty nhà nước thuộc Thành phố có kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện các nội dung sắp xếp, cổ phần hóa đã được phê duyệt.

Thành phố tiếp tục thực hiện thoái vốn nhà nước tại các DNNN trong diện CPH và tại các lĩnh vực nhạy cảm, ngoài ngành nghề SXKD chính theo đề án tái cơ cấu đã được phê duyệt.

3.3. HỆ THỐNG GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH VÀ HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP

3.3.1. Nhóm giải pháp tạo lập tiền đề cần thiết cho việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

3.3.1.1. Công tác tư tưởng, tuyên truyền

Cần tăng cường giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị, đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước đối với cán bộ, công nhân viên trong các DNNN. Các cấp uỷ đảng cần định kỳ kiểm điểm, sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu CPH đã đề ra, từ đó đưa ra được phương hướng, nhiệm vụ sát thực với quá trình CPH DNNN trên địa bàn thời gian tiếp theo.

Việc vận động, làm công tác tư tưởng để lãnh đạo doanh nghiệp nhất trí với CPH DNNN là luôn cần thiết. Tuy nhiên, đây chỉ nên xem là biện pháp làm cho việc thực hiện chủ trương của Nhà nước nhanh chóng, thuận lợi hơn chứ tuyệt nhiên không thể xem đây là điều kiện dứt khoát phải đảm bảo trước khi tiến hành CPH DNNN như hiện nay. Điều này có nghĩa là khi cán bộ chuyên môn đã phân tích kỹ thì kế hoạch của Thành phố về việc CPH DNNN là quyết định tối cao đối với doanh nghiệp này, cán bộ quản lý cũng như nhân viên, công nhân của doanh nghiệp đó buộc phải tuân thủ.

Việc tuyên truyền, vận động, thuyết phục để tạo ra sự ủng hộ chủ trương CPH DNNN trước tiên cần được thực hiện với đội ngũ cán bộ quản lý của doanh nghiệp, sau đó mới triển khai đến người lao động khác. Khi làm công tác tư tưởng, vận động người lao động và cán bộ quản lý, cần làm rõ để họ hiểu rằng nếu không thực hiện được các giải pháp này, doanh nghiệp cũng phải xử lý theo các phương án khác bất lợi hơn cho họ (*như sáp nhập, giải thể*).

Để tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến cần phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng như báo đài, truyền hình và phương tiện thông tin. Có thể đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền khác như: tổ chức hội thảo khoa học giữa các nhà khoa học và nhà quản lý doanh nghiệp, người lao động về các chủ đề sắp xếp DNNN hoặc trao đổi về mặt cơ sở lý luận, kinh nghiệm ở các nước. Tổ chức tọa đàm, phỏng vấn giữa các đồng chí lãnh đạo Thành uỷ, UBND thành phố với người lao động quan tâm đến vấn đề sắp xếp DNNN; phổ biến chủ trương, giải đáp thắc mắc cho người lao động về những suy nghĩ, tư tưởng phát sinh từ quá trình triển khai thực hiện sắp xếp, đổi mới DNNN.

3.3.1.2. Tăng cường cải cách hành chính

Để triển khai thực hiện CPH DNNN đạt kết quả tốt, rất cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp sát sao của các cấp uỷ đảng, chính quyền Thành phố, tránh tình trạng có

nơi, có chỗ còn quan liêu như hiện nay. Đặc biệt phải có sự kết hợp giữa BDM và PTDN thành phố với Sở, ngành liên quan, các tổng công ty. Cụ thể, các Sở, ngành, tổng công ty cần chủ động và kịp thời hướng dẫn về chủ trương, định hướng thực hiện, có kế hoạch đăng ký với Thành phố.

Tăng cường, củng cố vai trò, năng lực của cán bộ Ban Đổi mới và Tổ công tác giúp việc, có nhiệm vụ:

- Nghiên cứu các vấn đề liên quan tới môi trường, điều kiện và yêu cầu CPH DNNN tại thành phố Hà Nội. Giúp đỡ các doanh nghiệp nghiên cứu, xây dựng phương án, tài liệu phục vụ CPH DNNN.

- Thay mặt UBND thành phố triển khai các hoạt động liên quan tới việc CPH DNNN như kiểm kê, phân loại tài sản, định giá doanh nghiệp, quyết toán sổ sách, giới thiệu các chuyên gia có kinh nghiệm để giúp hoặc trực tiếp đảm nhận công tác quản lý doanh nghiệp sau khi CPH.

- Tiếp tục tăng cường vai trò của Bộ phận thường trực chuyên trách công tác CPH của Thành phố. Đồng chí Trưởng bộ phận (*01 Phó Giám đốc Sở Tài chính*) cần ban hành quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên; đồng thời thực hiện công tác báo cáo tuần, tháng, quý, năm. Hàng tuần tổ chức họp giao ban để kiểm điểm công tác đã thực hiện tuần trước, xây dựng kế hoạch công tác của tuần tiếp theo. Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn các doanh nghiệp trong diện CPH đảm bảo tiến độ, hiệu quả.

- Trong trường hợp doanh nghiệp không tự tổ chức sắp xếp, đổi mới được thì tham mưu với BDM và PTDN TP để thay mặt UBND thành phố chủ trì việc CPH DNNN.

Thực tiễn quá trình CPH DNNN những năm qua cho thấy vai trò của từng Sở, ngành của Thành phố thể hiện chưa rõ ràng như: thứ tự Sở, ngành nào triển khai trước, Sở ngành nào triển khai sau, nhiệm vụ của từng đơn vị. Vì vậy, căn cứ những văn bản chính sách liên quan, luận án xin được kiến nghị, phân định cụ thể trách nhiệm của từng Sở, ngành khi triển khai CPH DNNN thuộc Thành phố như sau:

Sở Tài chính (Chi cục Tài chính doanh nghiệp): với vai trò là Thường trực BDM và PTDN thành phố, Chi cục Tài chính doanh nghiệp là cơ quan chuyên môn, thực hiện QLNN về tài chính doanh nghiệp có trách nhiệm:

- Kiểm tra báo cáo tài chính của doanh nghiệp đến thời điểm CPH;
- Hướng dẫn các doanh nghiệp lập hồ sơ giao- nhận tài sản, công nợ, tiền vốn đến thời điểm CPH;
- Chủ trì cùng Tổ công tác giúp việc BDM và PTDN TP hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng và thẩm định phương án tài chính (bao gồm cả xử lý tồn tại về tài chính);
- Chỉ đạo doanh nghiệp thuộc diện CPH xây dựng các phương án: SXKD, tài chính, lao động theo hướng dẫn của các ngành; kiểm tra, đôn đốc các doanh nghiệp trong thực hiện CPH.

Sở Nội vụ: tham mưu việc bổ nhiệm chủ tịch hội đồng thành viên, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng. Sở Nội vụ cũng chủ động đề xuất phương án sắp xếp, bố trí cán bộ quản lý của doanh nghiệp sau CPH.

Sở Kế hoạch và Đầu tư: hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng và chủ trì thẩm định phương án SXKD sau CPH, sau đó gửi Sở Tài chính để tổng hợp.

Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: là cơ quan chuyên môn về lĩnh vực lao động, việc làm vì vậy được giao chủ trì, hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng và thẩm định phương án lao động (bao gồm cả xử lý lao động dôi dư), sau đó gửi Sở Tài chính để tổng hợp.

Cục Thuế: Là cơ quan chuyên môn theo dõi thu nộp ngân sách hàng năm của doanh nghiệp, có trách nhiệm kiểm tra quyết toán thuế của doanh nghiệp đến thời điểm CPH.

Các doanh nghiệp thuộc diện CPH:

Tổ chức kiểm kê tài sản, đất đai, cơ sở vật chất, vật tư hàng hoá, tiền vốn, quỹ, lao động, công nợ (*kèm theo hồ sơ có liên quan*) để bàn giao nguyên trạng cho CTCP theo quy định của Nhà nước.

Lập báo cáo quyết toán tài chính và báo cáo quyết toán thuế tại thời điểm CPH gửi Chi cục Tài chính doanh nghiệp, Cục Thuế và các cơ quan liên quan.

Chủ động xây dựng phương án SXKD sau CPH, phương án xử lý lao động để trình các Sở liên quan theo đúng thời gian quy định.

Bố trí, sắp xếp lại cán bộ và lao động theo thẩm quyền, bảo đảm hoạt động ổn định sau CPH. Từng bước phát triển SXKD theo phương án được BDM và PTDN TP phê duyệt.

Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thành phố: Là cơ quan đại diện cho UBND thành phố có trách nhiệm:

- Thẩm định và phê duyệt các phương án: SXKD sau CPH, phương án tài chính, xử lý lao động, phát hành cổ phần lần đầu. Giải quyết và đề xuất với Thành phố xử lý kiến nghị của các ngành và doanh nghiệp.

- Kiểm tra, đôn đốc các Sở, ngành về thực hiện kế hoạch CPH của Thành phố.

3.3.1.3. Bổ sung, hoàn thiện tiêu chí phân loại làm cơ sở xây dựng phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Những bất cập trong công tác rà soát, phân loại để xây dựng kế hoạch CPH DNNN theo Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg đã trình bày ở Chương 2. Ở phần này, luận án kiến nghị việc xây dựng bổ sung tiêu chí phân loại các DNNN thuộc Thành phố để sắp xếp các doanh nghiệp này theo hướng CPH. Theo cách phân loại này, DNNN thuộc chỉ cần được phân thành 3 nhóm:

Nhóm 1: DNNN nắm giữ 100% vốn.

Từ thực tế của Hà Nội, đề nghị bổ sung vào danh sách các DNNN tiếp tục nắm giữ 100% vốn điều lệ kinh doanh trong lĩnh vực nhạy cảm là: quản lý, phát triển nhà và kinh doanh, dịch vụ nhà. Do đây là các doanh nghiệp quản lý quỹ nhà công lớn của Thành phố tại nhiều địa điểm đặc địa.

Nhóm 2: Những doanh nghiệp khi cổ phần hoá, Nhà nước nắm giữ trên 50% cổ phần.

Đề nghị đưa các DNNN hoạt động trong lĩnh vực khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt hay bám đảm hàng hải vào diện cổ phần hóa, không cần để Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ để thu hút nguồn vốn từ các tổ chức, doanh nghiệp khác mua cổ phần.

Đề nghị bổ sung vào nhóm này các doanh nghiệp kinh doanh thương mại nhưng sở hữu những cửa hàng, địa điểm có vị trí đặc địa trong nội đô các thành phố lớn trực thuộc Trung ương, có chênh lệch địa tô cao.

Nhóm 3: Những doanh nghiệp còn lại khi cổ phần hoá, Nhà nước nắm giữ dưới 50% cổ phần hoặc không nắm giữ cổ phần.

Đề nghị đưa các doanh nghiệp theo Quyết định 37/2014/QĐ-TTg hoạt động trong bảo trì đường bộ, đường sắt khi cổ phần cũng không cần thiết để Nhà nước nắm giữ từ 75% cổ phần; DNNN trồng và chế biến cao su cũng không cần phải để Nhà nước nắm giữ từ 65% đến dưới 75% số cổ phần. Hay lĩnh vực vệ sinh môi trường, chiếu sáng, vận tải đường sắt rất cần thu hút vốn từ xã hội không cần phải để Nhà nước nắm giữ trên 50% cổ phần khi thực hiện CPH. Các doanh nghiệp này khi cổ phần, Nhà nước chỉ cần nắm giữ dưới 50% cổ phần.

Việc triển khai thực hiện phân loại DNNN hiện có theo cách này thể hiện ý chí và thái độ cương quyết của Đảng và Nhà nước trong xác định lại vị trí, vai trò can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế cũng như việc tham gia của khu vực kinh tế ngoài nhà nước vào các hoạt động kinh tế xã hội. Đây chính là tư tưởng phát huy nội lực cho sự phát triển của cả nước nói chung và Thủ đô nói riêng trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu rộng vào kinh tế thế giới.

3.3.1.4. Hoàn thiện kế hoạch cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Theo công văn số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Chính phủ phê duyệt kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc thành phố Hà Nội giai đoạn 2012-2015 thì phải thực hiện sáp nhập 04 Xí nghiệp môi trường đô thị thuộc các huyện: Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, Thanh Trì vào Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị. Tuy Thành phố đã chỉ đạo rất quyết liệt nhưng các huyện và các xí nghiệp vẫn có văn bản đề đạt nguyện vọng được cổ phần hóa. Để tháo gỡ việc này, xin kiến nghị với Chính phủ cho phép bổ sung 05 xí nghiệp nêu trên vào diện CPH trong năm 2016-2017.

Bên cạnh đó, Công ty TNHH một thành viên Sản xuất-Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội (Haprosimex) thuộc diện phải CPH, tuy nhiên tình hình tài chính của Công ty những năm gần đây rất khó khăn, kinh doanh thua lỗ kéo dài. Thậm chí, cơ quan quản lý đã có kiến nghị doanh nghiệp bán Nhà máy dẹt kim và Trạm xử lý, cung cấp nước thải để giải quyết một phần lỗ. Tình hình này dẫn đến khả năng doanh nghiệp không thực hiện được phương án CPH. Vì vậy, luận án kiến nghị với Thành phố đề xuất, báo cáo Thủ tướng cho phép doanh nghiệp này chuyển sang hình thức sắp xếp khác như giải thể vào năm 2016.

Mặt khác, căn cứ tình hình thực tế triển khai tại Thành phố và theo đề nghị của các DNNN trong diện sắp xếp, xin kiến nghị điều chỉnh kế hoạch cổ phần hoá giai đoạn 2012-2015, chuyển sang thực hiện cổ phần hoá cùng công ty mẹ giai đoạn 2016-2020 đối với 04 bộ phận doanh nghiệp gồm:

- Xí nghiệp Bắc Hà thuộc Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và phát triển nông nghiệp Hà Nội.

- 03 Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội, Xí nghiệp Toyota Hoàn Kiếm, Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội thuộc Tổng Công ty Vận tải Hà Nội.

- Không thực hiện CPH Nhà máy Phụ tùng Đồng Đa thuộc Công ty TNHH một thành viên Thống Nhất do Nhà máy đã giải thể.

- Cho phép bổ sung kế hoạch CPH đối với Xí nghiệp Dịch vụ nông nghiệp thuộc Công ty TNHH một thành viên Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội theo đề nghị của công ty mẹ.

(Kế hoạch sắp xếp, CPH DNNN giai đoạn 2016-2020 điều chỉnh theo phụ lục 3.1).

3.3.1.5. Giải pháp về tổ chức bộ máy, nhân lực quản lý nhà nước

Từ các báo cáo của UBND thành phố, tác giả tổng hợp và đề xuất giải pháp phù hợp với đặc thù địa phương về tổ chức bộ máy như sau:

Bổ sung, nâng cấp chức năng cho Chi cục Tài chính doanh nghiệp (thuộc Sở Tài chính):

Kiến nghị với Chính phủ cho phép thành phố Hà Nội bổ sung chức năng cho Chi cục Tài chính doanh nghiệp (thuộc Sở Tài chính Hà Nội) với tư cách là cơ quan hành chính nhà nước theo hai phương án sau:

Phương án 1. Giữ nguyên tên gọi như hiện nay của Chi cục, bổ sung chức năng đại diện chủ sở hữu đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với DNNN và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; trong đó bao gồm cả chức năng đại diện quản lý phần vốn nhà nước khi thực hiện CPH các DNNN trong kế hoạch đến năm 2020.

Phương án 2. Cho phép UBND thành phố thành lập cơ quan QLNN để thực hiện thống nhất và có hiệu quả chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 9 (khóa IX), Kết luận số 78-

KL/TW ngày 26/7/2010 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 11 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011-2020 trên cơ sở tổ chức lại và nâng cấp Chi cục Tài chính doanh nghiệp thành Cục Quản lý Tài chính doanh nghiệp trực thuộc UBND thành phố Hà Nội.

Nếu được chấp thuận, Cục này sẽ có nhiệm vụ:

- Thống nhất QLNN về TCDN, tài chính hợp tác xã và kinh tế tập thể; hướng dẫn thực hiện chính sách tài chính, kiểm tra việc thực hiện pháp luật và tài chính kế toán của các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.

- Quản lý vốn và tài sản thuộc sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã thuộc Thành phố.

- Thực hiện quyền, nghĩa vụ đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp thực hiện CPH có vốn nhà nước tham gia.

- Quản lý các quỹ tài chính hỗ trợ DN, tiền thu từ việc bán phần vốn nhà nước ở các doanh nghiệp khi thực hiện CPH và các CTCP có vốn nhà nước tham gia.

Đề xuất thành lập mô hình Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Hà Nội

Hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) là nhằm vào lợi nhuận, nhiều hoạt động SXKD không sát với thực tế địa phương, do vậy những mục tiêu từ phúc lợi công cộng, hạ tầng đô thị, an sinh xã hội ít được quan tâm và coi trọng nên gây khó khăn trong việc điều hành chỉ đạo phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn và ảnh hưởng đến sự tăng trưởng KTXH của Thủ đô, đặc biệt khi có diễn biến phức tạp về kinh tế.

Vì vậy, luận án xin kiến nghị với thành phố Hà Nội đề nghị Chính phủ chấp thuận cho phép Thành phố xây dựng Đề án, lấy ý kiến của các Bộ ngành, trình Chính phủ quyết định thành lập Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước trực thuộc thành phố Hà Nội nhằm thực hiện các chức năng sau:

- Quản lý số tiền thu được từ bán phần vốn nhà nước khi CPH ở các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc UBND thành phố để bổ sung vốn điều lệ cho các công ty cần duy trì 100% vốn nhà nước và góp vốn trong trường hợp các CTCP có vốn nhà nước cần nắm giữ có nhu cầu phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ, ...

- Thực hiện thống nhất và có hiệu quả chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước đầu tư vào các doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 9 khoá IX,

Kết luận số 78-KL/TW ngày 26/7/2010 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 11 của Bộ Chính trị khoá XI *Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn năm 2011-2020*" và trên cơ sở tổ chức lại và nâng cấp Chi cục Tài chính doanh nghiệp Hà Nội.

Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước thuộc Thành phố có nhiệm vụ:

- Thống nhất quản lý nhà nước về tài chính doanh nghiệp, tài chính hợp tác xã và kinh tế tập thể, hướng dẫn thực hiện chính sách tài chính, kiểm tra việc thực hiện pháp luật và tài chính kế toán của các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.

- Quản lý vốn và tài sản thuộc sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã thuộc thành phố Hà Nội; thực hiện quyền, nghĩa vụ đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại các CTCP có vốn nhà nước tham gia.

- Quản lý các quỹ tài chính hỗ trợ doanh nghiệp, tiền thu từ việc bán phần vốn nhà nước ở các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố khi thực hiện CPH và các CTCP có vốn nhà nước tham gia.

Tăng cường hoạt động của bộ máy quản lý làm công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

UBND thành phố tiếp tục tổ chức các hội nghị triển khai kế hoạch sắp xếp, đổi mới (trong đó có CPH) doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, đồng thời quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương chính sách của Nhà nước về sắp xếp, cổ phần hoá cho các cấp, các ngành, DNNN, cán bộ, đảng viên và người lao động trong các doanh nghiệp để nâng cao nhận thức nhằm triển khai tốt công tác sắp xếp, cổ phần hoá của doanh nghiệp trực thuộc Thành phố.

Quyết định giao tiến độ, kế hoạch, thời gian thực hiện CPH tới toàn bộ DNNN trong diện phải CPH. Trong đó quy định từng mốc thời gian cụ thể mà doanh nghiệp phải thực hiện như: thành lập ban chỉ đạo CPH, thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính và quyết toán thuế, thuê đơn vị tư vấn xác định GTDN, hoàn thành hồ sơ xác định GTDN và phương án CPH...

Ban Đổi mới thường kỳ hàng tháng báo cáo tập thể lãnh đạo UBND thành phố về tiến độ, kết quả thực hiện công tác CPH tại các cuộc họp giao ban của UBND thành phố.

Duy trì hoạt động của Tổ công tác chuyên trách về CPH, thường xuyên tham mưu cho BDM & PTDN TP về công tác CPH, đôn đốc, hướng dẫn các doanh nghiệp, xử lý các công việc theo quy trình đảm bảo đồng bộ, hiệu quả. Kiểm điểm, đánh giá tiến độ sắp xếp, CPH DNNN, tiến hành giao ban thường xuyên và định kỳ với các Sở, ngành, tổng công ty để nắm bắt khó khăn và kịp thời có ý kiến chỉ đạo.

3.3.1.6. Giải pháp về giám sát, kiểm tra

Về yêu cầu: Trong quá trình theo dõi, giám sát hoạt động của doanh nghiệp CPH của Thành phố và Sở, ngành cần đảm bảo các yêu cầu:

Việc theo dõi, giám sát theo nguyên tắc nắm bắt được tình hình chung về những chỉ tiêu kinh tế chủ yếu, cần thiết nêu trên, nhưng không gây cản trở cho hoạt động của các doanh nghiệp.

Phục vụ việc giải quyết, tháo gỡ kịp thời những khó khăn của các doanh nghiệp đang hoạt động.

Giảm bớt đầu mối kiểm tra, kiểm soát nhưng tăng cường quy định hệ thống báo cáo định kỳ về những vấn đề chính.

Về nội dung:

Để tăng cường hơn nữa hoạt động này trong điều kiện mở rộng việc CPH DNNN thuộc Thành phố, nên có quy định cụ thể hơn về tổ chức, cơ chế và chế độ hoạt động của hệ thống kiểm tra, giám sát, theo dõi, thực hiện chức năng hướng dẫn, điều hành và uốn nắn kịp thời những lệch lạc để đảm bảo tiến độ CPH DNNN được thuận lợi. Thành phố nên giao công việc này cho Cục Thuế, Sở Tài chính (Chi cục Tài chính doanh nghiệp) và Sở Nội vụ cùng phối hợp triển khai.

Quan tâm thường xuyên đối với các doanh nghiệp trong quá trình CPH nhằm phát huy hiệu quả đạt được, tạo điều kiện thông thoáng thuận lợi để các doanh nghiệp phát triển bình đẳng. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này đòi hỏi sự chỉ đạo cương quyết, sát sao của cấp ủy đảng, tổ chức chính quyền các cấp từ Thành phố đến quận, huyện; hướng dẫn cụ thể, kiểm tra đôn đốc thường xuyên của các Sở, ngành; sự tuyên truyền sâu rộng của các cơ quan thông tin đại chúng và các tổ chức quần chúng trong doanh nghiệp; sự quyết tâm cố gắng nỗ lực trong triển khai thực hiện ở các doanh nghiệp và mỗi người lao động; sự hỗ trợ đúng mức về tài chính và việc bổ sung, sửa đổi kịp thời, đồng bộ các cơ chế chính sách của Nhà nước.

Quy định về trách nhiệm của các cơ quan QLNN trong việc tiếp tục cung cấp thông tin, phổ biến chế độ chính sách cho doanh nghiệp trong diện CPH. Hoàn thiện hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh (thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư) và cơ quan cung cấp thông tin doanh nghiệp.

3.3.1.7. Tổ chức hội thảo, biên soạn tài liệu

Tổ chức triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Thành phố về đặc điểm, nhân tố ảnh hưởng và mục tiêu của việc CPH DNNN ở từng Sở, ngành.

Ban ĐM & PTDN thành phố tổ chức các đoàn tham quan học tập kinh nghiệm CPH DNNN ở các địa phương khác trên cả nước và nước ngoài như Trung Quốc, Singapore.

Phổ cập rộng rãi những kết quả nghiên cứu, biên soạn giáo trình, Thành phố cần tổ chức thường xuyên hơn nữa các buổi tập huấn để tuyên truyền, phổ biến về CPH đối với các DNNN ở mức độ khác nhau dưới các dạng hỏi, đáp, các tài liệu tập huấn và tập hợp văn bản hướng dẫn cho cán bộ QLNN và cán bộ có liên quan ở doanh nghiệp.

Tổ chức in ấn, phát hành tài liệu, đĩa Cd-room, mở website tuyên truyền về công tác CPH DNNN. Các tài liệu, trang web phải thường xuyên được cập nhật thông tin mới, đưa lên thủ tục hành chính để các doanh nghiệp chủ động khai thác. Giới thiệu các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả sau khi CPH. Các doanh nghiệp này là nguồn động viên, khuyến khích các DNNN thực hiện việc chuyển đổi.

Thành phố tổ chức các cuộc tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm giữa các tổ chức nghiên cứu, cơ quan QLNN và doanh nghiệp nhằm trao đổi về vấn đề lý luận cũng như thực tiễn trong CPH. Tổ chức biên dịch tài liệu nước ngoài về CPH DNNN để học hỏi kinh nghiệm.

3.3.2. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách tài chính

3.3.2.1. Giải pháp về thể chế, cơ chế chính sách

Về thể chế:

Đề nghị Thành phố kiến nghị với Chính phủ và Quốc hội tiếp tục hoàn thiện cơ chế chủ sở hữu nhà nước trong các doanh nghiệp có vốn nhà nước. Đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực: công nghiệp cơ khí, công nghệ thông tin,

công nghệ cao, công nghiệp chế tạo, công nghiệp phụ trợ, để thực hiện mục tiêu phấn đấu đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp vào năm 2020.

Cần sớm xây dựng và hoàn thiện Luật Quản lý và Sử dụng vốn nhà nước trong DNNN, trong đó phân loại tỷ lệ vốn nhà nước ổn định tại doanh nghiệp theo 3 mức: 100%, 51% và 0%. Tiến tới chỉ còn 2 phân loại là: 100% và 0%, trừ hoạt động đầu tư tài chính vào doanh nghiệp do Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) tiến hành. Bên cạnh đó, cần thành lập cơ quan chuyên trách thực hiện quyền sở hữu nhà nước trong DNNN, đồng thời nâng cấp Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (DATC) thành Tổng Công ty Xử lý nợ Quốc gia trực thuộc Chính phủ nhằm xử lý nợ xấu của DNNN.

Mặt khác, đề nghị Bộ Tài chính khẩn trương ban hành Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 189/2013/NĐ-CP về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành CTCP; Thông tư hướng dẫn thi hành nghị định số 206/2013/NĐ-CP về quản lý nợ DNNN và hoàn thiện phương án tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trong việc tái cơ cấu, thoái vốn ngoài ngành của DNNN.

Đề nghị hoàn thiện, sửa đổi Quyết định thay thế Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg về tiêu chí, danh mục phân loại DNNN để tạo cơ sở pháp lý cho việc đẩy mạnh giảm và bán toàn bộ vốn trong các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần chi phối, nguồn vốn thu được có thể bổ sung cho Quỹ sắp xếp CPH để hỗ trợ về tài chính, lao động đối với các đơn vị đặc biệt khó khăn trong quá trình sắp xếp, CPH.

Đề nghị Chính phủ ban hành Nghị định về người giữ chức danh quản lý tại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ...Bên cạnh đó, sớm có văn bản pháp lý hướng dẫn CPH bộ phận doanh nghiệp của công ty nhà nước đã CPH (*hiện mới chỉ có hướng dẫn cho công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP*).

Đề nghị hoàn thiện Nghị định 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với DNNN và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp theo hướng bổ sung các điều khoản về giám sát, đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch, chiến lược, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật của CTCP có vốn nhà nước; cơ chế bổ nhiệm, đánh giá cán bộ quản lý, người đại diện phần vốn nhà nước tại CTCP có vốn nhà nước chiếm tỷ lệ lớn.

Về phía thành phố Hà Nội, xin kiến nghị với Thành ủy tiếp tục chỉ đạo Ban Cán sự đảng UBND thành phố ban hành các văn bản, chỉ thị đẩy mạnh CPH DNNN theo kế hoạch đã phê duyệt. Ban hành Nghị quyết chuyên đề về đẩy mạnh sắp xếp, CPH và thoái vốn nhà nước đến năm 2020.

Có chế tài mạnh đối với lãnh đạo doanh nghiệp cố tình trì hoãn việc CPH; đồng thời quy trách nhiệm rõ ràng đối với từng Sở, ngành, thành viên BDM và PTDN TP trong quá trình CPH.

Với đặc thù của địa phương, luận án đề xuất với Thành phố báo cáo Trung ương bổ sung cơ chế, chính sách để tính đúng, tính đủ các giá trị lợi thế kinh doanh, thương hiệu, văn hóa kinh doanh, trình độ tay nghề... vào GTDN. Đây thực chất là tài sản của doanh nghiệp trước khi cổ phần tích lũy nhiều năm mới có được. Nếu không được tính toán hoặc tính không đủ, những cấu thành giá trị vô hình này sẽ gây thiệt hại cho Nhà nước khi CPH DNNN.

Về cơ chế chính sách:

Ngày 20/11/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 189/2013/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, trong đó đã sửa đổi, bổ sung một số điều khoản về xử lý tài sản thuê mượn, tư vấn xác định GTDN, điều chỉnh GTDN; đối tượng, phạm vi thực hiện kiểm toán; xác định GTDN theo phương pháp tài sản; giá trị quyền sử dụng đất; quyền hạn, trách nhiệm và thành phần BCD CPH doanh nghiệp.

Mặt khác, Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành CTCP, trong đó có điều chỉnh quy định xử lý đối với khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng hóa; chọn đơn vị tư vấn; cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược.

Tuy nhiên, để khắc phục một số bất cập đã nêu trong Nghị định này tại Chương 2, trong thời gian tới theo tình hình thực tế triển khai CPH tại Thành phố, luận án kiến nghị sửa đổi bổ sung tiếp Nghị định 59 như sau:

- Sửa đổi khoản 1, Điều 15. Các khoản nợ phải thu, theo hướng: Chính phủ giao các Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước chỉ đạo doanh nghiệp CPH thực hiện đối chiếu toàn bộ các khoản công nợ (phải thu, phải trả) đến thời điểm xác định GTDN theo quy định. Trong một số trường hợp do thời điểm CPH

không trùng với thời điểm kiểm kê khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp quy mô lớn, đối tượng công nợ nhiều, không kịp đối chiếu hết thì cho phép doanh nghiệp CPH báo cáo các Bộ, ngành, địa phương xem xét, xử lý như sau:

Đến thời điểm xác định GTDN có thể chấp thuận một số khoản công nợ có đầy đủ hồ sơ chưa được đối chiếu, xác nhận nhưng ban lãnh đạo doanh nghiệp CPH phải giải trình rõ nội dung các khoản nợ và phải công bố công khai trong quyết định phê duyệt GTDN cũng như phương án CPH, làm cơ sở bán đấu giá cổ phần. Đồng thời xác định rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan, phải hoàn tất việc đối chiếu công nợ trước thời điểm CTCP được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Khi DN đăng ký chuyển sang CTCP, tiến hành lập báo cáo tài chính tại thời điểm này, nếu vẫn còn các khoản công nợ chưa được đối chiếu, xác nhận thì xem xét, xử lý như sau:

Đối với nợ phải trả DN đã làm đủ thủ tục đối chiếu nợ nhưng không xác nhận được chủ nợ thì được hạch toán ghi tăng vốn nhà nước tương ứng và CTCP mới có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ, tiếp tục kế thừa, theo dõi để thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi chủ nợ yêu cầu. Căn cứ hồ sơ tài liệu liên quan và yêu cầu của chủ nợ, CTCP mới thực hiện trả nợ và hạch toán vào chi phí trong kỳ.

Đối với nợ phải thu DN đã làm đủ thủ tục đối chiếu nhưng vẫn chưa đối chiếu được thì phải xem xét, xử lý trách nhiệm bồi thường với tập thể, cá nhân có liên quan. Giá trị khoản nợ còn lại (sau khi bù trừ khoản bồi thường của các cá nhân, tập thể) CTCP có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ, tiếp tục kế thừa, theo dõi để đôn đốc thực hiện thu nợ.

- Sửa đổi quy định tại khoản 1, Điều 18, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ theo hướng: trước khi xác định vốn đã đầu tư dài hạn của doanh nghiệp CPH vào doanh nghiệp khác phải tổ chức đánh giá lại giá trị khoản vốn góp này (*vì giá trị thực có thể tăng, giảm do công ty được góp vốn kinh doanh lãi hoặc lỗ*).

- Bổ sung khoản mục vào Điều 31. *Giá trị quyền sử dụng đất:*

Đối với các doanh nghiệp CPH trước Nghị định 59 đã xác định giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê vào giá trị phần vốn nhà nước tại DN đề CPH, nay phải chuyển sang thực hiện chế độ thuê đất theo mặt bằng giá mới thì được khấu trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm của DN CPH.

Đối với các doanh nghiệp CPH theo Nghị định số 109/2007/NĐ-CP mà chưa tính giá trị lợi thế vị trí địa lý thì được áp dụng Nghị định số 59 không phải tính bổ sung giá trị lợi thế vị trí địa lý và điều chỉnh vốn nhà nước tại DN.

- Đề nghị bổ sung điều khoản về xác định GTDN của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước có đơn vị sự nghiệp (bệnh viện, trường học):

Nếu các doanh nghiệp CPH tiếp tục kế thừa các đơn vị sự nghiệp thì sẽ tổ chức định giá tính vào GTDN CPH.

Nếu các doanh nghiệp CPH không kế thừa thì Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chuyển giao cho các cơ quan liên quan để thực hiện xã hội hóa theo chủ trương chung của Đảng và Nhà nước (*đối với các bệnh viện đề xuất giao ngành Y tế tiếp quản; đối với các trường đào tạo nghề đề xuất giao ngành Lao động Thương binh và Xã hội tiếp quản*). Trong thời gian chưa bàn giao thì giao Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố tiếp quản và thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu tại các đơn vị này.

Sửa đổi Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 hướng dẫn hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ CPH của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành CTCP.

Nghị định 189/2013/NĐ-CP đã sửa đổi khoản 3, Điều 22 của Nghị định 59: “Đối với các gói thầu, tư vấn định giá có giá trị không quá 03 tỷ đồng thì cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án CPH có thể lựa chọn hình thức chỉ định thầu...”.

Trong khi quy định về tổng mức chi phí CPH tối đa được xác định theo GTDN trên sổ kế toán tại Điều 12, Thông tư số 196/2011/TT-BTC không quá 500 triệu.

Như vậy, để đảm bảo tương thích giữa các văn bản quy phạm, luận án kiến nghị với Bộ Tài chính sớm sửa đổi tiếp khoản 2, Điều 22 của Nghị định 59 theo hướng: “Đối với các gói thầu, tư vấn định giá có giá trị không quá 500 triệu đồng thì cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án CPH có thể lựa chọn hình thức chỉ định thầu...”.

Mặt khác, trong trường hợp lần 1 không bán được cổ phần, đề nghị Chính phủ cho phép Hà Nội được tổ chức bán đấu giá lần 2 toàn bộ số cổ phần không bán hết tại sàn giao dịch chứng khoán hoặc các tổ chức trung gian.

3.3.2.2. Xác định, tách riêng, xử lý các khoản tồn tại về tài chính của doanh nghiệp khi cổ phần hóa

Phân loại các khoản tồn tại tài chính:

Đề nghị phân loại những tồn tại, vướng mắc về tài chính của doanh nghiệp thuộc diện CPH như sau:

- Tồn tại về tài sản cố định gồm: tồn tại về quản lý quỹ nhà của thành phố Hà Nội; tài sản cố định đầu tư sai mục đích, tài sản không cần dùng, chờ thanh lý, tài sản cố định sử dụng không hiệu quả;

- Tồn tại về công nợ gồm nợ phải thu khó đòi và nợ phải trả không có khả năng thanh toán;

- Tồn tại về chi phí gồm chi phí đã chi nhưng chưa có đối tượng phân bổ và không có nguồn bù đắp;

- Tồn tại về hàng hoá, vật tư tồn kho, ứ đọng chậm luân chuyển;

- Lỗ lũy kế của doanh nghiệp.

Trên cơ sở đó, để tháo gỡ vướng mắc, xử lý tồn tại tài chính của doanh nghiệp trước khi CPH, Thành phố chỉ đạo tiến hành phân loại theo hướng:

Nhóm 1: Những tồn tại, vướng mắc đã có cơ chế, chế độ đủ căn cứ để xử lý thì báo cáo UBND thành phố chỉ đạo các doanh nghiệp cho phép xử lý ngay theo đúng thẩm quyền và quy định hiện hành.

Nhóm 2: Những tồn tại, vướng mắc chưa được quy định rõ trong cơ chế chính sách, song Thành phố có thể vận dụng xử lý theo thẩm quyền thì các cơ quan chuyên môn tham mưu để thể chế hoá bằng văn bản và triển khai thực hiện thống nhất đối với các trường hợp tương tự.

Nhóm 3: Những vấn đề chưa có quy định trong các cơ chế, chính sách cần vận dụng để xử lý hoặc vượt quá thẩm quyền của Thành phố thì tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Bộ Tài chính có cơ chế chính sách tháo gỡ.

Xử lý các tồn tại trong quá trình CPH DNNN:

Ngoài những quy định của cơ chế, chính sách, luận án đề xuất biện pháp xử lý một số tồn tại tài chính như sau:

Về xử lý tài sản:

- Đối với tài sản của các đơn vị sự nghiệp có thu khi thực hiện CPH tổng công ty nhà nước, công ty mẹ (trong tổ hợp công ty mẹ- công ty con) trực thuộc UBND thành phố thì xử lý như sau:

Trường hợp doanh nghiệp CPH tiếp tục kế thừa thì cần triển khai xử lý tài chính và định giá vào GTDN CPH.

Trường hợp doanh nghiệp CPH không kế thừa thì báo cáo Thành phố trình Chính phủ xem xét, quyết định chuyển giao cho các cơ quan liên quan để thực hiện xã hội hóa theo quy định của pháp luật.

- Tài sản chờ quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền đến thời điểm tiến hành xác định GTDN mà chưa xử lý thì đề nghị loại trừ không tính vào GTDN.

- Doanh nghiệp CPH cần được loại trừ khi xác định GTDN khoản đầu tư tài chính (*góp vốn liên doanh, góp vốn thành lập công ty TNHH, các hoạt động góp vốn khác*) bằng giá trị quyền sử dụng đất trong trường hợp thống nhất được với các bên góp vốn để thực hiện chuyển giao cho DNNN 100% vốn nhà nước khác làm đối tác. Trường hợp không chuyển giao được thì doanh nghiệp tiếp tục kế thừa tính vào GTDN CPH theo nguyên tắc quy định tại Điều 33, Nghị định 59/2011/NĐ-CP.

Về công nợ:

Các cổ đông của CTCP đều không muốn nhận trang trải các khoản nợ mà trước đây DNNN đã gây ra, tuy vậy các khoản nợ cũng phải được xử lý dứt điểm. Để làm được điều này, những bước sau đây cần được triển khai trước khi CPH DNNN:

Bước một: Đầu tiên tính toán lại toàn bộ các khoản nợ đã phát sinh, trách nhiệm thanh toán đối với mỗi khoản, bao gồm cả nợ ban đầu và lãi phát sinh, trên cơ sở này xác định thứ tự ưu tiên thanh toán các khoản nợ.

Bước hai: Cân đối các khoản nợ đã được xác định trên đây với tài sản và khả năng thanh toán hiện tại của doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp không có tài sản để thanh toán các khoản nợ, thì Thành phố chỉ đạo làm thủ tục giải thể, phá sản chứ không xếp vào diện CPH.

Bước ba: Đối với công nợ tồn đọng chưa xử lý, đề nghị UBND thành phố cho phép chuyển giao cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam.

Bước 4: Đến thời điểm xác định GTDN, các khoản nợ phải thu có đầy đủ hồ sơ nhưng chưa được đối chiếu, xác nhận theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 59 thì ban chỉ đạo CPH của doanh nghiệp phải giải trình rõ nội dung, xác định trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan và phải hoàn tất việc đối chiếu công nợ trước thời điểm doanh nghiệp CPH được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu và báo

cáo Sở Tài chính để trình UBND thành phố xem xét, quyết định theo giá trị đang theo dõi trên sổ sách kế toán.

Các khoản lỗ hoặc lãi:

Trường hợp DN có số lỗ nhỏ hơn giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và không thuộc đối tượng Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối thì đề xuất thực hiện phương án CPH trên cơ sở điều chỉnh giá trị phần vốn nhà nước dự kiến góp tại doanh nghiệp tương ứng với số lỗ còn lại. Nếu không đủ thì tiếp tục điều chỉnh giảm giá trị phần vốn nhà nước dùng để thực hiện chính sách ưu đãi về giá bán cổ phiếu.

Trường hợp doanh nghiệp có số lỗ nhỏ hơn giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhưng thuộc đối tượng Nhà nước cần nắm giữ cổ phần chi phối thì điều chỉnh phương án CPH theo hướng điều chỉnh giảm quy mô vốn điều lệ và phương án bán cổ phần ưu đãi cho người lao động trên cơ sở bảo đảm tỷ lệ cổ phần nhà nước nắm giữ đủ để thực hiện quyền chi phối.

Sau khi đã dùng biện pháp xử lý trên mà kết quả kinh doanh vẫn còn lỗ thì doanh nghiệp CPH phải báo cáo nguyên nhân với UBND thành phố để xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan. Số lỗ còn lại đề nghị trừ vào phần vốn nhà nước khi xác định GTDN.

Xử lý tồn tại tài chính thời điểm DNNN chính thức chuyển thành CTCP:

Tại thời điểm doanh nghiệp CPH được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, khi lập báo cáo tài chính để bàn giao từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang CTCP, doanh nghiệp thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán (nếu có) đã xác định trong giá trị của doanh nghiệp CPH. Tổng giá trị các khoản đầu tư phát sinh tăng hoặc giảm so với giá đang hạch toán trên sổ kế toán thì doanh nghiệp được hạch toán vào kết quả kinh doanh theo quy định.

Trong giai đoạn từ thời điểm xác định GTDN đến thời điểm chính thức chuyển thành CTCP, các doanh nghiệp CPH thực hiện nhượng, bán, thanh lý tài sản, khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán theo quy định. Khoản chênh lệch giữa giá trị thu được so với giá đang hạch toán trên sổ sách kế toán được hạch toán vào kết quả kinh doanh và đề nghị xác định như sau:

- Đối với những tài sản, khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán thực hiện chuyển nhượng, thanh lý trước thời điểm công bố GTDN thì giá trên sổ sách kế toán là giá chưa xác định lại.

- Đối với những tài sản, các khoản đầu tư tài chính thực hiện chuyển nhượng, thanh lý sau thời điểm công bố GTDN thì giá trên sổ sách kế toán là giá đã được xác định lại theo công bố GTDN.

Đối với khoản nợ phải trả, doanh nghiệp đã làm các thủ tục để được đối chiếu nợ nhưng không xác nhận được chủ nợ, đề nghị hạch toán tăng vốn nhà nước và CTCP mới có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ, tiếp tục kế thừa, theo dõi để thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi chủ nợ yêu cầu. Căn cứ hồ sơ tài liệu hợp pháp liên quan và yêu cầu của chủ nợ, CTCP mới thực hiện trả nợ và hạch toán vào chi phí trong kỳ.

Đối với khoản nợ phải thu doanh nghiệp đã làm các thủ tục để được đối chiếu nhưng vẫn chưa đối chiếu được thì phải xem xét, xử lý trách nhiệm bồi thường đối với tập thể, cá nhân có liên quan. Giá trị khoản nợ còn lại (*sau khi bù trừ khoản bồi thường của các cá nhân, tập thể, quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi*) cho phép hạch toán vào chi phí SXKD của doanh nghiệp CPH. Công ty mới có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ, tiếp tục kế thừa, theo dõi để đôn đốc thực hiện thu nợ. Khi thu được nợ, CTCP được hạch toán vào thu nhập trong kỳ.

Đối với khoản lợi nhuận sau thuế, cổ tức được chia từ hoạt động đầu tư tài chính (*đã có nghị quyết của HĐQT, hội đồng thành viên*), đến thời điểm chính thức chuyển sang CTCP mà vẫn chưa thu được tiền thì cho phép doanh nghiệp thực hiện ghi tăng doanh thu hoạt động tài chính, đồng thời ghi tăng nợ phải thu. Nếu sử dụng để tăng vốn đầu tư vào DN khác thì ghi tăng giá trị khoản đầu tư tài chính.

3.3.2.3. Giải pháp tài chính công

Về xử lý tiền thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước:

Căn cứ các quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, toàn bộ số tiền thu từ CPH đối với các doanh nghiệp CPH thuộc đối tượng chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước phải nộp về Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước. Cũng theo Thông tư số 47/2007/TT-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính thì các Công ty TNHH nhà nước một thành viên thuộc đối tượng phải chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

Do các DNNN thực hiện CPH giai đoạn tới có quy mô vốn lớn, hiện đang là động lực kinh tế, nắm giữ nhiều nguồn lực đất đai của Thành phố. Hoạt động SXKD của doanh nghiệp gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của Thủ đô và vùng, là nhân tố giữ vững ổn định kinh tế, chính trị xã hội, tạo công ăn việc làm, thu hút lao động trong tiến trình đô thị hoá, hiện đại hoá... góp phần vào việc đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn. Việc chuyển giao số tiền phải thu từ CPH, quyền đại diện quản lý phần vốn nhà nước khi thực hiện CPH các doanh nghiệp này sẽ tác động đến nguồn lực, lợi thế kinh tế của Thủ đô, ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế- xã hội, việc làm của người lao động, cũng như đảm bảo an sinh xã hội, trật tự đô thị và an ninh quốc phòng, ảnh hưởng đến việc hoạch định chiến lược phát triển Thủ đô.

Vì vậy, kiến nghị với Chính phủ cho phép thành phố Hà Nội được giữ lại số tiền thu được từ bán phần vốn nhà nước khi CPH DNNN để thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp đã được phê duyệt nhằm tăng sức cạnh tranh và nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD; tăng cường tổ chức quản lý, áp dụng KHCN tiên tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ; xây dựng các tổng công ty của Thành phố thành thương hiệu mạnh; phát huy vai trò chủ đạo, góp phần quan trọng, tích cực trong xây dựng và phát triển Thủ đô.

Đồng thời việc giữ lại số tiền này sẽ là nguồn bổ sung vốn điều lệ cho các doanh nghiệp cần duy trì 100% vốn nhà nước và góp vốn trong trường hợp các CTCP có vốn nhà nước cần nắm giữ có nhu cầu phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ.

Về thoái vốn và xử lý phần vốn góp của Nhà nước tại công ty cổ phần:

Đối với phần vốn nhà nước tham gia tại các CTCP hiện do các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước nắm giữ thuộc diện CPH thì xin kiến nghị với Chính phủ cho phép Thành phố trong quá trình triển khai CPH các DNNN này được quyết định theo các hướng:

- Thoái vốn nhà nước trước khi CPH;
- Tính vào GTDN CPH;
- Điều chuyển cho doanh nghiệp mà Thành phố tiếp tục nắm 100% vốn nhà nước hoặc cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp của Thành phố quản lý.

Một số giải pháp tăng cường thoái vốn nhà nước:

Thành phố cần tăng cường thoái vốn tại các CTCP có vốn nhà nước để có nguồn xử lý các công việc khác liên quan đến sắp xếp, đổi mới DNNN thuộc Thành phố, trong đó:

- Đối với một số CTCP mà Nhà nước còn chiếm giữ tỷ lệ cổ phần chi phối thì cần nhanh chóng thoái vốn để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp này thực hiện tốt nhất kỷ luật thị trường. Bởi nếu còn chiếm tỷ trọng vốn lớn thì Nhà nước còn chi phối doanh nghiệp đó.

- Nhanh chóng lập kế hoạch triển khai bán cổ phần theo lộ quy định tại Quyết định số 41/2015/QĐ-TTg ngày 15/9/2015. Việc này tạo điều kiện cho DN thoái vốn thuận lợi hơn, nhà đầu tư có thể mua với lượng cổ phần lớn hơn. Số lượng cổ phần của một lô không thấp hơn 5% vốn điều lệ của công ty cổ phần. Việc bán cổ phần theo lô phải thực hiện đấu giá qua Sở giao dịch chứng khoán. Như vậy, dù bán theo lô với lượng cổ phần lớn, nhưng vẫn đảm bảo công khai, minh bạch để tránh thất thoát vốn nhà nước.

- Theo quy định tại Điều 16, Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thì tiền thu từ việc chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp theo phương thức thoái vốn sau khi trừ các chi phí có liên quan đến việc chuyển nhượng vốn, hoàn thành các nghĩa vụ với NSNN, phần còn lại được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp Trung ương, đề nghị Thành phố báo cáo Chính phủ cho phép giữ lại để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của Thủ đô.

BĐM và PTDN TP cần phối hợp với Sở Giao dịch chứng Hà Nội tổ chức hội nghị phổ biến các chính sách mới về thoái vốn, bán cổ phần, đăng ký giao dịch và niêm yết trên TTCK. Tại đây, ngoài việc cập nhật quy định mới, các doanh nghiệp sẽ có cơ hội chia sẻ những vướng mắc, khó khăn và đóng góp ý kiến để hoàn thiện cơ chế chính sách về CPH, thoái vốn nhà nước và tham gia TTCK.

Việc thoái vốn dưới mệnh giá/giá trị sổ sách kế toán theo quy định tại Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg phải dựa trên nguyên tắc hạn chế tối đa tổn thất đầu tư và bảo toàn vốn nhà nước ở mức cao nhất, đồng thời doanh nghiệp phải trích lập bổ sung cho đủ dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính.

3.3.2.4. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước gắn với phát triển thị trường chứng khoán

Trong thời gian qua, việc các doanh nghiệp không đưa cổ phiếu vào giao dịch tập trung ngay sau khi CPH đã khiến cho nhà đầu tư không mấy mặn mà với các phiên đấu giá cổ phần. Với quy định mới trong Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg, thành phố Hà Nội cần có kế hoạch đôn đốc các doanh nghiệp CPH sau ngày 01/11/2014 phải tham gia giao dịch tập trung trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCoM)/niêm yết trong vòng 90 ngày/01 năm kể từ ngày có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đối với các doanh nghiệp CPH trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì phải có kế hoạch tham gia giao dịch tập trung trong vòng 02 năm kể từ ngày 01/11/2014.

UBND thành phố giao Sở Giao dịch chứng khoán với cương vị là đơn vị vận hành TTCK cần khẩn trương vào cuộc, chuẩn bị từ hệ thống, con người để phục vụ các cuộc đấu giá, hỗ trợ doanh nghiệp sau đấu giá có thể tham gia trực tiếp trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCoM) và thị trường cổ phiếu niêm yết với thời gian nhanh nhất.

Ngoài danh sách các doanh nghiệp đang thực hiện CPH, cần xác định được thời điểm sẽ hoàn thành CPH của các doanh nghiệp khác để các nhà đầu tư chuẩn bị trước khi tham gia đấu giá.

Đối với cổ phiếu của CTCP chưa niêm yết trên TTCK mà được định giá thấp hơn mệnh giá thì tổ chức bán cổ phần công khai. Nếu không thành công thì doanh nghiệp có thể bán thỏa thuận với giá không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp giá khởi điểm bán đấu giá lần đầu không thành công). Còn nếu nhà đầu tư bỏ cọc hoàn toàn thì giá thỏa thuận không thấp hơn giá đấu thấp nhất.

Thành phố cần có phương án xử lý đối với cổ phần không bán được và không bán hết, trong đó có thể giao một trong 05 tổng công ty nhà nước của Thành phố mua cổ phần với giá bằng mệnh giá trong trường hợp không bán được trong lần đầu đấu giá cổ phần. Đối với số cổ phần không bán được hết thì các tổng công ty mua cổ phần tại giá đấu thành công thấp nhất (mua ngay sau khi bán đấu giá) hoặc tại giá thỏa thuận thành công thấp nhất (trường hợp bán thỏa thuận không hết).

3.3.3. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước sau cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

3.3.3.1. Công tác đào tạo, bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ chủ chốt

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý các doanh nghiệp, trong các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh công tác sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của DNNN đều nhấn mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cán bộ quản lý DNNN, nhất là đối với tổng công ty, doanh nghiệp lớn. Nội dung và phương thức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ quản lý DNNN phải phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hiện đại hoá công tác quản lý, phù hợp với trình độ và thông lệ quốc tế.

Tiến độ và kết quả CPH phụ thuộc lớn vào đội ngũ cán bộ có trách nhiệm tổ chức thực hiện phương án sắp xếp ở từng doanh nghiệp và cấp trên có liên quan của thành phố Hà Nội. Do nhiều yếu tố nên quyền lợi, vị trí của từng người có thể bị thay đổi, đảo lộn, dẫn đến tâm lý chưa vội thực hiện để còn tranh thủ, tận dụng. Do đó trước hết phải tạo cho mỗi cán bộ, đảng viên sự nhất trí về tư tưởng, sau đó hướng quần chúng lao động vào việc thực hiện chủ trương của Thành phố.

Luận án đề xuất với Thành uỷ nghiên cứu để sớm có chủ trương về chính sách bố trí, sử dụng và đãi ngộ cán bộ chủ chốt do tác động của việc CPH DNNN mà phải nghỉ hưu, giáng chức hoặc chuyển công tác mới. Tạo điều kiện để các cán bộ yên tâm tin tưởng vào chủ trương của Nhà nước về đẩy mạnh công tác CPH trong thời gian tới.

Bên cạnh đó cần đề xuất các biện pháp xử lý đối với doanh nghiệp và lãnh đạo doanh nghiệp chậm trễ trong thực hiện CPH.

Có kế hoạch, biện pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để bố trí, sắp xếp hợp lý đội ngũ cán bộ chủ chốt ở doanh nghiệp và cấp trên trong quá trình thực hiện CPH DNNN, đổi mới bộ máy QLNN cấp Thành phố. Việc bồi dưỡng này phải toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng để họ có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình. Công tác bồi dưỡng cần được thực hiện có hệ thống để đảm bảo có một đội ngũ cán bộ am hiểu tương đối toàn diện cả về lý luận cũng như thực tiễn, có những kỹ năng cần thiết phục vụ công tác tổ chức lại DNNN.

Cần có cơ chế gắn trách nhiệm của từng cá nhân với nhiệm vụ CPH DNNN. Có chế độ thưởng đối với những nơi, những người làm tốt và phạt đối với những người không hoàn thành nhiệm vụ.

Trong kế hoạch đào tạo cần chú ý tới chất lượng để chuẩn hóa các chức danh lãnh đạo, tiến đến chiến lược lâu dài sẽ đào tạo nghề chủ tịch HĐQT, giám đốc. Đây là

ngành đòi hỏi phải hội tụ nhiều yếu tố nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý trong nền KTTT trên cơ sở cạnh tranh lành mạnh với các thành phần kinh tế khác. Kinh phí đào tạo do doanh nghiệp chi trả hoặc có thể được hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước. Việc bồi dưỡng sẽ thường xuyên đổi mới về hình thức, phương pháp, đa dạng hóa các loại hình đào tạo.

3.3.3.2. Giải quyết vấn đề lao động dôi dư

Việc xử lý lao động dôi dư là công việc phức tạp, có ý nghĩa kinh tế, chính trị, xã hội, đụng chạm trực tiếp đến quyền lợi người lao động.

Để giải quyết tốt vấn đề lao động dôi dư, tránh để xảy ra tình trạng sai sót, khiếu kiện, thắc mắc của người lao động. Trong thời gian tới cần triển khai thực hiện tốt quy định của Chính phủ về chính sách đối với lao động khi CPH DNNN, cụ thể:

Về phía chính quyền Thành phố

Để đảm bảo cho người lao động nhận đúng, đủ tiền trợ cấp theo quy định của chính sách hỗ trợ lao động dôi dư, góp phần đẩy nhanh tiến trình đổi mới, sắp xếp DNNN, các Sở, ngành liên quan của Thành phố cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc lập phương án hỗ trợ và thanh toán trợ cấp cho đối tượng lao động dôi dư. Một trong những khâu quan trọng là thẩm định, xét duyệt hồ sơ. Hồ sơ cần được cải tiến, đảm bảo đơn giản, thuận tiện cho doanh nghiệp nhưng phải làm sao trợ cấp đúng đối tượng. Đối với DN đã nhận tiền trợ cấp từ Quỹ, phải thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ quyết toán như quy định tại các văn bản, chính sách liên quan.

Các cơ quan quản lý nhà nước như UBND thành phố, các Sở, ngành, HĐQT tổng công ty, đặc biệt là Sở Tài chính và Sở LĐ, TB và XH theo chức năng của mình chủ động thực hiện tốt các phần việc liên quan theo quy định tại Nghị định 91/2010/NĐ-CP như:

- Thành phố nên có dự toán ngân sách và giao Sở Lao động TB và XH lập kế hoạch đào tạo và đào tạo lại nghề nghiệp cho người lao động để nâng cao tay nghề cho họ khi doanh nghiệp nhập các máy móc, dây chuyền công nghệ mới.

- Có chính sách khuyến khích số lao động dôi dư lập nghiệp, tự tạo việc làm mới như các chính sách ưu đãi về vốn tín dụng, tiền thuê đất, thuế trong SXKD.

- Tổ chức tốt các chương trình hỗ trợ việc làm thông qua các trung tâm xúc tiến việc làm của Thành phố theo hướng tập trung phát triển thị trường sức lao động, dịch

vụ tư vấn tìm việc làm, khuyến khích và thúc đẩy phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm tạo môi trường thu hút số lao động dôi dư.

Về phía doanh nghiệp:

Doanh nghiệp phải phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ động xây dựng phương án giải quyết lao động dôi dư trên cơ sở đề án CPH của doanh nghiệp.

Tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, chính sách của Nhà nước đối với việc CPH và lao động dôi dư của doanh nghiệp. Giải thích rõ với người lao động là việc tái cơ cấu lại DNNN tất yếu dẫn đến lao động dôi dư và chính sách của Nhà nước trợ cấp đối với từng đối tượng.

Xây dựng phương án sắp xếp lao động, trong phương án này, doanh nghiệp phải nêu được nhiệm vụ SXKD sau khi CPH, những thuận lợi, khó khăn từ đó sẽ dẫn đến lao động dư thừa tại một số bộ phận, phòng, ban sáp nhập vào nhau.

Sau khi xác định số lao động cần thiết cần cho nhu cầu SXKD, số lao động dôi dư và số tiền trợ cấp cho từng người; DN cần công khai phương án sắp xếp lao động và danh sách lao động dôi dư bằng các hình thức: công văn gửi xuống từng phòng, ban, đơn vị, bảng tin, website...

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ lao động dôi dư phải đủ các danh sách lao động tại thời điểm CPH; danh sách người lao động có nhu cầu sử dụng sau khi CPH và danh sách lao động dôi dư.

Hồ sơ gửi tới Sở Lao động TB và XH (*cơ quan chủ trì thẩm định*), Chi cục Tài chính doanh nghiệp, Văn phòng UBND thành phố, các tổng công ty. Trong quá trình liên ngành thẩm định đối tượng, số liệu cần phải chính xác, tránh để tình trạng thắc mắc, khiếu kiện.

3.3.3.3. Đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng lực quản trị đối với doanh nghiệp cổ phần hóa

UBND thành phố đề xuất với Trung ương hoàn chỉnh cơ chế quản lý doanh nghiệp sau CPH. Cụ thể cần xác định được chủ sở hữu nhà nước rõ ràng, tách bạch bộ máy QLNN với bộ máy thực hiện quyền chủ sở hữu, Nhà nước chỉ tham gia với tư cách cổ đông. Định hướng phát triển doanh nghiệp phải do ĐHCĐ quyết định, nhằm tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tính sáng tạo trong kinh doanh của doanh

nghiệp, nâng cao hiệu quả kinh tế- xã hội. Điều này cũng sẽ hạn chế được tình trạng "bình cũ rượu mới" ở nhiều doanh nghiệp sau CPH như hiện nay.

Các doanh nghiệp CPH cần xác định rõ, thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm giữa HĐQT và ban giám đốc; tăng cường đào tạo, nâng cao sự hiểu biết và trình độ quản trị CTCP của các nhà quản lý; phát huy vai trò của ĐHCĐ trong tổ chức, điều hành CTCP.

Bên cạnh việc trao quyền tự chủ cho doanh nghiệp, thì các doanh nghiệp sau CPH cũng phải đặc biệt chú ý tới công tác quản trị nhân sự. Cần có chính sách tuyển dụng theo cơ chế thị trường, có chính sách đãi ngộ phù hợp để tuyển dụng và giữ được các chuyên gia, những nhà quản lý giỏi. Đồng thời, doanh nghiệp cũng cần có chính sách đào tạo nhằm liên tục nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên đáp ứng kịp thời các yêu cầu đổi mới của nền kinh tế và thị trường. Từ đó doanh nghiệp sẽ chủ động có giải pháp hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp của mình để hoạt động hiệu quả hơn và tận dụng được những lợi thế mà quá trình CPH mang lại nhằm đạt được thành công.

Ban giám đốc, HĐQT của CTCP cần quán triệt, xác định rõ ràng, thống nhất cao về chủ trương tổ chức, hoạt động, điều lệ quy định của công ty về HĐQT và giám đốc, quyền hạn của các cổ đông, chế độ chính sách với người lao động.

Cần thực hiện các cách thức sau để tăng cường quản trị công ty sau CPH:

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chung về luật pháp cho cán bộ quản lý công ty về quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông, trình tự, thủ tục thông qua các quyết định quan trọng, từ đó đảm bảo cho doanh nghiệp hoạt động thực sự hiệu quả.

- Kiểm soát việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập trong 03 năm đầu để hạn chế việc chuyển nhượng không đúng pháp luật.

- Tổ chức đào tạo những cán bộ quản lý và chuyên gia giỏi để dần hình thành một đội ngũ năng lực cho công ty. Bồi dưỡng kiến thức về KTTT, về cơ hội và thách thức hội nhập. Đặc biệt là phương thức xử lý các vấn đề xảy ra sau quá trình CPH; cải tiến cơ chế tuyển chọn, đề bạt, đánh giá người lãnh đạo và công tác quản lý của công ty.

- Áp dụng cơ chế thuê giám đốc điều hành từ những người có trình độ chuyên môn cao, trách nhiệm và năng lực cần thiết để đảm bảo tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

- Thông qua việc tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng để nâng cao hiệu suất của cơ cấu quản trị ngoài công ty. Trước hết phải căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của Thủ đô, của cả nước và ngành mình. Khi xây dựng chiến lược kinh doanh, các doanh nghiệp cần căn cứ vào điều kiện cụ thể, về tiềm năng, lợi thế phù hợp với doanh nghiệp.

Để vay vốn ngân hàng được thuận lợi, bên cạnh việc chứng minh năng lực tài chính, các CTCP cần sớm hoàn thành thủ tục thuê đất với chính quyền Thành phố, cũng như tiến hành làm sổ đỏ đối với diện tích, đất đai, nhà xưởng thuộc sở hữu của công ty để dùng vào việc thế chấp khi vay vốn ngân hàng.

Tạo điều kiện cho người lao động và các cổ đông hiểu về quyền và trách nhiệm của mình để cho họ nắm những kiến thức nhất định về pháp lý. Tránh xảy ra các xung đột tiềm tàng trong nội bộ và loại bỏ tình trạng “dân chủ” quá trốn đối với một số lao động và cổ đông thiểu số.

3.3.3.4. Kiện toàn, nâng cao vai trò của tổ chức đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp sau cổ phần hóa

Kiện toàn tổ chức đảng, đoàn thể

Thực tế như đã trình bày ở Chương 2, hoạt động của cấp ủy đảng và các tổ chức đoàn thể trong các doanh nghiệp sau CPH rất hạn chế, gặp nhiều lúng túng. Tổ chức đảng không phát huy được vai trò lãnh đạo như trước, không động viên, tập hợp được các hoạt động của tổ chức công đoàn, đoàn TNCS HCM, hội phụ nữ để thực hiện các nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới. Do vậy cần kiện toàn tổ chức cơ sở đảng tại các doanh nghiệp trong quá trình CPH theo hướng nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng tại cơ sở và sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc chấp hành nghị quyết, luật pháp, chính sách của Đảng, Nhà nước, phấn đấu hoàn thành tốt các mục tiêu kinh tế của doanh nghiệp. Cần quán triệt các nghị quyết, chỉ thị về vai trò của các cấp ủy đảng trong các doanh nghiệp sau khi CPH. Đảng vẫn phải là tổ chức tiên phong trong công tác tổ chức, lãnh đạo doanh nghiệp.

Vai trò của công đoàn có ý nghĩa quan trọng, là tổ chức bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động, phát huy vai trò dân chủ ở cơ sở. Để kiện toàn tổ chức công đoàn trong CTCP, đề nghị nên quy về mối hoặc là hệ thống công đoàn theo quận- huyện hoặc theo công đoàn ngành dọc, số lượng đoàn viên công đoàn cơ sở có từ 03 người trở lên.

Vai trò của các tổ chức đảng, công đoàn và đoàn thanh niên còn được thể hiện qua việc nắm bắt hoạt động của doanh nghiệp thực hiện CPH. Vì vậy, Thành uỷ, Liên đoàn lao động thành phố, Thành đoàn Hà Nội nên nhanh chóng ban hành những quy định và quy chế cụ thể về hướng dẫn hoạt động của các tổ chức này nhằm đảm bảo quyền lợi của người lao động trong các doanh nghiệp sau CPH. Đồng thời cung cấp những thông tin cập nhật thường xuyên về tình hình hoạt động của doanh nghiệp; nắm bắt kịp thời những diễn biến ngay từ khi có vi phạm để chủ động giải quyết.

Một số giải pháp nâng cao vai trò của tổ chức Đảng, đoàn thể

Cần có cơ chế giải quyết tốt các mối quan hệ liên quan trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp: Sau khi CPH, các mối quan hệ trong doanh nghiệp đều được điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp và các quy định cụ thể trong điều lệ doanh nghiệp. Tùy thuộc vào số vốn điều lệ của từng doanh nghiệp, mối quan hệ của tổ chức đảng với bộ máy quản lý doanh nghiệp, cấp ủy cấp trên, cơ quan QLNN đã có sự khác biệt so với trước khi CPH. Điều đó thể hiện qua các mối quan hệ với HĐQT, giám đốc doanh nghiệp, cổ đông, tổ chức chính trị - xã hội và người lao động. Ban Bí thư đã có Quy định số 287-QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong CTCP, công ty TNHH, trong đó Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở xuống. Tuy nhiên, thực tế khó vận dụng bởi sự ràng buộc giữa quyền lợi của chính các đồng chí là cấp ủy viên, đảng viên (thậm chí là người làm thuê) với nhiệm vụ tổ chức đảng giao. Do vậy bên cạnh việc nghiên cứu điều chỉnh nội dung quy định nêu trên, đề nghị Trung ương bổ sung quy định về mối quan hệ giữa Đảng uỷ Khối các doanh nghiệp tỉnh, thành với cấp uỷ các tập đoàn, tổng công ty và DNNN thuộc diện CPH trong việc quản lý, đánh giá cán bộ trong các doanh nghiệp.

Xem xét thống nhất đầu mối quản lý tổ chức đảng trong DN: Thành phố đã có Đảng bộ Khối các doanh nghiệp nhằm lãnh đạo công tác xây dựng đảng trong các doanh nghiệp đi vào nề nếp. Tuy nhiên việc tách TCCSĐ về trực thuộc đảng bộ khối doanh nghiệp chưa có sự thống nhất trong cả nước nói chung, Hà Nội nói riêng mà chủ yếu do địa phương vận dụng. Chưa kể còn nhiều doanh nghiệp thuộc các tập đoàn, tổng công ty lớn đóng tại địa phương nhưng tổ chức đảng lại trực thuộc ngành dọc cấp trên, nên trong thực tế đa số các chi, đảng bộ này ít tham gia các hoạt động do địa phương tổ chức. Do vậy, Trung ương cần có quy định rõ tổ chức đảng trong loại hình

doanh nghiệp nào thuộc ngành dọc cấp trên, cấp tỉnh, đảng bộ khối doanh nghiệp, cấp huyện.

Có cơ chế thực hiện nhất thể hóa chủ doanh nghiệp kiêm bí thư cấp ủy trong các doanh nghiệp có cổ phần nhà nước từ 50% trở xuống. Thời gian qua, chủ trương của Trung ương về việc nhất thể hóa chức danh người đứng đầu doanh nghiệp đồng thời là bí thư cấp ủy đã được các địa phương thực hiện tương đối tốt. Thực tế cho thấy, ở những doanh nghiệp đã thực hiện “nhất thể hóa”, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng được phát huy. Tuy nhiên, vẫn còn số lượng không nhỏ những DNNN đã CPH mà chủ doanh nghiệp không đồng thời là bí thư cấp ủy, thậm chí không là đảng viên lại không muốn vào Đảng mặc dù cấp ủy đã vận động, thuyết phục. Ở những doanh nghiệp này tổ chức đảng thường ít được quan tâm, không thống nhất được thỏa ước lao động tập thể, quyền lợi của người lao động trong doanh nghiệp không được bảo đảm. Một số chủ doanh nghiệp gia trưởng, độc đoán, dùng nhiều thủ đoạn chèn ép, bóc lột hoặc sa thải người lao động, thâm tóm cổ phần nhằm “tư nhân hóa” doanh nghiệp nhưng thiếu các chế tài đủ mạnh để các cơ quan chức năng xử lý.

Nâng cao hơn nữa vai trò tiên phong của tổ chức đảng trong các DNNN, trên cơ sở phát huy quyền làm chủ tập thể, tính năng động của cán bộ, đảng viên, công nhân viên trong các doanh nghiệp nhằm vừa phát huy được khả năng sáng tạo, tính chủ động trong SXKD, vừa đảm bảo đúng đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Tăng cường chỉ đạo của cấp ủy đảng đối với các đoàn thể, quần chúng về CPH DNNN, đảm bảo sự đoàn kết, chăm lo đời sống vật chất tinh thần và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động.

Có thể nói, trong thời điểm hiện nay, DNNN CPH đã thu hút nhiều lao động trẻ, đó là “nguồn” tăng thêm sức mạnh cho Đảng. Nếu chúng ta làm tốt việc tổng kết, đánh giá công tác xây dựng đảng trong loại hình doanh nghiệp này không những xây dựng và củng cố mô hình tổ chức đảng trong các DNNN đã CPH mà còn thúc đẩy việc mở rộng, phát triển tổ chức đảng trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, từ đó tạo điều kiện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyên sâu, giúp khối doanh nghiệp phát triển bền vững, có thể cạnh tranh trong thời kỳ hội nhập kinh tế. Khi đó, chắc chắn uy tín và vai trò lãnh đạo của Đảng sẽ được nâng lên một bước.

3.3.3.5. Về chế độ thông tin, báo cáo

Cho đến nay việc theo dõi, thu thập, xử lý và lưu trữ số liệu thống kê của các doanh nghiệp sau CPH còn bất cập. Do đó, việc cải tiến và nâng cao chất lượng báo cáo thống kê là rất cần thiết để tăng tính hiệu lực của QLNN đối với khu vực này. Hệ thống báo cáo tài chính cần hoàn thiện theo hướng:

- Hoàn thiện nội dung báo cáo bằng văn bản;
- Quy định và thông báo tới các doanh nghiệp những văn bản cần báo cáo;
- Chuẩn hoá các mẫu biểu báo cáo;
- Nội dung báo cáo phải đơn giản hoá, nhưng cụ thể, rõ ràng;
- Giải thích cụ thể các mẫu biểu báo cáo quy định, tránh để các doanh nghiệp không hiểu hoặc cố tình không hiểu để có những báo cáo minh bạch, đúng quy định;
- Xây dựng quy định báo cáo định kỳ, thời điểm và số lần phải báo cáo trong năm *(có thể theo từng quý)*;
- Cơ quan tiếp nhận báo cáo: đề nghị là Cục Thuế, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Trách nhiệm, nghĩa vụ trong báo cáo và những xử phạt hành chính nếu không tuân thủ.

Thành phố quan tâm chỉ đạo, nắm chắc tình hình hoạt động của doanh nghiệp, theo dõi sát diễn biến tình hình, kiên quyết chỉ đạo Sở Kế hoạch Đầu tư xử lý những vi phạm không tuân theo giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc vi phạm pháp luật, né tránh những quy định cố tình hiểu sai, hiểu không đúng các văn bản chế độ ./.

TIÊU KẾT CHƯƠNG III

Từ bối cảnh kinh tế quốc tế và trong nước cũng như chiến lược phát triển KTXH của Thủ đô đến năm 2020 đã tác động đến CPH DNNN của Thành phố trong giai đoạn tới.

Tác giả đã nêu một số quan điểm về mục tiêu, định hướng CPH trong giai đoạn tiếp theo của Thành phố là phấn đấu hoàn thành kế hoạch cổ phần hoá các DNNN trực thuộc; yêu cầu các doanh nghiệp tổ chức sắp xếp và tái cấu trúc phù hợp với năng lực quản lý, giám sát và nâng cao năng lực quản trị DNNN theo hướng phù hợp với các nguyên tắc, thông lệ quốc tế. Tiếp tục rà soát, bổ sung danh sách các doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, CPH theo tiêu chí, danh mục phân loại DNNN.

Trong nhóm giải pháp tạo lập tiền đề cần thiết cho CPH, tác giả đã đưa ra các biện pháp như đẩy mạnh công tác tư tưởng, tuyên truyền; tăng cường cải cách hành chính; bổ sung, hoàn thiện tiêu chí phân loại làm cơ sở xây dựng phương án CPH DNNN; hoàn thiện kế hoạch CPH DNNN; tăng cường giám sát, kiểm tra.

Trong đó tác giả đã đề xuất nâng cấp chức năng cho Sở Tài chính (Chi cục Tài chính doanh nghiệp); đề nghị bổ sung chức năng đại diện chủ sở hữu đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ và đề xuất thành lập cơ quan QLNN để thực hiện thống nhất và có hiệu quả chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 9 (Khóa IX) trên cơ sở tổ chức lại và nâng cấp Chi cục Tài chính doanh nghiệp thành Cục Quản lý Tài chính doanh nghiệp trực thuộc UBND thành phố.

Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách tài chính đã kiến nghị với Chính phủ và Quốc hội tiếp tục hoàn thiện cơ chế chủ sở hữu nhà nước trong các doanh nghiệp có vốn nhà nước. Cần sớm xây dựng và hoàn thiện Luật Quản lý và Sử dụng vốn nhà nước trong DNNN. Đề nghị Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 189/2013/NĐ-CP về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành CTCP; Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 206/2013/NĐ-CP về quản lý nợ DNNN và hoàn thiện phương án tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trong việc tái cơ cấu, thoái vốn ngoài ngành của DNNN. Hoàn thiện Quyết định thay thế Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg về tiêu chí, danh mục phân loại DNNN để tạo cơ sở pháp lý cho việc

đẩy mạnh giảm và bán toàn bộ vốn trong các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần chi phối. Đề nghị Chính phủ ban hành Nghị định về người giữ chức danh quản lý tại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ...

Các giải pháp thuộc nhóm này cũng đề nghị cần xác định, tách riêng, xử lý các khoản tồn tại về tài chính của doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Kiến nghị với Chính phủ cho phép thành phố Hà Nội được giữ lại số tiền thu được từ bán phần vốn nhà nước khi CPH để thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp đã được phê duyệt nhằm tăng sức cạnh tranh và nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD. Tăng cường thoái vốn tại các CTCP có vốn nhà nước để có nguồn xử lý công việc khác liên quan đến sắp xếp, đổi mới DNNN thuộc Thành phố.

Giải pháp cũng đề nghị gắn kết giữa CPH DNNN với phát triển TTCK, trong đó giao Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào cuộc, chuẩn bị từ hệ thống, con người để phục vụ các cuộc đấu giá, hỗ trợ doanh nghiệp sau đấu giá có thể tham gia trực tiếp trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCoM) và thị trường cổ phiếu niêm yết với thời gian nhanh nhất.

Về giải pháp nâng cao hiệu lực QLNN sau CPH, tác giả đã trình bày các biện pháp về công tác đào tạo, bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ chủ chốt của DNNN trong diện CPH; giải quyết vấn đề lao động dôi dư; đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng lực quản trị; kiện toàn, nâng cao vai trò của tổ chức đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp sau CPH và chế độ thông tin báo cáo phục vụ công tác QLNN về CPH.

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Từ các nghiên cứu trên và tham khảo Báo cáo của Ban Kinh tế Trung ương về chủ trương, chính sách đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả DNNN (tháng 10/2015), luận án xin có một số khuyến nghị với Đảng, Nhà nước và Chính phủ một số nội dung như sau:

1. TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CƠ CẤU LẠI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC, TRỌNG TÂM LÀ CÁC TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC

1.1. Về tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước

1.1.1. Phân chia DNNN thành hai loại chính là DNNN thương mại và DNNN công ích

Việc phân chia để áp dụng các biện pháp cải cách, sắp xếp và quản lý phù hợp, cụ thể:

Đối với DNNN thương mại: đây là các DNNN có thể thực hiện các hoạt động mua bán hàng hóa, dịch vụ thương mại, xúc tiến thương mại và có thể thực hiện các hoạt động khác như sản xuất, cung ứng dịch vụ đầu tư tài chính. Luận án khuyến nghị với Đảng, Nhà nước có chủ trương để các doanh nghiệp này vận hành theo cơ chế thị trường và tiến tới CPH, Nhà nước có thể nắm giữ cổ phần chi phối, cổ phần phủ quyết hoặc cổ phần ưu đãi. Trong đó, Nhà nước nắm cổ phần không chế đối với các DNNN thương mại hoạt động trong các lĩnh vực trọng yếu liên quan đến an ninh quốc gia và các ngành công nghiệp quan trọng của nền kinh tế.

Đối với DNNN công ích: đây là những doanh nghiệp trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc sản xuất sản phẩm, cung cấp các sản phẩm dịch vụ công do Nhà nước giao kế hoạch hoặc đặt hàng, hoạt động chủ yếu không vì mục tiêu lợi nhuận. Luận án khuyến nghị tiến hành CPH hoặc khuyến khích các thành phần phi nhà nước tham gia kinh doanh thông qua hình thức mua dịch vụ công hoặc ủy thác đối với một số doanh nghiệp nếu xét thấy đủ điều kiện.

1.1.2. Xây dựng đề án sử dụng nguồn thu từ CPH DNNN

Khuyến nghị với Chính phủ tập trung nguồn thu từ CPH và thoái vốn nhà nước tại CTCP có vốn nhà nước, nguồn thu từ lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ của

DNNN theo quy định, nguồn này để xây dựng và phát triển các tập đoàn kinh tế và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của quốc gia

Nguồn thu này cũng để đầu tư vào một số dự án, công trình cấp bách, giảm gánh nặng nợ công. Đồng thời để phục vụ cho cơ cấu lại nền kinh tế, nhất là xử lý nợ xấu, sắp xếp lại lao động dôi dư, cơ cấu lại tài chính các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, các ngân hàng thương mại nhà nước và tổ chức tài chính.

1.1.3. Nghiên cứu hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu, CPH DNNN: nhất là quy định về bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp; chính sách với người lao động dôi dư sau CPH; xác định quyền được thuê đất, quyền sử dụng đất, thương hiệu; danh mục các ngành, nghề, lĩnh vực mà Nhà nước không cần kiểm soát cho các nhà đầu tư nước ngoài. Xúc tiến cải cách các ngành độc quyền nhà nước, đưa vào cơ chế cạnh tranh nhằm phát triển các công ty, tập đoàn lớn có sức cạnh tranh quốc tế.

1.1.4. Tiếp tục tái cơ cấu tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước: từ mô hình tổ chức, quản lý, nguồn nhân lực, ngành nghề SXKD, chiến lược phát triển, đầu tư thị trường và sản phẩm, cơ cấu tổ chức và lao động, đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp. Với việc CPH các tập đoàn, tổng công ty, công ty mẹ có quy mô lớn cần có sự tham gia của các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước, có tiềm lực tài chính và kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp.

1.2. Đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn

Đảng và Nhà nước thực hiện nhất quán đẩy mạnh CPH DNNN theo hướng giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp; thực hiện công khai, minh bạch, nhất là lộ trình CPH, kiểm toán định giá doanh nghiệp, báo cáo tài chính... kể cả bằng tiếng nước ngoài để các nhà đầu tư trong và ngoài nước có điều kiện nghiên cứu, tham gia tích cực hơn vào tiến trình CPH và giải quyết lao động dôi dư.

Các Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước nâng cao trách nhiệm, chủ động đẩy mạnh CPH, thực hiện phương án quản lý sau CPH và thực hiện bán hết vốn tại các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ theo nguyên tắc thị trường. Đối với doanh nghiệp đang kinh doanh có hiệu quả thì có lộ trình thoái vốn phù hợp với từng giai đoạn. Thực hiện nghiêm việc kỷ luật, điều chuyển công tác khác đối với người đứng đầu các cấp, các ngành, doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ

CPH, thoái vốn. Hoàn thiện cơ chế định giá quyền sử dụng đất, tài sản hữu hình, vô hình trong CPH.

Tái cấu trúc thị trường chứng khoán nhằm minh bạch thị trường, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia mua cổ phần của doanh nghiệp. CPH gắn với niêm yết, đăng ký giao dịch, tạo nguồn cung có chất lượng và sự ổn định của TTCK.

Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các đề án CPH DNNN đã được phê duyệt; kịp thời có các chính sách giải quyết những khó khăn, vướng mắc nảy sinh để đẩy nhanh tiến trình CPH. Không những chú trọng đến số lượng doanh nghiệp CPH để hoàn thành mục tiêu đề ra mà cần quan tâm đến chất lượng và giá trị thu về từ CPH (*không CPH bằng mọi giá, tránh nóng vội, duy ý chí gây thất thoát vốn, tài sản của Nhà nước*).

Thực hiện kế hoạch và lộ trình CPH đối với các loại hình doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công ích (thoát nước, chiếu sáng, công viên, thủy lợi...); thực hiện xã hội hóa tối đa, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp xã hội phát triển.

2. ĐỔI MỚI VÀ ÁP DỤNG KHUNG QUẢN TRỊ HIỆN ĐẠI CHO DNNN VÀ CTCP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC

2.1. Có cơ chế đổi mới quản trị để DNNN mà trọng tâm là các tập đoàn, công ty nhà nước nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong SXKD.

Áp dụng khung quản trị hiện đại theo thông lệ quốc tế đối với DNNN và CTCP có vốn chi phối của Nhà nước, nhất là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước. Đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu quả quản trị, tăng tính cạnh tranh đối với DNNN. Nghiên cứu, vận dụng các quy tắc quản trị tốt nhất của thế giới (OECD) vào quản trị CTCP.

Tăng cường công tác công khai, minh bạch thông tin, hoàn thiện bộ tiêu chí báo cáo của doanh nghiệp. Các DNNN thực hiện CPH phải có kế hoạch niêm yết trên TTCK (nếu đủ điều kiện), góp phần tăng lượng cung cho thị trường và minh bạch hóa thông tin.

2.2. Xác định và làm rõ quyền hạn, trách nhiệm của chủ sở hữu, người đại diện chủ sở hữu (hội đồng thành viên, HĐQT) và người điều hành (tổng giám đốc, giám đốc) doanh nghiệp trong quản lý, đầu tư, sử dụng vốn, tài sản nhà nước để bảo đảm quyền chủ động SXKD và bảo toàn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản, thiết bị; tăng cường trách nhiệm giải trình của HĐQT và ban điều hành.

Chủ sở hữu quyết định việc bổ nhiệm, quy hoạch, miễn nhiệm đối với HĐQT, HĐQT và HĐQT, HĐQT có quyền bổ nhiệm, quy hoạch, miễn nhiệm đối với ban giám đốc điều hành doanh nghiệp. Tăng cường vai trò và trách nhiệm của HĐQT, HĐQT và ban thường vụ đảng ủy.

Tăng cường công tác xây dựng Đảng, kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực quản lý của đội ngũ lãnh đạo CTCP có vốn nhà nước. Tăng cường giám sát tài chính, giám sát hoạt động và đổi mới đội ngũ lãnh đạo quản lý doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

3. HOÀN THIỆN CƠ CHẾ QUẢN LÝ CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐỐI VỚI DNNN VÀ CTCP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC

Tại Kết luận số 103-KL/TW ngày 29/9/2014 của Bộ Chính trị đã nêu rõ: *“khẩn trương nghiên cứu để sớm thành lập cơ quan chuyên trách ngang bộ, làm đại diện chủ sở hữu đối với DNNN”*. Văn kiện Đại hội XII của Đảng có ghi: *“tách chức năng chủ sở hữu tài sản vốn của Nhà nước và chức năng quản lý nhà nước, chức năng quản trị kinh doanh của DNNN. Sớm xóa bỏ chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước của các Bộ, UBND tỉnh đối với vốn và tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp; thành lập cơ quan chuyên trách làm đại diện chủ sở hữu đối với DNNN”*.

Từ những hạn chế trong thực hiện quyền sở hữu nhà nước, Luận án xin kiến nghị với Chính phủ như sau:

3.1. Về mô hình

Chính phủ thành lập một cơ quan chuyên trách ngang Bộ thực hiện chức năng chủ sở hữu với các đối tượng và phạm vi phù hợp, giải phóng các Bộ quản lý nhà nước khỏi chức năng quản lý của chủ sở hữu nhà nước.

Theo phương án này, Chính phủ thống nhất tổ chức thực hiện chức năng đại diện, hình thành Ủy ban (hoặc Bộ) quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp để thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước. Ủy ban/ Bộ này sẽ làm đầu mối thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với các tập đoàn, tổng công ty nhà nước (bao gồm cả Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước- SCIC).

3.2. Về mục tiêu

Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp quản lý các tập đoàn, tổng công ty có quy mô lớn, quản trị hiện đại, có khả năng cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới và để thực hiện chiến lược quốc gia trong phát triển kinh tế- xã hội.

3.3. Về nguyên tắc

Ủy ban quản lý các tập đoàn, tổng công ty lớn, CTCP có vốn nhà nước tại một số ngành độc quyền tự nhiên để thực hiện chiến lược đầu tư quốc gia trong phát triển kinh tế- xã hội.

Việc thành lập cơ quan ngang Bộ không phát sinh thêm biên chế, bằng cách cơ cấu lại nhân sự đang thực hiện chức năng quản lý doanh nghiệp từ các Bộ, ngành, địa phương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước hiện nay.

3.4. Về chức năng, nhiệm vụ

Là đầu mối giúp Chính phủ thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước đối với các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, CTCP có vốn nhà nước;

Tham mưu với Chính phủ xây dựng chiến lược phát triển quốc gia với những ngành và lĩnh vực then chốt của nền kinh tế;

Chỉ đạo, thúc đẩy cải cách, cải tổ DNNN, chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát doanh nghiệp, người đại diện vốn nhà nước đảm bảo giá trị và tăng tài sản nhà nước;

Tham mưu với Chính phủ xây dựng thể chế chính sách về quản lý DNNN, CTCP có vốn nhà nước; phê duyệt điều lệ, chế độ liên quan đến doanh nghiệp và người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Việc thực hiện mô hình này có ưu điểm là làm chuyên nghiệp hóa bộ máy tổ chức, cán bộ thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước. Bảo đảm sự cạnh tranh bình đẳng với các thành phần kinh tế khác trong hoạt động SXKD. Đảng và Nhà nước vẫn nắm quyền kiểm soát các DNNN và CTCP có vốn nhà nước chi phối để thực hiện các nhiệm vụ điều tiết, ổn định kinh tế vĩ mô, thực hiện chiến lược phát triển kinh tế quốc gia, tạo động lực mới thúc đẩy quá trình sắp xếp, CPH DNNN.

KẾT LUẬN

Công tác CPH DNNN luôn được Đảng, Chính phủ quan tâm và chỉ đạo thực hiện trong tiến trình phát triển kinh tế- xã hội của đất nước. Đây là quá trình lâu dài, vừa khó khăn, vừa nhạy cảm vì ngoài tính chất kinh tế thì đây còn là quá trình biến đổi sâu sắc cả về quan điểm, nhận thức của xã hội và nhân dân.

Thực tiễn 25 năm triển khai CPH DNNN ở nước ta đã khẳng định đây là bước đi đúng đắn. CPH DNNN là quá trình đa dạng hoá hình thức sở hữu, tạo cơ sở cho việc đổi mới các quan hệ tổ chức quản lý và phân phối sản phẩm, thúc đẩy quá trình tích tụ và tập trung vốn nhằm hiện đại hoá nền kinh tế, tạo động lực cho doanh nghiệp nâng cao hiệu quả SXKD, là giải pháp quan trọng để phát huy vai trò chủ đạo thật sự của khu vực kinh tế nhà nước.

Thông qua CPH, các doanh nghiệp có điều kiện huy động mọi nguồn vốn của xã hội, bao gồm cả các cá nhân, tổ chức kinh tế trong và ngoài nước để đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh. Tiến hành CPH sẽ tạo điều kiện cho người lao động trong doanh nghiệp và những người tham gia góp vốn cổ phần thực sự làm chủ doanh nghiệp, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động, thúc đẩy doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, tăng thu nhập cho người lao động. Từ CPH DNNN, Nhà nước có điều kiện tập trung vốn để đầu tư vào các ngành, lĩnh vực trọng yếu, bảo đảm sự phát triển chung của nền kinh tế, đồng thời phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.

Qua việc xác định lý luận liên quan đến quá trình QLNN về CPH DNNN thuộc thành phố Hà Nội, phân tích thực trạng, đánh giá hiệu quả QLNN về CPH, làm rõ những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; đề xuất các giải pháp hoàn thiện QLNN về CPH DNNN, luận án đã đạt được một số kết quả sau:

1. Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về cổ phần hóa và quản lý nhà nước đối với quá trình cổ phần hóa DNNN; nêu khái niệm CPH DNNN, từ đó làm rõ bản chất của CPH. Xác định các nội dung của QLNN về xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu đối với CPH DNNN. Trong đó nhấn mạnh định hướng chiến lược, kế hoạch của Nhà nước; cơ chế, chính sách, quy định pháp luật; kiểm tra, giám sát sự tuân thủ pháp luật trong quá trình CPH DNNN; nguồn tài chính công; bộ máy, nhân lực để cổ phần hóa.

2. Đánh giá có căn cứ khoa học thực trạng về mặt định lượng và công tác QLNN đối với CPH DNNN của Thành phố. Chỉ ra những tồn tại, hạn chế về công tác tuyên truyền, vận động cho CPH; kế hoạch tổng thể về sắp xếp, đổi mới DNNN; tồn tại trong áp dụng cơ chế, chính sách; sự bất cập về bộ máy QLNN; việc xác định trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân liên quan đến tồn tại về tài sản, công nợ cũng như xử lý tồn tại về tài chính trong quá trình CPH.

3. Với bối cảnh kinh tế quốc tế, trong nước và định hướng phát triển Thủ đô Hà Nội trong những năm tới, cũng như quán triệt chỉ đạo của Chính phủ về đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới DNNN là nền tảng để luận án xác định quan điểm, mục tiêu và đưa ra các nhóm giải pháp hoàn thiện QLNN đối với CPH DNNN thuộc Thành phố.

4. Đưa ra một số đề xuất, khuyến nghị với Đảng, Nhà nước, Chính phủ và các Bộ, ngành nhằm góp phần thúc đẩy tái cơ cấu và sắp xếp DNNN ở bình diện quốc gia.

Quản lý nhà nước về CPH DNNN thuộc thành phố Hà Nội là tổng thể các nội dung khá rộng và nhiều vấn đề phức tạp, luận án đã cố gắng trong việc đưa ra các quan điểm, nội dung cốt yếu, song do khả năng còn hạn chế nên vẫn còn những thiếu sót. Tác giả mong muốn tiếp tục nhận được sự đóng góp của các nhà khoa học, nhà quản lý, các thầy, cô, chuyên gia trong lĩnh vực CPH DNNN để hoàn thiện các khiếm khuyết trong những nghiên cứu sau này, góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về cổ phần hóa DNNN trong những năm tới ./.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ
LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Hoàng Tuân (2009), Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (qua thực tiễn của thành phố Hà Nội), *Tạp chí Lịch sử Đảng (Học viện Chính trị- Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh)*, xuất bản tháng 7-2009, tr 67.

2. Hoàng Tuân (2014), Xử lý tồn tại tài chính nhằm thúc đẩy cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tại thành phố Hà Nội, *Tạp chí Kế toán và Kiểm toán*, số ra tháng 9 năm 2014, tr 13.

3. Hoàng Tuân (2015), Các nhân tố ảnh hưởng tới cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, *Tạp chí Tài chính điện tử*, số 144 ra ngày 15/6/2015, tr 32.

4. Hoàng Tuân (2015), Một số giải pháp đẩy mạnh tiến trình cổ phần hóa tại thành phố Hà Nội, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 2- tháng 6/2015, tr 33.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tiếng Việt

1. Ban Chỉ đạo đổi mới và PTĐN Trung ương (2002), *Cổ phần hóa - giải pháp quan trọng trong cải cách DNNN*, Nxb Chính trị quốc gia.
2. Bộ Tài chính và các cơ quan Trung ương và thành phố Hà Nội, *Các thông tư, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về cổ phần hóa DNNN*.
3. Quang Cận (2008), "Cổ phần hóa DNNN: Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn", *Tạp chí Cộng sản*, số 6 (150).
4. Trần Ngọc Châu (2014), "Cổ phần hóa - Kinh nghiệm tại Thái Lan, Hàn Quốc", *Tạp chí Tài chính*, (04).
5. Phí Văn Chi (Chủ biên) (2000), *Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng trong công ty cổ phần*, Nxb Chính trị quốc gia.
6. Bạch Ngọc Chiến (2006), "Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước với người lao động và vai trò của công đoàn", *Tạp chí Cộng sản*, (14).
7. Phạm Văn Chiến (2008), *Quá trình đổi mới doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam*, Đề tài khoa học Trường Đại học Kinh tế - Đại học QGHN.
8. Chính phủ (1996), *Nghị định số 28-CP ngày 7/5/1996 về chuyển một số DNNN thành công ty cổ phần*.
9. Chính phủ (1998), *Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29/6/1998 về chuyển DNNN thành công ty cổ phần*
10. Chính phủ (2002), *Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/6/2002 về chuyển DNNN thành công ty cổ phần*.
11. Chính phủ (2004), *Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 về chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần*.
12. Chính phủ (2004), *Nghị định số 199/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 về Ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác*.
13. Chính phủ (2007), *Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần*.
14. Chính phủ (2011), *Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần*.

15. Chính phủ (2013), *Nghị định số 189/2013/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành CTCP.*
16. Chính phủ (2014), *Nghị quyết số 15/NQ-CP ngày 6/3/2014 về một số giải pháp đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp.*
17. "Cổ phần hóa DNNN: Linh hoạt để bảo toàn vốn" (2013), *Kinh tế & Dự báo.*
18. Phạm Ngọc Côn (2001), *Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước*, Nxb Chính trị quốc gia.
19. Nguyễn Đình Cung (2012), *Áp đặt kỷ luật của thị trường cạnh tranh thúc đẩy tái cơ cấu DNNN*, Viện Nghiên cứu QLKT Trung ương.
20. Trần Đình Cường (2010), *Hoàn thiện phương pháp xác định giá trị DNNN trong cổ phần hóa ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Trường ĐH Kinh tế Quốc dân
21. Trần Đình Cường (2012), "Tái cấu trúc nhìn từ thực tế DNNN", *Tạp chí Khoa học kiểm toán*, (10)
22. Nguyễn Thị Doan (2006), "Gắn chặt công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy đối với tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước", *Tạp chí Cộng sản*, (6).
23. Bùi Văn Dũng (2013), *Đổi mới doanh nghiệp nhà nước, thực trạng và giải pháp.*
24. Trần Thái Dương (2004), *Chức năng kinh tế của Nhà nước- lý luận và thực tiễn ở Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân.
25. Hoàng Anh Duy, Lê Việt Anh (2013), *Thực trạng quản trị doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa*, Viện Kinh tế và Thương mại quốc tế, Đại học Ngoại thương.
26. Hà Văn Dương (2013), *QLNN về đa dạng hóa hoạt động tín dụng của các NHTM cổ phần trên địa bàn TP Hồ Chí Minh đến năm 2020*, LA tiến sĩ kinh tế Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế TW.
27. TS. Phạm Thị Hồng Điệp (2010), Vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường từ một số học thuyết kinh tế cận, hiện đại và vận dụng vào Việt Nam, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: "Các lý thuyết kinh tế chính trong bối cảnh mới của thế giới và vận dụng vào phát triển kinh tế Việt Nam", *Hội đồng Lý luận Trung ương*, tháng 1/2010.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam Văn kiện Đại hội IX của Đảng; *Nghị quyết Trung*

ương 3 khóa IX về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN.

29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), Hội thảo *Doanh nghiệp Nhà nước- Thành công và những bài học đắt giá.*
30. *Giảm số lượng, tăng hiệu quả*, theo KTĐT, 14/11/2012.
31. Trương Thị Thu Hà (2004), *Những giải pháp cơ bản nhằm thúc đẩy tiến trình cổ phần hóa DNNN trong ngành công nghiệp may mặc ở nước ta hiện nay*, Luận án tiến sĩ Trường ĐH Thương mại
32. Trần Thị Bích Hằng (2012), *Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của DNNN kinh doanh du lịch sau cổ phần hóa trên địa bàn Thành phố Hà Nội*, Luận án tiến sĩ Trường ĐH Thương mại
33. Lê Hồng Hạnh (Chủ biên) (2004), *Cổ phần hóa DNNN - những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia ấn hành.
34. Luật công ty (1990)
35. Luật doanh nghiệp nhà nước (1995)
36. Luật doanh nghiệp nhà nước (2003)
37. Trần Ngọc Hiền (2007), "Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước- Thực trạng và giải pháp", *Tạp chí Cộng sản*, tháng 6.
38. Lê Quý Hiền (2012), *Chuyển biến quan hệ sở hữu trong cổ phần hóa DNNN ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Học viện Tài chính
39. Phan Đức Hiếu (2003), *Cải cách doanh nghiệp nhà nước*, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Nxb Tài chính.
40. Đỗ Hoàng (2014), *Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước: Mạnh mẽ và quyết liệt hơn trong năm 2014*, Viện Chiến lược và chính sách tài chính.
41. Hiến pháp (1992)
42. Học viện Ngân hàng (2013), Hội thảo khoa học: *Giải pháp tái cơ cấu tài chính doanh nghiệp thời kỳ hậu khủng hoảng*, Hà Nội.
43. Học viện Tài chính - Bộ Tài chính (2011), *Tổ chức Hội thảo Tái cấu trúc Doanh nghiệp Nhà nước*, Hà Nội.

44. Hội thảo: *Đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước* (2014), Hà Nội, ngày 2/4/2014.
45. Vương Đình Huệ (2012), "Quyết liệt thực hiện tái cơ cấu DNNN tạo động lực thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế", *Báo Nhân dân*, (5).
46. Hồ Sỹ Hùng (2013), "Đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước và một số thách thức đặt ra", *Tạp chí Cộng sản*, ngày 21/3.
47. Nguyễn Đức Kiên (2013), "Vài suy nghĩ về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước", *Tạp chí Tài chính*, tháng 10.
48. Tuấn Kiệt (2013), "Đẩy nhanh tiến trình đổi mới, sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước", *Tạp chí Tài chính*, tháng 11.
49. Nguyễn Duy Ký (2012), *Quản lý doanh nghiệp sau cổ phần hóa ở Bộ Giao thông - Vận tải*, Luận án tiến sĩ Học viện Chính trị- Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.
50. Trần Du Lịch (2013), "Nhìn nhận lại vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong giai đoạn phát triển mới", *Tạp chí Doanh nhân*, (9).
51. Phạm Ngọc Linh (2008), "Doanh nghiệp nhà nước và những vấn đề sau cổ phần hóa", *Tạp chí Kinh tế VAFDWJ*, (11).
52. Phan Thùy Linh (2014), "Những vấn đề doanh nghiệp nhà nước đang phải đối mặt trong tiến trình cải tổ", *Thời báo TCVN*, (4).
53. Mai Thiết Lĩnh (2013), "Tại sao vẫn cần doanh nghiệp Nhà nước?", *Báo Giáo dục thời đại*, ngày 12/4.
54. Nguyễn Duy Long (2013), "Tiếp tục hoàn thiện chính sách cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước", *Tạp chí Tài chính*, tháng 8.
55. Nguyễn Duy Long (2014), "Hoàn thiện khung pháp lý, đẩy nhanh tiến độ tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước", *Thời báo TCVN*, (3).
56. Ngô Quang Minh (2001), *Kinh tế nhà nước và quá trình đổi mới DNNN*, Nxb Chính trị quốc gia.
57. Ngô Quang Minh (2013), "Đổi mới doanh nghiệp nhà nước ở nước ta hiện nay", *Tạp chí Cộng sản*.
58. Phạm Viết Muôn (2012), *Tiến hành đồng bộ các giải pháp sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước*, Báo nhân dân ngày 15/11

59. Nguyễn Quốc Nghi, Mã Thị Quỳnh Như (2012), "Luận bàn về tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước", *Tạp chí Phát triển và hội nhập*, tháng 9.
60. Lê Hữu Nghĩa (2004), "Cơ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam: Vấn đề lý luận và thực tiễn", *Tạp chí Cộng sản*, (71).
61. Phạm Văn Nghĩa (2014), "Tái cơ cấu DNNN đang chậm tiến độ", *Tạp chí Thuế*, ngày 17/3.
62. Nhiều tác giả (2004), *Chính sách phát triển kinh tế - kinh nghiệm và bài học của Trung Quốc*, Nxb Giao thông vận tải.
63. Nguyễn Minh Phong (2012), "Thực tiễn tái cấu trúc DNNN ở Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới", *Báo Nhân dân*, ngày 9/8.
64. Nguyễn Minh Phong (2014), "Những động lực mới cho việc thúc đẩy cổ phần hóa DNNN", *Báo nhân dân*, 18/3.
65. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2008), Hội thảo *Tái cấu trúc doanh nghiệp sau cổ phần hóa và vai trò của các tổ chức tài chính*, Hà Nội.
66. Nguyễn Tuấn Phương (2012), "Giải pháp giám sát hoạt động tài chính doanh nghiệp sau cổ phần hóa", *Tạp chí Tài chính*, (9).
67. Dương Thu Phương (2013), "Nghị định 189/2013/NĐ-CP: thêm lực đẩy cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước", *Tạp chí Tài chính*, (12).
68. Nguyễn Ngọc Quang (1994), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về cổ phần hóa DNNN*, Luận án tiến sĩ HV Chính trị- Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.
69. Quốc hội (2003), *Luật doanh nghiệp*
70. Tô Huy Rứa (2006), "Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước- dưới góc nhìn phát triển kinh tế-xã hội bền vững", *Tạp chí Cộng sản*, (10).
71. Sengchanh Singsavang (2013), *Giải pháp Cổ phần hóa ngân hàng thương mại nhà nước Lào*, Luận án tiến sĩ Học viện Tài chính
72. Sở Tài chính Hà Nội (2014), *Báo cáo số 286/BC-STC ngày 13/11/2014 về kết quả thực hiện kế hoạch CPH và thoái vốn ở các doanh nghiệp thuộc thành phố Hà Nội năm 2013-2014*
73. Đường Vinh Sường (2013), "Một số vấn đề lý luận về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước", *Tạp chí Lý luận chính trị*.
74. "Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011 – 2013, nhiệm vụ, giải pháp

- đến năm 2015" (2014), *Tạp chí Tài chính*, (3).
75. Trang Thị Tuyết (2004), "Một số giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp ở Việt Nam" *Đề tài nghiên cứu khoa học, Học viện HCQG*
 76. Hoàng Đức Tạo, Nguyễn Thiết Sơn, Ngô Xuân Bình (1993), *Cổ phần hóa DNNN - kinh nghiệm thế giới*, Nxb Thống kê.
 77. Nguyễn Quang Thái (2012), "Tái cấu trúc DNNN: Đột phá từ đổi mới cơ chế giám sát", *Báo Diễn đàn doanh nghiệp*, ngày 01/08.
 78. Nguyễn Mạnh Thắng (2012), "Một số vấn đề giải quyết lao động dôi dư sau cổ phần hóa", *Công đoàn Bộ KH&CN*.
 79. Thành ủy Hà Nội, *Các văn bản chỉ đạo của Thành ủy, kế hoạch của UBND thành phố về triển khai cổ phần hóa doanh nghiệp trên địa bàn*
 80. Đỗ Mai Thành (2006), "Nhìn lại quá trình cổ phần hóa DNNN ở nước ta", *Tạp chí Cộng sản*, (102).
 81. Nguyễn Văn Thọ (2004), *Một số vấn đề về sở hữu ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia.
 82. Hoàng Công Thi, Phùng Thị Doan (1994), *Cổ phần hóa các DNNN ở Việt Nam*, Viện Khoa học tài chính, Nxb Thống kê.
 83. Thư viện học mở (2013), *Kinh nghiệm của Trung Quốc và thành phố Hồ Chí Minh về cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước*, Đại học KTQD.
 84. Đinh Văn Tiến, Lương Minh Việt, Phạm Quyền, Nhữ Lê Thu Hương (1997), *Những vấn đề về cải cách hành chính doanh nghiệp*, Trung tâm Thông tin - Bộ KH&ĐT.
 85. Phạm Doãn Tiến (2013), "Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước: Nhìn từ Bộ Giao thông Vận tải", *Tạp chí Tài chính*, (1).
 86. *Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước (IRV-16/1/2013)*.
 87. Phí Thị Thu Trang (2008), *Một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng cán bộ quản lý trong các DNNN cổ phần hóa ở Việt Nam thời kỳ mở cửa, hội nhập*, Luận án tiến sĩ ĐH Thương mại
 88. Trường Đào tạo doanh nhân PTI (Hà Nội) phối hợp với Văn phòng tư vấn doanh nghiệp PEC (2012), *Hội thảo Kinh tế Việt Nam 2013, cơ hội và thách thức*, Hà Nội.

89. Lưu Đức Tuyên (2013), "Nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ chủ sở hữu, góp phần đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước", *Tạp chí Kế toán và kiểm toán*, (8).
90. GS. TS. Đỗ Hoàng Toàn, PGS. TS. Mai Văn Bưu (2005), *Giáo trình QLNN về kinh tế*, tr 21-236, NXB Lao động xã hội, Hà Nội
91. Thành ủy Hà Nội (2005), *Báo cáo số 98-BC/TU ngày 25/7/2005 về tình hình thực hiện NQ TW 3 và NQ TW 9 (khóa IX) về DNNN*
92. UBND thành phố Hà Nội (2003), *Báo cáo số 156 ngày 25/11/2003 về một năm thực hiện NQ TW 3 khóa IX về sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các DNNN thuộc TP Hà Nội.*
93. UBND thành phố Hà Nội (2005), *Báo cáo số 283/BC-UB ngày 17/11/2005 về tổng kết công tác sắp xếp, CPH DNNN và các biện pháp củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN 5 năm (2001-2005)*
94. UBND thành phố Hà Nội (2007), *Báo cáo số 96/BC-UBND ngày 29/8/2007 về tình hình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước*
95. UBND thành phố Hà Nội (2008), *Báo cáo số 77/BC-UBND ngày 13/12/2008 về chuyển DNNN thành CTCP*
96. UBND thành phố Hà Nội (2011), *Báo cáo số 70/BC-UBND ngày 28/5/2012 về tình hình sắp xếp, CPH DNNN giai đoạn 2011-2015*
97. UBND thành phố Hà Nội (2013), *Báo cáo số 53/UBND-KT ngày 15/3/2013 về tình hình thực hiện phân loại, sắp xếp DNNN theo Quyết định số 14/2011/QĐ-TTg*
98. UBND thành phố Hà Nội (2014), *Báo cáo số 290 ngày 26/3/2014 về tình hình sắp xếp, CPH DNNN thuộc UBND TP theo Đề án đã được Chính phủ phê duyệt đến năm 2015*
99. Viện Kinh tế thế giới (1997), *Cải cách DNNN ở Trung Quốc so sánh với Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.
100. Viện Kinh tế thế giới (thuộc Viện Khoa học xã hội nhân văn Việt Nam), *Cải cách DNNN ở Trung Quốc, so sánh với Việt Nam.*
101. Viện Nghiên cứu QLKT Trung ương (2014), *Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước: Bài học những năm 90 của nước Nga.*

102. Nguyễn Việt Xô (2011), *Quản lý nhà nước về cổ phần hóa theo hướng thành lập các tập đoàn kinh tế ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Học viện Hành chính Quốc gia
103. Lê Hoàng Yến (2013), "Kết quả và giải pháp thực hiện tái cơ cấu các tập đoàn, tổng công ty nhà nước", *Tạp chí Kế toán và kiểm toán*, (4).

II. Tài liệu tiếng Anh

104. Barry Spicer, David Emanuel, Michael Powel (1993), *Chuyển đổi các doanh nghiệp nhà nước - quản lý sự thay đổi triệt để tổ chức trong môi trường phi điều tiết (Conversion of state enterprises-Managing the radically changes of organizations in deregulated environment)*.
105. Èslie Cohen (1997), *Khu vực quốc doanh: phạm vi và hạn chế của Nhà nước trong vai trò cổ đông (State sector: the scope and limitations of The state in the role of shareholders)*.
106. J. Stiglitz (1988), *Kinh tế công cộng (Public Economics)*.
107. Luc Renneboog (2010), *Giám sát doanh nghiệp bởi các cổ đông chi phối (Enterprise monitoring by the dominant shareholders)*.
108. Michael A. Utton (2006), *Chính sách cạnh tranh quốc tế: Duy trì thị trường mở trong nền kinh tế toàn cầu (International competition policy: Maintaining open markets in the global economy)*, Cheltenham- Northampton: Edward Elga.
109. M. Anthony Wong phối hợp với Robert High John Wiley (1991), *Trái phiếu thương mại và đầu tư trong: Quản lý rủi ro, chênh lệch giá và giá trị đầu tư (Trading and investing in Bond options: Risk management, arbitrage and value investing)*.
110. Robert J. Ballon (1988), *Những hành vi tài chính của các doanh nghiệp Nhật Bản (The financial behavior of Japanese corporations)*, New York: Kadansha international.
111. Richard A Brealey (2003), *Nguyên tắc tài chính doanh nghiệp (Principles of corporate finance)*, Boston: Irwin/Mc Graw- Hill.
112. Stephen A. Ross, Randolph W. Westerfield, Bradford D. Jordan (2004), *Yếu tố cần thiết của Tài chính doanh nghiệp (Essentials of corporate finance)*, New York: McGraw- Hill/ Irwin.

113. Tolley (1953), *Luật doanh nghiệp của Tolley /A. L. Chapman, R.M. Ballard (Tolley's Company Law/ A. L. Chapman, R.M. Ballard)*, London, Publishing Co Ltd.,
114. T.R. Dyckman, R.E. Dukes, C.J. Davis (1992), *Trung cấp kế toán: Quyển II Chương 14-26 (Intermediate accounting: Volume II chapters 14-26)*, Boston: IRWIN.

III. Tài liệu trên website

115. Chuyên đề 3: *Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước* (2013), tapchiconsan, ngày 30/01.
116. Hà Nội đơn đốc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước (2013), chinhphu.vn, ngày 02/04.
117. *Hiệu quả sau cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước* (2013), Hanoimoi, 21/5.
118. Hội thảo *Kinh nghiệm cải cách DNNN ở Indonesia và bài học với Việt Nam* (2014), vass.gov.vn, 18/3.
119. Phạm Chi Lan (2014), *Minh bạch trong cổ phần hóa DNNN*, Tiasang.com.vn.
120. Nguyễn Thường Lạng, *Tái cấu trúc DNNN - gia tăng sự chủ động hội nhập kinh tế quốc tế*, Đại học Kinh tế quốc dân, vnba.org.vn.
121. Thanh Mai (2013), *Còn nhiều lực cản phục hồi đà tăng trưởng kinh tế*, Hanoimoi, ngày 25/05.
122. An Nhi (2013), *Tái cơ cấu gắn với đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước*, kinhtevadubao.vn.
123. *Rà soát để nâng chất lượng đổi mới DNNN* (2012), chinhphu.vn, ngày 15/11.
124. *Sẽ tiến hành tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước mạnh mẽ hơn* (2013), website Bộ KH&ĐT, ngày 27/05.
125. *Tái cơ cấu doanh nghiệp: Xây dựng nhiều chính sách gỡ khó* (2013), chinhphu.vn, ngày 27/2.
126. Đinh La Thăng (2014), *Kinh nghiệm cổ phần hóa DNNN ở Bộ Giao thông vận tải*, Hanoimoi, ngày 16/3.
127. *Tiếp tục đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu quả* (2013), dangcongsan.vn, ngày 25/02.
128. *Tổng kết 10 năm sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước* (2011), chinhphu.vn, ngày 08/12.

Phụ lục 2.1- SO SÁNH VỐN ĐIỀU LỆ TRƯỚC VÀ SAU KHI CỔ PHẦN HÓA 01 NĂM

đv: triệu đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Cơ quan cấp trên trực tiếp	Năm thực hiện	Vốn điều lệ		So sánh (%)
				Năm trước khi CPH	Năm sau khi CPH	
1	CTCP TMại DL và Hội chợ triển lãm QT	Sở Du Lịch	1999	355	900	253.5%
2	CTCP Đầu tư và xây dựng đô thị HN	TCT ĐTPPT HT đô thị UDIC	2006	984	2 500	254.1%
3	XN Cơ khí điện tử	CT Điện tử Hà Nội	1998	263	675	256.7%
4	CT Vật tư nông nghiệp Phú Xuyên	UBND tỉnh Hà Tây (cũ)	2003	233	600	257.5%
5	CTCP Mỹ nghệ xuất khẩu Hà Nội	CT TNHH 1TV Haprosimex	2004	814	2 100	258.0%
6	CTCP TM Du lịch Thanh Niên HN	TCT Du lịch Hà Nội	2004	1 881	4 972	264.3%
7	CTCP Thủy tạ	TCT Thương mại Hà Nội	2006	7 496	20 000	266.8%
8	CTCP Hoá chất sơn Hà Nội	Sở Công nghiệp	2005	4 826	13 000	269.4%
9	CTCP VLXD HÀ NỘI	TCT Thương mại Hà Nội	2005	3 702	10 000	270.1%
10	CT Đường, giấy, rượu Phúc Thọ	UBND tỉnh Hà Tây (cũ)	2004	1 291	3 500	271.1%
11	CT Bánh kẹo Tráng An (Bộ phận: Dịch vụ thể thao Quan Hoa)	Sở Công nghiệp	1999	1 460	4 000	274.0%
12	CTCP Dịch vụ và Thương mại Đông Á	Sở Du Lịch	2003	4 349	12 000	275.9%
13	CTCP TV Đầu tư và xây dựng HN CDCC	TCT ĐTPPT HT đô thị UDIC	2005	1 408	3 888	276.1%
14	XN SX vật liệu điện tử	CT Điện tử Hà Nội	1997	359	1 000	278.6%
15	CT Sửa chữa ô tô Tiến Thành	UBND tỉnh Hà Tây (cũ)	2003	605	1 700	281.0%
16	CTCP Du lịch thương mại Mỹ Kinh	UBND Quận Hoàn Kiếm	2003	1 068	3 025	283.2%
17	CTCP Du lịch TMại Cổ Loa	TCT Du lịch Hà Nội	2004	2 859	8 300	290.3%
18	CTCP Cơ điện Trần Phú	UBND Thành phố Hà Nội	2006	19 027	56 000	294.3%
19	CT Xây dựng Sơn Tây	UBND tỉnh Hà Tây (cũ)	2004	636	2 000	314.5%
20	CTCP Vật liệu xây dựng & XNK Hồng Hà	TCT ĐTPPT HT đô thị UDIC	2006	7 025	22 200	316.0%
21	CTCP Cầu Đuống	TCT ĐTPPT HT đô thị UDIC	2006	9 282	30 000	323.2%
22	CT Xây dựng Đan Phượng	UBND tỉnh Hà Tây (cũ)	2003	180	600	333.3%
23	CTCP Dịch vụ Truyền thanh TH Hà Nội	UBND Thành phố Hà Nội	2009	10 085	35 000	347.1%
24	CT Xây dựng Xuân Mai	UBND tỉnh Hà Tây (cũ)	2005	575	2 000	347.8%
25	CTCP Xây dựng số 5 HN	TCT ĐTPPT HT đô thị UDIC	2006	6 404	22 500	351.3%
26	CT Kinh doanh NLS và chất đốt Sơn Tây	UBND tỉnh Hà Tây (cũ)	2004	199	800	402.0%
27	CT Xây dựng Thanh Oai	UBND tỉnh Hà Tây (cũ)	2004	72	300	416.7%
28	CT SXVL xây dựng số I	UBND tỉnh Hà Tây (cũ)	2004	142	620	436.6%
29	CTCP Du lịch Hồng Hà	Sở Du Lịch	1999	266	1 200	451.1%
30	CT Vật tư kỹ thuật Ứng Hoà	UBND tỉnh Hà Tây (cũ)	2004	202	1 000	495.0%
31	CT Hoá chất Puzolan	UBND tỉnh Hà Tây (cũ)	2003	260	1 298	499.2%
32	CTCP TMại và Dịch vụ DLịch Ba Đình	Sở Du Lịch	1999	770	4 000	519.5%
33	CT Thủy sản và DVDL Mỹ Đức	UBND tỉnh Hà Tây (cũ)	2004	314	1 700	541.4%
34	CTCP Dịch vụ DLịch Trần Quý Cáp	Sở Du Lịch	1999	124	800	645.2%
35	CTCP Thiết bị kỹ thuật điện Hàm Long	Sở Công nghiệp	2004	1 865	13 871	743.8%
36	CTCP Vật tư công nghiệp HN	Sở Công nghiệp	2003	951	7 200	757.1%
37	CT Vật liệu điện máy và chất đốt	UBND tỉnh Hà Tây (cũ)	2003	259	2 000	772.2%
38	CTCP Du lịch thương mại 30/4	UBND Quận Hoàn Kiếm	2000	138	1 200	869.6%
39	CT Chế biến lâm sản Hoài Đức	UBND tỉnh Hà Tây (cũ)	2003	107	1 500	1401.9%

40	CTCP SXKD Bao bi&Hàng XK HN	CT TNHH 1TV Haprosimex	2004	102	2 000	1960.8%
41	CT Cơ giới nông nghiệp Hoài Đức	UBND tỉnh Hà Tây (cũ)	2004	43	1 900	4418.6%

Tổng số	251	(6 giảm; 83 bằng nhau và 161 tăng)
VĐL trước CPH	1 990 101	
VĐL sau CPH	2 545 092	

- Năm trước khi SXCPH lấy tại thời điểm 31/12 của năm tài chính trước khi có quyết định phê duyệt phương án SXCPH

- Năm sau khi SXCPH lấy tại thời điểm 31/12 của năm liền kề sau khi doanh nghiệp chính thức chuyển đổi, hoạt động theo mô hình mới (thời điểm có giấy ĐKKD)

Phụ lục 2.2- SO SÁNH DOANH THU TRƯỚC VÀ SAU KHI CỔ PHẦN HÓA 01 NĂM

đv tính: triệu đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Cơ quan cấp trên trực tiếp	Năm thực hiện	Tổng doanh thu	So sánh (%)
				Năm trước khi CPH	
1	CTCP Cơ điện Trần Phú	UBND Thành phố Hà Nội	2006	907 416	1 850 403 203.9%
2	CTCP Lixeha	TCT Thương mại Hà Nội	2005	40 035	82 137 205.2%
3	CTCP Vang Thăng Long	TCT Thương mại Hà Nội	2001	43 935	92 523 210.6%
4	CTCP Vật tư Công nghiệp Hà Nội	CT TNHH 1TV Chiếu sáng & TBĐT	2006	42 974	90 689 211.0%
5	CTCP Kim khí Thăng Long	UBND Thành phố Hà Nội	2006	426 317	921 627 216.2%
6	CTCP Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội số 27	TCT ĐT và PT nhà HN	2006	8 614	18 759 217.8%
7	CTCP TMại và Dịch vụ Nghĩa Đô	TCT Thương mại Hà Nội	1998	4 277	10 023 234.3%
8	CTCP May 40 Hà Nội	Sở Công nghiệp	2003	31 573	74 660 236.5%
9	XN SX vật liệu điện tử	CT Điện tử Hà Nội	1997	2 069	4 988 241.1%
10	CTCP Nhựa Hà Nội	UBND Thành phố Hà Nội	2006	115 512	281 712 243.9%
11	CTCP Haprosimex Đông Đô	CT TNHH 1TV Haprosimex	2009	2 906	7 307 251.4%
12	CTCP Nước Tinh khiết Hà Nội		2009	609	1 536 252.2%
13	CTCP Xe Khách Hà Nội	TCT Vận tải Hà Nội	1998	5 206	13 163 252.8%
14	CTCP Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	CT TNHH 1TV ĐT Việt Hà	2003	401 170	1 055 307 263.1%
15	CTCP Công nghệ thực phẩm Gia Lâm	UBND Thành phố Hà Nội	2000	624	1 675 268.4%
16	CTCP Đầu tư xây dựng Gia Lâm	UBND Thành phố Hà Nội	2000	455	1 257 276.3%
17	CTCP Đầu tư xây dựng số 9 Hà Nội	TCT ĐT và PT nhà HN	2005	30 400	84 752 278.8%
18	CTCP Vít Hà Nội	Sở Công nghiệp	1997	1 026	2 877 280.4%
19	CTCP Giấy Ngọc Hà	CT TNHH 1TV Đtr Việt Hà	2006	11 688	35 584 304.4%
20	CTCP Môi trường Đô thị Hà Đông	UBND Thành phố Hà Nội	2007	20 368	65 163 319.9%
21	CT mộc và trang trí nội thất	Sở Xây dựng	1998	1 709	5 511 322.5%
22	CTCP Cơ kim khí HN	Sở Công nghiệp	1999	2 884	9 639 334.2%
23	CTCP QL và ĐTXD Đường bộ Hà Nội	UBND Thành phố Hà Nội	2008	18 338	62 552 341.1%
24	CTCP Đầu tư phát triển Hà Thủy	CT TNHH 1TV ĐT & PTNN	2004	1 912	7 568 395.8%
25	CTCP Hương Nam	Sở Du Lịch	1999	1 517	6 421 423.3%
26	CTCP Thương mại Sophia	Sở Du Lịch	1999	4 150	19 248 463.8%
27	CTCP Du lịch TM Thủ Đô	TCT Du lịch Hà Nội	2001	3 821	17 980 470.6%
28	CTCP Đầu tư và xây dựng đô thị HN	TCT ĐTPPT HT đô thị UDIC	2006	4 218	20 438 484.5%
29	CTCP Tràng An	CT TNHH 1TV Đtr Việt Hà	2004	27 358	138 772 507.2%
30	CTCP DV TM Công nghiệp HN	Sở Công nghiệp	1997	11 000	59 689 542.6%
31	CTCP Cơ khí Nam Hồng	Sở Công nghiệp	2003	9 118	49 580 543.8%
32	CTCP XNK Nam HN (Simex)	TCT Thương mại Hà Nội	1998	27 029	149 004 551.3%
33	CT xây lắp và kinh doanh vận tải	Sở Xây dựng	1997	1 463	8 070 551.6%

34	CTCP TMại và Dịch vụ DLịch Ba Đình	Sở Du Lịch	1999	324	2 756	850.6%
35	CTCP XD Giao thông đô thị	TCT Vận tải Hà Nội	2005	1 731	28 667	1656.1%
36	XN Cơ khí điện tử	CT Điện tử Hà Nội	1998	209	9 364	4480.4%
37	CTCP Đóng tàu	TCT Vận tải Hà Nội	2006	1 099	83 354	7584.5%

Tổng cộng: 189 doanh nghiệp (43 giảm, 2 bằng nhau và 144 tăng)

Doanh thu trước CPH 9 099 766

Doanh thu sau CPH 12 605 444

Tăng 138.50%

Phụ lục 2.3 - SO SÁNH LỢI NHUẬN TRƯỚC VÀ SAU KHI CỔ PHẦN HÓA 01 NĂM

TT	Tên doanh nghiệp	Cơ quan cấp trên trực tiếp	Năm thực hiện	Lợi nhuận sau thuế		So sánh (%)
				Năm trước khi SX, CPH	Năm sau khi SX, CPH	
1	XN Cao lanh gốm sứ Sóc Sơn	UBND Huyện Sóc Sơn	1999	55	135	245.5%
2	CTCP Đầu tư xây dựng số 9 Hà Nội	TCTĐT và PT nhà HN	2005	458	1 125	245.6%
3	CTCP Vận tải và dịch vụ hàng hóa Hà Nội	TCT Vận tải Hà Nội	1998	435	1 089	250.3%
4	CT Nam Thái	Liên hiệp Xe đạp - Xe máy	1999	49	125	255.1%
5	CTCP Đầu tư xây dựng hạ tầng và giao thông	TCTĐT và PT nhà HN	2006	68	178	261.8%
6	CTCP Thương mại và hợp tác quốc tế	Sở Du Lịch	2001	50	131	262.0%
7	CTCP Tràng Tiền	Sở Du Lịch	1999	440	1 171	266.1%
8	CTCP TMại và Dịch vụ Nghĩa Đô	TCT Thương mại Hà Nội	1998	178	518	291.0%
9	CTCP SXKD Vật liệu xây dựng Đông Anh	UBND Thành phố Hà Nội	1998	12	37	308.3%
10	CTCP Du lịch thương mại 30/4	UBND quận Hoàn Kiếm	2000	74	229	309.5%
11	CTCP QL và ĐTXD Đường bộ Hà Nội	UBND Thành phố Hà Nội	2008	518	1 696	327.4%
12	CTCP Cơ kim khí HN	Sở Công nghiệp	1999	42	140	333.3%
13	CT Xây lắp và kinh doanh vận tải	Sở Xây dựng	1997	103	353	342.7%
14	CTCP Dệt mùa đông	Sở Công nghiệp	2004	401	1 409	351.4%
15	CTCP Mộc và trang trí nội thất	Sở Xây dựng	1998	22	79	359.1%
16	CTCP Đầu tư xây dựng và phát triển đô thị Hồng Hà	TCTĐT và PT nhà HN	2006	287	1 058	368.6%
17	CTCP Bánh mứt kẹo Hà Nội	CT TNHH 1TV Đtr Việt Hà	2003	925	3 699	399.9%
18	CTCP Nhựa Hà Nội	UBND Thành phố Hà Nội	2006	10 529	49 831	473.3%
19	CTCP Đóng tàu	TCT Vận tải Hà Nội	2006	56	284	507.1%
20	CTCP Sản xuất TMDV Hồng Anh	UBND Thành phố Hà Nội	1999	28	158	564.3%
21	CTCP Giấy HN	DN độc lập thuộc Sở CN	1998	203	1 148	565.5%
22	CTCP Tư vấn Handic-ĐT và PT nhà Hà Nội	TCTĐT và PT nhà HN	2006	32	185	578.1%
23	CTCP Cơ điện Trần Phú	UBND Thành phố Hà Nội	2006	7 026	43 677	621.6%
24	CTCP Cơ khí Nam Hồng	Sở Công nghiệp	2003	45	306	680.0%
25	CTCP Xích líp Đông Anh	UBND Thành phố Hà Nội	2006	3 852	28 527	740.6%
26	CTCP In và Thương mại Hà Tây	UBND Thành phố Hà Nội	2006	6	50	833.3%
27	CTCP Vít Hà Nội	Sở Công nghiệp	1997	16	134	837.5%
28	CTCP Giấy Ngọc Hà	CT TNHH 1TV Đtr Việt Hà	2006	282	2 538	900.0%
29	CTCP Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	CT TNHH 1TV ĐT Việt Hà	2003	1 155	10 626	920.1%
30	CTCP Du lịch và TM đầu tư Thủ đô	TCT Du lịch Hà Nội	1999	20	198	990.0%
31	CTCP DV TM Hà Nội	Sở Công nghiệp	1999	90	1 140	1266.7%
32	CTCP Xây dựng công nghiệp	TCTĐTPT HT đô thị UDIC	2007	1 406	19 442	1382.8%
33	CTCP Xây dựng KD nhà Sóc Sơn	UBND Huyện Sóc Sơn	2004	484	8 460	1747.9%

34	CTCP Tràng An	CT TNHH 1TV Đtr Việt Hà	2004	212	3 799	1792.0%
35	CTCP Đầu tư phát triển Hà Thủy	CT TNHH 1TV ĐT & PTNN	2004	12	270	2250.0%
36	CTCP Dược phẩm Hà Nội	TCT SCIC	2002	1 595	40 894	2564.2%
37	CTCP TM - ĐT Long Biên	TCT Thương mại Hà Nội	2003	43	1 352	3144.2%
38	CTCP Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội số 27	TCT ĐT và PT nhà HN	2006	13	428	3292.3%

Tổng số : 181 doanh nghiệp, trong đó: Lỗ 12; hòa vốn 03 và lãi 166

Phụ lục 2.4- CTCP CÓ SỐ THU NỘP NGÂN SÁCH TĂNG NHANH SO VỚI TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

đv tính: triệu đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Cơ quan cấp trên trực tiếp	Năm thực hiện	Nộp NSNN		So sánh
				Năm trước khi CPH	Năm sau khi CPH	
1	CTCP vật liệu xây dựng Nam Thăng	Sở Xây dựng	1998	429	1 322	308.2%
2	CTCP Mộc và trang trí nội thất	Sở Xây dựng	1998	7	22	314.3%
3	CTCP Thương mại Sophia	Sở Du lịch	1999	63	199	315.9%
4	CTCP Đầu tư và Bê tông Thịnh Liệt	TCT ĐTPPT HT đô thị UDIC	2006	644	2 165	336.2%
5	CTCP Đồng Xuân	UBND Quận Hoàn Kiếm	1996	875	3 089	353.0%
6	CTCP Sản xuất Thương mại Đống Đa	Sở Du Lịch	1999	79	283	358.2%
7	CT Giấy Trúc Bạch (CPH bộ phận)	Sở Công nghiệp	2001	32	118	368.8%
8	CTCP Dịch vụ DLịch Hòa Bình	Sở Du Lịch	1998	351	1 301	370.7%
9	CTCP Haprosimex Đông Đô	CT TNHH 1TV Haprosimex	2009	233	888	381.1%
10	CTCP Xây dựng KD nhà Sóc Sơn	UBND Huyện Sóc Sơn	2004	1 078	4 206	390.2%
11	CTCP Vận tải và dịch vụ hàng hóa Hà Nội	TCT Vận tải Hà Nội	1998	505	2 017	399.4%
12	CTCP Hương Nam	Sở Du Lịch	1999	122	523	428.7%
13	CTCP Dịch vụ DLịch Trần Quý Cáp	Sở Du Lịch	1999	30	149	496.7%
14	CTCP Đóng tàu	TCT Vận tải Hà Nội	2006	21	110	523.8%
15	CTCP Nhựa Hà Nội	UBND Thành phố Hà Nội	2006	3 816	20 117	527.2%
16	CTCP Lixeha	TCT Thương mại Hà Nội	2005	189	1 020	539.7%
17	CT xây lắp và kinh doanh vận tải	Sở Xây dựng	1997	70	403	575.7%
18	CTCP Phương Nam	TCT Thương mại Hà Nội	2005	59	364	616.9%
19	CT Du lịch Sơn tây	UBND tỉnh Hà Tây (cũ)	2006	3	21	700.0%
20	CTCP Xây dựng số 5 HN	TCT ĐTPPT HT đô thị UDIC	2006	925	6 634	717.2%
21	CTCP TMại và Dịch vụ TH Hai Bà Trưng	Sở Du Lịch	1998	74	567	766.2%
22	CTCP XNK Nam HN (Simex)	TCT Thương mại Hà Nội	1998	3 572	27 489	769.6%
23	CTCP Tràng An	CT TNHH 1TV Đtr Việt Hà	2004	916	7 335	800.8%
24	CTCP Đông Thành	UBND Thành phố Hà Nội	2006	627	5 179	826.0%
25	CTCP DV TM Công nghiệp HN	Sở Công nghiệp	1997	54	586	1085.2%
26	CTCP Thương mại và Hợp tác quốc tế	Sở Du Lịch	2001	10	130	1300.0%
27	CTCP Du lịch TMại Cổ Loa	TCT Du lịch Hà Nội	2004	20	265	1325.0%
28	CTCP XD Giao thông đô thị	TCT Vận tải Hà Nội	2005	104	1 471	1414.4%
29	CTCP Cơ khí Nam Hồng	Sở Công nghiệp	2003	46	793	1723.9%

30	CTCP QL và ĐTXD Đường bộ Hà Nội	UBND Thành phố Hà Nội	2008	201	6 501	3234.3%
31	CT Bánh kẹo Tràng An (Bộ phận: Dịch vụ thể thao Quan Hoa)	Sở Công nghiệp	1999	23	836	3634.8%
32	CTCP Dược phẩm Hà Nội	Sở Y tế	2002	244	9 232	3783.6%

Tổng số	261
Tổng nộp NS	
<i>Trước CPH</i>	405 802
<i>Sau CPH</i>	551 356
Tăng	36%.

Phụ lục 2.5

SO SÁNH TỔNG QUAN DNNN THUỘC THÀNH PHỐ TRƯỚC VÀ SAU KHI THỰC HIỆN CPH

<i>Tiêu chí so sánh</i>	<i>DNNN trước khi thực hiện cổ phần hóa</i>	<i>DNNN sau khi thực hiện cổ phần hóa</i>
I. Hoạt động quản lý nhà nước		
Mục đích hoạt động kinh doanh, động lực phát triển	- Mục đích kinh doanh vừa mang tính chất kinh tế, vừa mang tính chất xã hội khó thống nhất	- Mục đích kinh doanh rõ ràng nhằm tối đa hoá lợi nhuận
	- Có sự khác biệt giữa lợi ích chủ sở hữu, người quản lý, điều hành và người lao động nên động lực kinh doanh không rõ và khó thống nhất	- Lợi ích cá nhân thống nhất với lợi ích doanh nghiệp, trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy hoạt động kinh doanh
	- Thiếu động lực phát triển do bị thúc ép bởi nguy cơ phá sản và vẫn còn sự ưu ái của Nhà nước	- Động lực phát triển: sức ép cạnh tranh, đa dạng hoá sản phẩm
Quan hệ tổ chức và quản lý doanh nghiệp	- Bộ máy quản lý doanh nghiệp công kênh vì phải có các bộ phận giám sát tài sản công, nếu không sẽ bị thất thoát	- Bộ máy đơn giản, gọn nhẹ, dễ thích ứng với cơ chế thị trường
	- Quản lý thông qua đại diện, có thời hạn nên dễ xảy ra tâm lý không yên tâm, không theo đuổi mục tiêu phát triển DN dài hạn	- Hội đồng quản trị có thể thuê nhà quản lý không phải là cổ đông của doanh nghiệp và có chế độ đãi ngộ thỏa đáng để họ yên tâm gắn bó với DN
Quan hệ sở hữu, quản lý nhà nước	- Không xác định được chủ sở hữu đích thực, chỉ có đại diện chủ sở hữu nên có thể dẫn tới tình trạng vô chủ, bị lợi dụng, biến thủ, thất thoát.	- Chủ sở hữu trực tiếp và đích thực, không bị lợi dụng để tham nhũng, thất thoát
	- Nhà nước vừa là chủ sở hữu, điều hành trực tiếp, vừa quản lý nhà nước, tạo cơ chế “xin cho”, gây thất thoát và sử dụng vốn lãng phí	- Nhà nước gián tiếp quản lý thông qua pháp luật, định hướng chiến lược, chính sách. HĐQT, Ban giám đốc doanh nghiệp tự lo liệu, tự chủ kinh doanh
Quan hệ kinh	- Cơ quan QLNN chủ động chọn DNNN để ký hợp đồng, tạo ưu thế cho DNNN	- Thường làm vệ tinh cho doanh nghiệp lớn

<i>Tiêu chí so sánh</i>	<i>DNNN trước khi thực hiện cổ phần hóa</i>	<i>DNNN sau khi thực hiện cổ phần hóa</i>
doanh	- Được cung cấp thông tin, tư vấn, định hướng đầu tư, tổ chức quản lý	- Thiếu thông tin, ít được tư vấn định hướng
II. Hoạt động sản xuất kinh doanh		
Vốn	- Vốn do Nhà nước cấp lần đầu và bổ sung. Lãi được chia, lỗ do Nhà nước chịu (trừ vào vốn), được Nhà nước bảo hiểm rủi ro	- Sau khi cổ phần hóa, Nhà nước ngừng cấp vốn, nhất là vốn lưu động
	- Tiền thu từ việc bán DNNN được dùng để đầu tư cho DNNN	- Tiền thu từ bán cổ phần thuộc vốn nhà nước phải nộp vào tài khoản tập trung
Vay ngân hàng TM	- Không phải thế chấp tài sản (tín chấp)	- Phải thế chấp tài sản
Chế độ kế toán	Công khai tài chính có mức độ	Hoàn toàn công khai
Cán bộ quản lý doanh nghiệp	Được Nhà nước bổ nhiệm thành viên chức nhà nước.	Phải do đại hội cổ đông bầu
Người lao động	Bảo đảm việc làm, khó cho thôi việc	Không yên tâm làm việc, dễ cho thôi việc, nhất là trong trường hợp công ty cổ phần gặp khó khăn
Biện pháp xử lý nợ	Được khoan, giãn nợ, xoá nợ.	Bị xiết nợ, áp dụng Luật phá sản

Phụ lục 2.6

SƠ ĐỒ MÔ TẢ QUÁ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA DNNN THUỘC TP HÀ NỘI

<i>Bước công việc</i>	<i>Trách nhiệm</i>	<i>Trình tự công việc</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>	<i>Mẫu biểu, tài liệu liên quan</i>
Bước 1	Sở Tài chính	Dự thảo QĐ cho phép CPH và phê duyệt Ban Chỉ đạo CPH tại doanh nghiệp trình UBND TP duyệt	Tối đa 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được công văn của doanh nghiệp	- Kế hoạch CPH hàng năm của Thành phố - Công văn đề nghị của DN CPH - Dự thảo Quyết định
Bước 2	UBND thành phố	Phê duyệt	Tối đa 03 ngày làm việc	Quyết định cho phép CPH và phê duyệt Ban Chỉ đạo Cổ phần hoá tại doanh nghiệp
Bước 3	Sở Tài chính và cơ quan cấp trên trực tiếp của DN CPH (Tổng CT, Cty mẹ)	Chỉ đạo doanh nghiệp CPH chủ động lựa chọn và ký hợp đồng thuê tổ chức tư vấn xác định GTDN CPH	Sau khi có QĐ cho phép CPH và phê duyệt Ban Chỉ đạo CPH	- Danh sách tổ chức tư vấn do Bộ Tài chính công bố. - Hợp đồng thuê xác định GTDN
Bước 4	Sở Tài chính	Thẩm định hồ sơ và chủ trì họp lấy ý kiến của các ngành về hồ sơ xác định GTDN. Có ý kiến trả lời bằng văn bản gửi đơn vị tư vấn	Tối đa 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp	- Hồ sơ xác định GTDN do cơ quan tư vấn và DN CPH lập - Công văn của từng ngành - Biên bản họp liên ngành
Bước 5	Sở Tài chính	Tổng hợp, lập tờ trình đề nghị Ban ĐM & PTDN TP phê duyệt GTDN	Tối đa 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hoàn thiện và văn bản góp ý của các Sở, ngành	- Hồ sơ xác định GTDN hoàn thiện - Dự thảo tờ trình xác định GTDN cổ phần hoá
Bước 6	BĐM và PTDN TP	Họp phê duyệt giá trị doanh nghiệp.		- Bộ hồ sơ xác định GTDN hoàn thiện do Công ty tư vấn lập - Tờ trình xác định GTDN - BB họp BĐM PTDN

Bước công việc	Trách nhiệm	Trình tự công việc	Thời gian thực hiện	Mẫu biểu, tài liệu liên quan
Bước 7	Sở Tài chính	Dự thảo Quyết định phê duyệt GTDN trình UBND thành phố	Tối đa 07 ngày làm việc, kể từ khi hoàn thiện biên bản họp Ban ĐM & PTDN TP	Dự thảo Quyết định của UBND TP về phê duyệt GTDN
Bước 8	UBND thành phố	Phê duyệt	Tối đa 03 ngày làm việc	Quyết định phê duyệt GTDN
Bước 9	BĐM và PTDN TP	Chỉ đạo DN và tổ chức tư vấn (nếu có) xây dựng phương án cổ phần hoá, bao gồm: thực trạng doanh nghiệp, kết quả xác định GTDN, phương án SXKD sau CPH, phương án sắp xếp lao động, phương án sử dụng đất, dự thảo điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ ... gửi các Sở, ngành thẩm định	Sau khi có quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp	Phương án cổ phần hoá do doanh nghiệp chuẩn bị
Bước 10	Sở Tài chính	Phối hợp với các Sở, ngành thẩm định hồ sơ, phương án cổ phần hoá..		- Hồ sơ hợp lệ, phương án cổ phần hoá do DN CPH lập -Biên bản họp liên ngành
Bước 11	Sở Tài chính	Tổng hợp, lập tờ trình đề nghị Ban ĐM & PTDN TP phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển DNNN sang CTCP	Tối đa 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ phương án cổ phần hoá hoàn thiện	- Hồ sơ phương án CPH của doanh nghiệp hoàn thiện - Dự thảo tờ trình phương án CPH và chuyển DNNN sang CTCP
Bước 12	BĐM và PT DNTD	Họp phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển DNNN sang CTCP.		- Bộ hồ sơ phương án CPH - Tờ trình phê duyệt PA CPH - BB họp BĐM PTDN
Bước 13	Sở Tài chính	Dự thảo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển DNNN sang CTCP trình UBND thành phố	Tối đa 07 ngày làm việc, kể từ khi hoàn thiện biên bản họp Ban ĐM & PTDN TP	Dự thảo Quyết định của UBND TP phê duyệt PA CPH và chuyển DNNN sang CTCP

Bước công việc	Trách nhiệm	Trình tự công việc	Thời gian thực hiện	Mẫu biểu, tài liệu liên quan
Bước 14	UBND thành phố	Phê duyệt	Tối đa 03 ngày làm việc	Quyết định phê duyệt PA CPH và chuyển DNNN sang CTCP
Bước 15	Sở Tài chính	Dự thảo Quyết định điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ (nếu kết quả bán cổ phần giá khác với phương án được duyệt)	Tối đa 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ báo cáo hợp lệ của doanh nghiệp CPH	- Báo cáo kết quả bán cổ phần - Tờ trình và dự thảo quyết định điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ
Bước 16	UBND thành phố	Phê duyệt	Tối đa 03 ngày làm việc	Quyết định điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ
Bước 17	Sở Tài chính	Đơn đốc doanh nghiệp tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu và đăng ký doanh nghiệp	Tối đa 07 ngày làm việc	- Báo cáo kết quả Đại hội cổ đông lần đầu và đăng ký doanh nghiệp
Bước 18	Sở Tài chính	Phối hợp Cục Thuế kiểm tra quyết toán hậu CPH, trình UBND TP điều chỉnh giá trị vốn nhà nước từ khi xác định GTDN đến khi chuyển sang CTCP (nếu có chênh lệch)	Không quá 30 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ báo cáo hợp lệ của doanh nghiệp CPH	- Biên bản kiểm tra của Cục thuế và Chi cục TCDN - Tờ trình của Sở Tài chính về điều chỉnh giá trị vốn nhà nước - Dự thảo quyết định điều chỉnh
Bước 19	UBND thành phố	Phê duyệt	Tối đa 03 ngày làm việc	Quyết định điều chỉnh chênh lệch vốn nhà nước hậu cổ phần hoá
Bước 20	Sở Tài chính	Sắp xếp và lưu trữ hồ sơ cổ phần hoá		- Toàn bộ hồ sơ cổ phần hoá (Báo cáo, Biên bản, Tờ trình, Quyết định,...)

*** Diễn giải lưu đồ:**

Bước 1: Căn cứ kế hoạch cổ phần hoá trong năm của UBND thành phố, doanh nghiệp trong diện cổ phần hoá làm công văn gửi cơ quan cấp trên trực tiếp và Thường trực Ban ĐM & PTDN Thành phố (Sở Tài chính) đề nghị cho phép cổ phần hoá và phê duyệt Ban Chỉ đạo cổ phần hoá tại doanh nghiệp.

Trong phạm vi tối đa 05 ngày làm việc, cơ quan cấp trên trực tiếp của doanh nghiệp phải có ý kiến về danh sách Ban chỉ đạo CPH, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND thành phố phê duyệt. Quá thời hạn trên nếu không có ý kiến thì coi như thống nhất với đề nghị của doanh nghiệp.

Căn cứ danh sách Ban Chỉ đạo CPH của doanh nghiệp và ý kiến của cơ quan cấp trên trực tiếp của doanh nghiệp (nếu có), Sở Tài chính dự thảo trình UBND thành phố ban hành quyết định cho phép doanh nghiệp triển khai cổ phần hoá và phê duyệt BCD CPH tại doanh nghiệp.

Thời gian thực hiện tối đa không quá 07 ngày làm việc.

Bước 2: UBND Thành phố ban hành quyết định cho phép doanh nghiệp tiến hành cổ phần hoá và phê duyệt Ban Chỉ đạo CPH tại doanh nghiệp. Đồng thời chỉ đạo các Sở, ngành, tổng công ty và doanh nghiệp thực hiện các công việc liên quan đến quá trình cổ phần hoá.

Thời gian thực hiện tối đa không quá 03 ngày làm việc

Bước 3: Căn cứ danh sách các tổ chức tư vấn xác định GTDN do Bộ Tài chính công bố hàng năm, Sở Tài chính và cơ quan cấp trên trực tiếp chỉ đạo doanh nghiệp cổ phần hoá lựa chọn và ký hợp đồng thuê tổ chức tư vấn xác định GTDN.

Bước 4: Căn cứ hồ sơ xác định GTDN do doanh nghiệp và tổ chức tư vấn gửi, Sở Tài chính chủ trì cùng các ngành họp thẩm định hồ sơ xác định GTDN.

Thời gian thực hiện tối đa không quá 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp và ý kiến của các Sở, ngành.

Bước 5: Căn cứ bộ hồ sơ hoàn thiện do doanh nghiệp và tổ chức tư vấn (nếu có) gửi và ý kiến tham gia của các Sở, ngành, Sở Tài chính tổng hợp, lập tờ trình đề nghị Ban Đổi mới & PTDN Thành phố phê duyệt GTDN.

Thời gian tối đa không quá 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hoàn thiện.

Bước 6: Ban Đổi mới và Phát triển DN TP họp thẩm định và thông qua hồ sơ xác định GTDN.

Bước 7: Căn cứ biên bản họp Ban Đổi mới, Sở Tài chính dự thảo và trình UBND Thành phố quyết định phê duyệt GTDN.

Thời gian thực hiện tối đa không quá 07 ngày làm việc kể từ khi có biên bản họp Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Thành phố

Bước 8: UBND Thành phố ban hành quyết định phê duyệt và công bố GTDN.

Thời gian tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ khi có Tờ trình của Sở Tài chính.

Bước 9: Sau khi có quyết định phê duyệt GTDN, Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Thành phố chỉ đạo doanh nghiệp và tổ chức tư vấn (nếu có) xây dựng phương án cổ phần hoá gửi các Sở, ngành thẩm định.

Bước 10: Sau khi nhận được hồ sơ phương án cổ phần hoá của doanh nghiệp, Sở Tài chính phối hợp với các Sở, ngành là thành viên Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Thành phố thẩm định hồ sơ.

Bước 11: Sau khi nhận được hồ sơ phương án cổ phần hoá hoàn thiện của doanh nghiệp trên cơ sở làm việc với các Sở, ngành, Sở Tài chính tổng hợp các ý kiến tham gia vào phương án cổ phần hoá, lập tờ trình đề nghị Ban Đãi mới và Phát triển doanh nghiệp Thành phố phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển DNNN sang CTCP.

Thời gian thực hiện tối đa không quá 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ phương án cổ phần hoá hoàn thiện của doanh nghiệp.

Bước 12: Ban Đãi mới và Phát triển doanh nghiệp Thành phố họp thẩm định và thông qua phương án cổ phần hoá và chuyển DNNN sang CTCP.

Bước 13: Căn cứ biên bản họp Ban Đãi mới và Phát triển doanh nghiệp Thành phố, Sở Tài chính dự thảo và trình UBND thành phố quyết định phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển DNNN sang CTCP.

Thời gian thực hiện tối đa không quá 07 ngày làm việc kể từ khi có biên bản họp Ban Đãi mới và Phát triển doanh nghiệp Thành phố.

Bước 14: UBND Thành phố ban hành quyết định phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển DNNN sang CTCP.

Thời gian thực hiện tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ khi có Tờ trình của Sở Tài chính

Bước 15: Căn cứ Báo cáo kết quả bán cổ phần của doanh nghiệp cổ phần hoá, Sở Tài chính lập tờ trình và thảo quyết định điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả bán cổ phần thực tế trình UBND Thành phố phê duyệt.

Thời gian thực hiện tối đa không quá 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo của doanh nghiệp.

Bước 16: UBND Thành phố ban hành quyết định điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả bán cổ phần thực tế.

Thời gian thực hiện tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ khi có Tờ trình của Sở Tài chính.

Bước 17: Sau khi có quyết định điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ, Sở Tài chính đôn đốc DN thực hiện đại hội cổ đông lần đầu và đăng ký doanh nghiệp.

Thời gian thực hiện tối đa không quá 07 ngày làm việc.

Bước 18: Sau khi nhận được kết quả tổ chức đại hội cổ đông lần đầu và hồ sơ báo cáo đầy đủ về quyết toán hậu cổ phần của doanh nghiệp, Sở Tài chính phối hợp với Cục Thuế tổ chức kiểm tra báo cáo tài chính, trình Thành phố điều chỉnh giá trị vốn nhà nước từ khi xác định GTDN đến khi chuyển sang CTCP (nếu có chênh lệch).

Thời gian thực hiện tối đa không quá 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.

Bước 19: UBND Thành phố ban hành quyết định điều chỉnh chênh lệch vốn nhà nước hậu CPH.

Thời gian thực hiện tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ khi có Tờ trình của Sở Tài chính.

Bước 20: Kết thúc quá trình cổ phần hoá, chuyên viên được phân công chịu trách nhiệm sắp xếp hồ sơ và lưu theo quy định./.

Phụ lục 2.7
TỔNG HỢP CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH VỀ CPH DNNN ÁP DỤNG TẠI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. Cơ chế, chính sách giai đoạn từ năm 1990-1996

1.1. Chủ trương, cơ chế, chính sách của Trung ương

Việc cổ phần hoá các DNNN trên cả nước được bắt đầu từ tháng 11/1991, tại Nghị quyết Đại hội VII của Đảng đã nhấn mạnh: “*Tiếp tục đổi mới toàn diện và đồng bộ, đưa công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu với bước đi vững chắc, lấy đổi mới kinh tế là trọng tâm...*” và nêu lên quan điểm: “*Chuyển một số doanh nghiệp quốc doanh có điều kiện thành công ty cổ phần và thành lập một số công ty quốc doanh cổ phần mới*”. Tại Hội nghị lần thứ 2 (khoá VII) quan điểm ấy của Đảng tiếp tục được khẳng định: “*Chuyển một số doanh nghiệp quốc doanh có điều kiện thành công ty cổ phần và thành lập một số công ty cổ phần mới, phải làm thí điểm chỉ đạo chặt chẽ, rút kinh nghiệm chu đáo trước khi mở rộng phạm vi thích hợp*”.

Tiếp theo những đổi mới trong việc sắp xếp lại DNNN, ngày 10/5/1990 Chính phủ ra Quyết định 143/HĐBT, trong đó có nội dung: “*Nghiên cứu và làm thử về mô hình chuyên xí nghiệp quốc doanh thành công ty cổ phần*”.

Ngày 8/6/1992 Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định số 202/CT về việc tiếp tục làm thí điểm chuyển một số DNNN thành CTCP. Một đề án CPH DNNN tương đối hoàn chỉnh được ban hành kèm theo Quyết định này. Đây có thể coi đây là cái mốc đầu tiên đánh dấu giai đoạn thực hiện thí điểm CPH. Quá trình nghiên cứu và tổ chức làm thử được quy định chỉ giới hạn trong phạm vi một số ít doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, mang tính chất tự nguyện. Việc bán cổ phần cũng chỉ giới hạn ở những đối tượng là nhà đầu tư trong nước, trong đó ưu tiên bán cổ phần cho người lao động trong doanh nghiệp.

Ngày 3/3/1993, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục ban hành Chỉ thị số 84/TTg xúc tiến thực hiện thí điểm CPH DNNN.

1.2. Chủ trương, chính sách của thành phố Hà Nội: Thành phố Hà Nội chưa có cơ chế, chính sách riêng để triển khai cổ phần hóa trong giai đoạn này.

2. Cơ chế, chính sách giai đoạn từ tháng 5/1996 đến tháng 6/1998

2.1. Chủ trương, cơ chế, chính sách của Trung ương

Đến thời điểm này, Quyết định 202/TC năm 1992 đã không còn phù hợp, nhiều vấn đề nảy sinh từ phía doanh nghiệp và cơ quan QLNN đòi hỏi phải có các văn bản pháp luật khác thay thế để giải quyết những vấn đề bức xúc. Đáp ứng những yêu cầu trên, ngày 7/5/1996 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 28/CP về chuyển một số DNNN thành CTCP.

Như vậy, tính pháp lý của việc CPH DNNN đã được nâng cao lên một bậc, phạm vi đối tượng CPH được mở rộng. Việc lựa chọn các doanh nghiệp cổ phần thuộc thẩm quyền của Chính phủ, không nhất thiết phải do các doanh nghiệp tự nguyện. Khác với 2 văn bản trước, Nghị định 28/CP đã phân định rõ ba hình thức CPH, bao gồm: giữ nguyên giá trị hiện có của doanh nghiệp và phát hành cổ phiếu; bán một phần vốn hiện có tại doanh nghiệp và tách một bộ phận của doanh nghiệp đủ điều kiện để CPH (*so với trước đó, đã bổ sung thêm hình thức CPH bộ phận doanh nghiệp*). Nghị định còn quy định khá đầy đủ về thẩm quyền thực hiện CPH, chính sách ưu đãi

đối với doanh nghiệp và người lao động cũng được cải thiện. Về tổ chức thực hiện, Nghị định này quy định rất cụ thể việc thành lập, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Ban chỉ đạo Trung ương về CPH và cơ quan thường trực của Ban này cũng như thẩm quyền thực hiện CPH của các cơ quan QLNN khác. Ngoài ra, Nghị định cũng đề cập đến vấn đề thí điểm bán cổ phần cho các cá nhân và tổ chức nước ngoài, điều mà trong hai văn bản trước chưa có.

Tiếp theo, Chính phủ ban hành tiếp Nghị định số 25/CP ngày 26/3/1997 trong đó sửa đổi một số điều của Nghị định 28/CP cho hợp lý hơn. Nhằm mục đích triển khai vững chắc công tác CPH, Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 658/TTg ngày 25/8/1997 và Thủ tướng ban hành Quyết định số 102/TTg ngày 1/12/1997 về việc triển khai phương án tổng thể sắp xếp lại DNNN ở hai thành phố lớn là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Những ưu đãi đối với doanh nghiệp CPH giai đoạn này gồm:

- Giảm thuế lợi tức 50% trong 2 năm liền sau CPH, được hạch toán chi phí cổ phần hoá vào GTDN;
- Được miễn phí trước bạ đối với chuyển sở hữu từ DNNN sang CTCP;
- Được tiếp tục vay vốn, nhập khẩu hàng hoá như lúc là DNNN;
- Được duy trì và phát triển quỹ phúc lợi xã hội;
- Ưu đãi đối với người lao động như được cấp cổ phiếu để hưởng cổ tức, cổ phiếu với giá ưu đãi, được mua chịu cổ phiếu...

Có thể nói, các văn bản trên là mốc đánh dấu một bước kết thúc giai đoạn thí điểm và chuyển sang giai đoạn CPH mở rộng. Những quy định mới trong Nghị định đã góp phần đẩy nhanh tiến trình CPH DNNN ở TP Hà Nội trong giai đoạn này.

2.2. Chủ trương, chính sách của thành phố Hà Nội

Trong giai đoạn này, UBND thành phố đã ban hành một số công văn mang tính định hướng, chỉ đạo triển khai CPH theo yêu cầu của Chính phủ như công văn số 86/UBND-KT ngày 20/06/1996 về triển khai sắp xếp, đổi mới DNNN trực thuộc UBND thành phố; Kế hoạch số 26/UBND-ĐMDN ngày 12/01/1997 về kế hoạch sắp xếp, đổi mới DNNN; công văn số 375/UBND-ĐMDN ngày 16/05/1998 về đôn đốc tiến độ CPH DNNN.

3. Cơ chế, chính sách giai đoạn chủ động từ tháng 7/1998 đến 6/2002

3.1. Chủ trương, cơ chế, chính sách của Trung ương

Cơ sở pháp lý cho hoạt động CPH DNNN trong giai đoạn này là Nghị định 44/1998/NĐ-CP ngày 29/6/1998 của Chính phủ thay thế Nghị định số 28/CP. Việc tổ chức thực hiện CPH được phân cấp giữa các cơ quan của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương và HĐQT các tổng công ty. Cùng với việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách chủ chương của Đảng và Nhà nước về CPH và đa dạng hoá sở hữu DNNN đến mọi tầng lớp nhân dân. Với sự ra đời, hoạt động của TTCK Việt Nam và những cải cách mang tính đột phá, Nghị định 44/CP đã thực sự tạo ra một động lực mới, đẩy nhanh tiến trình CPH DNNN ở các Bộ, ngành, địa phương (trong đó có Hà Nội) trong giai đoạn này.

Nghị định 44/CP đã khắc phục một số điểm tồn tại của Nghị định 28/CP:

- Về đối tượng mua cổ phần: ngoài các đối tượng như trong quy định trước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài cư trú lâu dài trên lãnh thổ

Việt nam cũng được quyền mua cổ phần. Mở rộng mức khống chế mua cổ phần: đối với những doanh nghiệp mà Nhà nước không giữ cổ phần chi phối thì cá nhân, pháp nhân được mua gấp 2 lần so với quy định trước đây. Đối với những doanh nghiệp mà Nhà nước không tham gia cổ phần thì không khống chế quyền mua. Sự thay đổi này đã mở rộng quy mô huy động vốn nhân rồi cho các doanh nghiệp.

- *Về đối tượng CPH*: quy định rõ và giảm bớt danh mục các loại doanh nghiệp, ngành nghề Nhà nước giữ 100% vốn, cổ phần đặc biệt, cổ phần chi phối. Điều này giúp các ngành, các cấp, địa phương chủ động trong việc lựa chọn và tổ chức triển khai CPH.

- *Về chính sách đối với người lao động*: quy định tương đối đầy đủ, chặt chẽ và cụ thể chính sách ưu đãi đối với người lao động. Nghị định 44 đã bỏ hình thức cấp cổ phần không được chuyển nhượng, đề ra hình thức bán giảm 30% (so với giá sàn) đối với số cổ phần được mua ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp tính theo thâm niên công tác của họ (với 1 năm làm việc cho Nhà nước, người lao động được mua tối đa 10 cổ phần ưu đãi, giá trị mỗi cổ phần là 100 nghìn đồng và chỉ phải trả 70 nghìn đồng), người lao động có quyền sở hữu cổ phần của mình và có thể chuyển nhượng. Ngoài ra, Nghị định cũng thể hiện sự quan tâm chú ý tới người lao động nghèo theo tinh thần Thông báo số 63/TB-TW ngày 4/9/1997 của Bộ Chính trị. Những tiền bộ này đã khiến chủ trương CPH trở nên hấp dẫn hơn đối với doanh nghiệp cũng như người lao động.

Nghị định 44/CP còn đưa ra những quy định khá cụ thể, rõ ràng và hợp lý hơn các văn bản trước về xác định GTDN, thẩm quyền quyết định CPH và quyền được mua cổ phần lần đầu. Đặc biệt ở giai đoạn này, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định thành lập *Ban Đối mới quản lý doanh nghiệp Trung ương* để giúp Thủ tướng tập trung chỉ đạo quá trình đổi mới doanh nghiệp và CPH.

3.2. Chủ trương, chính sách của thành phố Hà Nội

- Ngày 08/11/2001, Thành ủy Hà Nội đã ban hành Chương trình số 13-CTr/TU về tiếp tục củng cố, đổi mới QHSX và phát triển một số ngành công nghiệp chủ lực của Thành phố, trong đó thể hiện rõ quan điểm, mục tiêu, các giải pháp, trong đó nội dung đổi mới và phát triển DNNN thuộc Thành phố được coi trọng.

- Tiếp theo, Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố (khóa XIII) đã thông qua Nghị quyết chuyên đề về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả DNNN, chỉ đạo UBND thành phố triển khai xây dựng phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới DNNN.

- Ngày 29/5/2002, Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Chỉ thị số 23/2002/CT-UB để thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Thành ủy. Chỉ thị đã yêu cầu giám đốc các Sở, ngành và chủ tịch UBND các quận, huyện thuộc Thành phố căn cứ phương án tổng thể sắp xếp DNNN để tiến hành xây dựng đề án sắp xếp, đổi mới các DNNN thuộc ngành, địa phương mình (*có ý kiến của cấp uỷ cùng cấp*).

Như vậy, một số văn bản chủ yếu trong giai đoạn này đã thể hiện quyết tâm cao của Thành ủy, UBND thành phố đối với việc CPH DNNN.

4. Cơ chế, chính sách giai đoạn từ tháng 7/2002 đến tháng 10/2004 (thời kỳ đầu của giai đoạn đẩy mạnh):

4.1. Chủ trương, cơ chế, chính sách của Trung ương

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả DNNN: “*Đẩy mạnh tiến độ cổ phần hoá và mở rộng diện các DNNN cần cổ phần hoá, kể cả một số tổng công ty và doanh nghiệp lớn trong các ngành như điện lực, luyện kim, cơ khí, hoá chất, phân bón, xi măng, xây dựng, vận tải đường bộ, đường sông, hàng không, hàng hải, viễn thông, ngân hàng, bảo hiểm*”.

Trong 7 tháng đầu năm 2002, Chính phủ và các Bộ đã ban hành một hệ thống văn bản mới có liên quan chặt chẽ đến công tác CPH DNNN:

- Chỉ thị số 04/2002/CT-TTg ngày 08/02/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của DNNN;

- Nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11/4/2002 về chính sách đối với lao động dôi dư;

- Thông tư số 19/2004/TT-BLĐTBXH ngày 22/11/2004 của Bộ Lao động, TB và XH hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 41/2002/NĐ-CP về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại DNNN đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 155/2004/NĐ-CP ngày 10/8/2004 của Chính phủ.

- Nghị định số 69/2002NĐ-CP ngày 12/7/2002 của Chính phủ; Thông tư số 85/2002/TT-BTC ngày 26/9/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2002NĐ-CP về quản lý nợ và xử lý tổn đọng đối với DNNN;

- Quyết định số 58/2002/QĐ-TTg ngày 26/4/2002 về tiêu chí phân loại DNNN;

- Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/6/2002 của Chính phủ về việc chuyển DNNN thành CTCP và Thông tư số 76/2002/TT-BTC ngày 9/9/2002 của Bộ Tài chính về hướng dẫn những vấn đề tài chính khi chuyển DNNN thành CTCP. Theo các văn bản này có một số hình thức CPH sau:

Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành cổ phiếu thu hút thêm vốn;

Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp;

Bán toàn bộ vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp;

Thực hiện các hình thức 2 hoặc 3 kết hợp với phát hành cổ phiếu thu hút thêm vốn;

Đối với cổ phần phát hành lần đầu, các nhà đầu tư trong nước được phép mua không hạn chế. Các nhà đầu tư nước ngoài không được phép mua quá 30%.

- Ngoài ra, Thủ tướng Chính phủ cũng ban hành Quyết định số 174/2002/QĐ-TTg ngày 2/12/2002 về tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và CPH DNNN. Theo đó, Quỹ hỗ trợ cho doanh nghiệp thanh toán tiền trợ cấp theo quy định tại Bộ luật lao động đối với người lao động, thôi việc, mất việc tại thời điểm chuyển đổi, hỗ trợ thanh toán trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc sau khi đã chuyển từ DNNN sang làm việc tại CTCP; hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo lại lao động dôi dư tại thời điểm chuyển đổi để bố trí việc làm mới trong CTCP.

- Chính phủ ban hành Nghị định số 144/2003/NĐ-CP về chứng khoán và thị trường chứng khoán để khuyến khích các doanh nghiệp cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Theo đó, điều kiện về vốn điều lệ của CTCP để niêm yết cổ phiếu là 5 tỷ đồng (mức cũ là 10 tỷ) và chỉ cần hoạt động kinh doanh của năm liền trước khi xin phép niêm yết phải có lãi thay cho quyết định trước đây là 2 năm liền có lãi.

Sự ra đời của hệ thống văn bản này, đặc biệt là Nghị định 64/2002/NĐ-CP đã đánh dấu một giai đoạn mới trong tiến trình CPH DNNN. Thông qua đó, Chính phủ đã thiết lập một cơ chế mới mạnh, thông thoáng hơn trên cơ sở phân cấp triệt để giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước, cùng một cơ chế kiểm tra, giám sát hợp lý, gắn trách nhiệm với quyền hạn, nghĩa vụ, quyền lợi và một hệ thống các giải pháp mang tính chất đồng bộ, trong đó:

Về hình thức CPH: Quá trình thực hiện CPH DNNN trong những giai đoạn trước cho thấy, về thực chất chỉ có hai hình thức là CPH toàn bộ DNNN và CPH đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp. Còn các hình thức như giữ nguyên giá trị phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu và bán một phần hoặc toàn bộ vốn Nhà nước tại doanh nghiệp chỉ là *phương thức* CPH có thể được áp dụng trong cả hai *hình thức* nêu trên.

Về đối tượng mua cổ phần: Chính thức bổ sung thêm đối tượng được quyền tham gia mua cổ phần lần đầu là các nhà đầu tư nước ngoài, cùng với việc mở rộng phạm vi ngành nghề kinh doanh mà các nhà đầu tư nước ngoài được quyền tham gia góp vốn.

Về quyền được mua cổ phần lần đầu tại các doanh nghiệp CPH: Trong khi Nghị định 44 vẫn còn khống chế mức mua cổ phần (từ 10- 20% tổng số cổ phần tại doanh nghiệp đối với các pháp nhân, từ 5-10% đối với các thể nhân), Nghị định mới đã xoá bỏ mức khống chế về quyền được mua cổ phần lần đầu đối với các pháp nhân và thể nhân trên cơ sở đảm bảo số cổ đông tối thiểu theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định về cổ phần chi phối, cổ phần đặc biệt của Nhà nước được quy định trong Luật DNNN.

Về chính sách ưu đãi đối với người lao động: theo quy định cũ, tổng giá trị cổ phần bán ưu đãi cho người lao động không vượt quá 20% giá trị vốn nhà nước tại DNNN. Thực tế cho thấy quy định như vậy là không công bằng và không khuyến khích đối với người lao động ở những doanh nghiệp có vốn nhà nước ít, lao động nhiều vì với sự khống chế này, người lao động ở các doanh nghiệp trên chỉ có thể mua được 1- 2 cổ phần ưu đãi cho 1 năm công tác. Nghị định mới đã xoá bỏ mức khống chế về tổng giá trị ưu đãi theo % trên giá trị vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tạo điều kiện để người lao động tham gia góp vốn, mua cổ phần.

Về xử lý tài chính và giải quyết lao động dôi dư: Nghị định 64/CP cho phép các doanh nghiệp được thực hiện bán nợ hoặc chuyển nợ thành vốn góp cổ phần; sử dụng thu nhập trước thuế để bù đắp lỗ lũy kế; hỗ trợ tài chính để giúp doanh nghiệp cơ cấu lại nợ và thanh toán trợ cấp cho người lao động bị mất việc, thôi việc với mức thoả đáng hơn.

Đối với việc xác định GTDN: Cho phép áp dụng nhiều phương pháp xác định GTDN (bao gồm phương pháp tài sản ròng và phương pháp dòng tiền chiết khấu) và từng bước chuyển giao các hoạt động định giá, bán cổ phần cho các chế định trung gian.

Ngoài ra, Nghị định 64 còn có những điều chỉnh bổ sung các chính sách ưu đãi để giúp doanh nghiệp ổn định và phát triển sau CPH như chính sách ưu đãi về thuế, chính sách ưu tiên tiếp tục cho thuê hoặc mua những tài sản đang sử dụng, chính sách tạo sự gắn kết giữa người sản xuất và cung cấp nguyên liệu với các doanh nghiệp chế biến trong các ngành nông, lâm, thủy sản.

4.2. Chủ trương, chính sách của thành phố Hà Nội

Ngày 18/6/2003, Thành uỷ Hà Nội đã có Chỉ thị số 20-CT/TU về việc lãnh đạo thực hiện đầy nhanh tiến độ sắp xếp và đổi mới DNNN thuộc Thành phố theo phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trong đó, để tạo điều kiện cho các DNNN tiếp tục phát triển, chủ động trong quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn tài sản đất đai, nhà xưởng, Thành uỷ giao UBND thành phố nghiên cứu áp dụng một số giải pháp để xử lý các tồn tại của doanh nghiệp: về tài sản, thiết bị, nhà xưởng, vật tư sản phẩm hàng hoá tồn kho, tài chính và lao động. Đặc biệt nghiên cứu cơ chế xử lý về đất đai, nhà xưởng, cửa hàng của các doanh nghiệp nhằm khai thác có hiệu quả hơn, cho phép thu hồi và bán đấu giá những địa điểm nhỏ, lẻ để đầu tư vốn cho các doanh nghiệp cần ưu tiên phát triển.

Nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện sắp xếp, đổi mới DNNN, ngày 19/6/2003 UBND thành phố đã có Tờ trình số 35/TTr-UB và được HĐND thành phố phê chuẩn tại Nghị quyết số 42/2003/NQ-HĐ ngày 28/6/2003 về áp dụng một số biện pháp đẩy nhanh tiến độ sắp xếp và đổi mới DNNN.

Để cụ thể hoá và phân công rõ trách nhiệm của từng Sở, ngành và doanh nghiệp trong quá trình tổ chức thực hiện sắp xếp, đổi mới DNNN, UBND thành phố đã ban hành Quyết định 2063/QĐ-UB ngày 08/4/2004 về các quy trình sắp xếp, chuyển đổi DNNN (*gồm: Quy trình chuyển DNNN thành CTCP; Quy trình chuyển DNNN thành CT mẹ - CT con, CT TNHH một thành viên; Quy trình sáp nhập DNNN; Quy trình giải thể DNNN*). Đồng thời Thường trực UBND thành phố và BDM & PTDN TP đã sắp xếp thời gian định kỳ làm việc với các Sở, ngành, tổng công ty của Thành phố có số lượng doanh nghiệp phải sắp xếp nhiều để kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện và giải quyết kịp thời những vướng mắc.

Ngày 12/02/2004, UBND thành phố có công văn số 373/UB-CN chỉ đạo các Sở, ngành và DNNN tập trung tổ chức thực hiện tốt kế hoạch đổi mới sắp xếp DNNN năm 2004 theo phương án đã được Thủ tướng phê duyệt.

Đồng thời, ngày 6/5/2004 UBND thành phố có công văn số 1514/UB-CN quy định tiến độ thời gian phải hoàn thành từng bước công việc sắp xếp đổi với từng doanh nghiệp nằm trong diện phải triển khai sắp xếp trong năm 2004.

Do số lượng doanh nghiệp phải sắp xếp, cổ phần hoá năm 2004 rất lớn, để có thể hoàn thành kế hoạch, ngày 25/5/2004 UBND thành phố ban hành quyết định số 3287/QĐ-UB về Quy chế thuê tư vấn xác định GTDN CPH và tư vấn CPH trọn gói đối với các DNNN triển khai CPH. Theo đó, năm 2004 Thành phố chỉ đạo và cho phép 26 doanh nghiệp thực hiện các quy chế này, đã ký hợp đồng với các công ty chứng khoán và kiểm toán về xác định GTDN hoặc tư vấn CPH trọn gói, thời gian hoàn thành trong năm 2004.

5. Cơ chế, chính sách giai đoạn đẩy mạnh (từ tháng 11/2004 đến nay)

5.1. Chủ trương, cơ chế, chính sách của Trung ương

Giai đoạn này đánh dấu bằng việc ra đời Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về chuyển công ty nhà nước thành CTCP, theo đó các công ty thành viên của các tổng công ty nhà nước và ngay cả chính tổng công ty nhà nước nào mà Nhà nước không muốn chi phối đều có thể trở thành đối tượng CPH. Điểm mới quan trọng nữa trong Nghị định này là quy định việc bán cổ phần lần đầu phải được thực hiện bằng hình thức đấu giá tại các trung tâm giao dịch chứng khoán nếu là công ty có số vốn trên 10 tỷ đồng, tại các trung tâm tài chính nếu là công ty có số vốn trên 1 tỷ đồng và tại công ty nếu có số vốn không quá 1 tỷ đồng. Bán đấu giá khiến

cho giá cổ phiếu phát hành lần đầu của nhiều công ty được đẩy vọt lên, đem lại những nguồn thu lớn cho Nhà nước.

Mặt khác, bán đấu giá cổ phần của các doanh nghiệp CPH còn trở thành động lực cho sự phát triển của thị trường cổ phiếu niêm yết ở Hà Nội trong giai đoạn này.

Nghị định 187 về cơ bản đã đưa ra các giải pháp nhằm khắc phục những bất cập trong cơ chế CPH trước đây, đồng thời bổ sung các biện pháp để tháo gỡ cho các doanh nghiệp sau khi chuyển đổi thành CTCP.

Nhằm hoàn thiện hơn nữa về chính sách CPH, Đảng, Chính phủ và Bộ, ngành đã ban hành các văn bản sau để tăng cường quá trình CPH, bao gồm:

- Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 6/12/2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011-2020;

- Kết luận số 50-KL/TW ngày 29/10/2012 của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về “*Đề án tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả của DNNN*”;

- Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/1/2006 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai và Nghị định 187;

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP;

- Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định GTDN khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành CTCP theo quy định tại Nghị định số 59;

- Thông tư số 09/2014/TT-BTC ngày 16/01/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí bán đấu giá cổ phần và các loại chứng khoán;

- Văn bản số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2012-2015;

- Thông báo số 389/TB-VPCP ngày 28/11/2012 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Phó Thủ tướng Vũ Văn Ninh tại cuộc họp với UBND thành phố về phương án sắp xếp, đổi mới DNNN giai đoạn 2012-2015;

- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59;

- Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 18/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- Thông tư số 194/2013/TT-BTC ngày 17/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn tái cơ cấu doanh nghiệp 100% vốn nhà nước không đủ điều kiện CPH theo quy định tại Nghị định số 59;

- Nghị định số 61/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/6/2013 về việc ban hành quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

- Thông tư số 171/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 20/11/2013 hướng dẫn công khai tài chính theo quy định tại Nghị định số 61;

- Thông tư số 158/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 13/11/2013 hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn đầu tư nhà nước;

- Nghị quyết số 15/NQ-CP ngày 06/03/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh CPH, thoái vốn tại DNNN;

- Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 12/3/2014 của Chính phủ về đẩy mạnh tái cơ cấu DNNN;

- Thông tư số 21/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 14/02/2014 ban hành Quy chế hoạt động của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

5.2. Chủ trương, chính sách của thành phố Hà Nội

Trên cơ sở phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp trong từng giai đoạn đã được Thủ tướng phê duyệt, hàng năm UBND thành phố công bố danh sách các doanh nghiệp sẽ thực hiện sắp xếp, CPH trong năm, đồng thời chỉ đạo các Sở, ngành và doanh nghiệp thực hiện tốt kế hoạch sắp xếp như:

- Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 17/4/2013 của Thành uỷ về thực hiện Kết luận Hội nghị Trung ương 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về Đề án “*Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả của DNNN*”;

- Kế hoạch số 127/UBND-KH ngày 30/7/2013 của UBND thành phố về việc thực hiện Chương trình hành động số 18-CTr/TU;

- Các công văn số 759/UB-ĐMDN ngày 01/3/2006; công văn số 1584/UBND-ĐMDN ngày 27/3/2007; công văn số 884/UBND-ĐMDN ngày 04/02/2008; Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 18/3/2013, Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 18/03/2013; Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2015.

Trong các văn bản này, Thành phố xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng tháng đối với từng doanh nghiệp để triển khai thực hiện các bước công việc theo quy trình sắp xếp, cổ phần hoá (*quyết định thành lập ban chỉ đạo, xử lý tài chính và xác định GTDN, lập phương án CPH, Tổ giúp việc thẩm định hồ sơ xác định GTDN và phương án CPH, ban chỉ đạo tổ chức họp thông qua hồ sơ xác định GTDN và phương án CPH, trình TP phê duyệt, tổ chức bán cổ phần, đại hội cổ đông...*).

Để xác định rõ trách nhiệm của từng Sở, ngành, tổng công ty và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện, UBND thành phố đã ban hành các quyết định để cụ thể hoá các quy trình sắp xếp, CPH DNNN như Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 18/3/2013 về quy trình sắp xếp, cổ phần hoá; Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 28/10/2008 về quy trình chuyển công ty nhà nước thành CTCP theo Nghị định số 109. Hàng năm, UBND thành phố đã tổ chức hội nghị triển khai công tác sắp xếp, cổ phần hoá DNNN trực thuộc nhằm phổ biến kế hoạch chi tiết về sắp xếp, đổi mới, quán triệt nội dung và thời gian triển khai tới các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước./.

TÌNH HÌNH THOÁI VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN THUỘC UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Giai đoạn 2011-2015)

Đơn vị tính: tỷ đồng

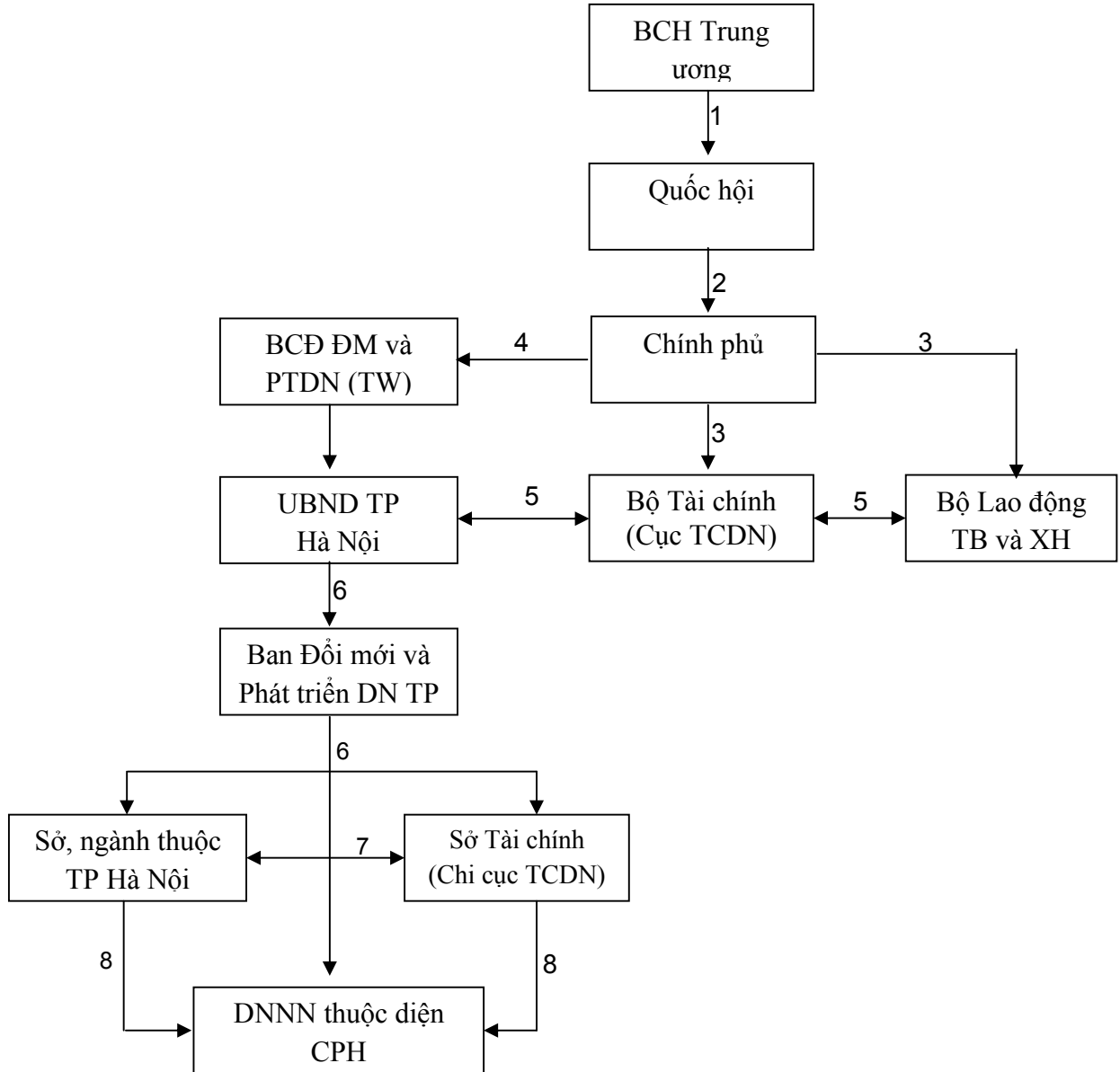
TT	Tên doanh nghiệp thực hiện thoái vốn nhà nước	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Vốn nhà nước		Kế hoạch bán vốn		Tình hình thực hiện		Giá trị thu về
				Giá trị	Tỷ lệ % VDL	Giá trị	Tỷ lệ % VDL	Giá trị vốn đã thoái	Tỷ lệ % VDL	
I	2	3	4	5	600.0%	7	800.0%	9	1000.0%	*
I	Các doanh nghiệp đã hoàn thành thoái vốn năm 2011		0.00	0.00		0.00		0.00		0.00
II	Các doanh nghiệp đã hoàn thành thoái vốn năm 2012		330.00	15.40		15.40		2.90		3.34
1	CT Chứng khoán Hòa Bình	Chứng khoán	330.00	15.40	4.7%	15.40	4.7%	2.90	0.9%	3.34
III	Các doanh nghiệp đã hoàn thành thoái vốn năm 2013		925.88	199.50		184.44		160.90		471.09
1	CTCP Xăng dầu chất đốt Hà Nội	Kinh doanh xăng dầu	21.00	10.77	51.3%	10.77	51.3%	6.57	31.3%	8.41
2	CTCP Đầu tư Bất động sản HN (CT25)	Bất động sản, xây dựng	116.00	21.56	18.6%	21.56	18.6%	9.96	8.6%	17.54
3	CTCP Xây dựng số 30 Hà Nội (CT 30)	Bất động sản, xây dựng	17.20	8.77	51.0%	8.77	51.0%	1.03	6.0%	1.91
4	CTCP Thuyền buồm Hanoitourist	Dịch vụ, du lịch	7.20	1.44	20.0%	1.44	20.0%	1.44	20.0%	1.44
5	CT LD Xây dựng và VLXD Sunway Hà Tây	XNK thiết bị máy móc, phụ tùng, vật tư, phương tiện vận tải	123.95	17.35	14.0%	17.35	14.0%	17.35	14.0%	17.35
6	CT Liên doanh Nhà máy bia Đông Nam Á	Sản xuất bia	212.70	85.08	40.0%	85.08	40.0%	85.08	40.0%	338.00
7	CT Liên doanh IBD	Sản xuất bia	15.62	6.25	40.0%	6.25	40.0%	6.25	40.0%	42.25
8	CTCP Đầu tư và PT nhà HN (CT 10)	Bất động sản, xây dựng	50.20	25.70	51.2%	10.64	21.2%	10.64	21.2%	21.00
9	CT TNHH Thể thao và giải trí Mễ Trì	Bất động sản, xây dựng, giải trí	238.00	17.50	7.4%	17.50	7.4%	17.50	7.4%	17.75
10	CTCP Đầu tư và Khai thác KD (CT37)	Đầu tư xây dựng nhà	105.00	0.87	0.8%	0.87	0.8%	0.87	0.8%	1.04
11	CTCP Đầu tư Bắc Trường Tiền	Đầu tư xây dựng nhà	19.00	4.20	22.0%	4.20	22.0%	4.20	22.0%	4.40

IV	Các doanh nghiệp đã hoàn thành thoái vốn năm 2014		1373.92	273.23		264.50		264.12		630.31
1	CTLD Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	Quản lý quỹ	91.00	2.75	3.0%	2.75	3.0%	2.75	3.0%	2.75
2	CTCP Đầu tư và PT đô thị Sài Đồng	Kinh doanh BĐS, xây dựng	1 200.00	240.00	20.0%	240.00	20.0%	240.00	20.0%	564.14
3	CTCP ĐT xây lắp KD thiết bị HN	Đầu tư và Xây lắp	6.22	4.38	70.5%	1.58	25.5%	1.58	25.5%	2.22
4	CTCP TV kiến trúc đô thị UAC	Tư vấn	9.70	4.95	51.0%	0.21	2.2%	0.21	2.2%	0.29
5	CTCP Xây dựng và PT C.trình hạ tầng	Đầu tư và Xây lắp	3.50	1.79	51.0%	0.58	16.6%	0.21	5.9%	0.35
6	CTCP Dệt Kim Hà Nội	Dệt may	24.00	12.24	51.0%	12.24	51.0%	12.24	51.0%	52.46
7	CTCP Đóng tàu Hà Nội	Đóng tàu	9.50	1.52	16.0%	1.52	16.0%	1.52	16.0%	1.71
8	CTCP Xây dựng giao thông đô thị HN	Xây dựng	30.00	5.61	18.7%	5.61	18.7%	5.61	18.7%	6.39
V	Các doanh nghiệp thực hiện thoái vốn năm 2015		1042.93	197.72		190.45		174.09		322.23
1	CTCP Công trình giao thông 2 Hà Nội	Duy tu, bảo dưỡng công trình GT	13.50	0.46	3.4%	0.46	3.4%	0.46	3.4%	2.29
2	CTCP Đông Thành	Nông nghiệp	60.00	1.80	3.0%	1.80	3.0%	1.80	3.0%	1.98
3	CTCP Mỹ thuật và vật phẩm văn hoá	KD sản phẩm văn hóa	7.80	3.98	51.0%	3.98	51.0%	3.98	51.0%	13.69
4	CTCP Ăn uống dịch vụ Ba Đình HN	Dịch vụ ăn uống	2.65	1.13	42.8%	1.13	42.8%	0.70	26.4%	5.16
5	CTCP Đầu tư thương mại và DV TH	Thương mại	20.00	6.00	30.0%	6.00	30.0%	6.00	30.0%	13.11
6	CTCP Đầu tư xây dựng và thủy tinh HN	Xây dựng	14.90	7.60	51.0%	7.60	51.0%	0.90	6.0%	13.14
7	CTCP Lixeha	Kinh doanh xe đạp, xe máy	17.20	5.16	30.0%	5.16	30.0%	5.16	30.0%	8.30
8	CTCP Phương Nam	Thương mại	9.10	6.52	71.7%	6.52	71.7%	6.52	71.7%	10.38
9	CTCP Thương mại đầu tư Long Biên	Thương mại	10.91	6.91	63.4%	3.64	33.4%	3.54	32.4%	10.62
10	Liên doanh KS Thống Nhất Metropole	Khách sạn, nhà hàng	206.18	10.85	5.3%	10.85	5.3%	10.85	5.3%	69.45
11	CTCP Cao su Hà Nội	Kinh doanh sản phẩm cao su	26.50	23.02	86.9%	23.02	86.9%	13.90	52.5%	24.43
12	CTCP Giấy Trúc Bạch	Sản xuất, kinh doanh giấy	29.06	5.43	18.7%	5.43	18.7%	5.43	18.7%	5.56
13	CT TNHH LD Đầu Tư tài chính Hòa Bình	Thương mại, siêu thị, VP, KS	310.04	44.78	14.4%	44.78	14.4%	44.78	14.4%	73.00

14	CTCP Sông Hồng	Bất động sản, xây dựng	5.10	0.76	14.8%	0.76	14.8%	0.76	14.8%	1.19
15	CTCP Đầu tư viễn thông và HT đô thị	Xây dựng, viễn thông	200.00	65.11	32.6%	65.11	32.6%	65.11	32.6%	65.11
16	CTCP Đô thị sinh thái Vân Nội	Nhà hàng, du lịch	100.00	5.00	5.0%	3.00	3.0%	3.00	3.0%	3.00
17	CTCP Đầu tư Xây dựng hạ tầng nước sạch	Xây lắp công trình về nước	10.00	3.20	32.0%	1.20	12.0%	1.20	12.0%	1.82
	Tổng cộng		3 672.73	685.85		654.78		602.02		1 426.97

Phụ lục 2.9
TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH
CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy QLNN đối với CPH DNNN như sau:



(1) Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành các nghị quyết, chỉ thị, kết luận về chủ trương đổi mới, sắp xếp, cổ phần hóa DNNN.

(2) Quốc hội ban hành Luật và các nghị quyết, đồng thời giám sát quá trình cổ phần hóa DNNN.

(3) Chính phủ ban hành các nghị định, quyết định, văn bản về CPH DNNN và chỉ đạo Bộ Tài chính ban hành các thông tư hướng dẫn. Đồng thời, Chính phủ chỉ đạo Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành thông tư về xử lý lao động dôi dư đối với CPH.

(4) Chính phủ chỉ đạo UBND thành phố (*thông qua Ban Chỉ đạo đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Trung ương*) tham mưu với Thành ủy Hà Nội cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ để triển khai CPH trên địa bàn thành phố. Đồng thời ban hành văn bản phê duyệt kế hoạch sắp xếp, đổi mới (*trong đó có CPH*) DNNN thuộc Thành phố trong từng giai đoạn và đơn đốc thực hiện.

(5) Bộ Tài chính và UBND thành phố Hà Nội, Bộ Lao động, Thương binh và xã hội phối hợp với nhau để chi tiết hóa các quy định của Chính phủ về cổ phần hóa trong các lĩnh vực: xử lý tồn tại tài chính, xác định GTDN, xử lý lao động dôi dư...

(6) Thông qua Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thành phố, UBND thành phố chỉ đạo Sở Tài chính xây dựng kế hoạch CPH trong từng giai đoạn. Đồng thời chỉ đạo các Sở, ngành liên quan (*như Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động, TB và XH, Cục Thuế...*) hướng dẫn doanh nghiệp trong quá trình lập phương án SXKD mới, xử lý lao động dôi dư, phương án điều lệ khi CPH.

(7) Sở Tài chính (cụ thể là Chi cục Tài chính doanh nghiệp) với vai trò là Thường trực Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thành phố có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xác định lộ trình CPH trong từng giai đoạn, xác định GTDN và phương án CPH báo cáo Thành phố xem xét, quyết định.

(8) Sở Tài chính và các Sở, ngành có trách nhiệm hướng dẫn các tổng công ty nhà nước, DNNN trong diện CPH tiến hành kê khai tài sản, đối chiếu công nợ; thuê tư vấn xác định GTDN, phương án phát hành cổ phần lần đầu đảm bảo triển khai đúng tiến độ.

2. Bộ máy Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Trung ương

Ban này được Thủ tướng Chính phủ thành lập từ năm 1993 và mới được kiện toàn năm 2014. Trưởng ban là 01 Phó Thủ tướng Chính phủ; 01 Phó trưởng ban thường trực là Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ kiêm nhiệm và 01 Phó ban chuyên trách. Ủy viên là đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Văn phòng Trung ương Đảng, Đảng ủy Khối doanh nghiệp Trung ương và đại diện lãnh đạo Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam làm ủy viên.

Ngoài Phó trưởng ban chuyên trách thì các Ủy viên hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Văn phòng Chính phủ là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo; bộ máy giúp việc của Ban là Vụ Đổi mới doanh nghiệp thuộc Văn phòng Chính phủ. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo do NSNN bảo đảm và được bố trí trong kinh phí hoạt động thường xuyên của Văn phòng Chính phủ.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo:

- Giúp Thủ tướng Chính phủ xây dựng chương trình, kế hoạch đổi mới DNNN và phát triển doanh nghiệp đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp trong phạm vi cả nước. Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, hướng dẫn và theo dõi việc thực hiện các chương trình, kế hoạch sau khi được phê duyệt.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng, tổ chức nghiên cứu các mô hình tổ chức, cơ chế, chính sách phục vụ cho việc đổi mới DNNN và phát triển DN.

- Sơ kết, tổng kết, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo định kỳ và đột xuất về tình hình đổi mới DNNN và phát triển doanh nghiệp đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

- Theo dõi việc thí điểm chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

3. Bộ máy Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thành phố

Năm 1998, Thành phố đã thành lập Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thành phố. Trong đó, Trưởng ban là một đồng chí Phó Chủ tịch UBND thành phố, thành viên là lãnh đạo các Sở, ngành thuộc Thành phố, đồng thời ban hành Quy chế hoạt động của Ban để tập trung, thuận lợi trong quá trình chỉ đạo thực hiện CPH.

Sau khi Thủ đô Hà Nội hoàn thành việc điều chỉnh địa giới hành chính theo Nghị quyết số 15/2008/QH12 ngày 29/5/2008 của Quốc hội, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 25/9/2008 kiện toàn BDM và PTDN TP. Hiện nay, Trưởng ban là 01 đồng chí Phó Chủ tịch UBND thành phố; Phó ban là 01 đồng chí Phó Giám đốc Sở Tài chính và 10 thành viên công tác tại các Sở, ngành: Đảng ủy Khối doanh nghiệp thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Ban tổ chức Thành ủy, Sở Lao động TB và XH, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế Sở Quy hoạch- Kiến trúc và Chi cục Tài chính doanh nghiệp (Sở Tài chính).

Thành phố đã có quyết định về việc ban hành Quy chế làm việc, trong đó quy định Ban có chức năng tham mưu nghiên cứu, chỉ đạo, hướng dẫn triển khai, kiểm tra việc thực hiện công tác đổi mới DNNN thuộc Thành phố. Giúp Thành phố xây dựng cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch CPH và theo dõi, đôn đốc thực hiện sau khi được phê duyệt. Đồng thời có nhiệm vụ định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo UBND thành phố kết quả CPH.

Ban cũng cụ thể hoá các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo triển khai công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp và giao trách nhiệm cho từng Sở, ngành, tổng công ty thực hiện các công việc liên quan; các kế hoạch sắp xếp doanh nghiệp hàng năm.

Duy trì họp Ban định kỳ 1 lần/ tuần để thẩm định các phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp cũng như nắm bắt tiến độ, những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện để cho ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Định kỳ 6 tháng và hàng năm, UBND thành phố tiến hành sơ kết, tổng kết công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp để đánh giá, rút kinh nghiệm.

Thường xuyên tranh thủ sự cộng tác, giúp đỡ của Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp Trung ương, Văn phòng Chính phủ và Bộ Tài chính trong việc tìm giải pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình CPH DNNN.

Ban đã trực tiếp cùng với các Sở, ngành, tổng công ty rà soát kế hoạch CPH trong từng giai đoạn, trên cơ sở đó đã tổng hợp, hoàn thiện để tham mưu với Thành phố trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Theo quy định, Sở Tài chính (*cụ thể là Chi cục Tài chính doanh nghiệp thuộc Sở*) là cơ quan Thường trực BDM và PTDN thành phố có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định của các Sở, ngành liên quan để lập phương án CPH báo cáo Ban xem xét, thông qua. Sở Tài chính có trách nhiệm điều phối chung hoạt động của Ban, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp./.

Phụ lục 3.1

KẾ HOẠCH SẮP XẾP, ĐỔI MỚI DNNN THUỘC THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2016- 2020

TT	MS	Tên doanh nghiệp	Cơ quan đại diện CSH	Ghi chú
I		GIỮ NGUYÊN DOANH NGHIỆP 100% VỐN NHÀ NƯỚC		
1	1	Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	
2	2	Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Đáy	UBND thành phố Hà Nội	
3	3	Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ	UBND thành phố Hà Nội	
4	4	Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Tích	UBND thành phố Hà Nội	
5	5	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Mê Linh	UBND thành phố Hà Nội	
6	6	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Thủ đô	UBND thành phố Hà Nội	
7	7	Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	
8	8	Công ty TNHH MTV Quản lý và phát triển nhà Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	
9	9	Công ty TNHH MTV Kinh doanh dịch vụ nhà Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	
10	10	Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	
II		THỰC HIỆN CỔ PHẦN HÓA		
		Nhà nước giữ trên 50% vốn điều lệ		
		<i>Các doanh nghiệp</i>		
11	1	Công ty TNHH MTV Quản lý bến xe Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	
12	2	Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu đầu tư Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	
13	3	Công ty mẹ- CT TNHH MTV Việt Hà	UBND thành phố Hà Nội	
14	4	Công ty mẹ- CT TNHH MTV Điện tử HN	UBND thành phố Hà Nội	
15	5	Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại và Dịch vụ quốc tế	UBND thành phố Hà Nội	
16	6	Công ty TNHH MTV Điện ảnh Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	
17	7	Công ty TNHH MTV Chiếu sáng và Thiết bị đô thị	UBND thành phố Hà Nội	
18	8	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	UBND thành phố Hà Nội	
19	9	Công ty TNHH MTV Vườn thú Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	
20	10	Công ty mẹ- Tổng Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng đô thị (UDIC)	UBND thành phố Hà Nội	

21	11	Công ty mẹ- TCT Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội (Hadinco)	UBND thành phố Hà Nội	
22	12	Công ty mẹ- TCT Du lịch (Hanoi tourist)	UBND thành phố Hà Nội	
23	13	Công ty mẹ- TCT Thương mại Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	
24	14	Công ty mẹ- TCT Vận tải Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	
25	15	Công ty TNHH MTV Điện ảnh Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	
26	16	Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh	UBND thành phố Hà Nội	
27	17	Công ty TNHH MTV Công viên Thống nhất	UBND thành phố Hà Nội	
28	18	Công ty TNHH MTV Thoát nước Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	
29	19	Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội (Công ty mẹ)	UBND thành phố Hà Nội	
		Bộ phận các doanh nghiệp thuộc các tổng công ty, công ty		
30	1	Xí nghiệp Giống cây trồng Hà Nội	CT TNHH MTV Đầu tư phát triển nông nghiệp Hà Nội	
31	2	Xí nghiệp Giống vật nuôi Hà Nội	CT TNHH MTV Đầu tư PT nông nghiệp Hà Nội	
32	3	Xí nghiệp dịch vụ nông nghiệp	CT TNHH MTV Đầu tư PT nông nghiệp Hà Nội	
33	4	Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	TCT Vận tải Hà Nội	
34	5	Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	TCT Vận tải Hà Nội	
35	6	Xí nghiệp Môi trường đô thị Gia Lâm	CT TNHH MTV Môi trường đô thị HN	PA cũ là sáp nhập
36	7	Xí nghiệp Môi trường đô thị Thanh Trì	CT TNHH MTV Môi trường đô thị HN	PA cũ là sáp nhập
37	8	Xí nghiệp Môi trường đô thị Sóc Sơn	CT TNHH MTV Môi trường đô thị HN	PA cũ là sáp nhập
38	9	Xí nghiệp Môi trường đô thị Đông Anh	CT TNHH MTV Môi trường đô thị HN	PA cũ là sáp nhập
		Nhà nước giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống hoặc không giữ cổ phần		
		Doanh nghiệp		
39	1	Công ty TNHH MTV Dịch vụ XNK nông sản Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	
40	2	Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	
41	3	Công ty TNHH MTV 18/4 Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	
42	4	Công ty TNHH MTV 19/12 Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	
43	5	Công ty TNHH MTV Cơ điện công trình	UBND thành phố Hà Nội	
44	6	Công ty TNHH MTV Dệt 19/5	UBND thành phố Hà Nội	
45	7	Công ty TNHH MTV Điện cơ Thống Nhất	UBND thành phố Hà Nội	
46	8	Công ty TNHH MTV XNK và Thương mại Hanenco	UBND thành phố Hà Nội	
47	9	Công ty TNHH MTV Hồ Tây	UBND thành phố Hà Nội	

48	10	Công ty TNHH MTV Mai Động	UBND thành phố Hà Nội	
49	11	Công ty TNHH MTV XNK, đầu tư xây dựng và Phát triển Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	
		Bộ phận các doanh nghiệp thuộc các tổng công ty, công ty		
50	1	Xí nghiệp Kinh doanh tổng hợp Hà Nội	TCT Vận tải Hà Nội	
51	2	Xí nghiệp xe khách nam Hà Nội	TCT Vận tải Hà Nội	
52	3	Xí nghiệp Hạ tầng vận tải công cộng	TCT Vận tải Hà Nội	
53	4	Xí nghiệp Xây dựng và Kinh doanh nhà	CT TNHH MTV Đầu tư phát triển nông nghiệp Hà Nội	
54	5	Xí nghiệp Sản xuất thương mại Sơn Đồng	CT TNHH MTV Đầu tư thương mại và dịch vụ quốc tế	
55	6	Xí nghiệp Nước tinh khiết	CT TNHH MTV Nước sạch HN	
56	7	<i>Xí nghiệp Bắc Hà</i>	<i>CT TNHH MTV Đầu tư phát triển nông nghiệp Hà Nội</i>	
57	8	<i>Xí nghiệp Toyota Hoàn Kiếm Hà Nội</i>	<i>TCT Vận tải Hà Nội</i>	
III		GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP		
58	1	<i>CT TNHH MTV Sản xuất- XNK Tổng hợp Hà Nội (Haprosimex)</i>	<i>UBND thành phố Hà Nội</i>	<i>phương án cũ là CPH</i>
IV		BÁN DOANH NGHIỆP		
59	1	Cửa hàng Lương thực 60- Ngô Thị Nhậm	UBND thành phố Hà Nội	
60	2	Công ty Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Hà Tây	UBND thành phố Hà Nội	
V		PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP		
61	1	Công ty Sản xuất công nghiệp xây lắp	UBND thành phố Hà Nội	
62	2	Công ty Kỹ thuật điện thông	UBND thành phố Hà Nội	
63	3	CT Ăn uống Dịch vụ du lịch Sóc Sơn	UBND thành phố Hà Nội	
VI		CHUYỂN THÀNH ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP		
64	1	CT TNHH Đầu tư và PT nông lâm nghiệp Sóc Sơn	UBND thành phố Hà Nội	
VII		SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP		
		Sáp nhập các công ty sau vào CT TNHH MTV XNK và Đầu tư xây dựng HN	UBND thành phố Hà Nội	
65	1	Công ty XNK Hà Lâm	UBND thành phố Hà Nội	
66	2	Trại lâm nghiệp Tiên phong, Ba Vì	UBND thành phố Hà Nội	
67	3	Trạm lâm nghiệp Thường Tín	UBND thành phố Hà Nội	
68		Sáp nhập Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ Tuổi trẻ (thuộc TCT Du lịch) vào Công ty TNHH MTV Công viên cây xanh Hà Nội		

Phụ lục 4.1

TỔNG HỢP NỘI DUNG TRẢ LỜI PHÒNG VẤN CÁC NHÀ QUẢN LÝ, KHOA HỌC CÔNG TÁC TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

1. Mục đích phỏng vấn: Việc phỏng vấn được thực hiện nhằm tổng hợp và phân tích những ý kiến của các cá nhân để làm rõ một số nội dung sau:

- Nguyên nhân làm cho quá trình CPH DNNN của thành phố gặp khó khăn.
- Đánh giá tầm quan trọng của quản lý nhà nước về CPH DNNN.
- Một số tồn tại trong quá trình CPH DNNN
- Ý kiến cá nhân về biện pháp đẩy mạnh quá trình CPH cũng như hoàn thiện QLNN về CPH DNNN.

2. Đối tượng phỏng vấn: của các nhà quản lý, khoa học công tác tại các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp của Trung ương và Thành phố. Đây là các đối tượng làm công tác quản lý chuyên môn, công tác QLNN liên quan đến CPH DNNN, có thể đưa ra các ý kiến đánh giá khách quan, đạt được mục đích phỏng vấn.

Danh sách những người được phỏng vấn:

- Ths. Nguyễn Trọng Dũng- Vụ trưởng Vụ Đổi mới doanh nghiệp, Văn phòng Chính phủ
- Ts. Nguyễn Văn Sửu- Phó Chủ tịch UBND TP, Trưởng Ban đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thành phố Hà Nội
- Ts. Nguyễn Minh Phong- Nhà kinh tế, Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền, Báo Nhân dân
- Ts. Nguyễn Việt Xô- Bí thư Đảng ủy Khối các doanh nghiệp thành phố
- Th.s Đặng Quyết Tiến, Phó Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính
- Ông Vũ Bằng Lâm- Phó Chi cục trưởng phụ trách Chi cục TCDN (Sở Tài chính Hà Nội).
- Bà Đặng Thanh Vân, Trưởng phòng, Chi cục TCDN (Sở Tài chính Hà Nội)
- Ông Mai Văn Dự- Phó phòng Kinh tế, Văn phòng UBND thành phố

3. Phương pháp và thời gian phỏng vấn:

- *Phương pháp:* tiếp xúc, trao đổi và đặt 14 câu hỏi đến từng cá nhân để ghi nhận các ý kiến trả lời.
- *Thời gian:* tiến hành phỏng vấn trong năm 2015.

4. Kết quả phỏng vấn: được tổng hợp theo các nội dung cụ thể sau:

Câu 1. *Kết quả CPH năm 2015 của thành phố Hà Nội đã có dấu hiệu tăng tốc. Tuy nhiên, nếu so với kế hoạch thì kết quả còn khá khiêm tốn. Xin đồng chí cho ý kiến về việc này.*

- Đánh giá chung về tình hình triển khai tái cơ cấu, cổ phần hóa DNNN, về cơ bản Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thành phố, các Sở, ngành, tổng công ty nhà nước đã quan tâm, tập trung chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu, CPH DNNN.

- Nếu so sánh kết quả CPH của năm 2014, 2015 so với các năm trước đây thì tiến độ CPH đã được tăng tốc trở lại sau nhiều năm trầm lắng. Đây là kết quả khả quan nhờ vào chủ trương đúng và sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, sự vào cuộc quyết liệt của Thành phố.

- Do thể chế, cơ chế, chính sách được ban hành đầy đủ, đồng bộ, tháo gỡ cơ bản khó khăn, vướng mắc trong CPH thời gian qua, nên không còn tình trạng ì ạch cho CPH chậm do thiếu cơ chế, chính sách.

- Tuy nhiên, nhìn vào kết quả CPH đạt được so với kế hoạch phải hoàn thành trong giai đoạn tới thì công việc còn lại rất nặng nề, do số lượng DN phải hoàn thành CPH còn lại là khá lớn.

Câu 2. *Liên tục trong năm 2015, nhiều DN của Hà Nội đấu giá cổ phần lần đầu (IPO), điều này cho thấy công tác cổ phần hóa của Hà Nội đang vào giai đoạn quyết liệt. Xin đồng chí cho biết, liệu kế hoạch CPH DNNN của Thành phố có hoàn thành trước hạn không ?*

- Thống kê từ Sở GDCK Hà Nội, trong năm 2015, số DN Hà Nội tiến hành IPO qua HNX là 30 đơn vị.

Năm 2015, TP Hà Nội thực hiện sắp xếp, CPH 25 DN và bộ phận DN, căn cứ vào tình hình thực tế và kế hoạch sắp xếp, đổi mới DN 100% vốn nhà nước đã được phê duyệt, dự kiến năm 2016 UBND TP triển khai sắp xếp, CPH 31 DN và bộ phận DN. Việc gấp rút CPH một loạt các công ty thành viên, công ty con của các DN lớn vừa qua là tiền đề để tiến tới việc CPH các công ty mẹ được nhanh chóng.

- Để tạo thuận lợi hơn cho các DN, Thành phố đã quyết liệt hơn trong công tác chỉ đạo sắp xếp, đổi mới DNNN, nhất là tháo gỡ những khó khăn cụ thể trong từng đề án, phương án CPH tại các DN để đẩy nhanh tiến độ. Kế hoạch CPH các DNNN độc lập của Thành phố sẽ phân đấu hoàn thành trước hạn.

Câu 3. *Kế hoạch CPH DNNN trong thời gian tới là khá lớn, liệu có thể hoàn thành kế hoạch CPH này của Thành phố hay không ?*

- Chính phủ đã phê duyệt khung và UBND thành phố đã ban hành kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện trong giai đoạn tới. Vì thế các Sở, ngành, DNNN phải quyết liệt vào cuộc để tổ chức triển khai thành công theo chỉ đạo của Chính phủ.

- Để hoàn thành kế hoạch CPH trong thời gian tới đòi hỏi Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thành phố phải quyết liệt trong chỉ đạo, đôn đốc các DN triển khai kế hoạch CPH theo đúng lộ trình đề ra, qua đó định kỳ hàng tháng, hàng quý báo cáo lên UBND thành phố, Bộ Tài chính và Chính phủ để kịp thời có hướng chỉ đạo, nhằm hoàn thành tiến độ CPH.

Câu 4. *Nhiều ý kiến cho rằng phải xử lý sạch tài chính trước khi cổ phần hóa. Quan điểm của đồng chí về việc này ?*

- Trên thực tế có một số DNNN sau CPH chuyển sang hoạt động theo hình thức CTCP kém hiệu quả, trong đó nguyên nhân chính là vì không xử lý hết những tồn tại về tài chính. Có thể nói xử lý tài chính là khâu khó nhất trong CPH DNNN.

- Việc kiểm kê, xác định công nợ, trích lập dự phòng, xử lý công nợ trong hoạt động SXKD là trách nhiệm của DNNN. Tuy nhiên, việc này thường chưa được các DNNN thực hiện tốt, nên nhiều vấn đề tồn tại lâu không được giải quyết. Như vậy, trong trường hợp nếu DN không xử lý thì rõ ràng những khoản nợ đó vẫn tồn tại và khi DN chuyển sang hoạt động theo hình thức CTCP, mang tính đa sở hữu, thì các cổ đông mới sẽ không nhận, vì nếu nhận thì cổ đông sẽ phải hứng chịu những rủi ro.

- Theo quy định, tại thời điểm chuẩn bị CPH, trước khi chốt thời điểm để xác định GTDN thì phải kiểm kê, xác định và xử lý tất cả các tồn tại để tìm giá trị thực của DN, sau đó mới bán cổ phần cho nhà đầu tư khác.

- Trong thời gian tới, quá trình CPH cần phải đảm bảo tính minh bạch. Có nghĩa, DNNN phải có trách nhiệm công bố nợ cũng như những vấn đề chưa xử lý được cho các nhà đầu tư biết, tránh “đẩy qua đẩy lại, người mua cuối cùng phải xử lý”.

- Việc kiểm kê, xác định công nợ, trích lập dự phòng, xử lý công nợ trong hoạt động SXKD của DN nay đã theo khuôn phép, cho nên không còn đáng ngại, đối với những tồn tại từ những giai đoạn trước để lại thì lãnh đạo DN kế nhiệm phải tiếp tục xử lý.

Câu 5. Sau khi hoàn tất CPH, hầu hết các doanh nghiệp đều có được kết quả sản xuất kinh doanh ấn tượng hơn trước. Ông/bà nghĩ như thế nào về vấn đề này.

- Mục tiêu của CPH các DNNN thuộc Thành phố là chuyển đổi từ sở hữu Nhà nước sang đa sở hữu nhằm huy động mọi nguồn lực của các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước để nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Việc CPH các doanh nghiệp cũng bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

- Sau khi chuyển sang mô hình CTCP, gần như tất cả các doanh nghiệp đều hoạt động hiệu quả hơn. Điều này được minh chứng cụ thể bằng kết quả SXKD, lợi nhuận và chăm lo đời sống người lao động. Cùng với đó, đời sống người lao động cũng được đảm bảo và tăng cao hơn trước. Kể cả một số doanh nghiệp dù gặp phải nhiều yếu tố bất lợi bên ngoài, nhưng kết quả SXKD cũng khả quan hơn.

- Có được kết quả trên, yếu tố quyết định là Thành phố có chủ trương đúng đắn về đẩy mạnh tái cơ cấu, CPH các DNNN. Từ đó đã có sự chỉ đạo quyết liệt, nhất quán từ Thành ủy, UBND thành phố, Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp thành phố đến các Sở, ngành, doanh nghiệp, người lao động đều thể hiện quyết tâm chính trị cao nhất và có những bước đi thích hợp trong quá trình tái cơ cấu, CPH.

- Một điều nữa là sự chủ động, sáng tạo của các doanh nghiệp trong việc lập kế hoạch, chiến lược và sự điều hành hoạt động SXKD linh hoạt trên nguyên tắc công khai, minh bạch dưới sự giám sát chặt chẽ của các cổ đông và phù hợp với quy luật của thị trường.

Câu 6. Sau CPH, nhiều doanh nghiệp đã thoái 100% vốn sở hữu nhà nước. Vậy UBND thành phố sẽ có vai trò quản lý như thế nào đối với các doanh nghiệp này.

- Đối với các doanh nghiệp thuộc Thành phố, UBND thành phố có hai nhiệm vụ chính là QLNN theo ngành, lĩnh vực và đại diện chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp trực thuộc.

- Sau CPH, Thành phố sẽ tập trung tăng cường công tác quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực đối với các doanh nghiệp nhằm tạo lập môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng, công khai, minh bạch cho các doanh nghiệp.

- Thành phố thường xuyên tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp để kịp thời có các biện pháp hỗ trợ SXKD, tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường trong điều kiện hội nhập nền kinh tế, góp phần nâng cao năng lực sản xuất, năng suất lao động, hiệu quả doanh nghiệp.

Câu 7. Sự thay đổi về mặt tư duy đối với quản lý nhà nước về CPH DNNN cụ thể như thế nào.

- Trước năm 2007, quan điểm của Chính phủ là cổ phần hoá nhằm mục đích tái cấu trúc DNNN. Nhưng kể từ năm 2007, khi TTCK bùng nổ, giá cổ phiếu tăng mạnh, có ý kiến cho rằng, nhiều DNNN đã bán rẻ mình khi cổ phần hoá, làm thất thoát tài sản Nhà nước. Từ đó, pháp luật và các chính sách liên quan đến CPH được điều chỉnh với mục tiêu làm sao để thu càng nhiều tiền về cho Nhà nước càng tốt. Lợi thế vị trí địa lý, lợi thế kinh doanh và giá trị thương hiệu... được đưa vào định giá DNNN, làm tăng giá trị DN lên. Việc định giá không dựa nhiều vào dòng tiền tạo ra trong tương lai, mà chủ yếu dựa vào giá trị tài sản DN đang nắm giữ.

- Việc tính lợi thế địa lý đã khiến giá trị quyền sử dụng đất được định giá gần như 2 lần: lần 1 khi xác định giá trị DN để cổ phần hóa và lần 2 khi DN sau cổ phần hóa mua đất, lúc đó DN vẫn phải mua lại quyền sử dụng đất theo giá thị trường. Do vậy, giá trị DN khi cổ phần hóa tăng lên, khiến các DNNN ngại cổ phần hóa. Đó là về phía bên bán, còn bên mua, khi giá trị DN được xác định quá cao, người ta bỗng nhận ra rằng, ở đó có những giá trị không thực.

- Tư duy quản lý nhà nước đối với CPH DNNN hiện nay đang có sự chuyển biến mạnh mẽ và quay lại gần giống thời trước năm 2007. Theo đó, mục tiêu của CPH không phải là thu tiền về cho Nhà nước, mà là để tái cấu trúc DNNN.

Câu 8. Có ý kiến cho rằng, cổ phần hoá thời gian qua chậm một phần là do diễn biến TTCK không thuận lợi. Ông/bà có cùng chung quan điểm này?

Nếu đổ lỗi cho TTCK thì khác nào quay lại với tư duy cổ phần hoá là mang tiền về cho Nhà nước. Dĩ nhiên, TTCK có tác động nhất định đến cổ phần hoá, nhưng ở đây có 2 điểm cần lưu ý:

- Thứ nhất, khi CPH, việc bán được bao nhiêu cổ phần không quan trọng, mà vấn đề là chuyển đổi được cơ chế hoạt động của DN. Để tái cấu trúc DNNN thì trước hết phải chuyển đổi mô hình hoạt động sang CTCP để công khai, minh bạch. Nếu một số DNNN lớn hoạt động không hiệu quả được cổ phần hoá thì liệu có xảy ra đổ vỡ như thời gian vừa qua không? Một khi là CTCP thì liệu cổ đông có đồng ý cho vay quá nhiều, đầu tư dàn trải, kém hiệu quả như vậy không?

- Thứ hai, giá bán cổ phần lần đầu cũng không quá quan trọng. Nếu giá khởi điểm định thấp, thì thị trường sẽ có người trả giá cao để mua. Quy luật thị trường sẽ quyết định việc này, chứ không phải ý chí chủ quan của một ai. Nhiều cuộc đấu giá cổ phần được thực hiện với giá khởi điểm đưa ra rất cao phải chịu thất bại là minh chứng rõ nhất cho thấy không ai có thể quyết định thay thị trường.

Cũng với quan điểm đó, suy nghĩ về chuyện thất thoát tài sản nhà nước khi CPH cũng sẽ thay đổi, vì tại thời điểm DN bán cổ phần, giá trị trường ở mức thấp,

nhưng nhờ bán mà DN có tiền để làm chuyện khác có lợi hơn, mua tài sản khác rẻ hơn. Hơn nữa, khi tiến hành xác định lại GTDN trước khi cổ phần, các tài sản của DN đã được đánh giá lại theo giá thị trường, các chi phí xây dựng nhãn hiệu, khả năng sinh lời cao của DN đều đã được tính vào giá trị DN để làm vốn điều lệ mới.

Câu 9. *Việc thất thoát vốn nhà nước trong quá trình CPH có thể xảy ra không?*

- Sau gần 20 năm thực hiện và điều chỉnh, các văn bản pháp lý hướng dẫn quá trình CPH gần như đã hoàn thiện. Quá trình định giá và đấu giá DN đã công khai, minh bạch và được giám sát chặt chẽ bởi các cơ quan nhà nước và các NĐT, nên thất thoát là rất khó và nếu có, chỉ xảy ra ở những DN rất nhỏ, cá biệt và thất thoát cũng không đáng kể.

- Quá trình CPH diễn ra minh bạch và có sự tham gia đại chúng, TTCK cũng phản ánh điều này. Có thể thấy, hầu như tất cả những người giàu có được liệt kê trên TTCK Việt Nam đều xuất phát từ xây dựng DN gia đình, mà không thấy bóng dáng những người thâm tóm DN Nhà nước. Thực ra, được hưởng lợi nhiều nhất trong quá trình CPH chính là Nhà nước.

Câu 10. *Đồng chí nhận định như thế nào về giải pháp trọng tâm khi cổ phần hóa là sẽ có sự giám sát của các cổ đông và Nhà nước chỉ tập trung quản lý, tạo các thể chế chính sách cho các doanh nghiệp.*

- Có thể nói, mục tiêu CPH không chỉ thuần túy có sự giám sát của các cổ đông, mà CPH nhằm huy động các nguồn lực xã hội vào trong hoạt động SXKD.

- Cổ phần hóa cũng như thay đổi bản chất của công tác quản lý, chuyển từ DNNN thành CTCP. Một nội dung rất quan trọng chính là khi thực hiện CPH, có sự giám sát hết sức chặt chẽ của các cổ đông. Bởi vì cổ đông có tiền và quyền lợi gắn với doanh nghiệp, họ sẽ thực hiện giám sát.

- Hà Nội có sự chỉ đạo quyết liệt, kiên quyết thực hiện CPH đối với toàn bộ các DNNN mà nhà nước không cần giữ cổ phần cũng như không cần giữ cổ phần chi phối để nhằm đạt mục tiêu đề ra.

Câu 11. *Đối với việc tìm cổ đông chiến lược để bán ra công chúng thì thành phố Hà Nội đã có kế hoạch thực hiện như thế nào.*

- Đối với các DN của Thành phố, những người không theo dõi từ đầu sẽ thấy không hấp dẫn. Nhưng đối với nhà đầu tư chiến lược, khi nghiên cứu kỹ sẽ thấy rằng, có thể hiện tại doanh nghiệp chưa hấp dẫn nhưng xét về tiềm lực, tiềm năng của thị trường trong thời gian tới, họ sẽ đầu tư do các doanh nghiệp của Thành phố có thương hiệu và lịch sử hình thành lâu đời.

Chính vì vậy, một trong những yếu tố quan trọng nhất để thực hiện thành công IPO (chào bán cổ phần ra công chúng) là phải chọn được nhà đầu tư chiến lược. Khi đó nhà đầu tư sẽ xác định là mua bao nhiêu phần trăm cổ phần, việc thực hiện IPO chắc chắn sẽ thành công.

- Tiêu chí để chọn cổ đông chiến lược của Thành phố là các nhà đầu tư có tiềm lực tài chính, thực sự quan tâm đến sự phát triển lâu dài của doanh nghiệp CPH, có khoa học công nghệ, thị trường, kinh nghiệm.

Câu 12. *Thưa đồng chí, người đứng đầu không thực hiện tốt tiến trình CPH thì sẽ bị xử lý. Thành phố Hà Nội xác định việc này như thế nào.*

- Để thực hiện thành công CPH, Hà Nội đã có Nghị quyết của Ban Cán sự Đảng UBND thành phố, xác định mục tiêu lộ trình CPH cũng như phân công nhiệm vụ cho từng thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp trong đối tượng CPH.

- Xác định trách nhiệm của giám đốc Sở, ngành liên quan, chủ tịch, tổng giám đốc, hội đồng thành viên của DNNN trong diện CPH. Đối với doanh nghiệp không hoàn thành kế hoạch CPH, sẽ điều chuyển sang làm việc khác.

- Khi đã thống nhất trong cả hệ thống thì đây là con đường duy nhất buộc phải đi mà không chịu đi hoặc cố tình đi chậm thì buộc phải thay thế người khác để đáp ứng yêu cầu.

Câu 13. Hướng tới mục tiêu CPH thành công, đồng chí có cho rằng, CPH đối với phần mà Nhà nước không cần nắm giữ chi phối thì sẽ cổ phần hóa hết để tránh trường hợp “cổ phần hóa nửa vời” không? Điều này sẽ được Hà Nội triển khai như thế nào trong thời gian tới?

- Hà Nội thực hiện CPH quyết liệt nhưng phải theo lộ trình nhất định. Đối với các doanh nghiệp xác định đã lựa chọn được cổ đông chiến lược và khẳng định IPO thành công, doanh nghiệp không cần cổ phần chi phối thì bán dưới 30% và thậm chí doanh nghiệp xây lắp có thể bán 100% vốn nhà nước.

- Hà Nội xác định CPH một cách triệt để, đổi mới quản trị DN. Còn một số ít DN chưa lựa chọn được cổ đông chiến lược thì có thể bán theo lộ trình.

- Bán vốn nhà nước đi phải đảm bảo phát triển vốn, cũng như để doanh nghiệp phát triển mạnh hơn, cũng không phải bán để đẩy DNNN ra khỏi vòng quản lý của mình.

Câu 14. Để thực hiện được kế hoạch cổ phần hóa chung, những khó khăn đặc trưng mà Thành phố cần có kiến nghị về mặt cơ chế chính sách?

- Hệ thống thể chế chính sách hiện nay, hay nói cách khác là các văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo cho quá trình cổ phần hóa là tương đối đầy đủ và hoàn chỉnh.

- Tuy nhiên, đặc thù mỗi ngành, mỗi địa phương có khác nhau. Do vậy, trong quá trình thực hiện CPH, Thành phố đã thường xuyên báo cáo Chính phủ, Ban Chỉ đạo đổi mới doanh nghiệp của Trung ương để kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc. Chính vì vậy, riêng quá trình CPH các doanh nghiệp của Thành phố đã được Chính phủ cho phép bằng 07 văn bản cá biệt, vừa ủy quyền và vừa trực tiếp xử lý các vấn đề vướng mắc.

- Để thực hiện tốt CPH, các Sở, ngành, tổng công ty, doanh nghiệp đã thường xuyên họp để xử lý các bất cập rất hiệu quả. Nếu cứ bằng văn bản qua lại sẽ khó giải quyết được vấn đề. Ngoài ra, Thành phố cũng không phân biệt máy móc, việc này thì người này phải làm hay người khác làm.

- Hà Nội đã thành lập Tổ công tác chuyên trách về CPH, hàng tuần tiến hành giao ban để tháo gỡ các vướng mắc. Như thế, tiến trình CPH sẽ nhanh hơn, đảm bảo được tiến độ, không thất thoát, mất vốn của nhà nước và đạt được mục tiêu đề ra ./.

Phụ lục 4.2

THAM GIA CÁC HỘI THẢO, SINH HOẠT KHOA HỌC

- Trong quá trình làm luận án tiến sĩ, nghiên cứu sinh đã tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt khoa học do Khoa Quản lý nhà nước về kinh tế (Học viện Hành chính Quốc gia) tổ chức.
- Tham dự các hội nghị triển khai sắp xếp, cổ phần hóa DNNN trực thuộc thành phố Hà Nội các năm từ 2010-2016 do UBND thành phố tổ chức.
- Tham dự buổi tọa đàm về công tác CPH DNNN do Đảng ủy Khối các doanh nghiệp Hà Nội tổ chức ngày 3/6/2014.